

VŨ BẰNG

Thương Nhớ Mười Hai



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

VŨ BẰNG

Thương nhớ
MƯỜI HAI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Hà Nội - 2000

Lời nói đầu

THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI mời bạn đọc thưởng thức những thứ gọi là "thời trân".

Trong truyện *Kiều*, lần đầu tiên Kim Trọng được đón tiếp Thuý Kiều ở nhà mình :

Thời trân thức thức sẵn bày

Bởi vì cuộc đón tiếp này đối với chàng Kim là một hạnh phúc vô song, cho nên chàng tiếp đãi Thuý Kiều một cách quý trọng và thanh lịch. "Thời trân" là những vật sản quý đương thời (thời là mùa, trân là quý).

Bàn rộng ra, muốn tìm hiểu văn hoá của một địa phương nếu không biết những "thời trân" thì rất thiếu sót. Nó quan hệ với địa lý và lịch sử, với phong tục tập quán, văn chương nghệ thuật... của địa phương. Những vật sản này có khi rất bình thường, không đắt tiền, nhưng quý giá vì nơi khác, lúc khác không thể có.

Văn hào Nguyễn Trung Ngạn thời Trần đi sứ sang Trung Quốc, được mời ở lại chơi đất Giang Nam - một nơi phồn hoa, thiếu gì của ngon vật lạ. Ấy thế mà Nguyễn Trung Ngạn vẫn nóng lòng mong muốn trở về quê hương :

Dầu già lá rụng tầm ~~vua~~ chín
Lúc sớm hương thơm của béo ghê
Nghe nói ở nhà nghèo vẫn tốt
Giang Nam vui thật, chẳng bằng về !

Giang Nam phong phú, sang trọng nhưng không có đĩa nhộng, bát canh cua đồng, chén cơm gạo mới. Mùa này ở quê nhà được ăn những thứ ấy, ngon biết mấy ! Những vật sản ấy gợi lên tình cảm đất nước quê hương đầm ấm...

Trong "Thương nhớ Mười Hai" bạn đọc sẽ gặp những sản vật từng thắng ở miền Bắc nước ta. Thật không phải ngẫu nhiên, nhà văn Vũ Bằng thuộc một dòng họ túc nho ở đất Lương Ngọc, Hải Hưng (cũ), sau 1954 vào Nam viết cuốn sách này giữa lúc đất nước hai miền bị chia cắt. Dù phải thích nghi với hoàn cảnh chính trị như thế nào đấy, cuốn sách vẫn bày tỏ rất rõ tâm sự của một người con miền Bắc nhớ da diết quê hương ở biên kia "giới tuyến". Chính tấm lòng ấy đã cùng với ngòi bút tài hoa của Vũ Bằng làm nên giá trị văn chương của tác phẩm này. Nó hấp dẫn chúng ta từng dòng, từng trang...

Cuốn sách tái bản vào thời điểm này còn có thêm một ý nghĩa : Nhà nước ta đang chủ trương phát triển du lịch, mở rộng cửa mời đón du khách các nước đến thăm nước ta, tạo ra một khí hậu hoà bình hữu nghị giữa mọi quốc gia. Cuốn sách góp phần làm cho bạn bè năm châu hiểu biết thêm một khía cạnh đặc sắc của đất nước mình, nó như một nhịp cầu giao lưu văn hoá. Cuốn sách cũng làm cho mỗi chúng ta có ý thức trân trọng hơn với những giá trị của quê hương xứ sở.

Ngày 25 tháng 8 năm 1989
Giáo sư HOÀNG NHƯ MAI

Bắt đầu viết cuốn sách này thì là nhớ. Viết đến câu chót, (tháng 9) thì là thương. Thương không biết bao nhiêu, nhớ không biết ngần nào người bạn chiếu chần:

NGUYỄN THỊ QUỲ

Thân mến tặng Quỳ cuốn sách này để thay mấy lời ai điếu.

V.B.



TỰ NGÔN

Thoạt đâu ai cũng tưởng chẳng làm sao. Cùng là đất nước, đi đâu mà chẳng thế ? Từ Bắc vào Trung, đâu đâu lại không có những con mắt nhìn vào những con mắt mà như gói ghém cả một trời thương ; từ Trung vào Nam, chỗ nào mà lại chẳng có những miệng cười, không nói ra lời mà hàm súc biết bao duyên thầm ?

Vậy mà không ; lòng người xa nhà y như thế là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát từ lúc nào không biết. Trông bề ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một cánh hoa khê đập vào thử mà xem : tiếng gỗ kêu nghe mệt mỏi, u buồn, mà nếu gõ mạnh thêm chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra những tảng mục lỗ chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo.

Con tim của người khách tương tư cố lý cũng đau ốm y như là gỗ mục.

Sài Gòn, Phú Lâm, Bình Lợi, Chợ Lớn, Lồ Ô... vui quá, cứ uống rượu mạnh thế này, nghe con hát đàn vừa múa vũ vừa ca, lại cặp kè với gái hơ hớ như trăng mới mọc thế này, thì sao lại có thể rầu rĩ được ? Ấy vậy mà một buổi chiều

trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện
tim mình, ta cảm như có hàng ngàn vạn con mọt
nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con
tim bệnh tật. Và tự nhiên ta có cảm giác rằng
thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mối "xông"
và đang đi đến chỗ mọt ruỗng, rã rời tan nát.

Mỗi nỗi buồn se sắt xâm chiếm đầu óc ta.
Buồn thì ngâm thơ :

Biệt ly ai kể xiết lời,
Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.
Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch,
Kẻ say trăng tìm khách Đào, Chu ;
Nào ai trang điểm mầu thu,
Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai ?
Miền Hữu Lĩnh tin mai gần bó,
Đỉnh Cô Sơn mối gió đợi chờ.
Muốn mang chén rượu, câu thơ,
Lạnh lòng trong tuyết, hững hờ dưới trăng...

Ngâm thơ lại càng buồn, mình chán nản không
để đâu cho hết. Sự chán nản không tên tuổi,
không lý do, ví có muốn nói ra với người ở cạnh
cũng không thể được.

Tại sao lại buồn ? Tại sao lại chán ?

Không biết tại làm sao cả.

Người bạn mây nước, gặp gỡ ở phương trời
hiếu sao được những u uẩn đó nên người xa nhà
cũng chẳng buồn nói ra làm gì. Gió về đêm lạnh

tê tê, nước đập vào bờ dào dạt và ở bên nước nào người ta cũng khổ. Thương nhau, muốn an ủi lẫn nhau, mà không dám nói, hay không biết nói ra thế nào. Người đẹp chỉ còn biết cúi đầu xuống thở dài, còn người đàn ông thì im lặng, đưa cặp mắt như mất thần nhìn vào bóng đêm mịt mù có tiếng dế kêu giun khóc. Cái buồn, cái chán cứ như thế mà kéo lê thê ra mãi.

Cho tới một ngày kia... đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh ở trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những bàn ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thần thờ, mà thấy bơ vơ, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi bầu không khí nặng nề lúc đó, bèn kiếm một câu gì để nói.

Một người bảo :

"Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đấy nhỉ."

Một người khác :

"Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà ạ."

Một người khác nữa :

"Cái gì cũng khác hết. Thôi, đừng nói nữa, tôi muốn khóc đây."

Người bạn phương trời liếc nhìn ông bạn trai đứng cạnh : hai người im lặng chẳng nói, vì nói chẳng ra lời, nhưng càng cảm thấy như có một thứ điện kỳ lạ truyền cảm đi khắp người.

Thì ra không cần nhiều : chỉ một câu nói tâm thường vào một buổi chiều mưa gió đìu hiu cũng gọi lên được những ấn tượng rầu rĩ trong một tấm lòng đã có mối xôn.

Người ta nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ những nét mặt thương yêu, nhớ những con đường đã đi về năm trước, nhớ người bạn chiếu chăn dắt tay nhau đi trên những con đường vắng vẻ ngào ngạt mùi hoa xoan còn thơm ngát hơn cả hoa cau, hoa bưởi. Người ta nhớ heo may giồng vàng ; người ta nhớ cá mè, rau rút ; người ta nhớ trắng bạc, chén vàng.

Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại ; nhớ hoa sáu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông Đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời nhớ lên, nhớ nhẵn Hưng Yên, vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bố Hạ, đào Sa Pa, mà nhớ xuống.

Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sắng chùa Hương, nhớ khóm tiến-xuân-la trồng ở bên giậu trúc ; nhớ mưa bụi, vợ chồng nửa đêm thức giấc đi uống một ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve sầu kêu rền rền, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cười ngựa thổ đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo...

Càng nhớ như vậy thì càng yêu Hà Nội biết bao nhiêu, lại càng say đắm Bắc Việt biết bao nhiêu !

Hà Nội ! Bắc Việt của một ngày xa xưa ời !
Bây giờ liễu ở Hồ Gươm có còn xanh mươn mướt như hồi ta bước ra đi ? Những trôi sơn trúc, thạch nường ở Nghi Tàm có còn chứa phong quang như cũ ? Núi Nùng ra sao ? Hồ Tây thế nào ? Con đường Bách Thảo thơm nức mùi lan tây, hàng đêm, ta vẫn cùng đi với người vợ bé nhỏ, bồng con ở trên tay đi đến thăm người bạn sống cô chích ở trong vườn "Bim Bịp" bây giờ ra thế nào ? Trên con đường Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai các đồn điền cam quýt ở hai bên bờ sông Thao vẫn còn tốt tươi như cũ và các cô con gái ngăm ngăm da nâu có còn nắm lấy tay các khách du mà ví von ca hát không cho về ? Ở trước cửa chợ Đồng Xuân, có còn chăng những hàng nước chè tươi ; ở chợ Hôm, những hàng phở gánh bán cho khách ăn đêm ; và ở trên khắp nẻo đường, những người đội thúng, cầm một chiếc đèn dầu ở tay, lặng lẽ đi trong đêm rao "giò, dầy" ?

Nhớ không biết chừng nào là nhớ, nhớ sao nhớ quá thế này ! Thì ra cái người nhớ Hà Nội, nhớ Bắc Việt cũng như thế chàng trai nhớ gái ; bất cứ thấy ai cũng tưởng ngay đến người thương của mình và đem ra so sánh thì bao nhiêu người đẹp ở trước mắt đều kém người thương mình hết.

Ai bảo kẻ vắng mặt chịu thiệt thòi ? Tôi thấy rằng càng vắng mặt bao nhiêu thì lại càng thương gấp bội ; chỉ có kỷ niệm là đẹp thôi, chứ hiện tại bao giờ cũng kém phần tươi tốt.

Nhưng thương nhớ cách mấy đi nữa thì có níu quá khứ lại được đâu ? Tại sao lại không chịu yên vui với hiện tại, tiếc nuối làm gì vô ích ? Lịch sử không đứng yên một chỗ bao giờ.

Cái đã đi là cái đã mất. Đành vậy. Lấy hiện tại so sánh với quá khứ, e bị chủ quan mà có sự bất công.

Tôi cũng biết có sự bất công, khó tránh. Tôi yêu Hà Nội quá, tôi nhớ Bắc Việt nhiều nên bao nhiêu cái đẹp, cái hay ở trước mắt, tôi thấy mất cả ý nghĩa đi. Có lẽ đó là một sự bất công to lớn, nhưng yêu, bao giờ mà lại chẳng bất công như thế ?

Tôi yêu mến luôn cả sự bất công đó và trong mười hai tháng của mười hai cuộc đổi thay tiết trời, mười hai sự rung động uyển chuyển của năm tháng, của chim muông, của sắc đẹp, của hoa lá, của thương yêu, tình tứ, tôi cảm ơn sự bất công đã cho tôi nhìn rõ lòng tôi yêu thương Hà Nội đến chừng nào, Hà Nội ạ !

Ngày xưa, con gái quan thừa tướng, ngồi ở trên lầu cao nghe tiếng hát anh lái đò mà mê những vị không duyên kiếp nên hai người không lấy được nhau. Anh lái đong con đò ra khơi, đánh đắm đò mà chết rồi nhập hồn vào một cây bạch đàn. Quan thừa tướng thấy cây đẹp, sai dẫn về

tiện thành một bô đồ trà tuyệt đẹp. Mỗi lần cô gái cầm chén trà lên uống thì lại thấy hình bóng anh lái đò hiện lên trong chén trà :

Không cầm lấy chén thì thôi
Hồ cầm lấy chén lại thấy người hò khoan.

Bây giờ, người xa cách Bắc Việt lâu ngày cũng vậy : ăn một tô hủ tíu thì nhớ đến phở Bắc "chính cống" ăn vào một buổi sáng rét cầm cầm ; trông thấy cua bể thì nhớ đến bát canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ ; gặp một ngày bão rớt thì lòng lại buồn rười rượi, nhớ đến thu sơ với gió may, hoa vàng. Trời tháng ba, nhớ hội hè đình đám, con gái hát ví nghe thật là hay, đàn ông đánh vật xem mà sướng mắt ; tháng bảy, nhớ mưa Ngâu rả rích buồn như lòng người khuê phụ nhớ chồng ; tháng tám, cũng thưởng bánh Trung thu, cũng cộ đèn, nhưng lại nhớ trăng Cổ Ngư và thêm cái cảnh tung bồng nhộn nhịp ở Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Mã... ; tháng một nhớ đến gió ở Đọi Đẹp lúc tản cư, mặc áo trấn thủ ngoài khoác va-rơ đi như muốn bay lên trời mà miệng vẫn không ngớt ngâm bài "Tây tiến" ; tháng chạp nhớ những con đường ẩm ướt, nhớ mưa phùn rét cầm cầm, hai vợ chồng lên Đông Hưng Viên ăn một bát "tam xà đại hội" khói bốc lên nghi ngút.

Mỗi tháng lại có những cái đẹp nào nùng riêng, những nỗi nhớ nhung riêng.

Một cảnh bấy ra trước mắt mình lại nói lên

những niềm thương yêu cũ, làm thế nào mà giữ mãi ở trong lòng cho được ?

Tôi ghi lại "**Thương nhớ Mười Hai**" không nhằm mục đích gì cao rộng, chẳng qua chỉ là đánh dấu những ấn tượng hiện ra trong trí óc những buổi mây chiều gió sớm, "sầu biệt ly với sáng đầy chiều" thấu nhận được trong những khi lạc bước trên những nẻo đường chật ních những người bận rộn bên cạnh những ngoại kiều ăn mặc như phường chèo, nói "lúu lô buồn nổi khó nghe" !

Ồi những người thiên lý tương tư ! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Đời mà có một người vui cái vui của mình, buồn cái buồn của mình chẳng là đủ rồi sao ? Có tâm sự trong lòng, lặng nhìn nhau không nói mà cùng cảm biết, thế chẳng là đủ rồi sao ?

Thôi, bây giờ mặc cho ngòi bút đưa đi, đến đâu hay đó...

THÁNG GIÊNG

Mơ về trăng non rét ngọt

Tự nhiên như thế : ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng lại là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mển, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió ; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con ; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân.

Ồi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn ? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời ? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển

yêu mùa xuân có phải là vì đây là mùa xanh lên hy vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại ?

Tôi yêu sông xanh, núi tím ; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngấm và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngấm một điều thuốc, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống !

Anh có thể đạp cò trên Hồ Gươm, đợi đến sâm sẫm tối ra ngồi ở Thuỷ Tạ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình xuống đáy nước lung linh ; anh có thể vào một nhà hát thưởng vài khẩu trống, "mở quả mứt" phong bao cho các chị em, rồi uống

với mỗi em một ly rượu "lấy may" ; anh có thể đi vào một ngôi chùa nhang khói nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quỳ ngay xuống bên cạnh cầu Trời khẩn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được một người chồng xứng y như... anh vậy.

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, dường sá không còn lầy lội nữa mà cái rét ngọt-ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng "sống" lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới

nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ảm đạm, ảm lũng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lý, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng.

Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm "hoá vàng" và các trò vui ngày tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

Các con lại đi học cả rồi. Dưới nhà, người làm ngồi nhắc lại chuyện tết với nhau "tiền mở hàng được tất cả mười hai đồng" và "đánh tam cúc thua mất ba đồng một". Mảnh sân thanh bình thú vị diễn ra thấp thoáng ở ngoài vườn, sân gác.

Bảo là nóng ư ? Không. Bảo là rét ư ? Không. Thời tiết lúc đó kỳ lạ lắm : rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và, qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Đêm xanh biêng biếc, tuy có mưa dây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ : mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối chạp.

Người vợ bắt đầu thu hết những nệm thêu trái ở sập chân quỳ và gối gấm trên ghế trắc "mua tự bên Tàu về" để đem ra phơi dưới nắng xuân, trên một cái chiếu mầu khô nỏ. Mi môn, quần màn, với quần áo tết của vợ chồng và các con sẽ

được phơi như thế, chừng ba nắng để rồi đem cất vào trong tủ đã trải sẵn rế "hương bài" để cho quần áo thơm ngát và khỏi "nhảy".

Ấy đấy, thương người đàn bà Bắc như thế đấy. Sạch cứ như ly như lau, cẩn thận từng ly từng tí. Và càng thương hơn nữa khi ta thấy người đàn bà chậm rãi vuốt ve từng cái tà áo, lồng nhỏ nhẹ từng cái khuyết vào cái khuy rồi xếp vuông vức áo nọ lên quần kia, như thể sợ động mạnh thì quần áo sẽ không còn vẹn tuyệt trình, vì nhàu nếp lựa.

Giản dị thay là cái đẹp của ngày xuân lúc đó ! Ở trong nhà, cái đẹp không còn phải tạo bằng đèn nến sáng trưng, bằng mi môn quần màn, rực rỡ bằng hoa lá tung bừng trong khói hương trầm nghi ngút, mà ở ngoài đường người ta cũng không còn bị chói mắt hay say lòng vì những áo nhung trơn mượt, những giấy kính xòe cánh phượng bay hay những dải khăn "san" khéo biết lựa màu bay đùa trước gió như thể tơ trời vậy.

Không. Cái đẹp lúc này là cái đẹp thành thực, hồn nhiên, mộc mạc, cũng như người đàn bà, con gái đẹp không phải vì quần áo, vì son phấn, mà chính vì cái chất đẹp ở trong người tiết ra.

Từ mùa đông qua Tết cho đến hôm nay, quần áo giấu mất hết cả thân hình đều đặn, núng nính,

nôn nường của người vợ bé nhỏ có đôi má đỏ hồng, hương mùi cốm giót. Hôm nay, chợt thấy đôi mắt trong hơn, làn da trắng hơn và đôi vai màu ngà hần qua tấm áo lụa trắng, người chồng cảm thấy như mới lại được gặp một cái gì đã cách biệt lâu lắm và tuy ngồi cách xa nhau mà tưởng như vợ mình thơm ngát mùi hoa cau.

Đẹp như thế mới là đẹp, yêu đến thế mới là yêu.

Cái đẹp của ngày tết phủ áo nhung tím, quàng khăn lụa màu, dận lên giấy nhung đen, đâu có thể so sánh được ?

Ai cũng có thể bị huyễn hoặc vì vàng son, ai cũng có thể mê say nhất thời những cái lông nheo giả uốn cong lên như đào chiếu phim, những cái vú nhân tạo bằng cao su bơm, những cái điệu bộ nhân tạo đi vất va vất vẹo, những mái tóc "mượn" của các mỹ viện, những mùi thơm vương giả... Nhưng rồi có một lúc người xế bóng sẽ thấy rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biếc, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng chứ đâu phải cái đẹp của mắt xếch vế xanh, của tấm mi ni mời mọc "tí ti thôi nhé", của đôi môi tô theo kiểu Mỹ trông như môi người chết trôi ; mà cũng đâu có phải là hương thơm của dầu thơm "Santalia", "Kiss Me" hoà với hơi người tạo thành một mùi thú vật đang kỳ "con nước".

Ở đây, từ tháng một, trời nắng chói chang, làm cho đôi mắt mờ, đầu nhức, lúc nào người đàn ông cũng được "rửa mắt" bằng những cái vai đẹp hớ hênh, những cái lườn hây hây, hồng hồng, hay những cặp đùi mờ mờ nửa trắng, nửa đen, thành thử ra... hết, không còn có gì mà "cắm" nữa, vì có gió xuân thì cũng khó mà làm cho hồ ao chuyển được mình.

Chao ôi, mệt quá, người đàn ông mệt quá ! Đã mệt vì kiếm tiền, lại mệt vì trác táng, mệt vì nịnh bợ, ví chẳng có thấy gió xuân lay động cành hoa, long lanh cặp mắt của người vợ nao nức niềm trăng ý nhạc thì cũng đành phải uống thêm vài ly rượu ngâm hổ cốt, tắc kè và rất nhiều khởi tử... Yêu thương nhau không còn là một nghệ thuật, không còn là làm thơ có bằng, có trắc, có vần, có điệu.

Lòng đã nóng như thiêu, nhà lại thấp, bức có diên lên. Có tiền, lắp cái máy lạnh cho đời thêm tươi một chút, nhưng dù thế nào đi nữa thì thơ sáng tác cũng chỉ là một thứ thơ tự do, thơ văn xuôi, không có vần có điệu, ví đôi khi có vần có điệu thì cũng là cái thứ vần thứ điệu lem nhem, linh kinh. Nào đâu những buổi hoàng hôn lành lạnh, quán quít tơ hồng ; nào đâu những đêm trăng êm mượt như tơ, mái tóc ai xoa trên gối đầy những

bông sao rụng ; nào đâu những tiếng tiêu, tiếng nhạc của trời tình bát ngát hao hương, mến thương nhịp thở ái ân thường vẫn thấy viết ở trên những báo Xuân, báo Tết ?

Trên các nẻo đường nắng chói chang ở đất này, người ta chỉ thấy những người đi vội vã, chán chường, mệt mỏi. Dậy từ mờ sáng mà tưởng như đã hết ngày rồi. Xới vội một bát cơm ra đĩa với khô, vừa ăn vừa lo công việc. Con cái muốn làm gì, tùy ý, bố mẹ còn bận đi lo tiền.

Một cô xách "bóp" da cừu dừng lại đường Chợ Cũ ăn mấy cái bì cuốn "nhắm" với một ly đá lạnh; một ông, nhân ngày xuân tươi đẹp, "bao" vợ và con, mua ba trái dưa hấu bổ ra ăn cả nhà, mặt mũi "tèm lem" ; lại một bà, thương chồng con vất vả quanh năm, bung về cả liễn ca-ry Chà mở tiệc thưởng xuân ăn với rất nhiều bún kèm thêm vài ổ bánh mì dài như cây đòn gánh.

Ăn như thế mà khát thì uống một ly chanh muối hay chén đậu đỏ bỏ rất nhiều đá ; ai muốn mát ruột mà lạnh thì uống một chén "sinh sâm" hoặc một ly sữa đậu nành, còn các cô dậy thì, ăn thịt nhiều xót ruột, mua một vài đồng "tâm ruột" hay "cốc" chấm mắm nêm ớt, ngon đáo để, giòn rau rầu.

Tháng giêng ở miền Nam ngọc ngà có một vẻ

đẹp "ly kỳ" làm cho người ta háo hức, khiến cho cổ họng khô teo, muốn uống nước cả ngày, uống rồi lại khát, khát rồi lại uống, mồ hôi cứ vã ra như thể là mình "thoát dương".

Nhưng mà sương.

Sương vì nhà nào, dù kiết xơ kiết xác đến đâu cũng có một cái tủ lạnh để vài ba chai nước lọc, một cái ra-đi-ô, một cái ti-vi hò hét những vũ điệu điên cuồng khiến cho ông via, bà cụ, chàng trai, cô gái đều rên rú cả lên muốn "vặn mình xà" nhảy vũ điệu "cha cha cha" rồi thoát y vũ như trong "sô" Trương Minh Giảng. Tươi quá, trẻ quá. Quả là một giai đoạn "đang lên".

Nhưng tại làm sao tất cả những sinh khí tươi trẻ, đang lên đó không làm khuây khoả được lòng người sâu xứ luôn luôn mong cho đất nước tiến triển vượt bậc, mà trái lại lại làm cho y râu rĩ hơn, nhớ thương hơn những tháng giêng Bắc Việt đã qua rồi ?

Ờ, cứ vào dạo này đây, ở Bắc người ta đi lễ vui đáo để. Chiều chiều, đứng ở nhà Khai Trí Tiến Đức nhìn lên cầu Thê Húc sơn đỏ ở giữa đám cây xanh đông đảo những người đi lễ trong ngôi đền Ngọc Sơn trắng toát, anh cảm thấy có những lúc nước lộn lên trời, trời rơi xuống đất

khi nhìn những bóng người hiện ra huyền ảo ở dưới làn nước xanh mờ.

Qua Ngõ Hồ là đền Hàng Trống có tiếng là "hương ngát của trời" ; quá ra đến Hàng Hải là đền Quan Phước, ai mất người, mất của đều cầu xin thì thấy ; từ đó ngược lên, ra lối Toà Án là chùa Quán Sứ - ờ, chắc bây giờ mấy cây thông bách tán ở trước chùa đã lớn lắm rồi đấy nhỉ ! Thế rồi là chùa Dâu, chùa Kim Cổ, đền Quan Thánh, chùa Trấn Quốc thờ ông thánh đồng đen, chùa Bà Đá, chùa Liên... trời ! Biết bao nhiêu chùa đẹp, biết bao nhiêu cảnh nên thơ, biết bao nhiêu người đi lễ cầu con, cầu của !

Trước đây, tháng giêng ở Bắc là tháng người ta chỉ dành ra để trước là lễ Phật, sau lễ tiên tổ ông bà. Người sống cảm thông với người chết trong tháng ấy, lấy tâm tư mà nói chuyện với nhau, lấy đạo lý mà khuyên bảo, dạy dỗ nhau cách nào cho vẹn đạo làm người, chớ có thấy giàu mà ham, chớ vì sang mà bỏ nghĩa, chớ vì cầu an mà làm tội mọi cho người ngoài.

Từ xưa, Bắc Việt có bao giờ là một miền giàu có ? Ai cũng phải ăn nhịn để dành ; lúc nào cũng phải lo đối phó với ngoại xâm chỉ rình bóp cái cổ họng của Đông Dương trước nhất ; không năm nào không lo bão tố, lụt lội, hạn hán, mất mùa...

Nhưng lạ lắm, cô Ba à, tại sao tôi thấy người Bắc lúc nào cũng bình tĩnh, trầm mặc, sẵn sàng "chơi" lại những thử thách của trời trong khi vẫn sống một đời sống nội tâm phong phú, nhất là người đàn bà Bắc, sao cũng lo gánh vác giang sơn nhà chồng, cũng lo từng miếng ăn giấc ngủ cho chồng cho con, cũng hai sương một nắng mà có vẻ như không "đầu tắt mặt tối" như người đàn bà ở trong đây ? Ở trong đây, người ta vội quá : người tử tế lo làm lung vội vàng để kiếm sống đã đành, ngay các cô tư thời lấy ngoại kiều "ngồi lên đồng tiền" cũng vội ; các xe hơi chạy vội, cái kèn xe bóp vội, uống rượu cũng vội, xoa mặt chườm cũng vội, và nếu đôi khi có tập uống chén trà Tàu, bắt chước ngâm bài "Hoàng Hạc" cũng cứ vội luôn.

Bây giờ, ngồi mà nhớ lại, tôi không thể nghĩ được rằng tháng giêng ở Bắc có những sự vội vàng, vất vả nào nề như vậy. Người ta sống đúng như cái sống do các bậc quân tử Tàu chủ trương: sống đầy đủ, có thiếu một chút cũng không sao; làm việc cho mình, cho xã hội nhưng vẫn có thì giờ đi thuyền trên đầm thơm hát bài "Hái Sen" một mình ; buôn tần bán táo ở đô thị, thôn quê nhưng vẫn dành thì giờ đi chợ kiếm một món ăn ngon cho chồng rồi đến ngày rằm mồng một vẫn rảnh rang đi lễ cầu cho sống lâu, giàu bền,

dân an, quốc thái và có hội hè gì vẫn sửa nếp
áo mới, tô đôi má hồng để cùng với chồng vui
chơi thưởng thức.

Từ ngày mồng bốn tháng giêng, ở các làng vùng
Bắc hát đầu mùa quan họ.

*Hát chó lỏ đất long trời
Cho đời biết mặt, cho người biết tên,
Hát từ chợ Phủ hát lên,
Hát từ tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông,
Hát sao cho cạn dòng sông
Cho non phải lỏ cho lòng phải say.*

Người vợ bảo chồng :

"Anh đã biết hát ví rồi. Lối hát này, trai gái
hát quanh năm. Tắt nước hát, giã gạo hát mà dún
đu cũng hát. Hát quan họ khác thế : lối hát này
chỉ có riêng trong những ngày hội xuân, trai gái
hát cầu vui, nhưng có nhiều làng còn tổ chức hát
thờ thần, treo giải. Muốn vào hát giải, trai gái
phải biết năm giọng rất khó hát là Tình tang, Đường
bạn, Hử la, Xuống sông, Lên núi... Hay lắm ! Nhất
niên nhất độ, tội gì bỏ sót một buổi nào...

Vào ngày chín tháng giêng, làng Nội Ninh, huyện
Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tục gọi là làng Nénh)
có rước thần kể hạnh, hát đúm, nhưng mê nhất
là trò kéo chữ.

Những tay cờ, dưới hiệu lệnh của một vị chỉ huy, chạy ngang dọc ngược xuôi thành từng hàng chữ có ý nghĩa. Những chữ này phải làm lễ xin thánh ban cho, chứ không phải muốn dùng chữ gì cũng được. Có năm là "Phong đăng hoà cốc", có năm là "Thiên hạ thái bình".

Nhưng mê nhất là hát tuồng. Bây giờ ở đây tuồng cải lương và kịch được công chúng ưa xem, nhưng riêng tôi thì cứ ra giêng, ngày trước, thế nào vợ chồng cũng phải đi xem tuồng cổ, để nhân dịp đó bói tuồng xem năm mới làm ăn ra thế nào rồi đến lúc tan hát ra về, vợ chồng bắt tay nhau đi nhón nha dưới bóng trăng bàn luận về vai trò Khương Linh Tá đóng thật tài, hay Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lục tướng trông ghê quá...

Cuối tháng giêng, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao trên đỉnh đầu.

Cái trăng tháng giêng, non như người con gái mơn mớn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải : sáng nhưng không sáng lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp nhưng không đẹp một cách héo úa như trăng tháng một. Cái đẹp của trăng tháng giêng là cái đẹp của nàng trinh nữ then thùng, vén màn hoa ở lầu cao nhìn

xuống để xem ai là tri kỷ, mặc dầu không có ai thấy để đoán biết tâm sự mình, nhưng cứ thẹn bâng khuâng, thẹn với chính mình. Ánh trăng lúc ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tuyên. Đi vào giữa ánh trăng mờ hồ ấy, mình cảm như thấy mình bay trong không gian vô bờ bến.

Nằm ở trên cái giường tre ngoài vườn kê dưới một gốc lan tây thơm phức, mình nghe rõ ràng có tiếng trăng thủ thi thâm. Ở nhà ngoài, vọng vào câu chuyện của mấy cô hàng xóm. Không, vào tháng giêng, người Bắc Việt ít có giải trí nghèo nàn trong rạp hát, nhà xi nê hay tiệm nhảy : một bà nói chuyện mới đi lễ chùa Trầm về, xin được một cây xâm "thượng thượng" ; một cô khác trình trọng đưa biếu người chị me thân một gói trà Thiết Quan Âm của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết ; một bà khác nữa dỡ hộp trầu ra, vừa nhai vừa cuốn theo lối "sâu kèn" những điếu thuốc lá ta ướp hoa ngâu.

Vào khoảng nửa đêm, thành phố im lặng lẳng. Có mấy hạt mưa xuân bắt đầu. Người chồng đóng cửa lại, vào nhà. Không khí lại càng thân mật thêm lên. Chết chiu trong mười mấy năm trời, kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn cho đến bây giờ có đồng ra đồng vào, người vợ đêm xuân cảm thấy

con tim có cánh, rót hai ly rượu nhỏ màu trắng cùng đối ẩm với người chồng lấy nhau từ lúc hầy còn nghèo túng. Nay, trầu vàng, vỏ tía ngon đáo để, hay là ta ăn một miếng, rồi bói một quẻ Kiều đầu năm xem xấu tốt ra sao hầy đi ngủ, hờ mình?

Chao ôi, đến cái thú bình dân nhất là ăn trầu, ở đây người sấu xứ cũng thấy không xứng ý. Suốt cả tháng giêng, cau đất, bảy tám đồng một quả, cố mua mà ăn vẫn cứ cứng quèo quèo. Hầu hết phải ăn bằng cau khô. Mà càng ăn như thế thì lại càng nhớ những miếng trầu ngày xuân ở Bắc, ăn với miếng cau "tiên đầm" ngọt cứ lừ đi. Ngồi đánh tam cúc hay rút bắt với nhau, những người bạn của chồng xưa nay ăn trầu vẫn kêu cay đắng, thấy vợ bạn nhai ngon quá cũng "xin" một miếng ăn cho ấm người, mà cũng là để lấy may vì "mười bốn ván liền rút toàn nhị tổng cửu, tam tổng bát".

Bây giờ, đâu còn những cốc rượu, những miếng trầu, những đêm rút bắt say sưa như thế nữa ? Đâu còn những chén hạt mít vợ mời chồng nhấp men tình, đâu còn những buổi họp bạn đến một hai giờ sáng - vì không có giới nghiêm rồi quay ra ăn bánh chưng rán với cá kho, giò thủ và tráng miệng với chè đậu đãi, uống trà mạn ướp sen ?

Người khách xa nhà nằm ngửa mặt lên trần,

mơ lại những ngày xuân đã mất và cảm như tất cả những cái vui đẹp, say sưa đó thuộc vào một tiền kiếp xa xôi.

Không. Y không phải là một người hèn nhát, nhưng mang trong mình một lúc tới bảy tám biệt ly, quả là có lúc y buồn quá cũng muốn chết đi cho rảnh. Không có lý nào y lại khóc với lòng ! Y cố nhắm mắt để ngủ thì đến gần sáng bỗng mơ mơ màng màng thấy ở cửa đi xuống vườn, nơi rặng chuối có bóng một người đàn bà đẹp, mặc áo xanh, bước qua cửa sổ vào viện sách.

Đêm tháng giêng ở Sài Gòn nóng quá, có khi gần sáng mà người nằm ngủ hay còn lã chã mồ hôi. Bóng người đàn bà đẹp cúi xuống lau trán cho người mê ngủ. Và bỗng nghe thấy như xa, như gần ở bên tai :

"Thương tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà làm sao anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì ? Hay lại tại sâu nhiều chẳng, giận nhiều chẳng ?"

Người sâu xứ, trong cơn mơ thiêm thiếp, phảng phất thấy hình bóng của người đàn bà mặc áo xanh đó quen quen, mà nghĩ mãi vẫn không biết là ai. Đó là một người quen thực, trong đời sống

thực ? Hay là hình ảnh của một mùa xuân đã chết, của một cái đẹp đã mờ xa, một mối tình chung thuỷ nhưng nào nùng, ai với ai cùng xây mộng ước mơ nhưng bị trời bắt phải lìa nhau lúc sống?

Người đàn bà mặc áo xanh lại nói :

"Vui và buồn ở đời là tuần hoàn cả. Tất cả bí quyết của sự sống là biết tin tưởng và đợi chờ, vì tin tưởng và đợi chờ thì cái gì mà chẳng đến? Anh đọc sách có còn nhớ chuyện Pygmalion không?

"Đó là một nhà điêu khắc có tài ở trên một hòn đảo xanh biêng biếc giữ đại dương thần thoại.

"Pygmalion đem hết tâm hồn tạc nên một pho tượng đẹp, tượng nữ thần Galatée, đẹp quá, đẹp vô cùng là đẹp, đến nỗi chính mình lại say mê tác phẩm của mình.

"Nhưng người đẹp chỉ là một vật vô tri, hiểu đâu được tình cảm nào nùng của nhà nghệ sĩ ? Pygmalion than khóc ngày đêm và ngày đêm, khẩn nguyện được có một người vợ đẹp tuyệt trần như pho tượng. Thì một sớm kia tiếng cầu khẩn thấu đến tai thần Vệ Nữ. Và bà thần này - vốn giống đa tình, thương người đồng điệu - đã hoá phép cho pho tượng Galatée thành ra người thực để cho "chàng" và "nàng" chung sống với nhau."

Người đàn bà đẹp mặc áo xanh nói tới đó thì

vòng tay ta khép lại, làm cho trăng non ở ngoài cửa sổ cũng phải thẹn thùng.

Đôi mắt đẹp lung linh sâu. Ta thấy như cả một mảnh vườn thơm ngát hương cau nghiêng xuống mé giường xô lệch.

Em yêu ơi, sống là tin tưởng và chờ đợi, nhưng biết rằng mái tóc người ta có còn xanh mãi được chăng ?



THÁNG HAI

Tương tư hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau, Quỳ nhỉ. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta, thôi đành lấy câu vận mệnh để khuây dần thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kỳ lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mớ tóc xoã trên hai bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói sóng. Mà trái lại có những kỷ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một ly trong trí óc của người nặng nợ lưu ly, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ :

*Ủ ê nét liễu sầu tuôn gió
Thốn thức tình tơ lệ ướt bào*

THÁNG HAI

Tương tư hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau, Quỳ nhi. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta, thôi đành lấy câu vận mệnh để khuây dần thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kỳ lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mớ tóc xoã trên hai bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói sóng. Mà trái lại có những kỷ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một ly trong trí óc của người nặng nợ lưu ly, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ :

*Ủ ê nét liễu sâu tuôn gió
Thôn thức tình tơ lệ ướt bào*

*Hoa tử còn đâu duyên tác hợp,
Mây bay rồi nữa giấc chiêm bao !*

Tôi nhớ những buổi tối đi trên con đường Toà Án ngan ngát mùi hoa sữa, nhớ những đêm trăng hai đứa dắt nhau trên đường Giảng Võ xem chèo, những đêm mưa Ngâu, thức dậy thổi một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt con gà mái ấp.

Bao trùm tất cả những niềm thương nỗi nhớ ấy, tôi nhớ nhất một đêm cuối giêng, đầu hai năm ấy, hai đứa mới quen nhau, cùng ăn chung một quả vú sữa của một người bạn phương Nam gửi ra cho, rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sáng.

Bây giờ, ngồi xem én nhận bay, có lúc tôi cũng bỏ một quả vú sữa ra ăn, nhưng ăn thì lại nhớ đến một đêm tháng hai đã mất "để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa".

Yêu cái đêm tháng hai ấy không biết chừng nào, nhớ những buổi đánh tam cúc và rút bất không biết thế nào mà nói.

Lúc ấy, Tết đã hết từ lâu, mọi người đã trở lại với công việc thường ngày như cũ, nhưng mùa xuân vẫn còn phơi phới trong lòng người, khách đã cảm nhìn vào đâu cũng thấy diễm tình bát ngát. Vừa hôm nào đi lễ ở Đống Đa, hôm nay đã là hội chùa Vua ; mười ba là hội Lim ; rằm tháng

giêng đi các chùa lễ bái ; rồi là chùa Trầm, rồi
trẩy hội Phủ Giầy, rồi xem tế thần ở Láng, đi
về qua Giảng Võ, rẽ vào xem rước vía ở miếu Hai
Cô ; vài hôm sau lại đi hội Lộ, trở về xem rước
ở đình Thiên Hương, ghé qua đình Ứng xem tế
thần và đến đêm thì đi xem hát tuồng Tàu ở đền
Bạch Mã...

Ở bất cứ hội hè nào, đàn bà con gái cũng đẹp
nồn nà. Hoa rét còn đọng ở lộc cây, ngọn cỏ. Những
con mắt cười với những con mắt, những bàn tay
muốn nắm lấy những bàn tay. Lòng người ấm áp
muốn gửi sự ấm áp cho những người thương mến.
Quái lạ, sao cũng là đất nước mà ở miền Bắc trời
lạnh lạnh nên thơ đến thế, mà ở nhiều miền thì
lúc ấy trời lại nóng, rôm sảy cắn nhoi nhói muốn
làm cho ta cào rách thịt ra. Ăn cái gì cũng không
ngon vì mệt quá. Đêm ngủ chẳng đầy giấc vì càng
uống nước đá lại càng hao trong người. Cái máy
lạnh mở cho hết cỡ cũng chẳng làm thắm được
tấm lòng yêu thương mệt nhọc. Người con gái đa
tình xa nơi phận tử đêm nằm bỗng thấy buồn tẻ
tẻ ở trong lòng vì chợt nhớ đến một câu hát cũ
con nhớ được lúc mẹ ru, khi còn bé, ở đất Bắc
xa xôi :

*Buồn vì một nỗi thán hai
Đêm ngắn ngày dài, thua thiệt người ta !*

Yêu quá, cái đêm tháng hai ở Bắc ; thương quá cái đêm tháng hai ở Bắc, thành ra cái gì cũng thấy qua đi nhanh quá. Ước gì năm tháng dài thêm ra để ngày thì đi xem hội xem hè, đêm thì cùng với những người thân vui xuân với quân bài cao thấp.

Hỡi những người máy móc, đừng có bảo những đồng bào ấy là những người hưởng lạc. Bị kẹt trong một cái thế hết xâm lăng nọ đến quân cướp nước kia, với những tài nguyên chưa bao giờ khai thác, họ, những người phương Bắc phải chiến đấu không ngừng, đôi bát mồi hôi lấy bát cơm để sống, nhưng họ không vì thế mà phải chạy ngược chạy xuôi, phờ rầu trợn mắt để đánh vật với đồng tiền. Họ làm việc bằng chân tay, bằng trí óc để chống lại thiên nhiên, để duy trì sự sống, để vươn lên mãi, vươn lên mãi, nhưng lúc nào cần nghỉ ngơi họ biết nghỉ ngơi, khi nào cần phải chắt chiu cái nội tâm họ biết chắt chiu cái nội tâm, khi nào cần phải sống đẹp, sống cho đúng ý nghĩa của sự sống thì họ sống đẹp, sống cho ra sống. Vì thế cứ làm việc, nhưng suốt một tháng giêng họ vẫn cứ vui xuân. Tuy vậy, vẫn chưa đủ ; những ngày vui còn kéo dài ra mãi tận tháng hai mà người ta vẫn cứ tiếc sao những đêm tháng hai ngắn quá...

Lúc ấy, cái thú ăn bánh chưng rán với cá kho

không còn nữa mà mứt sen, mứt gừng, mứt bí cũng như bánh Xuân Cầu cũng không còn. Nhưng đánh tam cúc, rút bát đến nửa đêm, đất nước thân yêu lại đem đến cho ta một cái thú tuyệt kỳ thanh cao, tuyệt kỳ trang nhã.

Bàn tam cúc vừa giải tán thì đồng hồ điểm hai giờ. Cái đêm tháng hai ở Hà Nội kỳ ảo lắm. Có khi còn mưa phùn, có khi có gió thổi se se trên lộc đào, nhánh mai, nhưng bao giờ cũng vẫn còn hơi rét. Thành phố im lặng, ngồi trong nhà mà nghe thấy từng cái lá rụng ngoài vườn. Anh em bè bạn lần lượt ra về thông thả. Trẻ ở nhà trong cũng ngủ yên. Hai vợ chồng nhìn nhau không nói, nhưng cảm thấy mình như là tiên sống cách biệt cõi trần, lấy cái ấm "cò bay" bằng đồng bạch rá đun nước rồi cầm cái khăn đỏ lau lại bộ đồ trà, pha một ấm trà ướp thủy tiên mời nhau uống, trịnh trọng như hai tân khách.

Các cụ sành trà thương bảo muốn thưởng thức trà tuyệt kỹ thì phải là cái thứ trà mộc không ướp hoa gì, nhưng mình có phải là tay sành đâu mà phải theo khuôn sáo ấy ! Chỉ biết là vợ con ở trong nhà, học đòi các cụ gọt thủy tiên, còn thừa thì đem trồng trong cát, hoa chơi đến hết ngày rằm, đem cắt những bông hoa hãy còn tươi ướp trà Tàu rồi sấy cất đi để dành, lúc nhớn nhỡ trong bụng thì lấy ra pha uống, thế thôi.

Ồi chao, cần gì phải trà mộc, cần gì phải nước giếng thanh tân, cứ cầm cái chén quân đưa lên môi và nghĩ rằng hoa thủy tiên là do vợ mình gọt, trà thủy tiên này là do vợ mình ướp, ấm trà này là do vợ mình pha thì cũng đã thấy ngào ngạt hương tình trong khắp cái đêm xuân tỉnh mịch này rồi !

Trầm ở trong cái lư đồng vừa lúc đó lụi dần, toả ra một mùi thơm nhẹ hoà lẫn với hương trà làm cho cả hai vợ chồng cùng băng khuâng... Gió lay động cánh màn nơi cửa sổ. Người vợ xoa tóc, đi lại nằm dài trên nệm trắng, mở mắt trong bóng tối nhìn mây bay và nghe thấy hình như ở xa xa có tiếng nhạc từ trên trời rơi xuống.

Khẽ quay mình lại với vợ để cho ấm áp hơn, người chồng bảo :

- Nay mình, có phải mùa này là mùa đào bói quả không ?

- Sao tự nhiên anh hỏi vậy ?

Người chồng lặng im một lát không nói gì. Ba phút sau, nghe hơi thở, biết là vợ đã ngủ rồi, y nằm yên nhắm mắt và tiếp tục nối lại giấc mộng vừa qua : giấc mộng hoa đào, nước suối.

Ở phải, chính vào cỡ này là cỡ đào bói quả đây. Người đàn ông lạc phách trở lại với giả định,

đêm tháng hai năm ấy, nằm bên người thương bé nhỏ, mơ màng thấy mở cửa động Thiên Thai. Cách đây đã lâu rồi, cũng vào cỡ tháng hai như thế này, y đã lạc bước vào một thứ Thiên Thai nơi trần thế rực rỡ hoa đào, mệnh mông suối nước ở vùng biên thủy Bắc Việt.

Chính vào khoảng tháng hai này đây, có một buổi sáng y đã cưới một con ngựa thồ đi nhón nha một mình nhìn lên chín mươi chín ngọn Thập Vạn Đại Sơn. Đến cái đoạn một trong chín mươi chín ngọn ấy gác sang đất Việt Nam, quả là đã có một lúc ý tưởng là Thiên Thai thực, vì rừng đào bát ngát ngút ngàn, trời đất êm ru, mà ngừng mặt lên trời thì nghe như có tiếng tiêu, tiếng địch. Con ngựa thồ đi khễ từng bước một. Hàng nửa ngày đường mới thấy ở tít tắp đằng xa có mấy cô sơn nữ mặc váy thủy ba, bịt khăn trắng trên đầu đi đu đưa ven suối.

Nước suối trong vắt, bóng các cô sơn nữ chiếu xuống nước làm cho một người hoá hai, y như thể các cô tiên đi hái hoa trong vườn của nhà trời mà ta vẫn thấy trong các truyện thần tiên khi còn nhỏ.

Người Thồ trông đào nhiều. Người ta đã thấy có những gốc đào cổ thụ hai ba người ôm mới xuể. Du khách đi Lao Cai, đến Sa Pa, cũng qua một

rừng đào đẹp không kém đào ở Thập Vạn Đại Sơn. Đi vào rừng, trời mù mù như thế có sương bao phủ, nhưng bỗng nhiên đến một khúc quẹo, trời sáng hẳn ra. Nhìn lên, không có một đám mây. Trời nắng ấm, trông cứ y như là ngọc lưu ly vậy.

Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống, làm rung động những cành cây. Hoa đào rơi lả tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.

Vừa lúc đó, có một đoàn ba cô nàng cưỡi ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhón nhơ dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên trên vai áo, làm bật cái cạp và cái nẹp hoặc "trần hoa cải", hoặc "trần đường triện", trông y như thể là ba cô tiên nữ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những hình ảnh xa xưa ấy, tôi vẫn còn thấy đời ngọt ngào như có vị đường và tưởng như không bao giờ có thể quên được hương thơm quyến rũ của trời nước, của hoa đào, của da thịt những cô sơn nữ đẹp náo nùng, sâu biêng biếc, ngửa mặt lên cười một cách hồn nhiên trong cánh rừng bạt ngàn san dã hoa đào.

Du khách, dù là hoạt động đến đâu, những lúc ấy cũng cảm thấy se sắt trong lòng mà chán ngán đến đời sống phồn hoa hệ lụy. Buộc con ngựa thồ dưới gốc cây, anh nằm trên thảm cỏ, he hé

con mắt nhìn những cánh hoa đào rơi lả tả ở quanh mình và nghe tiếng suối nước ở xa xa thì thầm thủ thủ như ca lời ca ân ái : "Anh ơi đừng về nữa, ở lại đây anh, ở lại đây anh".

Tiếng suối vọng vào khe núi, núi thì thầm cùng mây, mây tâm tình với gió và gió chạy vào rừng đào, nhắc lại "Ở lại đây anh, ở lại đây anh".

Chính giữa lúc đó, có một trái đào rơi xuống trên nệm cỏ. Cầm lên tay, du khách thoáng thấy một niềm e ngại, sợ cầm mạnh thì làm mất cái đẹp của đào đi.

Trên khắp mình đào ưng ửng hồng, có những sợi lông tơ óng ánh như lông trên mắt cô gái dậy thì. Cứ cầm ở tay chơi, đã thấy ngan ngát thơm rồi ; nhưng nếu anh đưa lên miệng cắn một miếng thì anh sẽ giật mình vì cái thơm của đào không có thứ trái cây gì sánh kịp, mà có cắn một miếng như thế anh mới lại càng thấy trái đào hé mở đẹp không biết bao nhiêu. Trong ruột đào, bật lên một màu hồng có những chỉ đỏ cánh sen ôm lấy một cái hạt đỏ cùng màu, nhưng sậm hơn một chút, ướt hơn một chút. Gớm cho nhà văn nào đã lấy hai chữ "nhụy đào" để nói lên tấm lòng nàng con gái tuyết trinh buồn về nỗi không đem bẻ cho người tình chung ngày trước !...

Ở miền Nam nước Việt, sang tháng hai ta có

không biết bao nhiêu thứ trái cây : nào mận, nào xoài, nào cam, nào quýt, nào vú sữa... thứ nào cũng ngon, thứ nào cũng quý, nhưng tại sao tôi vẫn cứ mơ ước những trái đào Thổ ở Cao Bằng, Lao Cai, Sa Pa hay ở biên thủy giáp Vân Nam, nhìn sang ngọn Tây Phán ? Tôi nhớ những buổi trưa trong sáng cùng nằm trên cỏ với những cô nàng người Thổ, bỏ một hào bạc ra ăn cả một vườn đào, muốn hái bao nhiêu tùy ý, ăn kỳ chán thì thôi, y như là ta ăn măng, ăn sấu riêng ở miệt vườn Lái Thiêu, hay cam hoặc bưởi ở bên kia sông Tam Hiệp. Ăn như thế mới đã đời !

Vừa ăn, vừa nhớ đến những câu chuyện cũ nói về những con chim ăn đào tự bên Tàu rồi tha hột về đánh rơi ở trên miệt núi biên thủy, đâm chồi, mọc cây, sống cả hàng thế kỷ, đem lại cho ta những quả đào sơn dã đỏ tía như đào tiên mà Đông Phương Sóc ăn trộm trong vườn đào bà Tây Vương Mẫu, hoặc những chuyện ma xó canh vườn đào, ai ăn trộm một trái thì đếm một, ăn hai trái thì đếm hai..., anh cảm thấy anh sống một cuộc đời huyền thoại mà mắt cô gái Thổ là xuôi, tóc cô gái Thổ là cầu để cho anh đi đến bên yêu thương.

Anh mơ về một ngày xa xưa đã từng phiêu bạt đến ở một "bản" Thổ ở Lao Cai với một gia đình Thổ, ngày ngày trông sang Hồ Kiều, tưởng

tượng đến sự tốt tươi của trai gái đùa cười trong nắng lung linh như ngọc.

Từ năm giờ chiều, tuyết xuống phủ các thôn xóm ngút ngàn. Ngồi nhìn ra chung quanh, anh cảm thấy đắm chìm trong một sa mạc lạnh tê, trắng xoá, vừa nên thơ, vừa ghê rợn vì thỉnh thoảng lại nghe thấy một con chim kêu quái gở hay tiếng một đoàn sơn cầu nhìn lên mặt trăng buồn hiu hiu mà tru lên. Anh sờn da gà, nhưng trong lòng thì cảm thấy như nóng lắm. Lúc ấy mà bước xuống thang, ra vườn hái lấy một hai quả tuyết lê ăn, anh thấy tỉnh táo một cách lạ kỳ và đồng thời mang máng thấy rằng sống ở đất Bắc vào cái cử giêng hai sương quá, sương không chịu nổi. Cây lê có tuyết phủ trông như vẽ ở trong một bức tranh một xứ lạnh Âu châu.

Trái lê cũng thế : đúng là một trái cây bằng thủy tinh. Anh cầm trái lê, khẽ gõ vào chân thang, băng tuyết phủ ở bên ngoài rụng xuống. Lấy dao bổ ra, thưởng thức từng miếng nhỏ, tôi đồ có thứ trái cây ướp tử lạnh nào ngọt xót, dịu hiền và thơm ngát thơm ngào như thế ! Anh không cần nhai, cứ để lưỡi xuống miếng lê thì nó đã tan ra từ lúc nào rồi.

Móc coọc, cũng thuộc loại này và cũng sản xuất vào tháng này, cũng ve vuốt khẩu cái của người

ăn như thế, nhưng hơi cứng mình một chút. Tuy nhiên, yêu quá là yêu, nên ăn thế nào cũng cứ thấy ngon vì cái ngon lành của mỗi thứ có tính cách riêng biệt cũng như mỗi dây trong chiếc tì bà reo lên một thứ tiếng tơ đồng khác nhau.

Có phải là tại mình thương yêu phần tử nên yêu luôn từ bông hoa mà yêu xuống đến trái cây, yêu từ cái lá hoè lẫn lẫn mà yêu lan sang chùm hoa mộc ?

Hay là quả thật, như nhiều người vẫn nói, trái bí ở đây to mà kém ngon, con gà lớn mà kém ngọt, trái đu đủ bự mà kém thơm ? Tôi cũng đã ăn phật thủ ở đây rồi, nhưng cứ nói thực không việc gì dối trá, sao trái phật thủ Bắc bày trên bàn thờ ông bà ngày tết, đến tháng hai bỏ ra vẫn có cái hương vị khác trái phật thủ ở đây ?

Tháng hai của Bắc Việt xa xưa ời, yêu tháng hai quá và nhớ tháng hai nhiều lúc đến biếng cười biếng nói.

Biết đến bao giờ người lữ khách mới lại được thấy lại cái tháng hai ngày xưa của nẻo Bắc cách mấy mươi trùng thương nhớ ?

*Những say tỉnh : Bắc Kinh mưa gió,
Vẫn mơ màng : phòng cũ chiếu chăn,
Gối sầu cách áng mây Tần*

Bắn khoắn tay áo, chân quần ở đây.
Án nọ đỡ ngang mày sớm tối
Nay tháng ngày no đói với ai ?
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư chợt nhớ đến mùi Giang Nam !

Thấy gió thu, Trương Hàn đương làm quan tại triều nhớ đến rau rút, cá mè ở quê hương. Người lữ khách ngày nay, xa cách quê hương, thấy tháng hai trở về, cũng động lòng nhớ tiếc không biết bao nhiêu khuôn mặt, không biết bao nhiêu miếng ăn ngon, không biết bao nhiêu tình thương yêu đã mất. Nhớ từng những cơn đường mưa bay riêu riêu cùng vợ đi nhón nha ven hồ Bảy Mầu nhớ đi, nhớ những đêm trèo lên ngọn đồi trên đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại.

Nhớ quá chừng là nhớ, thương không biết ngần nào là thương. Thương nhất là người vợ bé nhỏ yêu chồng, mùa nào thức nấy, không bao giờ đợi cho chồng phải nói lên sự ước mơ. Nay mình, em đổ vào tháng hai này, xứ sở mình còn có gì đặc biệt nữa nào ? Người chồng chịu, không biết trả lời sao.

Nhưng đổ ai nói lên được cái thú vui thâm lặng trong óc chồng, hôm sau, khi đi lên Nghi Tàm mua một cây thế về trồng trong cái chậu Giang

Tây, bỗng thấy ở trên bàn một mâm đầy tú hủ hành, thìa là, thơm, mùi, ngổ... xanh ròn giữa mấy đĩa bún trắng tinh.

Ấ đúng rồi, cá anh vũ mùa này béo, ăn chả cá thì tuyệt trần đời.

Người vợ vừa đích thân ngồi quạt chả ở ngoài sân vừa nói chuyện với chồng đương nhấm nhót một ly rượu sen Tây Hồ :

- Đây, cá anh vũ Việt Trì đây. Chả cá phải ăn cá này mới được.

Tại sao ăn chả cá lại phải có cá anh vũ ? Mà hà có gì cá anh vũ lại phải là cá Việt Trì mới ngon?

Người chồng không cần biết gì lôi thôi, chỉ có tháng hai ăn cá anh vũ nướng chả thì ngon thực. Nếu muốn đổi món, cá anh vũ làm gỏi cũng ngon lạ ngon lòng, nhưng người vợ biết ý chồng, mua cá anh vũ nấu cháo ấm thì người chồng thấy hợp giọng hơn nhiều lắm. Xắn một miếng cá, chấm nước mắm ngon có vắt chanh, bỏ ớt, và quậy mấy cây tằm cà cuống nguyên chất tự tay mình lấy ở trong bông cà cuống ra, ăn với cháo có hành cuộn lại, có rau cần điểm một ít thìa là ngọt cứ lừ đi, quý thân không hưởng thì thôi chớ đã hưởng một chén chắc chắn cũng phải đòi ăn chén nữa.

Đêm tháng hai ở Hà Nội ngày trước, hầu hết

các nhà đều đóng cửa từ lúc bảy tám giờ chiều. Thật đúng là người ta không biết lẫn xả vào cuộc sống để làm tiên, để hưởng vội lấy những thú vui bọm bãi trên chiếu bạc hay trong những cái "sô" đầy lông rậm lá, hoặc để ăn những bữa cơm đất tiền bằng cả gia tài người trung lưu rồi hút, rồi chích, rồi đánh đập như những kẻ sát phu tàn bạo... Nhưng để đền bù lại, họ có cái thú trầm lặng, vui cái vui của gia đình thê tử, uống chén nước trà mạn sen với anh em và góp vài hội tổ tôm hay rút bắt, đánh tam cúc lấy vui trong bầu không khí thân yêu, cởi mở, với họ hàng bạn bè.

Ngày tháng trôi đi nhẹ nhàng. Không lo tiên, không lập mưu thiết kế, không oán ức, ăn rau rút muối mè cũng thấy ngon. Thỉnh thoảng, một người bạn mới đi chơi về lại gửi cho một vài mớ rau sắng, đem nấu sùng, hay gia thêm một bánh trứng cáy vào cho đậm, vợ chồng ngồi thưởng thức cảm thấy có một phần ngon hơn ăn yến.

Trời thương, các con chúng cũng ngoan. Tiền không có nhiều, nhưng cũng tạm gọi là có căn có bản. Cả năm làm ăn vất vả, chẳng lúc nào được rỗi rãi thực tình, sống lại những buổi đầu lưu luyến, anh ạ, hay hôm nào chúng mình đi chùa Hương đi ? Tháng giêng vừa đây, đã đi chùa Trầm rồi, sớm đi chiều về, mệt lắm. Nếu đi chùa Hương,

ta phải đi hai ba ngày cho thông thả chớ không đi như năm ngoái, đi sáng hôm trước chiều hôm sau đã về, lẽ Phật không được đầy đủ, nói gì đến chuyện thưởng thức bầu trời cảnh bụi của đệ nhất động Nam Thiên ?

Hai mươi mấy năm đã qua đi từ bữa thấy hội chùa lần chót ấy, nhưng lòng nào mà quên được cái buổi chiều giữa tháng hai năm đó, chúng ta cùng ngồi ở trên con đò xuôi bến Đục ngắm những con cóc bó cá trên dòng nước trong vắn vắt. Kỳ lạ thay là cái Hương Sơn ! Bây giờ có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt khi nhớ đến cái cảnh trập trùng non non, nước nước, mây mây đó, tôi thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn thanh thủy tú nào như thế : đẹp từ cái khe núi, gốc cây, đẹp từ cái ghềnh núi, bụi lau, đẹp từ con chim, ngọn cỏ.

Nhưng bao trùm lên hết, bất cứ ai cái gì cũng có một tâm hồn, cái gì cũng tiềm tàng một kỳ bí thiêng liêng làm cho bất cứ ai cũng cảm thấy lòng dịu hiền đi, như sợ một cái gì từ bi lắm, như muốn trút bỏ hết sự đời, như muốn sống cách gì cho thực từ ái, thực nhân đức, thực vị tha để chuộc lại những tội lỗi mình đã phạm.

Từ chùa Trong ra chùa Ngoài, từ đỉnh núi xuống doanh khời, từ con chim mổ kiến gõ mỏ vào cây

kêu cóc cóc đến con vượn ru con như đọc kinh ở khe suối đầu ghềnh, anh cũng thấy đều như nhiệm cái đạo Phật rất màu. Mặc dù từ trước đến khi đó không hề tin tưởng nơi Trời, Phật, anh cũng thấy cần phải cúi đầu trước khói nhang thắp lung linh khắp các bàn thờ, trong khắp các động và làm thầm khấn vái đức Phật từ bi cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong ta bà thế giới.

Căng thẳng một niềm tin tưởng, cả hai vợ chồng trèo hết núi nầy sang động nọ, đi hết suối này đến chùa kia, gần một ngày trời không biết mỏi, gặp gì ăn nấy mà thấy cứ ngon.

Ấy là bởi vì lòng nhẹ thênh thênh, quên hẳn tục luy để lại từ Bến Đục. Người vợ thức cả đêm ở chùa Ngoài để lễ rồi lại đi hàng nửa ngày đường trên vách núi cheo leo mà hình như đẹp thêm ra: lạ thật. Nếu có lúc nào thấy mỏi, ô hay, không hiểu tại sao chỉ vào một cái cầu uống một chén nước lão mai lại thấy khoẻ ngay, còn cơm ăn ở một cái quán trên đỉnh cao thổi bằng gạo đỏ, với một miếng cá kho tương và một bát canh cà chua nấu với đậu phụng rán vàng, tại sao lại ngon lạ ngon lòng thế nhỉ ! Có lẽ vợ chồng từ khi ăn ở với nhau chưa bao giờ được ăn một bữa cơm kỳ diệu, mê ly đến thế !

Nâng một chén nước lên miệng uống, rồi nhìn

xuống chân núi, bao nhiêu ruộng rẫy bé như thế là bàn tay trẻ con, người đi kẻ lại nhỏ như con ong cái kiến. Minh tự nhiên cảm thấy như đứng sát với trời và nghe rõ ràng hơi thở của vũ trụ bao la, của từng vì tinh tú. Xa xa, một đàn vượn chuyển cành nọ sang cành kia. Rừng mai, rừng mận nở trắng xóa cả những đồi núi chung quanh, y như thể một bức tranh Tàu chấm phá. Có tiếng chim kêu trong bụi : người bản thổ bảo đó là tiếng từ qui.

Người vợ ngẩn ngại không muốn đứng lên. Cảnh đẹp muốn lưu khách lại. Nhưng từ dưới chân núi, một đoàn người mặc quần áo đủ màu xanh đỏ đã cuộn cuộn tiến lên như một đoàn du-già nối đuôi nhau để lặn ngòi non nước lên cho kỳ được đến cửa trời.

Hai vợ chồng chống hai chiếc gậy lụi nhập đoàn đi vào Hang Mới, và cùng hoà tiếng "nam vô" với mọi người trong khi nhẹ bước trèo hàng ngàn vạn bậc đá và chui qua hết động nọ đến hang kia.

Nam vô A di đà Phật !

Nam vô cứu khổ cứu nạn

Quan Thế âm Bồ tát !

Tiếng nam vô làm chuyển động cả không khí vang lên đến khe núi, đồi cây dội xuống rừng mai,

đồng lúa rồi phản ứng lên trên trời để trời trả lại tiếng vang cho lá cây nước suối.

Ở đỉnh núi đằng kia, sương bốc lên mù mù như khói. Một tiếng gà rừng. Tất cả vũ trụ chỉ là một giấc mơ - Nam vô A di đà Phật.

Em ơi, cứ niệm nam vô như thế, ở bên em quả thực anh không thấy mệt. Ba ngày trèo núi mà lòng nhẹ lâng lâng - đã đành là tại trời Phật độ trì, nhưng có lẽ cũng tại anh tin tưởng - tin tưởng rằng những lời khẩn khứa của em ở trong các động các hang, được Phật, Trời chứng giám. Em khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng ta được sống với nhau đến bạc đầu, dù đôi khổ thế nào cũng cam. Anh tin rằng niệm nam mô đi hết hang này động nọ không thấm mệt thì khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng được sống bên nhau cũng được Phật Trời chứng giám... Ngờ đâu, ngờ đâu chiến tranh lại làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu lứa đôi chia lìa, bao nhiêu lệ rơi máu chảy, làm cho người xa nhà thui mất cả hy vọng được trở về nơi cố lý, uống lại chén trà thủy tiên, nhìn những người thân mến cũ và ngâm với người khúc mặc ai !

Nam vô A di đà Phật !

Nam vô Quan Thế âm Bồ tát !

Ước gì cứ niệm như thế mà được Trời Phật chứng giám thực, thì mình cứ niệm không ngừng để trả cho sạch nợ lưu ly, trở về phần tử một ngày - một ngày thôi cũng được - để kể lại tình tương tư với người yêu bé nhỏ, uống một chén rượu Tây Hồ với miếng cá anh vũ nướng vàng và nằm trong rừng đào Thổ biên thùy nghe hoa đào rụng lả tả xuống vai các cô nàng cười ngựa thỏ in bóng lung linh xuống dòng suối trong như lọc.



THÁNG BA

Rét nàng Bân

Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo. Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngấn ngát một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót riu ran, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, lóng lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp : sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.

Giẫm đôi giày lên trên đất mịn màng, anh cảm thấy cái mát mẻ của đất, của sương vương

trên cỏ thắm vào lòng anh y như thể anh đi chân không vậy. Chim vẫn hót ríu ran. Anh nhìn lên trời cười thì những đám mây hồng toả ra một thứ ánh sáng trắng như sữa, nhẹ như bông, tràn lan trong không khí và úp chup lấy các lùm cây nội cỏ. Anh tự nhủ : "Hôm nay chắc nắng to". Anh sửa soạn một bộ quần áo mỏng để mặc cho nhẹ nhõm và dễ chịu.

Thì quả nhiên, đến buổi trưa nắng thực, nhưng đi lên lầu ngủ vừa dậy, anh cảm thấy có một cái gì rất lạ xảy ra. Anh nhắm mắt lại, nằm lặng yên nghe ngóng, để xem cái tiếng reo ở ngoài vườn vọng lại là tiếng gì mà đến bất thành linh và xôn xao như vậy. Thì ra đó là tiếng reo của gió, của mây, của cây, của lá : chính trong khi ta đương mộng về Tây Phàn với mấy cô nàng sơn cước, trời đã chuyển bất ngờ, đương nắng thành râm, và chỉ trong khoảng khắc, rét của cuối chập, đầu xuân đã trở về trên cánh gió, giữa một khoảng trời tháng ba nắng ấm.

Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng

vua Đường Minh Hoàng : không đau răng cũng
nhấn mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực
thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa
đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu
Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường
Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì
người Bắc đối với tháng ba cũng vậy : yêu cái
nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét
đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng
ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho "chó già
le lưỡi" thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quẩn.
Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

Tôi yêu tháng ba đất Bắc một phần vì thế và
tôi không muốn tin rằng cái rét tháng ba có thể
làm cho "bà già chết cồng". Tôi chỉ thích nghĩ rằng
cái rét đôi khi bất ưng trở về với tháng ba là một
cái rét thơ mộng, cái rét của một trời đầy hương
và ngát hoa, trong đó có những chàng trai mặc
quần đỏ ngồi bên án sách ngâm thơ, nhưng gặp
lúc ngựa nghiêng thì :

*Xếp bút nghiên theo việc đao cung
... Giã nhà đeo bức chiến hào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu...*

và những người đàn bà thủ tiết thờ chồng và than
khóc một mình.

Nước có chảy mà phiên chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng nguôi...

...

Trông chàng lòng rượi rượi buồn,
Bộ khôn bằng ngựa. thủy khôn bằng thuyền

Nàng Bân cũng thuộc vào loại chinh phụ đó.

Thương người ở bên trời, ngay từ khi giá rét bắt đầu, nàng đã lo gửi áo rét cho chồng, nhưng...

Nàng Bân may áo cho chồng,
May ba tháng ròng mới được cửa tay.

Lạy trời cho cả heo may,

Nàng Bân chết quách đêm nay cho rồi.

May ba tháng trời mới được có một cái cửa tay, người chinh phụ ấy hẳn là buồn quá cho nên thấy gió rét bắt ung trở về tháng ba, thương người quan tái, không kịp có áo gửi đi, nàng cầu Trời Phật cho nàng chết quách.

Hỡi ơi, ở đời này, vào bất cứ thời nào, lại chẳng có hàng triệu nàng Bân ! Vì thế nhà thi sĩ không thể không gieo một vần đầy lệ :

Chàng bên trời, thiếp ở Ngô,
Chàng đi nhớ thiếp, thiếp mơ tới chàng.

Thư bao nhiêu, lệ bao hàng,
Lạnh về, áo đến tay chàng hay chưa ?

Riêng cái tên mà người ta đặt cho cái rét muộn màng đó đã thơ mộng lắm rồi : rét nàng Bân. Nhưng có ai đã từng rét cái rét ấy, sâu cái sâu ấy đôi lần, tất đều nhận thức rằng cái rét ấy còn chứa đựng một cái gì đẹp như thế hay hơn thế: đàn bà, con gái trời đã cho xinh đẹp, gặp cái rét nàng Bân tự nhiên đẹp trội hẳn lên, như có thể có một chiếc đũa thần làm biến đổi cả máu huyết, màu da, con mắt, miệng cười, tiếng nói. Từ xa, ta cảm thấy người nào cũng thơm thơm như những nụ tâm xuân.

Vào tháng chạp, tháng giêng, tức là vào cái cử rét dài, rét lộc, không khí có lúc hanh hao, khô ráo làm cho má và môi người đẹp nẻ ra thành những vết chân chim bé nhỏ. Đến cái rét này thì khác hẳn : tự nó đã đẹp và nên thơ, nó lại còn làm cho má và môi của đàn bà con gái cũng nẻ, nhưng da không nét rạn mà chỉ ửng hồng lên như thể da một trái đào tơ mịn màng mơn mớn, làm cho chính Liễu Hạ Huệ có sống lại cũng phải bắt thềm...

Cỏ cây mây nước thấy người ta, trong tháng ấy, tự nhiên đẹp rực rỡ lên, đẹp náo nùng, hình như hơn giận và cố ganh đua để cho xanh bằng người, thắm bằng người.

Từ tháng giêng, cây cối bắt đầu nảy lộc nhưng

đến tháng hai lá non mới bắt đầu ló ra và họ cũng bắt đầu hé mở nhụy thơm, không còn ngượng, giấu tình như trước nữa. Đó là mùa "lá bàng tai trâu, sầu đâu chân chó" : trên các cành bàng lá non hé mở và cuộn lại, chưa bung ra hết, như thể tai trâu, còn cây sầu đâu thì vào khoảng này cũng trở lá non nhưng nhúm lại với nhau thành một hình tròn trông giống hệt vết chân con chó để lại trên mặt đất, sau một đêm mưa tuyết.

Cũng như người con gái dậy thì lớn lên và đẹp không ai biết, chỉ khoảng cuối tháng hai, đầu tháng ba thì lá bàng, là sầu đâu nở bung ra. Nhìn lên lá non xanh màu cốm giót dún dầy đu đưa một cách đa tình làm cho người đa cảm tưởng tượng như cây cối giờ những khăn tay bé nhỏ xanh xanh, vàng vàng ra chào mừng, vẫy gọi... Đến cuối tháng ba, lá bàng sum sê che kín cả đường đi. Dọc theo con sông Đào chạy sang ngang các thôn xóm ở Vụ Bản, Hải Hậu... những cây bàng đứng soi bóng xuống sông Đào chạy dài tít tắp hàng chục cây số, trông như thể một cái tàn bất tuyệt, khổng lồ. Đứng ở dưới nhìn lên, mình cảm thấy đứng ở trong một cái hang kết bằng lá non và không thể không nhớ lại lúc nhỏ còn đi học, sân nhà trường chỉ chít gốc bàng...

Đó là những cây bàng nguyên giống, chứ không

lai căng như những cây mà ta thấy ở đây, mọc cao vun vút và tua tủa lá lên trời. Bàng chính thống cao lên chừng hai sải tay thì lá xoè ra như cái tán, kiểu cây trứng cá, lá to xanh điểm những nốt vàng màu đậm. Lá ấy dùng để nhuộm hàng thì hàng đen không chịu được. Nhưng cái tuổi lên chín, lên mười đâu có thèm biết nhuộm làm gì. Sự mê thích của đứa trẻ nổi tiếng phá phách là tôi hồi ấy, mỗi khi tới mùa bàng, là trèo lên cây đi tìm tổ chim bạc má vì giống chim này ưa làm tổ trong những cái lá bàng cuốn lại và lấy dãi làm chỉ "khâu" hai đầu nối lá lại với nhau.

Trong khi đi bắt tổ chim như thế, các cậu bé thỉnh thoảng lại "vớ" được một cái sâu kèn thì sướng như điên. Lấy que đẩy con sâu ở trong tổ nó ra bóp giập một đầu lại, phùng mang trợn mắt lên thổi toé một tiếng, anh cảm thấy mình là một tên tướng thổi kèn hiệu xuất quân. Anh chạy khắp nhà, thổi âm cả lên, ăn không biết bao nhiêu chổi lông gà vào dít, nhưng có sâu kèn trong túi, không dùng không chịu được, anh lại toé vài tiếng nữa... Chết thì thôi. Cái tuổi ấy đâu có ngán đòn, ngán chửi !

Bị đánh lắm thì phản đối cha mẹ một cách tiêu cực, móc túi lấy ra một vốc quả bàng để ăn. Bàng, ngon nhất là bàng quế, hạt đỏ như son, thơm

có khi còn hơn cả đào : đào để gần mình mới thấy thơm chứ vớ được một trái bàng quế thì, nói thực, để cách xa mình cả một sải tay, đã ngửi thấy mùi thơm phưng phức !

Nếu không kiếm được bàng quế, cố mấy mò, thám thính vớ được trái bàng đực ăn cũng mê ly hết sức : bàng cái nhiều hơn và mọc từng chùm, chứ bàng đực thì có cái phong thái đặc biệt "anh hùng độc lập" đứng một mình một chỗ, không thèm kéo bè kéo đảng với ai. Bàng đực có trái to bằng nắm tay đứa trẻ.

Những người không sành thường nghĩ bàng ăn chát. Thực ra, vớ được quả bàng đực, nhất là bàng quế, cắn một cái ngập răng, nhai thũng thỉnh, còn ngọt hơn cả cam hay táo. Nếu ăn hết một trái mà anh thấy còn thèm thì lấy hòn đá đập cái hột ra; anh sẽ có một cái nhân bùi như trám; và có nhiều, đem đồ xôi trước cúng cụ, sau ăn thì tuyệt.

Có người bảo cây đa cây đề là cây tiêu biểu của nước ta. Riêng tôi thấy cây bàng là thứ cây đặc biệt nhất : cành lá đã sum sê, đứng xa trông về lại đẹp ; mặt khác, cả cái cây từ lá cho đến rễ, từ búp cho đến cành đều dùng được việc, không có một cái gì bỏ phí.

Còn cây sấu đâu ? Cây sấu đâu cũng vậy. Lá, đưa ngâm ngoài ruộng xâm xấp nước cho ải rồi

đem bốn nhất định là hơn hẳn phân hoá học, còn thân cây cố chăm nom cho thẳng, dăm bảy năm hạ xuống làm cột nhà, bóng cứ lộng lên mà mỗi chỉ còn cách trông mà khóc vì không thể nào đực nổi ! Thế nhưng tại sao người ta không gọi sấu đầu là xoan ta, lai kêu bằng một cái tên buồn như thế ? Phải chăng là tại vì cây này trong héo ngoài tươi, tượng trưng cho những người đẹp u buồn, ngoài miệng thì cười mà thực ra hàng bữa vẫn chan cơm bằng nước mắt ?

Cũng vào khoảng cuối tháng ba, các cây sấu đầu mọc ở các vùng quê Bắc Kỳ đâm hoa và người ta thấy hoa sấu đầu nở nụ cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đua vông mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mạn... Nhưng các cụ thực biết thưởng hoa lại quả quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế. Bây giờ nhắc đến loài hoa này, tôi vẫn còn nhớ in những buổi chiều vàng đi thơ thẩn về miền quê, bỗng lạc bước tới một vùng cát trắng ở Xuân Trường, Hải Hậu, ở Phố Cát, Lương Đường, ở Bình Thủy, Mai Động... san sát những căn nhà nhỏ bé xanh um cây cối, trắng xoá tường vôi, mà nhà nào cũng có vài gốc sấu đầu vươn lên như ngạo nghễ khoe

với trời cao ngất ngất những chùm bông phơ phất màu hoa cà êm êm.

Hỡi người du khách đã xuân tứ ! Tôi đổ anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yếu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dừng chân đứng lại ! Tự nhiên anh thấy tim anh nhói nhói.

Ở đời, thỉnh thoảng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi yêu nhiều quá. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi ! Người mắc bệnh lưu lý đã xa cách phần tử mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng ba, nhớ đến sầu đâu mình vẫn cảm như thấy thoảng thoảng đâu đây một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc ! Mùi thơm huyền diệu đó hoà với mùi của đất ruộng cây vờ ra, mùi đậu đã gù mà người nông phu đi hái để đem về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lý và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên... bao nhiêu thứ đó, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không ?

Anh cứ muốn lạc bước đi như thế mãi để uống cái hương thơm của quê hương vào tận tâm can tì phế. Ấy đó, người Việt trầm lặng như thế đó, có cần gì phải tìm những thú vui đất tiền - mà ví có tiền thật nhiều đi nữa, chắc gì mỗi lúc đã mua được để mà hưởng thụ ? Chúng ta tự hào về điểm đó cũng như ta tự hào ăn không cần no mà cũng chẳng phải nghiên cứu xem có đủ sinh tố trong các món ăn không ; ở không cần bin-đinh mà cũng chẳng cần phi-di-de hay máy điều hoà không khí, chỉ làm cho người dễ bệnh ; mặc không cần thời trang gì hết, cốt sao che được thân mình cho khỏi nóng lạnh và miễn sao cho vải vóc bền thì thôi, cần gì tơ bóng, cần gì xoa nhung, cần gì lụa Thái Lan hay ca-tê của Mỹ ! Người Việt Nam chỉ cần có một điều là yêu thương mọi người và không muốn cho ai ghét như bệnh dịch. Một lời chào hỏi đậm đà ; một miệng cười niềm nở ; một bữa cơm thanh đạm dọn vôi vàng để mời người khách phương xa ăn đỡ lòng : quý hoá biết bao nhiêu, cần gì phải mâm cao cỗ đầy, cần gì phải rượu ngoại quốc ngon, chiêu đãi viên đẹp, cần gì phải theo rằm rập nghi lễ giả dối, đen bảo là trắng, xấu bảo là tốt, dở bảo là ngon.

Có ai đã từng dự những bữa tiệc ở những nhà hàng cao mười tầng lầu, nuốt một cách khó

khăn những món ca-su-lê giá hàng ngàn một đĩa, ăn những cái bánh ngọt đầy tú hụ hạnh nhân, đường, săng-ti-i và mứt... tất đã thấy rằng nhiều khi ăn một bát phở xe đậu ban đêm ở ngoài đường lại ngon hơn, uống một chén nước trà tươi thật nóng, rít một hơi thuốc Lào thật say lại thú hơn rồi nhẩn nha thưởng thức một đĩa bánh chay nhấm nhót mấy cái bánh trôi lại làm thoả mãn ông thần khẩu hơn.

Giữa bầu không khí thơm ngát hương sấu đầu ấy, anh thử bảo người nhà hái về mấy ngọn rau cần đầu mùa, nấu một bát canh với tôm he mà ăn với chén cơm gạo vàng xem có phải anh thấy đúng in những cảm giác đó không ? Rau cần là một thứ rau rẻ tiền cấy trong ao, cứ đến giữa tháng ba thì tốt lá, dài rễ, nhổ lên ăn ngay thì ngọt lừ, khó có thứ rau nào sánh kịp. Nếu nấu canh mãi chán, anh có thể xào rau cần với huyết heo bóp nhỏ, hay muốn cầu kỳ hơn một chút thì xào với lòng heo, thịt bò. Rau cần, với bắp cải cho một ít rau răm vào, muối xối, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tàu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không có rau cần thì... hổng, y như thể là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

Tháng ba mà không có những ao rau cần xanh
ngăn ngắt; tươi hơn hớn không phải là tháng ba
Bắc Việt.

*Gió xuân mơn cánh hoa đào
Mưa xuân phấp phới trên ao rau cần.*

Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thế thôi, hiền
lành thế thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chớ
dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới,
đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được ! Đố
ai cướp được !

Cha truyền con nối, đời nọ qua đời kia đã truyền
cảm cho nhau nên từ đứa bé mới ra đời cho đến
lão bà sắp chết, ai cũng lưu luyến quê hương và
không nói ra lời mà ai cũng cảm thông cái đẹp
mộc mạc, thần tiên đó. Càng đẹp hơn nữa là những
ngày tháng ba làng nào cũng có hội hè đình đám,
đèn chăng lá kết rợp trời, hương án, quạt cờ la
liệt. Đó là mùa tế thần, tế thánh, mùa rước kiệu
của cả Phật giáo lẫn Công giáo, mùa đánh cờ người,
cờ bỏi, mùa rước sắc, mùa chọi gà, chọi cá, nhưng
quyến rũ nhất và đặc biệt nhất là những cuộc
đấu vật ở Hà Lạng, Trà Lũ, Hoàn Nha, Mai Động...

Bây giờ, ngồi trong nhà xi-nê chật hẹp ở cái
xứ sở đáng yêu bốn mùa nắng chói, xem những
tay "su mô" đấu "phăng-cờ-rát" bẻ đầu, bẻ cổ, bẻ

chân; bẻ tay nhau oanh oách, tôi thích mơ về một thuở thanh bình xưa cũ, cứ vào khoảng tháng ba thì lại đội một cái mũ dạ bẻ cup, mặc "tờ-reng-cốt" hút thuốc lá "com-măng-đơ" đi về Mai Động xem thi vật.

Cái lối vật này đâu có dữ dội như lối vật tai ác quái quỷ của các võ sĩ mà tay thấy trên màn bạc vào cái lớp phim gọi là thời sự, dưới mục đề "thể thao". Các đô tranh giải không to béo như trâu trượng, người nhung nhúc những thịt là thịt, nhưng to lớn, trượng phu, cổ to, bắp thịt nổi cùng mình, đứng bái tổ mà người ta ngỡ là thần Dớt xuống trần hay Hách Cừ sống lại.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những tay đô ấy, thực quả tôi không biết bắt đầu từ đâu và nói thế nào cho hết được cái mê say, cảm phục của tôi hồi đó. Tôi chỉ biết rằng nếu tôi nhắm mắt lại, đến tận bây giờ, tôi vẫn còn mừng tượng được cái màu da đỏ như táo Tàu của họ, những bắp thịt ở tay lúc thường mà chạy đi chạy lại như con chuột và cái bụng lép kèm kẹp cũng có những bắp thịt chạy dọc chạy ngang. Tôi nhớ một tay đô nhất, vô địch Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy... tên là Cả Thuyền biểu diễn sơ sơ mà bóp nát cả một cái giàn làm bằng những ống luồng to như những cái chĩnh muối cà ; tôi nhớ Ba Xuyên dọa người

đứng xem, móc mười ngón chân xuống đất mà xúc được một đồng đất thó rần như đá tung lên trời; và tôi nhớ cả nữ đô Tô Thị Hằng vật nhau một buổi với chín đô đàn ông bằng những phép "cuốn chỉ", "ra ràng", "vào tay tư", "bắt bò" biến hoá như thần mà đến lúc lĩnh giải vẫn cười nói thong thả như một người mới đi chơi mát về.

Ôi, tháng ba đậm ấm ngày xưa, tháng ba tươi tốt, người đã tị mù tăm tích ! Biết bao giờ ta còn được nghe thấy tiếng trông giục các đô vào trận, biết bao giờ ta lại được trông thấy những tay vật nhà nghề bắt bò thần tốc, khoá chân tay nhau rồi vật chống chân lên trời ! Va tợn ghét những kẻ vô biên, hạ nhau tàn ác ; ta ghét "Phăng-cờ-rát", quyền Anh, nhưng thú thực đến cái vật của Việt Nam thì ta phải nhận là thượng võ chính cống ; là thi tài nhưng không hung ác, điên rồ; là tiêu biểu được hết cá tính của dân ta, phàm thấy ai đã ngã thì thôi không đánh nữa, trái lại, lại còn đến gần, chấp tay xá mà nâng dậy.

Ở Bắc Việt, tháng ba có Tết Hàn Thực kiêng dùng lửa, chỉ ăn ròng đồ lạnh, ngoài ra lại còn biết bao nhiêu hội hè, mà hội hè nào cũng ý vị, mà cũng nên thơ, mà cũng hấp dẫn người ta như thế, thì bảo làm sao, xa nơi phần tử lâu ngày, người mắc bệnh tương tư kinh niên lại không thương

nhớ và không muốn nhớ én nhận gửi về cho xứ sở, vợ con một ít nỗi niềm đau xót ?

Đau xót nhất là không biết vợ con bây giờ ra thế nào ? Từ ngày chia rẽ mỗi tơ thì ra sao ?

*Đã cay đắng nhiều đường rộn rã,
Lại nhọc nhằn đến cả vợ con,
Mấy năm chút nghĩa ôn tồn
Giao đào trá mận lòng con băng khuâng.
Đường kia nọ, nửa chừng bề bộn,
Nỗi trước sau, trăm món ngổn ngang,
Mất kia thác cũng còn dương,
Hồn kia muốn dứt, còn vương nỗi này.*

Có một lúc có tin đồn ở Vinh Phúc, mấy tháng sau lại thấy nói đã lên ở thành Tuyên. Tuyên thành ! Chẳng phải đó là nơi chúng ta đã cùng theo kháng chiến lên ở một đạo hay sao ?

Em ơi, em ơi, nhắc lại như thế thì nhớ quá. Nhớ cũng đúng vào cử tháng ba như thế này, và một năm đã xa xôi, chúng ta cùng nhìn đôi đi xem tung còn mà bụng thấy no, phải không Quý?

*Dăm cô con gái chưa chồng,
Hội tung còn đến, thấy lòng nao nao.*

Các cô gái chưa chồng thấy lòng nao nao, nhưng chúng ta thì thấy lòng rộn rã còn vui hơn cả trai

thanh gái lịch người Thái vận đủ các thứ quần áo mới, mang đủ các màu chói lói trên người, đi tung còn để bói quẻ đầu năm.

Thực ra, từ tháng giêng trở đi, ở miền thượng du, trai gái người Thái đã bắt đầu tung còn rồi; nhưng vui nhất là tháng ba vì lúc đó là mùa "hoa bướm" đổ xuống bờ cỏ bụi cây, trai gái kéo nhau đi tung còn, hoa bướm⁽¹⁾ rơi xuống đầy vai, đầy đầu, trông xa xa như thể trời rắc "công-phe-ti" xuống mặt đất để chia sẻ nỗi vui của lớp người trẻ tuổi yêu nhau.

Đứng xem trai gái tung những quả còn tròn bọc vải ngũ sắc có đính cái đuôi dài lên những cái vòng tròn cặp giấy hồng điều, thấy họ rướn người, giơ tay lên trời, anh còn nhớ chính em đã nói "trông họ đẹp như tiên vậy".

Hội tung còn của đồng bào Thượng là một hội để cho trai thanh gái lịch gặp nhau, nói lên sự yêu thương, để cho anh con trai tỏ tình với cô gái và để cho cô gái khoe sắc khoe tài với con trai, nhưng thực ra nó là một cuộc bói - bói nhân duyên. Cô nào mà tung còn được trúng vòng nhiều thì sẽ gặp may, tốt may xanh tóc, cặp nào tung còn được điểm nhiều thì năm ấy sẽ được đẹp lứa

(1) Một loại hoa ở mạn ngược, lúc rớt xuống như bướm bay.

vừa đôi. Tất cả, đó là một cuộc bói như đầu năm ta bói tuồng hay bói Kiều và có một vài cô người Thái, da trắng như trứng gà bóc, mình đẹp như tượng Vệ nữ thần, quả quyết rằng bói như thế trúng lắm, trăm lần hoá chỉ sai có một hai.

Ở Tuyên thành, bây giờ em có lần nào trở lại xem hội tung còn ngày trước nữa không ? Phải chi én nhận biết nói tiếng người như trong chuyện thần tiên, thế nào ta cũng cạy chim, cạy cá nói nhỏ vào tai người yêu một câu thương nhớ và xin nàng ghi dạ đừng quên :

- Người yêu ơi ! Nếu có dịp xem hội tung còn em nhớ khâu còn và cũng tung thử vài hội xem sao nhé. Tung thử để bói xem trời bể cứ mông mênh thế này thì đôi ta biết có còn giữ được mối tình tư quy⁽¹⁾ lúc bẻ cành liễu ở chân gò Mả Đỏ?



(1) Tư quy : nghĩ đến sự trở về, theo câu thơ của Cao Bá Nhạ:
Trông về, trời bể mông mênh
Lúc đi còn vướng mối tình tư quy.

THÁNG TƯ

Mơ đi tắm suối Mường

Chẳng biết ăn cái trứng nhạn vào thì có mát lòng mát dạ được tí nào chẳng, chớ thật tình ở miền Nam yêu quý, sang đến tháng tư này trời nóng quá, ăn gì vào miệng cũng không ngon.

Anh cứ thử tưởng tượng một con lộ dài như đường Công Lý chẳng hạn, chạy từ Chợ Cũ cho đến Tân Sơn Nhất, sơ sơ cũng mười cây số dài, vậy mà chỉ có vài chỗ có ba cái cây cho ta bóng mát còn thì toàn là nắng, nắng suốt ngày.

Nắng như điên, thế mà anh lại lên cơn yêu Sài Gòn muốn đi nhớn nha ngắm cảnh thì khỏi phải ước đoán, lúc về, nếu không thành lợn quay ít ra anh cũng "trúng", phải cạo gió rồi uống Cà khôn tán, Căn cơ tán vài phong là xoàng.

Miền Nam mến thương ời, thương mến miền Nam thì lúc nào cũng có thừa, nhưng muốn tìm

những lý lẽ độc đáo để khen cái nắng chói chang ấy thì quả thực không thể nào khen nổi. Ấy là tại vì nắng khổ đến thế nào cũng vẫn cứ chịu được đi, nếu mình không dự tiên để đi nghỉ mát Vũng Tàu, Long Hải ; nhưng bức nhất là có hôm đang nóng vớ đầu xát tai như thế thì trời lại giáng một trận mưa đột ngột làm cho nhiều khi không kịp tìm một nơi ẩn trú, cứ phải đi đại ngoài đường như một triết nhân, mặt mũi tèm lem, quần áo lướt thướt, mà về đến nhà thì sổ mũi nhức đầu; cơn ớn lạnh nơi xương sống. Cái bệnh tê thấp chẳng biết có phải một phần phát sinh vì mưa nắng thất thường, vì khí hậu ở đây nóng ghê gớm mà bên trong thì lại ẩm thấp chẳng ? Mình vào ở đây thấy tê thấp nhiều quá cũng đâm ra trợn, ăn thức gì cũng phải nghe ngóng xem sao, mặc dầu ai cũng biết miền Nam yêu quý có nhiều món ăn đem lại cho người viễn khách những hương vị tân kỳ độc đáo.

*Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng,
Về ruộng ăn cá, về đồng ăn cua.*

Cua cá ăn nhiều, hình như cũng chẳng lợi lắm cho người tê thấp cho nên người Bắc sành ăn vào đây chỉ mơ ước có một thứ trứng nhạn mà thôi. Nhưng mơ là một chuyện mà được ăn lại là chuyện

khác, có phải người nào muốn ăn cũng được ăn đâu. Đó là vì vào tháng tư, ở miền Nam, tại các đảo ven bờ biển trong vịnh Thái Lan có những khu rừng sác trù mật mà các loài chim biển thường về làm tổ và sinh con đẻ cái. Đó là mùa chim nhận đẻ trứng...

*Tháng tư cơ gói ra Hòn
Muốn ăn trứng nhận phải lòn Hang Mai*

Đồn rằng ăn cái trứng nhận này mát ruột mà lành, hạ đờm mà lại không tiểu tiện nên nhiều người vào đây ao ước lắm, nhưng vì không thuận tiện trong sự giao thông một mặt, lại không thể lòn Hang Mai mặt khác, nên đành cứ phải sống nhẩn ở thủ đô ăn gạo Mỹ hột tròn chín trăm đồng một tạ và uống rượu với xoài xanh hay mạn rồi nằm gối đầu tay không nhìn én nhận bay qua như Cao Bá Nhạ mà lại nhìn sang cái mái tôn nhà hàng xóm suốt ngày vắn ra-đi-ô nhức óc và dăm thì mười họa mới thấy trời, khi nào Mỹ thả hoả châu trong đêm tím.

Không. Nói thế mà thôi, chớ anh nào nghiệm trái cây thì ở đây cũng thú vì anh có thể ăn xoài xả lảng - mà đủ các loại : xoài cát, xoài tượng, xoài ang ca, xoài roi ; đủ các thứ : xoài chín cây, xoài nhuộm, xoài ngâm khí đá - ăn mạn kỳ thích

thì thôi. Thêm nữa, lơ-tu-ma ăn ngon như bơ mặc dầu hơi bí và nghẹn cổ nếu ta ăn hơi hấp tấp; vú sữa từ giêng hai đến tháng này vẫn còn đầy rẫy ở trong chợ, bên lề đường : anh làm ba ly nhậu với các thứ đó và nhìn ra trời nắng chói chang, lấy tay bóp lấy đầu vì nhức quá và ngâm một bài "Bạch Tuyết thi", ấy thế mà cũng có lúc tưởng mình là một thứ tiên ở hạ giới rồi.

Ấy là nói những lúc anh cao hứng vì có rượu nó "đưa" đi, mình cảm thấy hùng hồn phấn khởi. Về nhà, lăn ra giường ngủ một giấc dài, đến khi tỉnh dậy thì thấy trăng chiếu vào giường. Anh nhớ lại bài thơ cũ :

*Thấy trăng chiếu đầu giường,
Tưởng mặt đất mờ sương,
Ngủ đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.*

Anh nhớ cố hương không phải là không có cố. Vào cỡ này, ở Bắc Việt, trời cũng bắt đầu nóng, nhưng không nóng như thế này. Cái nóng ở Bắc cũng làm cho rôm sảy nó đốt người ta một cách khó chịu, nhưng đương đi ở ngoài nắng mà vào chỗ râm thì da thịt ta cảm thấy bình thường ngay, chứ không điên cuồng, rồ dại lên. Anh muốn tắm, và tắm thì thấy mát da mát thịt liền. Ở

đây, có khác : anh đương nóng, nghĩ bụng về đến nhà phải tắm liền, nhưng vừa cởi quần áo thấy sồn gai ốc, và có khi suy đi nghĩ lại một chút, có ngại mà thôi không tắm nữa, đợi đến hôm sau cũng được.

Nói về mấy cái thú ở đời, có nhà thi sĩ đã cho cái tắm là một cái thú ngang với cái thú đi chơi những vùng đất đẹp mùa xuân, cái thú uống rượu hoàng hoa mùa thu và cái thú ngâm thơ Bạch Tuyết mùa đông. Người tỉnh rượu lúc canh tàn nhìn trăng rồi cúi đầu nhớ cố hương, lúc ấy thêm cái thú tắm suối của một ngày xa xôi ở xứ Mường vùng Việt Bắc, thêm không biết thế nào mà nói.

Đó là những ngày tay chống gậy, vai mang ba lô, anh lang thang trên các nẻo đường đất nước để sống cái đời lý tưởng : vừa hôm qua mới ở Đọi Đệp ngủ trên mặt đất lạnh, ăn tô phở vịt thì chiều hôm sau đã ở trên đỉnh núi vùng Hoàng Su Phì với một gia đình Mèo ; sớm ngày vừa thấy ở trong một thung lũng Ngũ Châu thì chiều tối đã ngồi hút thuốc vệt ở Thường Sơn, Cẩm Thủy.

Làm sao mà quên cho được những ngày sống từ Hoà Bình đến Ngũ Châu, Lang Chánh, Quảng Hoá, Bái Thượng, Ngọc Lạc... Vào cái khoảng tháng tư này đây, trời bắt đầu nóng, ngày nào mình cũng đi tắm suối ở xứ Mường và cho đến nay vẫn còn

ghi ở trong lòng biết bao kỷ niệm xanh một màu núi tím, nước xanh. Cứ vào giờ ngo, trai gái dắt nhau đi tắm, máng nước bắc từ trên đỉnh núi xuống. Con gái Mường, con trai Kinh vẫy vùng trong những vùng nước ở chân núi, trông xa y như thể là thần tiên cổ Hy Lạp tả trong tập "Tiếng hát nàng Bilitis" của Pierre Louys : nước thì xanh, núi thì tím, hoa trên sườn núi đỏ màu cánh sen mà các cô nàng thoát y lại trắng như ngó sen, tóc rủ xuống lưng, đen như mực tàu... Người con trai Kinh lạc loài vào giữa các tiên nữ ấy, thoát đầu thấy ngượng ngùng, nhưng sau quen đi cảm thấy ghiên tắm suối và không ngại đùa giỡn và té nước vào các cô nàng vẫy lấy anh ta như trong một hội hoa đăng trên thượng giới.

Ông thi sĩ nào đó từng đề cao cái thú tắm Lục Hà Trì mùa hạ không biết có được hưởng thụ cái sướng tê người của anh chàng văn nghệ Bắc Việt không, chứ tắm như thế đó ai mà không nghiệm.

Muốn cách gì, cứ đến trưa là phải lo sửa soạn đi tắm rồi, không thế thì không chịu được : Tắm như thế không phải là tắm cho cái thân thể tục trần này mà là tắm luôn cho cả đôi mắt, tắm nốt cả cái tâm hồn phiền toái của mình vì vừa tắm, vừa ba lơ, vừa trò chuyện, mình mới thấy cô gái

Mường đáng yêu biết chừng nào, chân thực biết chừng nào.

Bất cứ cái gì cũng làm cho cô sung sướng và cười lăn cười lộn : một miếng xà phòng, vật thử có là bao, nhưng đem cắt từng miếng nhỏ bằng ngón tay biểu mỗi cô một miếng thì đã là cả một trời hạnh phúc.

Cô nào cũng muốn tắm cho anh và cô nào cũng có một đôi ba điều để chỉ bảo cho anh biết : chỉ có người Mường tắm thế này thôi, chứ người Mán không có tắm nhiều, còn người Thái ở trên đỉnh núi cao thì từ thuở bé đến già không có tắm nước mà toàn tắm cạn, nghĩa là chỉ lấy khăn lau mình mà thôi.

Cùng nhờ tắm suối được các cô kể chuyện tôi mới thấy rằng cái phép tắm hơi, tắm Tuyết không có nghĩa gì, mà cả cái phép tắm bằng sữa, tắm bằng dầu thơm của các ông Hoàng bà Chúa hiện nay không nước mẹ gì so với các cô nàng cao cấp người Mường ngày trước : đi tắm, các cô có chừng mười, mười lăm nữ tì đi theo, kẻ mang quần áo, người mang gương lược. Cái suối tắm được vây kín lại. Tắm xong, thị nữ đưa cô nàng vào một nhà mát dựng lên gần đó, đặt lên một cái ghế cao bằng trúc mà chỗ ngồi có đục sẵn những cái lỗ thông hơi. Trong khi kẻ chải đầu, người xoa

nắn, một vài thị nữ khác đã sửa soạn một lư hương cổ đặt ở dưới ghế, trong lư hương, có đốt trầm, rêu nhang bài và nhiều thứ hoa thơm khác phơi khô, tất cả cháy riu riu, âm ỉ, đủ cho một ngọn khói nhẹ nhàng bốc lên, lọt qua ghế trúc để thấm nhuần vào da thịt, vào lông, vào tóc của cô nàng.

... Ngày nào tắm, cũng cứ phải đủ nghi thức ấy. Lần đầu, toàn thể da thịt, lông tóc của cô nàng thành ra một thứ trầm hương thực thụ đến nỗi không cần phải "thực thi", chỉ nghĩ không thôi, mình cũng đã thấy người đẹp trầm xông xạ ướp đó mát rười rượi đến chừng nào và bất cứ ngửi vào đâu cũng thơm biết ngần nào...

Nghĩ đến như thế, không tài nào ngủ được, mà lại càng thấy người mình đã nóng, lòng ruột mình lại càng nóng thêm lên. Bao nhiêu chuyện xa xưa vớ vẩn ở đâu kéo lại, giăng tơ trong óc mình như mạng nhện.

Phải rồi, vào mùa này đây, hoa gạo bắt đầu nở đỏ chói ở ven hồ Hoàn Kiếm, rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh, ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa; và cứ chiều chiều dân Hà Nội kéo nhau đi dạo quanh hồ, trải chiếu lên cỏ hay dất nhau đứng giữa cầu Thê Húc nhìn ra những phố Bôn Be, Tràng Tiền hay Hàng Đào, Ngõ Hồ, Cầu Gồ lập loè nghìn vạn con mắt điện màu sáng chói.

Tháng Tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thật oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha,
Đàn muỗi bay toả tả
Nỗi ấy tỏ cùng ai,
Tình này buồn cả dạ !

Mấy câu thơ ấy, học thuộc lòng khi còn nhỏ bé ở một ngôi trường trắng giữa phố Hàng Vôi. Không biết có phải của cụ Bảng Mộng không nhỉ, chẳng hiểu tại sao đêm nay lại đến với tôi ? Mà tại sao có lúc tôi quên phứt mất rồi, mà đêm nay tự nhiên lại nhớ rành mạch không quên một chữ?

Nhớ đến như thế, tức là nhớ lại cả một thiếu thời lúc còn mặc cái áo maga đi học, vừa đi vừa tung chiếc giày da Đức Mậu lên trời vì đi giày nóng chân quá, giẫm đất nó thành hơi, mát mẻ hơn. Ô, "tiết trời thật oi ả" nhưng tại sao chỉ vì thấy "tiếng dế kêu thiết tha" và "đàn muỗi bay tả tả" mà cụ Bảng "buồn cả dạ" và không biết "tỏ nỗi ấy cùng ai" ?

Đến bây giờ nằm nghĩ lại một cách thông minh, thấu đáo, tôi thấy không vô lý gì hơn, vì nhớ đến "tháng tư đầu mùa hạ", tôi không thấy buồn một chút nào.

Tháng tư của miền Bắc ngày xưa, tháng tư

yêu dấu, có nóng, có oi, có để kêu, có muối đốt nhưng tất cả những cái đó có thấm vào đâu với những buổi bình minh nạm vàng, mở mắt ra nhìn lên cao thì thấy mây bay thong thả như trời khảm bằng xà cừ, gió hây hây mát, mở cửa đi ra đường thì cảm thấy cả trời đất trong như là pha lê mà cái thân mình nhẹ tênh tênh như là có cánh.

Anh có thể đi dạo như thế chừng nửa tiếng đồng hồ rồi mới về tắm rửa và làm công chuyện. Đời ngọt ngào trầm lặng và thong thả. Chừng chín mười giờ, nắng hoe lên, trời bắt đầu nóng nóng, nhưng đời sống trầm lặng không làm cho anh đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Vừa làm việc, anh vẫn có thì giờ pha một ấm trà tàu để nhấp giọng cho đỡ khát nước cả ngày. Anh có thì giờ trò chuyện tâm tình với các bạn quen và nếu mệt, tôi mời anh làm như tôi khi còn nhỏ, bắc một cái chõng tre, tìm một chỗ mát nhất trong nhà, ngửa mặt nhìn lên trời xem mây bay, ăn củ khoai lang vàng đầy nhựa rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết...

Êm ái thay những giấc ngủ sáng tháng tư có gió mát đem lại cho ta những giấc mộng thiên thần. Cứ nghĩ rằng người ta ở đời chịu bao nhiêu khổ luy, lo bao nhiêu thứ "bà rần", trải bao nhiêu nỗi buồn thương vô nghĩa, rồi rút cục lại làm nên thiên tử đỉnh chung, giàu thiên ức vạn tài, buông

xuôi hai tay xuống cũng là hết, hết cả, không hơn gì một anh nghèo rớt mùng tơi không có tấc đất cắm dùi, không có cả vợ cả con để chia lo sẻ buồn... thì mình lại càng thấy hưởng được phút nào nhàn nhã, sống được phút nào thông thả với nội tâm mình, tức là được lắm..

Cái người đàn ông Bắc Việt lắm khi lạc hậu đến như thế đấy. Mà không những lạc hậu, lắm khi lại điên khùng nằm đây mà mơ ước tận đâu, ở thung lũng thì mơ trèo lên ngọn núi ngắt một bông hoa mà đương ở biển thì lại mong lên rừng xanh, bẻ đôi cành, hái một quả sim chín vừa ăn vừa nghe tiếng chim kêu vượn hót.

Tôi cũng thế : nằm ở đây, tôi nhớ tháng tư ở Bắc Việt xưa cũ không biết ngần nào và trong những giấc mộng thiên thần, đó ai tưởng tượng được lòng tôi bàng hoàng đến chừng nào khi thấy mình còn là đứa trẻ lên năm lên sáu, đi ra ven hồ, tìm đến các bãi cỏ, dưới các gốc cây để đá vào những cái lỗ con con bắt dế, vì mùa này là mùa dế sắp chui ra, leo lên cây để lột xác thành những con ve sầu. Có khi đi như thế một mình, có khi đi với vài chúng bạn. Cả mấy đứa mang theo một cái ống bơ, nếu đá vào lỗ mà chưa đủ cho dế phải ngột mà bò lên thì chúng tôi lấy bơ ra nằm xuống bãi cỏ ở vệ hồ, thò tay xuống mức

nước đổ vào lỗ đế ⁽¹⁾. Chừng mười hai giờ, trời bắt đầu nắng to. Mệt quá, tìm một cái bóng mát dưới một cây cao nào nằm khểnh, nhìn ra những bãi cỏ xung quanh xem những cái "búp đa" màu vàng ố rơi xuống cỏ rồi nhặt lên thì nhau thổi, hoặc tìm những quả đa rụng, lấy tay khía vỏ xanh ra đến cái thịt đỏ lấy con dao nhỏ khắc cái mắt, cái mũi thành những cái mặt nạ Quan Vân Trường, Lữ Bố hay Lưu Bị...

Không một ngày nào, tôi không bị mẹ đánh và giam như tên tử tù ở trong nhà. Những ngày như thế, tôi thường hay mắc võng vào hai cây nhãn ở sau vườn nằm ngủ, mơ những cuộc giang hồ vất ở con đường Hàng Vôi sau nhà máy Đèn chì chít những cây nhội để bắn sáo sậu và chim khuyên; mơ những buổi lãng du trên cầu Bồ Đề sang bên Gia Lâm, Gia Quất ; và mơ những buổi sáng đi tha thẩn lên Cột Cờ, gần trại lính, cầm một cái đinh chọc vào cây đa ấy nhựa để sang ngồi ở đài Chiến Sĩ Trần Vong về lại thành một quả bóng. Cứ mơ như thế rồi thì thiêu ngủ lúc nào không biết để đến khi thức dậy thì nghe thấy tiếng ve sầu kêu rền rền ở chung quanh nhà.

Tôi không hiểu tại sao người người không chịu

⁽¹⁾ Ở Nam, kêu là sùng ve.

được tiếng ve kêu và cho là đình tai nhưc óc. Riêng tôi, cứ đến đầu mùa hạ, thấy tiếng ve kêu rền rền trên các cây me, cây sấu, cây xoan, cây gạo, tôi cảm thấy một cái thú khác thường của một người nằm mơ mơ màng màng sắp ngủ mà có một giàn nhạc tuyệt vời từ trên trời tấu cho mình nghe một bản nhạc kỳ diệu không thể được thưởng thức hai lần trong một năm.

Nắng tháng tư thường làm cho người ta mỗi một vào buổi trưa. Thành phố Hà Nội im ắng tiếng người, tiếng xe : anh châm một điếu thuốc lá, cầm tờ báo đọc thiu thiu sắp ngủ... thì đột nhiên có tiếng ve kêu, trước khoan khoan, sau mau mau, rồi cứ kêu như thế rền rền, không ngớt, lớp này vừa nghỉ thì lại có lớp kia thay, đều đều mà liên tục đến nỗi nghe tiếng ve, anh cảm thấy trời đất im lặng lạ lùng, nếu ve ngưng hẳn bản nhạc một giây thì y như thể có ai phá sự im lặng thần tiên đó.

Tôi yêu tiếng ve kêu và tôi lại yêu cả cái kiếp ve ve nghệ sĩ. Cái kiếp gì quái gở ! Từ lúc còn là trứng mèn đến lúc thành nguyên hình ve ve, đôi cánh huỳnh kim ca hát cho thiên hạ nghe khúc nhạc mê ly, tính ra phải bốn năm ròng tu luyện, lúc ở dưới đất đen, lúc đào lỗ chun lên, lúc đôi phó với loài người chỉ rình bắt đem về chiên mỡ

hay loài chim loài kiến tha về ổ để cho vào tôn kho, ấy thế mà đến lúc mạnh chân khỏe tay múa may, ca hát được thì chỉ sống nhiều lắm ba mươi ngày ! Cái kiếp con vờ âu cũng thế.

Nhưng mà ở đời có mấy ai thấu tâm sự của ve ? Đông đảo thay là những người chê trách ve chỉ biết ca hát múa may rồi đến khi mùa đông tháng giá thì tiền hết gạo không phải đến vay ả kiến ! Khốn nạn, ve có bao giờ sống được đến khi gió bắc thổi đầu. Thường khi chưa tới giữa mùa hạ ve đã "từ bỏ cái nghiệp du ca", buông chân bán vào cành cây rớt xuống đất "kim thiên thoát xác" giúp cho con sâu cái kiến có một thực phẩm tích trữ ăn dần trong mùa đông tháng giá.

Tôi chưa ăn sùng ve chiên mỡ bao giờ, nhưng bây giờ nghe thấy tiếng ve kêu ở trong rừng, trên núi hay giữa đô thành ngọc ngà này, bất cứ lúc nào, tôi cũng nhớ lại cái tiếng ve kêu rền rền đặc biệt ở Hà Nội ngày xưa. Nhớ tiếng ve tức là nhớ những buổi trưa và buổi chiều sấm tối vào cỡ tháng tư ở cái Hà Nội mến yêu có xe ô tô xi-téc đi tưới đường cho mát mẻ, có những hàng "xê cô" gánh đi bán rong ngoài đường, có những hàng kem ở chung quanh Hồ Gươm thướt tha những cô gái mặc áo hàng mầu, đẹp mộc mạc ngây thơ, đưa nước ngọt và kem cho khách giải khát mà vẫn

khéo chạm vào khách một cách ý vị và duyên dáng. Đã nhớ như thế là nhớ tất cả : nhớ ánh đèn lung linh ở phía Tràng Tiền rung động trong nước hồ, nhớ Bút Tháp, Nghiên Rùa, nhớ những cây liễu xanh mơn mớn nằm nghiêng trên mặt nước chỗ cánh Trấn Ba Đình, nhớ những buổi chiều cùng con là Vũ Lăng cầm một cái sào dính nhựa thông đi bắt ve sâu về để xem nó kêu từ miệng hay là từ cái "mõ" ở hai bên háng, nhớ những buổi tối cùng vợ đi xe giờ về mạn Láng, nằm trên nệm cỏ thơm, ngửa mặt lên trời xem mây bay cùng ăn trái vải đầu mùa...

Ở phải, cũng vào cỡ này đây, ở Bắc Việt bắt đầu có vải. Nhưng mà trái vải ở Bắc, trái vải yêu thương, trái vải thơm lừ, ngọt xớt ! Ít lâu sau này, ở Đà Lạt có nhà trồng tỉa đã lấy được giống vải đem trồng và đem bán ở chợ Sài Gòn ; thêm vào đó, ở các tiệm bán trái cây lại còn có một loại vải phơi khô, bán kí, vỏ thâm xì mà móp lại, bóc ra ăn thịt khô queo, dai nhách mà chẳng có mùi thơm gì hết. Ăn vải như thế tức vô tình thoá mạ một loại trái cây nổi tiếng vì được người đàn bà đẹp nhất đời Đường ưa chuộng.

Tất nhiên, người đẹp ấy không ăn vải đóng hộp bao giờ. Người Tàu còn mê vải đến nỗi phải chế ra một thứ trà ướp bằng nước trái vải, tức

là "Lệ chi hồng trà", nhưng dù là vải đóng hộp, trà vải, vải khô hay vải tươi trồng ở Đà Lạt đem về, tất cả đều không có nghĩa lý gì - nếu anh đã được một hai lần thưởng thức trái vải chính cống ở đất ngàn năm văn vật.

Ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, có một loại vải thiếu trông y hệt trái chôm chôm, có lông, ăn vào nhiều thì say và dễ bị sốt rét như ăn dâu vậy. Đó không phải là vải chính cống Bắc Việt. Vải Bắc Việt, đến mùa, không miền nào không có. Ai đi hội Phủ Giầy hẳn còn nhớ những dãy vải dài hàng cây số, cành lá sum sê, đứng xa trông cây nào cây nấy tròn xoe như cái tán, đến cuối tháng ba đầu tháng tư, trái trở từng chùm to bằng cái nong làm cho cả một bầu trời tươi lên hơn hẳn vì màu xanh của lá chen vào màu huyết dụ của trái cây. Có người đã đi Tàu, đi Tây về ăn thử vải này khen còn ngon hơn cả vải Tàu - và có ý muốn bảo rằng thứ vải mà Dương Quý Phi ngày xưa bắt Đường Minh Hoàng cho ngựa đi hoả tốc lấy về để ăn chưa chắc ngon bằng.

*Tiên Hưng nước chảy lững lờ,
Bên thì giăng vải, bên bờ tre xanh.
Ai cổ Cổ Quán cùng anh,
Mà xem bộ đội từng hoành súng gươm.*

Ấy đó, cái vải Tiên Hưng lấy lòng danh tiếng như vậy mà so với cái vải Cầu Hồ còn thua xa. Cầu Hồ nổi tiếng vì vải là bởi đất ở đây hợp với giống vải ; hơn thế ở Cầu Hồ lại là một khoảng đất riêng tốt đặc biệt để trồng vải tiến.

Nói đến vải tiến thì quả thật là "cúng" được ! Tôi không biết ngày xưa dân làng ở đây tiến vải các vị tiên đế ra sao, nhưng tôi biết rằng dưới thời vua Bảo Đại, dân làng Cầu Hồ làm những cái lồng bằng thép chứa hàng hai ba chục ký loại vải này gửi xe lửa gập vào để kính Ngài ngự.

Lúc đó, tôi còn trẻ tuổi, ngồi yên một chỗ không thể nào chịu được. Tôi nhớ có một đêm tháng tư, không hiểu tình cờ làm sao gặp một người bạn làm xếp ga rủ đi chơi tếu tên một chuyến tàu đêm chạy vào Nam từ Huế. Nửa đêm về sáng, mấy anh em lấy rượu ra uống. Ông xếp ga và hai anh "ba ga dít", gắp lúc rượu ngà ngà, nghĩ ra được một món nhắm rất hách và rất quý : ngay trên chuyến xe ấy, có chở một lồng vải vào Huế cho vua Bảo Đại. Ồ, cứ bảo cái vải tiến này ngon ác lắm, hay là ta móc ở dưới đáy lồng - vì chung quanh lồng đều kẹp chì, mở ra thì có dấu vết dễ làm cho anh em hoả xa đêm ấy mang tai mang tiếng - lấy ít trái ra ném thử xem sao.

Thì ra cái vải gia dụng, cái vải thật ngon cũng

có khác với cái vải thường ta ăn rất nhiều. Ngay từ cái vỏ trái vải tiến cũng đã khác thường : nó không đỏ màu huyết dụ, mà ong óng một màu nâu cổ kính, mà nhẵn lì đi chứ không có gai gồ ghề. Nhìn kỹ hơn một chút nữa thì trong làn da màu nâu ấy nổi lên những cái vân và thỉnh thoảng giữa cái vân lại có một chấm đỏ hiện lên. Trái vải này thực ra không lớn lắm, trung bình chỉ to hơn cái chén quân pha trà tàu một chút nhưng đặc biệt là khi bóc vỏ ra rồi không có nước tèm lem, mà hột chỉ nhỏ bằng cái đầu ngón tay. Cùi nó dày như cùi dứa, nhưng không trắng bạch mà lại hung hung màu ngà. Đặt lên lưỡi, cắn một miếng thì nước chan hoà, ngọt sất mà nhai thì mềm, không nhão mà lại giòn, nhai khe khẽ mà chính tai mình thấy như sấm sục.

Ồi ơi trái vải miền Bắc xa xưa, ngon biết chừng nào, ngọt biết bao nhiêu, thôi, chắc là từ giờ đến chết không còn có bao giờ ta được nằm trên cỏ thơm đường Láng để thưởng thức với người vợ tấm mản biết nhau từ một đêm mưa rào ở vườn Bách Thảo và chia tay không phải từ lúc đánh Tây mà lại chính vào lúc nước nhà ca hát mừng reo độc lập, tự do thống nhất !

Nhớ ơi, nhớ sao nhớ quá thế này ! Nhớ cũng vào một mùa vải như thế này, hai vợ chồng rảnh

rang cùng đi về Vụ Bản thuê mộ căn nhà rơm để nghỉ mát thay vì đi lên núi, sáng sáng, lúc mặt trời chưa mọc, hai đứa cùng đi tha thẩn dưới rừng vải cùng uống mùi thơm của vải chín tiết ra trong không khí trong vãn vất. Chín mười giờ sáng, vào một quán ăn một bát canh bún, uống một chén chè tươi rồi lại đi... đi mãi dưới các vòm cây tận cho tới trưa, mệt quá, không thể đi được nữa, phải ngồi dựa vào gốc cây thiêm thiếp... Mặt trời bắt đầu lên cao. Có vài chỗ mạ đã tốt, dài ra mơn mớn, xanh màu cốm giót.

Quý ơi, bây giờ em ở đâu ? Tại cái xứ có nhiều loại kèn xe hơi cực kỳ tối tân này, em có biết rằng có người chồng thỉnh thoảng trông ra nắng tháng tư lại nhớ đến một buổi trưa tiền kiếp, chúng ta đang dựa gốc cây thiêm thiếp, sức nghe thấy con chim tu hú, đều mở cả mắt ra để cùng tìm xem con chim tu hú ở đâu mà kêu to như thế ở chính bên tai ta vậy ?

Phải rồi, cứ mùa vải đến là có chim tu hú. Tiếng chim kêu nào có độc đáo gì đâu, mà xét ra cũng chẳng hay ho gì cả, vậy mà không hiểu làm sao kẻ xa nhà, nằm gối đầu tay sâu giữa tháng tư, lại cứ nhớ da diết, nhớ tê mê đến cái tiếng của nó và ước ao lại được nghe lại một lần. "Tu hú ! Tu hú ! Tu hú !". Thấy cái mã chim xấu

xí mà tiếng kêu lại nhạt phèo, trẻ con lấy đá ném, kèm theo câu chửi "Tu hú ! Chú mày chết !" nhưng chim vẫn cứ kêu như thường và có khi đứng ở trên tít ngọn cây mà nhìn xuống như không coi thiên hạ ra gì cả.

"Tu hú ! Tu hú !" Thế là cái gì vậy ? Nó bảo rằng mùa xuân đã qua đi, mùa hè đã đến, nếu không yêu lấy đời thì thu đến và đông sang sẽ hết biến một năm ? Hay là nó kêu gào lên nỗi buồn trơ trọi của kẻ du mục, suốt đời không có tổ, phải đi để nhờ trên đất khác, rồi bây giờ nhớ con, đậu thật cao mà gọi con ? Hoặc là chim sống mãi cuộc đời lang thang, mộng làm chuyện lớn lao, không nghĩ đến gia đình mà bây giờ thấy ngày tàn bóng xế vẫn chẳng làm được trò gì hết, nên kêu lên để cho thiên hạ biết cái lòng tiếc nuối của mình ?

Thôi, nhưng muốn cách gì đi nữa thì mùa xuân cũng đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại những ngày mỗi một để ngồi mà tiếc nhớ, thèm thuồng những ngày vui đã qua đi như bóng nắng chiếu lên tường hoa nhà cũ.

Ngày xưa, có người nghe thấy hơi may, chấp tay xin hai sao bến Hán cho vợ chồng được đoàn tụ vào ngày thất tịch. Minh bây giờ thấy tháng tư đem tiếng ve sầu, tiếng tu hú trở về chỉ thấy

buồn nào nề, vì có ngờ đâu cái buổi sáng nào đó vào giữa tháng tư vợ ra bến nước tiễn chồng đi chơi lại chính là ngày ly biệt - chốc đà ly biệt mười mấy năm trời, mà không biết đến bao giờ mới được đoàn tụ với nhau !

Nhớ lại hôm đưa nhau trên bến nước đìu hiu, hai đứa cùng trèo lên một trái đồi, giong một ngọn đèn mờ lên uống rượu và ăn bữa cơm thanh đạm mà ngon, chắc chắn là đến khi nhắm mắt cũng không thể nào quên được. Nhớ đến miền Bắc xa xôi, nhớ đến ngày gia đình bị chiến tranh tàn khốc chia cây rẽ lá, người chồng nằm ở cái đất này làm cách gì mà quên được người vợ khéo tay mùa nào thức nấy, thân chinh muối dưa, nén cà để cho hợp với ý chồng, mùa nào thức ấy, đi chợ lo từ con cá lá rau, để cho cơm lành canh ngọt.

Ở đất này, trời nóng như nung như nấu. Buổi trưa, ăn xong rồi, gặp những hôm khó ngủ, nằm nhắm mắt gối đầu tay mà nhớ những chuyện xa xưa, người chồng thường vẫn thấy hiện ra lơ mơ trong trí có cái bóng lưng thon nhỏ của người vợ ngày xưa, ngồi ở cửa trông xuống dưới vườn, cắt những chũm cà để ngày hôm sau đem muối. Ngon biết chừng nào, cái quả cà Nghệ muối vừa vặn, lấy ra ăn với nước rau luộc hay canh trứng của đồng vất chanh côm thơm lạ thơm lùng.

*Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.*

Cà trồng tháng hai, cuối tháng ba, đầu tháng tư đem ra ăn thì nhất, không thể nào đúng "líp hơn". Ăn một chén cơm chỉ có chan nước lã không thôi, mà điểm mấy quả cà Nghệ thanh thanh, mần mần, cắn cứ giòn tanh tách, anh sẽ thấy là đương mệt mỏi, người cũng tỉnh ra liền và muốn ăn một, anh cũng cứ phải ăn hai, ăn ba mới chịu. Cái "cà bát" dầm tương ăn cũng "ác" lắm : này, cứ thử dùng cao lương mỹ vị độ một tuần mà coi, anh chán ngấy lên đến mang tai, về nhà, lấy cơm nguội với thứ cà dầm tương này ăn thử rồi nói chuyện lại cho tôi nghe nhé !

Gớm thay là cái xứ Bắc Việt mến thương, không giàu bằng ai, không sang bằng ai mà sao lại sản xuất được cái cà, cái dưa, cái tương, cái mần ngon "quỉ khóc thần sầu" đến thế.

*Công anh làm rể Chương Đài,
Một ngày ăn hết mười hai vại cà...*

Câu hát khéo phóng đại làm sao ! Nhưng quả cà ở Bắc, quả cà chính cống trồng ở đất Bắc, nó ngon đáo để là ngon, muốn gì ta cũng cứ phải tin như thế và riêng tôi lại biết chắc có những

ông ngoại quốc đến Bắc Việt chê ông chê eo mà ăn tương ăn cà như quì, ăn hết cả cơm, ăn đến nổi phải vào nằm nhà thương để... xố !

Hồi ôi là cái lòng thương nhớ của người ta : nhiều cái chẳng ra cái "chết" gì mà làm cho mình nhớ quá. Nhưng nhớ đến quả cà Nghệ hay là miếng cà bát dầm tương ăn đúng vào lúc hè, có phải đâu chỉ là nhớ cà mà thôi, mà chính nhớ đến người vợ tao khang, từ thuở bé đã được mẹ dạy cho cách làm tương cà mắm muối, lớn lên chỉ sợ không muối dưa muối cà được bằng chị bằng em - vì vẫn nghe thấy nói rằng muốn biết tài bếp núc của các bà các cô, chỉ xem mắm muối tương cà, thừa đủ !

Nhưng coi chừng đó, hồi người bạn háu ăn ! Cà mềm môi chén tí tí vào, khát lắm, mà phàm đã khát mà theo tác phong ở trong này, cứ nã hết ly đá lạnh này đến ly trà đá khác, hết chai la ve nọ đến chai nước ngọt kia thì bụng dễ trướng lên như cái trống.

Khéo biết ý chồng, người vợ đã nấu vài chén chè để cho chồng xơi giải khát mà mát ruột. Tháng tư chẳng là tháng "đong đậu nấu chè" đó sao ? Ở miền Nam này, chè ngọt là một cái gì thường quá, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, sà vào một cái tiệm hay một cái xe đậu ở đầu đường cuối ngõ, anh cũng có đủ thứ chè dùng : chè đậu xanh, chè

bạch quả, hạt sen, chè phổ mai nhân, chí mè phù, chè hạnh nhân, chè trứng... ăn một vài chén, xĩa tiền ra trả là xong. Tiện quá. Cũng y như thế ta đi chơi vậy !

Tôi yêu yêu cái tỉnh tình thực tế, cái cách giải quyết mau lẹ và khoa học ấy, nhưng tôi lại yêu hơn cái thú la cà, chậm rãi của Bắc Việt xưa cũ, đi hát thì phải đi hát cô đầu, uống trà thì phải đủ lệ bộ, quân, tổng đầu ra đó, ăn uống thì phải sành ăn cho sành cho kỹ, "quí hồ tinh bất quý hồ đa." Đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng chưa chắc chè ở Bắc Việt đã thực ăn một chén chè ở Bắc tôi thấy thấm thía vô cùng làm thấm thía. Đó là tại vì đậu để nấu chè thuộc một giống tốt hơn mà lại trồng trên một thứ đất màu mỡ hơn ? Tại vì các thứ chè ở Bắc nấu không giống chè ở Nam ? Hay là tại vì mình "tưởng" như là ngon hơn bởi vì chè Bắc do chính tay mẹ mình, người thương của mình thân chinh vào bếp nấu cho mình ?

Có lẽ cả ba giả thuyết trên đều đúng cả. Hiện nay đi bách bộ trên các nẻo đường ở miền Nam hay la cà vào các chợ, các sạp ở mười một quận đô thành, người "di cư" chợt thấy có hàng xôi vò chè đường, ít khi ngăn được khẩu cái khỏi thèm thuồng. Có nhiều hôm, ta lại thấy có những bà hàng rong bán chè đậu dãi, chè đậu đen xôi vò,

chè hoa cau cũng hấp dẫn mê ly đáo để, nhưng tất cả các chè đó chỉ là một thí dụ rất nhỏ bé của cái hệ thống chè bao la bát ngát của miền Bắc mà ta thương ta nhớ.

Chao ôi, có ai sầu xứ vào một ngày nào đó, thấy trong người háo quá, thèm cái phong vị chè của nơi nghìn năm văn vật có nhớ đến chè cốm không ? Vào tháng tư, củ mài nhiều, vợ thương chồng nấu chén chè củ mài để vợ chồng cùng ăn trước khi đi ngủ cũng hấp dẫn lạ lùng, nhưng điển hình nhất cho chè ở Bắc Việt, đồ ai quên được chè lam và chè bà cốt ?

Tại sao lại kêu là chè bà cốt ? Thú thực đến bây giờ tôi cũng không hiểu cái tên chè này phát sinh từ điển tích nào - có phải từ câu hát bình dân "*Con chim chích choè... ông thầy ăn một, bà cốt ăn hai, còn cái thủ cái tai đem lên biếu chúa, chúa mới hỏi chim gì ? Con chim chích choè, nó đậu cành chanh...*" - nhưng chè bà cốt quả là một thứ chè đặc biệt Bắc Kỳ, ba chục năm ở miền Nam, tôi chưa thấy có nhà nào nấu ! Tội nghiệp, cái chè ấy có gì lạ đâu, chỉ có gạo nếp, mật và gừng, nhưng nói đến chè, không hiểu tại sao tôi lại nhớ nhiều nhất đến chè bà cốt ! Nhớ như thế tức là nhớ đến hồi tôi còn nhỏ lắm, còn bà, còn bố mẹ, đông đủ lại gia đình, mỗi khi nhà có vụ gì buôn

bán phát tài thì bà nội tôi lại "giống" lên : "Hôm nay để tao nấu cháo bồi cho trẻ con ăn "hay" À, lâu lắm, không nấu chè bà cốt. Có đứa nào ăn không, bà nấu cho một nồi" !

Ngày xưa, đời sống của người dân vất vả và tần tảo, có đâu như bây giờ. Làm ăn một nắng hai sương, tối ngày vất vả, kiếm ra được tiền, nhưng nào dám ăn vào miệng bao giờ. Tôi nhớ rằng thấy mẹ tôi buôn bán vào cái hạng đủ ăn mà nửa tháng hay một tháng một lần mới dám liếc ăn một bát cháo lòng bò sai người đi mua từ hiệu "Cát Tường" ở Cầu Gỗ đem về, hay hôm nào phở lắm mới dám đưa đứa con cưng nhất đi ra Bờ Hồ ăn một bát phở tái ba xu.

Chè bà cốt, chưa chắc đã ngon hơn các thứ chè khác trên đất Việt thân yêu, nhưng cứ mỗi khi nói đến chè thì tôi lại nhớ ngay đến chè bà cốt, có lẽ là vì nhớ đến ngày còn nhỏ, sống trong thanh bình, ở không có bin đình, máy lạnh, ăn không có pa tê gan, phở mạch và bơ, chỉ có những món ăn mềm mà thôi nhưng lúc nào cũng mát ruột, mát lòng, không vì "miếng ăn quá khẩu thành tàn" mà bị ngoại quốc nó khinh cho như chó !

Chè đậu đãi bây giờ người ta gánh bán khắp các ngã đường, nhưng cũng thuộc loại chè đậu này, tôi ít thấy có ai làm chè lam. Hồi những người

bạn ở đây hay phiêu bạt nghìn trùng mây nước, bây giờ mỗi khi thấy năm hết tết đến có còn nhớ những đêm màu xuân lạnh lạnh, chúng ta đóng cửa lại uống rượu, đánh bài rồi đến lúc tàn canh thì cùng xúm lại quanh bàn ăn chè lam, uống trà mạn sen ?

Tội nghiệp cho người vợ bé nhỏ đầu tắt mặt tối, miễn sao làm cho bạn chồng và chồng được vui vẻ là mãn nguyện ! Trà mạn sen phải do chính tay mình mua sen, tỉa lá, lấy "gạo" rồi ướp lấy, sấy lấy ; còn chè lam cũng phải do mình đãi đậu, quấy lấy và chính mình xem lúc nào nên bỏ đường, cho gừng, bắc ra và đem vào đĩa, cho vào trong "lồng bàn". Ăn cái chè lam, nó không mềm quá, mà cũng không rắn quá. Đến lúc tôi lớn lên, không còn mấy nhà làm chè lam nữa.

Bây giờ, nhớ đến cái loại chè lam này, thỉnh thoảng tôi lại thấy hiện ra trên màn bạc của trí óc những buổi chiều ở căn nhà cổ kính đầu Hàng Gai, u già tắm rửa và thay quần thay áo cho tôi xong rồi, tôi lại "lấn" ra đầu Hàng Trống, ngay ở dưới cây đèn, trông sang nhà Đỗ Bá Ty, về tranh bạch hổ, để ăn ốc luộc hay mua ô mai, trám, khế, để ăn. Một bà già đội một cái mẹt con, cứ vào khoảng sáu bảy giờ chiều thì ngồi tại đó bán quà cho trẻ con. Trong các quà đó, tôi nghiện nhất

chè lam - nhưng cái chè lam này không phải là chè lam đơm đĩa mà là chè lam đóng thành bánh mỏng, dài bằng bàn tay, hình cái lưỡi, hai đầu tròn, ngoài có rắc một lớp bột mỏng như kiểu kẹo vừng, kẹo bột.

Tháng tư, đông đậu nấu chè

Nói đến chè Bắc Việt, người xa quê tự nhiên thèm lại mấy thứ chè bây giờ không còn nữa, nhớ luôn cả chè hoa cau, chè củ từ, nhớ chè đường vẩy mấy giọt dầu chuối hăng hăng, nhớ thạch chan nước đường có ướp hoa bưởi từ đêm hôm trước.

Thực ra, có hôm nào rầu rầu trong bụng, sầu sầu con tim, mình nhẩn nha nấu lấy một vài thứ chè ao ước để mình thưởng thức với mình, cũng cứ được đi ; nhưng nghĩ vậy mà thôi, chớ cũng chẳng bao giờ làm cả. Là vì có nấu lên ăn cũng không ngon lành gì mà lại rầu thêm, mà lại sầu thêm, vì đâu còn cái hương vị chung tình, bù ân ngọt ái của người vợ vui cái vui của chồng, buồn cái buồn của chồng, mà lại khéo đón ý chồng nấu đôi chén chè để hai vợ chồng cùng thưởng thức trong bầu không khí lắng đọng của ban đêm có tiếng ve kêu lẫn với lời oán trách của con tấu xuất.

THÁNG NĂM

*Nhớ nhót, mặn, rượu nếp
và lá móng*

Cảm giác của anh ra thế nào ? Tôi không biết. Nhưng tôi biết là đối với nhiều người, bốn câu thơ ấy hay ác, mê không chịu nổi :

*Đã tử hoàng oanh nhi
Mạc giao chi thượng đề
Đề thời kinh thiếp mộng
Bất đắc đáo Liêu Tê*

Mê nhất là có người không biết chữ nho, nghe thấy ngâm lên bốn câu đó, không hiểu nghĩa ra sao mà cứ thấy là hay. Nói gì đến dịch ra tiếng Việt, giữ được nguyên ý của thơ mà lời lại du dương, tiết tấu thì khỏi cần phải nói, cũng thừa biết là người nghe thơ cảm xúc biết chừng nào :

*Đánh cho chết cái hoàng oanh
Ai cho mi hót trên cành cây cao
Hót thời tan giấc chiêm bao
Chẳng cho hồn thiếp được vào Liêu Tây*

Tôi cũng mê bốn câu thơ trên vào hạng nặng, nhưng vì quá thành ra mắc bệnh hay phân tích, nên có lúc đã mạo muội chê cái bà chinh phụ ở trong thơ hơi khó tính : Mộng gì mà chẳng có lúc tàn ; chỉ vì đương nằm mơ thấy chồng ở Liêu Tây, nghe thấy tiếng chim kêu, tỉnh mộng, mà sai thị nữ đánh đuổi cái hoàng oanh đi, thì cũng tội nghiệp cho chim quá.

Riêng tôi, chưa bao giờ tôi lại ghét chim như vậy ; trái lại, nếu bây giờ còn nhớ lại cảm tình gì sâu đậm nhất đối với chim, ấy là tôi nhớ đến lúc còn nhỏ, vào những ngày tháng năm, chim khuyên, chim sẻ, chim sâu đã đánh thức tôi dậy vào lúc tỉnh mơ sáng.

Tỉnh mơ sáng tháng năm, trời trong vắt như lọc qua một tấm vải mầu xanh. Đó là lúc trời mát mẻ nhất trong một ngày, giấc ngủ của người lành mạnh tương đối vào lúc này ngon nhất, nhưng không bao giờ tôi dậy muộn là vì chính vào lúc đó thì các con chim bé nhỏ riu ran tập hót ở trên các ngọn cây chung quanh nhà. Bao giờ cũng vậy,

nghe tiếng chim hót như thế tôi cũng thức dậy, nhưng không mở mắt vội, cứ nằm mà nghe khúc nhạc của chim và tôi ưa nằm đoán một mình xem tiếng nào là tiếng chim sâu, tiếng chim khuyển, tiếng nào là tiếng chào mào, tiếng chích choè, và tiếng nào nữa là tiếng chim cu, bạc má...

Không khí thanh bình lúc ấy hiện lên từ trong ngọn gió, từ tiếng động ở trong nhà, từ cái xéng của người phu xúc đất dất vào trong đường ray xe điện cho đến cái tiếng chổi chà cán dài ngồng của người quét đường làm việc một cách thông dong, nhàn nhã.

Chắc hẳn cũng có nhiều người vất vả, nhưng không hiểu tại sao dưới mắt tôi lúc đó, đời sống của người ta có vẻ nhẹ nhàng, bình dị, không bồn ba lo nghĩ quá đến đồng tiền như bây giờ để đáp ứng những đòi hỏi mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Bây giờ, thấy người ta giữa buổi trưa nắng nãy đom đóm mắt mà vẫn cứ chạy bù đầu ở ngoài đường để buôn bán làm ăn kiếm đồng tiền mua cái máy giặt, cái ti vi, cái máy thu băng... tôi ưa nhớ lại những buổi trưa tháng năm trước ở Bắc Việt, cũng oi, cũng nóng, cũng mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng hầu hết người nào lúc đó cũng tự cho phép mình nghỉ xả hơi, kiếm một chỗ nào có gió mát để chợp mắt đi một chút.

Đường phố vắng hắt người đi lại. Nằm ở trong nhà nhìn ra bên ngoài thấy cái cảnh êm ả của phố phường, tự nhiên mình cảm giác thấy cái nắng cũng có vẻ nên thơ, tiếng giun tiếng dế nghe cũng có một cái gì thú vị, mà ngay đến sự uể oải của người ta cũng là thứ uể oải phong lưu chứ không phải vì quá lao tâm khổ trí mà thành ra kiệt sức. Hầu hết mọi người ngoài thì giờ bốn ba tranh đấu sự sống còn ra, vẫn có một chút thì giờ để pha một ấm trà ngon nhắm nhót, cao hứng ngâm một vài câu thơ để mình lại nghe với mình, xong rồi tìm những đường phố mát thung thỉnh đi chơi, xem cây thế, ngắm giò lan và nếu cao hứng hơn chút nữa thì đi tìm hàng mần thẩn gia dụng đậu ở gần đền Vũ Thạch ăn một tô hay rẽ xuống chợ Hôm tìm hàng bánh cuốn ngon nhất thưởng thức vài miếng rồi tráng miệng một chén chè hạt sen long nhãn.

Ấy, cứ ăn bậy như thế lại ngon, chớ thật ra thì vào cái tháng này nghĩ đến cơm đã ngán. Người vợ hiền biết ý chồng cứ phải nghĩ cách để thay đổi món luôn luôn cho chồng "dễ nuốt" : nay canh riêu cua, mai giò sống nấu ăn với cà... nhưng ta cứ phải thành thực nhận rằng ở Hà Nội, vào những buổi chiều tháng năm "đứng gió", người sang kẻ hèn đều có thể tự tạo một cái thú vô cùng thanh

lịch mà ít đồng tiền : ấy là ăn bánh tôm ở trên hai bờ đường Cổ Ngư.

Cô Năm đã ra thăm ngoài Bắc lần nào chưa nhỉ ? Thử tưởng tượng mà coi : một bên là hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch, giữa là con đường Cổ Ngư thẳng vút lên Nghi Tàm, hai bên viền cỏ xanh mướt và san sát cây cao bóng cả. Cứ vào khoảng năm sáu giờ chiều, nắng bắt đầu nhạt thì người ta dọn bàn ghế ra hai bên lề cỏ ấy bán cho những người đi hứng gió các thứ giải khát địa phương. Ngồi uống đỡ mệt rồi, mà thấy lòng phơi phới vì có gió mát từ hai cái hồ đẹp dâng lên, anh có thể bảo kẻ chủ nhân đưa lên cho anh một đĩa bánh ăn chơi.

Bánh đây là bánh tôm - nhưng kỳ lạ lắm cô Năm à - nói cô đừng buồn, chớ thực quả là tôi thấy cái bánh tôm chiên bán ở tiệm, ở quán, ở chợ trong mười một quận đô thành, nó vẫn thế nào, chớ không như cái bánh tôm ở đường Cổ Ngư Hà Nội. Cái bánh tôm chính cống ở Hà Nội không có khoai lang tẩm bột đánh với trứng vịt rắc lên trên, mà là thứ bánh chỉ hoàn toàn có bột và tôm thôi, ăn vào không ngán mà lại thơm, chấm với xì dầu, dấm ớt, ngon không chịu được. Anh muốn ăn chiên già hay chiên non, tùy ; nhưng chiên già hay chiên non cũng vậy, ăn cái bánh ấy, tôi

đố người nào lại không da diết nhớ lại lúc còn đi học, kẹp cái cặp vào hai đùi, đứng ăn hai ba xu bánh tôm như thế và húp xì dầu dấm bao nhiêu cũng chưa thấy "đã". Cái bánh tôm ấy, ăn không cần kèm các thứ rau, đã ngon rồi. Bánh tôm ở trên đường Cổ Ngư chính là thứ bánh ăn theo kiểu đó - mà chưa biết chừng lại thú hơn vì nhiều lẽ khác : vừa ăn bánh, mình lại vừa được trời quạt cho khỏi nóng ; thêm vào đó, sóng nước lại rì rào đập vào bờ như hát ru mình, trong khi mắt mình được thưởng thức không biết bao nhiêu cái nồn nà của biết bao nhiêu người. Ồi, vào những buổi chiều như thế thì nam thanh nữ tú thiếu gì, chẳng sợ anh nhìn không xuể. Mà thương nhất là mắt cô nào cũng như mơ, nhìn anh mà anh biết ngay là thương yêu anh thực sự, y như thể mẹ thương con, em gái thương anh trai vậy.

Càng về tối, sóng càng tràn mạnh hơn vào vệ cỏ. Bây giờ, anh không còn thấy sóng rì rào nữa, nhưng có vẻ như thủ thỉ ân tình. Vừa lúc đó, người hầu bàn bưng một đĩa trái cây tráng miệng lên. Bà ấy cầm một que bồ quân đưa lên miệng thì chính là lúc ông cũng vừa ngồi sát lại với bà ấy hơn chút nữa và bắt đầu kể chuyện ngày xưa :

"Ngày xưa - mình cũng chẳng nhớ là vào triều đại nào - có một ông vua nước ta đem quân sang

đánh nước Chiêm Thành. Anh không nói giỡn đâu : nước mình ngày xưa hùng lắm, phần nhiều các nước hùng đều coi nước nhỏ là tiểu yêu, không ra gì. Nhưng nước nhỏ còn khuya mới chịu đầu hàng. Quân ta bị Chiêm Thành chống lại, gặp nhiều trận thất điên bát đảo. Có một lần, chính nhà vua bị vây ở trong rừng núi và tưởng chừng phen này có thể cùng nhân răng chết đói, nhưng may làm sao, giữa lúc khổ lên khổ xuống như thế thì chim rừng ở đâu bỗng tha cho một loại trái cây nhỏ xíu, lớn hơn quả găng một chút, nhưng đẹp một màu huyết dụ mà ăn vào thì lại ngọt, có hột nhỏ như hạt vừng. Trái ấy nuôi tạm quân ta một hai ngày để cho ta kịp thời sửa sai, mở một đường máu ra để thoát.

"Trái ấy là trái bồ quân em đương nhấm nháp đó, em ! Có nơi gọi nó là bồ quân, có nơi kêu là hồng quân, nhưng chính tên nó là phù quân, vì nhà vua nhớ lúc bị vây, có loài chim đem loại trái cây này để cứu, nên gọi như thế để kỷ niệm một thứ quả đã cứu vua chúa và quân quan thoát nạn".

Điểm đặc biệt nhất của bồ quân là không ăn từng vốc hay từng chùm, mà ăn từng trái, như trái xơ-ri ; như xơ-ri bán từng lon, chứ bồ quân thì xâu vào một cái que, mỗi que chừng dăm sáu trái, khi nào ăn thì tĩa ra từng quả để cho mình vừa suy nghĩ vừa ăn.

Nói không phải nịnh, chớ miền Nam nước Việt nhiều trái cây không chỗ nói, mà trong đó có nhiều thứ ở Bắc không thể lấy giống đem ra trồng. Muốn trồng, thế nào xoài trong này đem ra ngoài ấy cũng thành ra muôm, còn sa-bô-chi-ê, vú sữa, sầu riêng, cóc, ô-ma, măng cụt... cho đến lúc đất nước chia đôi, tôi vẫn chưa thấy ai gây được giống... Ít lâu nay, ta đã thấy có trái sầu bán kí lô cho vào túi ny lông để các bà nội trợ mua về nấu canh; ta cũng thấy quất, hồng lạng, cam sành... nhưng riêng tôi cảm thấy như từ một thế kỷ nay không được trông thấy trái phù quân xâu vào que là một, quả nhót là hai, quả cây là ba, quả vả là bốn, quả hồng bì là năm...

Thật ra lúc nào thức đêm nhiều xót ruột, chán cơm nhấm nhót trái cây của miền Nam nước Việt thân yêu, tôi vẫn nhớ đến năm người bạn lâu ngày không gặp đó, nhưng sang đến tháng năm tôi phải nói thực là có lúc nhớ quả nhót đến thèm... rõ dài !

Ấy là vì tháng năm là mùa nhót, nhưng làm cho tôi nhớ nhót nhiều chính là tại vì nhà nào ở Bắc, vào nhà tết Đoan Ngọ, mồng năm tháng năm, cũng giết sâu bọ bằng rượu nếp, mặn, nhót và bỏng rộp. Ờ, mà nghĩ cũng thần tình thật. Sống vào cái thời đại mới này, mỗi khi muốn phát động

một chiến dịch gì, gây một phong trào gì, kỷ niệm một ngày lịch sử gì ta vẫn thấy dán khẩu hiệu âm ỉ, bắc loa đi cổ động nhân dân sa sả, thế mà có nhiều lúc nhân dân cũng lười biếng chẳng theo ; vậy mà sao cứ đến mấy ngày lễ vợ vẫn ở đâu, chẳng cần cổ động, chẳng căng biểu ngữ, chẳng hô khẩu hiệu mẹ gì mà dân vẫn cứ tự động theo rầm rập ? Cứ lấy cái ví dụ người mình, nghìn nhà như một vạn nhà như một, tự động ăn tết Đoan Ngọ thì đủ biết.

Ở thành thị vào cái tháng này, người ta lo làm ăn. Mỗi phố tổ chức lễ vào hè riêng biệt đã phờ rầu ra rồi. Còn ở nhà quê, càng bận, vì tháng năm là tháng làm mùa :

*Tháng tư đi tậu trâu bò
Để cho ta lại làm mùa tháng năm
Sớm ngày đem lúa ra ngâm
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra
Gánh đi, ta ném ruộng ta
Đến khi lên mạ thì ta nhổ về
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi
Nước ruộng vơi mười, còn độ một hai
Ấy thế mà tôi đổ ai thuyết phục nỗi nhà quê*

cũng như thành thị đến ngày mừng năm cứ cấm đầu làm việc, không ăn tết Đoan Ngọ đấy. Không bao giờ, không bao giờ.

Đến cái lớp tôi lớn lên, bị ảnh hưởng của văn minh Âu Mỹ cứ kể đã là sâu cay lắm, tôi cứ phải thứ thực là không có một năm nào tôi bỏ được cái tục giết sâu bọ - mặc dầu tôi đã làm cách mạng bản thân, không nhuộm móng tay móng chân bằng lá móng như hồi còn bé tí.

Vào những ngày bé tí ti đó, bố mẹ tôi cho người đi mua lá móng về cho vào cối giã từ ngày mừng bốn để đến tôi thì phát cho mỗi đứa con một chút. Anh em chúng tôi đem cái thứ lá giã nhỏ đó đắp vào mười đầu ngón chân, mười đầu ngón tay rồi lấy những miếng vải nhỏ quấn lại một đêm để sáng tinh mơ hôm sau, thức dậy mở ra ngắm nghía và hãnh diện vì móng tay móng chân mình đỏ chói màu gạch cua bể luộc.

Bên cạnh cuộc cách mạng nhuộm móng chân móng tay, tôi lại bỏ luôn cái lệ mua "bùa tua bùa túi" để đeo vào nút áo hầu tránh tà ma quỷ quái; nhưng trước sau, dù các ông nhà báo đã kích thế nào cũng mặc, cứ đúng sáng sớm mừng năm tháng năm là tôi phải giết sâu bọ bằng cháo trắng, rượu nếp và các thứ trái cây mà vợ đã đi chợ Mơ, Ô Cầu Dền mua cả đóng về từ hôm trước.

Nhớ đến như thế thì làm sao quên được là có nhiều lần hai vợ chồng cầm cùi đồ xôi cả ngày rồi rắc men, rồi ủ, rồi đêm thức dậy dỡ ra xem đã có nước chảy xuống thau chưa và bàn bạc có nên rút bớt lại không hay cứ để nguyên thế cho tới sáng... Này em ạ, cái rượu nếp này ăn thì ngon thật, nhưng làm công phu quá. Hay là từ giờ ta cứ mua bég về ăn, tội gì mà vất vả cái thân thể này, mệt quá.

Vợ không chịu, nhưng rồi cũng chiều chồng. Thực thế, cứ sáng mùng năm tháng năm, các đường phố Hà Nội ngày xưa đâu cũng sang sảng tiếng rao rượu nếp. Kêu một hàng vào mua, cả nhà ăn, chỉ mất hơn hào chỉ là cùng, nhưng có phần thú hơn của nhà làm, không những vì các bà bán hàng này là chuyên viên làm rượu nếp, mà còn vì lẽ nữa là từ cái chén đến đôi đũa của họ cũng hợp lệ bộ hơn.

Mấy năm gần đây, ở miền Nam, người Bắc di cư cũng làm rượu nếp bán rong, đựng rượu nếp vào những cái bát như bát ăn cơm và dùng muông để xúc lên ăn như ăn chè đậu xanh, đậu đỏ.

Ăn rượu nếp ra ăn, đâu có tàn nhẫn thế ! Cái chén đựng rượu nếp phải là những cái chén nhỏ như chén chè, còn đũa dùng thì là một thứ đũa riêng vót bằng tre cật, ngắn bằng hai ngón tay,

tròn trịa, nhân nhụi mà lớn chỉ hơn cái tấm bông một chút. Tôi van cô bạn đừng có lấy đôi đũa xinh xinh đó để và lùa một mạch vào trong miệng tươi hơn hớn, mà tôi xin cô khê cầm đũa xới từng hạt rượu nếp lên, để lên đũa rồi thông thả nhấm nhót từng miếng nho nhỏ, be bé và cô sẽ thấy cái rượu ấy nó ngọt biết chừng nào, cái nếp ấy nó ngây, nó thơm, nó bùi, nó bổ biết chừng nào !

Ở miền Nam, tôi đã thử ăn cơm rượu, ăn không và có khi ăn lẫn cả với xôi. Bảo rằng cơm rượu này không ngon, không đúng ; mà bảo ngon, lại cũng không đúng nữa. Có lẽ tôi chết vì thành kiến, nhưng tôi cứ phải nói thực là cái thứ cơm, rượu viên từng cục nổi lênh bênh trong rượu không gây cho tôi một cảm xúc gì đặc biệt và có nhiều lần tôi đã cố tìm hiểu xem tại sao tôi lại không thú cơm rượu bằng rượu nếp.

Có lẽ yếu tố đầu tiên là việc trình bày, sau đó là vấn đề nếp dùng để đồ xôi làm rượu. Nếu tôi có lăm xin cô Năm, cô Sáu, cô Bảy, cô Tám, cô Chín, cô Mười cứ chỉ dạy cho tôi : rượu nếp Bắc làm bằng gạo lứt, loại nếp cái chưa giã, còn cơm rượu thì làm bằng nếp trắng ; riêng hai cái nếp đã khác nhau rồi và cái ngon, cái bùi của hai thứ đó cố nhiên là đã khác biệt hẳn nhau. Kẻ phàm phu này ăn cơm rượu cảm thấy hơi sượng

sượng và không mấy đậm. Chớ cái rượu nếp chính cống Bắc Việt thì là một cái gì khác hẳn : nó mềm, nó ngọt, nó lại bùi, bùi và ngậy là vì nếp lứt cái nó đã no đủ chất bổ rồi : một hạt nếp ấp để lên trông chẳng khác một con rệp ăn no bụng sệ ; còn cái hạt nếp trắng thì nó dài, chỉ lớn hơn hạt gạo tẻ một chút, trông yếu lắm. Còn mềm ? Theo tôi, đó là tại vì làm rượu nếp đòi hỏi nhiều công phu hơn làm cơm rượu. Làm cơm rượu, người ta ngâm nếp rồi đồ lên như đồ xôi là đủ. Rượu nếp không thế : người nội trợ sành sỏi không ngâm gạo, nhưng đồ lên như xôi một lần, dỡ ra nia, xả nước lại đồ lên lần nữa, rồi mới dỡ ra nia, "sên" ra, chờ lúc nào nguội mới cho vào rá, cứ một lần nếp mỏng thì lại rắc một lần men làm bằng thuốc Bắc, rồi lấy lá chuối, lá khoai ngứa hay lá sen ủ lên cả. Nước rượu chảy như giọt nước đồng hồ ngày xưa xuống một cái thau đặt sẵn dưới cái rá nếp đó...

Ai bảo giết sâu bọ như thế là nuôi sâu bọ? Tôi thú thực theo học Tây từ thuở bé, cũng biết ăm ớ nói chuyện khoa học như ai, nhưng tôi xin nói với các bạn một điều : nếu giết sâu bọ như thế là phản khoa học, tôi thích phản khoa học cả đời, vì rượu nếp ăn quá ngon, sượng quá, "thần sầu" quá.

•

Mà không phải tôi chỉ phản khoa học như thế mà thôi đâu : rượu nếp ăn rồi, tôi lại thích ăn liền roi mạn - hơi ới, mạn Thất Khê to bằng quả đào, cắn một miếng ngập răng mà ngọt, dám chắc không có thứ mạn Đà Lạt nào sánh kịp - ăn luôn cả một vốc nhót cho nó đau bụng luôn đi, nhưng năm nào cũng "giết sâu bọ" như thế, tôi chẳng thấy đau bụng bao giờ hết ! Chính vì "được Trời thương" như thế cho nên ở giữa cái thời buổi mà người ta kêu là "thời buổi hoả tiễn" này tôi vẫn hủ hoá, nhằm ngày tết mừng năm thì cứ "giết sâu bọ" như thường - bất di bất dịch !

Ở đây, tôi giết sâu bọ bằng uýt ky, mạt ten, rượu Minh Mạng nhắm với củ kiệu, măng cầu, khế xanh, cóc tím, xoài ang ca, vú sữa. Vừa giết sâu bọ như thế, vừa nhớ lại lúc còn ở Bắc Việt, có một vài lúc, tôi muốn kêu trời lên một tiếng để xem Trời có cách gì cho tôi được ăn một quả nhót, và chỉ một quả thôi, để cho đỡ thèm thuồng, nhớ tiếc. Nhớ như thế nào, có phải là tiếc nhớ thèm thuồng riêng quả nhót thôi đâu, mà thèm thuồng, tiếc nhớ cả một thuở thiếu thời xanh mướt mộng thần tiên, đi học về, mua nhót đầy hai túi áo, lấy ra từng quả, xoa vào cái tay áo "ma ga" cho hết bụi phấn rồi bóp cho mềm, chấm muối ớt, mút sì sà sì sụp.

Đó là nhót chín.

Nhót xanh thì lại nhớ cách khác, nhớ là cứ vào cái khoảng cuối tháng tư, đầu tháng năm, vợ mua nhót xanh về nấu canh ăn sướng quá, sướng không biết thế nào mà nói. Cái trái cây gớm ghiếc: trông như quả trám màu bạc ố, bốp hơi mềm mà đem nấu canh thì không thể có cái gì ăn ý với thịt thăn hơn : khế nấu riêu cua ; sáu dầm nước mắm ớt chấm với rau muống luộc, nhưng nấu canh thịt ba chỉ hay thăn, để cho dễ nuốt vào mùa hè, không có gì hơn là nhót. Ăn như thế mới là hợp với... lẽ Trời, sai đi thì hỏng kiểu..

Giết sâu bọ vào những ngày mồng năm tháng năm mà ăn nhót chín hay nhót xanh đều thú cả. Tôi không biết các nhà khoa học vì lẽ gì bảo giết sâu bọ mà ăn rượu nếp, nhót, mận thì là nuôi sâu bọ, nhưng tôi thì cho rằng nếu ăn như thế mà có bị Tào Tháo đuổi thì bất quá cũng chỉ là một cách xỏ thôi : người Việt Nam không có cái thói quen uống thuốc xỏ ba tháng một lần như lời ông đốc tờ chỉ bảo, nếu một năm có trót đại xỏ một lần cho nhẹ bụng, chắc cũng chẳng chết ai đâu mà sợ.

Có lẽ nhiều người nghĩ như vậy nên vào ngày tết Đoan Ngọ họ ăn chí tử ; ăn bao nhiêu thứ đó cho là chưa đủ, đến bữa trưa, nhiều nhà lại

ăn bún xào vịt, tẩm thêm dưa hấu rồi đi tắm với nước đun với lá chanh và vỏ bưởi. Tắm như thế, theo nhiều người, trừ được nhiều thứ bệnh cũng như có nhiều người tin rằng nếu chính giữa trưa mừng năm tháng năm mà trời đổ mưa hứng lấy nước ống máng bôi vào những ngón tay "xước mang rô" thì sẽ hết hẳn, không bao giờ trở lại, hay sắc vỏ cây bưởi bong để uống sau khi ăn đủ các thứ "độc" vào bụng rồi thì không còn sợ đau bụng nữa.

Ấy, chính vì tin như thế, cứ mỗi khi tết Đoan Ngọ tới thì tôi ăn thả cửa, chẳng lo âu gì hết và tôi tiếc rằng ở đây người ta không còn được hưởng những thú lặt vặt như thế nữa. Còn gì chán đời hơn là cứ mỗi khi ăn một thứ gì, uống một chất gì, người ta lại cứ phải tự hỏi xem thức ăn ấy, đồ uống ấy lợi hại ra sao và có đủ chất bổ không.

Bổ càng hay, nhưng thích mà không bổ cũng cứ ăn, ăn cho đã. Ở đây, xoài tháng năm nhiều vô kể mà thơm, mà ngọt cứ lừ đi, chẳng lẽ vì thấy thuốc bảo là nóng mà phải chịu buộc mồm buộc miệng hay sao ? Mà tính tôi lại thích hồng bì, nói đại đồ đi, bây giờ có ai ở Bắc Việt vào cho một mớ, vỏ cứ bóng như da đồng, ăn mới đến môi đã trôi đến cổ, mà bảo tội đừng nên đụng tới vì sợ kiệt lý hay phi chánh trị, nghe sao... vô được !

Bắc Việt mến thương ơi ! Nhớ Bắc Việt ngày

trước quá, nhớ sao nhớ quá thế này ! Mà càng nhớ lại càng yêu, vì Bắc Việt ngày trước từ việc nhỏ đến việc to, từ khía cạnh này sang phương diện khác, lúc nào cũng giữ nguyên được đặc tính của mình, không bị chi phối, không bị ai cho được vào trận hoả mù để rồi từ bỏ bậc thái của mình đi tìm cái mới lạ chưa chắc đã là bổ ích, chưa chắc đã hợp với dân tộc Việt.

Đừng ai thấy thế mà bảo rằng mình không tìm tòi, học hỏi thêm. Không. Mình muốn tiến luôn, nhưng bảo mình bỏ tết Đoan Ngọ vì nó hủ lậu không hợp thời, nhất định mình không chịu. Có khi chính vì thế mà mình lại yêu tháng năm hơn nữa cũng nên bởi vì tháng năm có tết Đoan Ngọ... mà nhớ đến tết Đoan Ngọ là nhớ đến bao nhiêu phong tục của nước ta đã tạo nên một nền văn hoá oai hùng mà bao nhiêu ngoại nhân muốn cắt ngọn đều tỏ ra bất lực.

Trời tháng năm nóng quá, đến nửa đêm mới bắt đầu có ngọn gió phe phẩy đuổi cái nóng đi. Hai vợ chồng kê cái giường tre ra nằm ở dưới gốc bưởi trước nhà, nhắc lại cái bữa bún xáo vẹt buổi trưa không được hoàn toàn xứng ý vì măng ninh chưa nhừ. Mặc dầu có gió mát rồi, chồng vẫn quen tay quạt cho vợ và nói nhỏ :

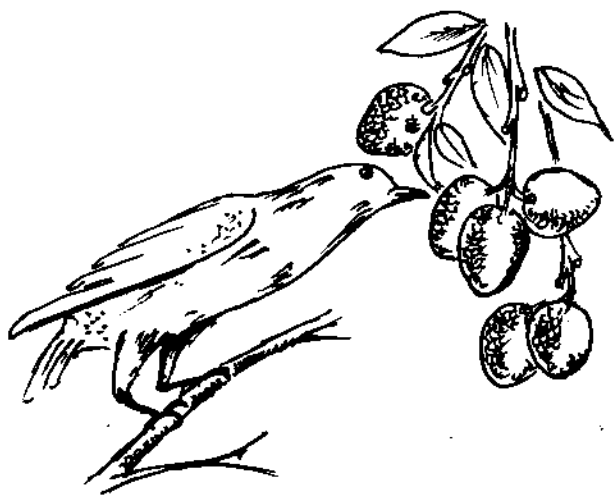
- Làm thế đã ngon chán rồi, đừng nghĩ nữa.

Ngủ đi. Em không biết đêm tháng năm chưa nằm đã sáng đấy ư ?

Chập chờn nửa tỉnh nửa say, vợ đáp lại chồng, nhưng nói như thế là nói cho chính lòng mình nghe vậy :

- ... Chưa nằm đã sáng thực, nhưng đêm ngắn lại càng hay, chớ có làm sao đâu. Em yêu đời quá, mình ơi, ngủ nhiều thấy phí phạm quang âm quá.

Bên kia bức tường, con đỗ vũ sấu đưa giọng khắc khoải trầm trầm như ru người ngủ vào một thế giới đầy những lầu hoa điện ngọc, thỉnh thoảng lại bay lên ngạt ngào tiếng địch quyện vào bóng lá của những hàng thụý dương xanh biếc.



THÁNG SÁU

Thêm nhân Hưng Yên

Thế thì con đồ vũ là con quái gì mà lại ru người sắp ngủ vào những giấc mộng vàng son như thế ?

Guóm ghê cho các bố già, bất cứ vật gì cũng có thể tạo thành sự tích. Con đồ vũ còn có tên là đồ quyền, là tử quy, chỉ là con chim cuốc đen trùi trùi, miệng lớn, đuôi dài, lưng mầu tro, bụng mầu trắng, cứ hết xuân, sang hạ thì kêu ra rả, nhưng kêu dữ nhất vào tháng sáu bởi vì thiên hạ đồn rằng nó kêu hết mùa hạ thì thổ máu ra mà chết.

Tôi chưa thấy ai quả quyết đã trông thấy con cuốc kêu ra máu, nhưng không biết bao nhiêu văn sĩ, thi nhân dựa vào truyền thuyết đó đã viết nên những lời thống thiết và nhất định nó kêu ra máu vì thương nước.

Là vì, theo sự tích, con cuốc kiếp trước là vua nước Thục, tục gọi là Đỗ Vũ. Ông vua đốn mạt này thông dâm với vợ bề tôi Biết Linh, nên trao ngôi báu cho anh chàng này. Về sau, Biết Linh làm ngật, không phát lương thực cho Đỗ Vũ. Buồn bã, Đỗ Vũ bỏ xứ mà đi. Sau, thác đi, hoá thành chim đỗ vũ. Người ta bảo rằng Đỗ Vũ tiếc nước nên ngày đêm mới kêu lên những tiếng kêu thảm thiết bi thương như vậy.

Lại có người bảo rằng chim cuốc là hoá thân của vua Chăm. Ngày xưa, nước Chăm nằm ở phía Nam xứ Giao Chỉ. Dưới thời vua La Hoa, Chăm đem quân đánh Giao Chỉ. Thấy thế của mình yếu mà đối phương thì mạnh, một gián quan Chăm tên là Quốc hết lời can vua, nhưng vua Chăm không nghe. Biết rằng cuộc viễn chinh này thế nào cũng đem lại thất bại cho xứ Chăm, viên gián quan Quốc xin đi theo phò vua để được chết theo vua, hầu tỏ được tấm lòng trung quân báo quốc.

Cuộc chiến giữa hai nước Chiêm Thành và Giao Chỉ diễn ra ở Đèo Ngang. La Hoa chết vì trúng một mũi tên. Viên gián quân Quốc xông ra trận, định cướp lấy xác nhà vua, nhưng cũng bị chết luôn. Hồn của Quốc không tiêu tan được, hoá ra làm con chim cuốc. Ngày đêm, chim ấy kêu lên những tiếng bi thương của một vị trung thần khóc.

quốc vương tử trận : "Cuốc, cuốc ! La Hoa ?" Cuốc, cuốc đây, còn La Hoa bây giờ ở đâu ?

Ấy chỉ có thể thôi, nhưng con cuốc đã thành ra một đề tài bất tận trong văn học sử.

*Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

Bà huyện Thanh Quan đi qua Đèo Ngang lúc chiều tà đã cảm khái nên những vần thơ bất hủ. Sau đó, cụ Trần Danh Án, một di thần nhà Lê, cụ Nguyễn Công Trứ, cụ Tam Nguyên Yên Đổ, cụ Nguyễn Thượng Hiền, cụ Huỳnh Thúc Kháng... mỗi khi nhớ thương đất nước đều nhắc đến con chim cuốc ; nhưng đặc biệt nhất, theo tôi, là bài "Tâm Phụ Ngâm" của Tạ Phương Đắc, tả người con gái nhà nghèo hái dâu nuôi tằm, nhờ tiếng cuốc kêu khắc khoải mà không ngủ, thức thâu đêm suốt sáng để chăm lo việc tằm tang.

Trong khi ấy, có người con gái đẹp trên lầu cao cũng thức thâu đêm suốt sáng, nhưng là để đàn địch múa hát với người yêu.

*Tử quy đề triệt tứ canh thì
Khởi thị tâm trù phạ điệp hy
Bất tín lâu đều dương liễu nguyệt
Ngọc nhân ca vũ vị tăng quy*

(*Canh tư tiếng cuộc kêu vang*
Dậy xem tầm nở lòng càng lo âu
Tầm nhiều sợ thiếu lá dâu
Thoáng nghe địch ngọc rộn lầu bên kia
Hàng dương xế bóng trăng khuya
Say mê múa hát nàng chưa chịu về)

Tôi không biết những người khác nghe tiếng cuộc thì cảm nghĩ thế nào, riêng tôi lại thấy tiếng con chim nước trầm trầm, buồn buồn nghe mới đầu khó chịu, nhưng quen tai rồi lại hay hay, mà đến khi nghe đều đều thì như thể là tiếng ru mình ngủ vậy.

Thường thường, trong những lúc chập chờn sắp ngủ như thế, tôi hay mơ xuất hiện ra những cung vàng điện ngọc của một thời xa xưa lắm lắm rồi, có những người con gái nghèo nghe tiếng cuộc kêu mà buồn cái cảnh hưng vong suy thịnh của kiếp người, nhưng trong khi đó thì có biết bao nhiêu người sung sướng, trâm cài ngọc giắt, ngồi trên lầu cao múa hát sáng đêm đến nổi mê quá không còn muốn ra về nữa...

Sung sướng như thế thì cuộc kêu ra máu có làm gì. Kêu ra rá thì cuộc chết, có ai thương, mà cuộc đời thì cứ thân nhiên trôi đi như một dòng sông chảy đều đều, hết trong lại đục, hết vui lại

buồn. Sống rất khó mà chết thì tương đối dễ hơn, nhưng ít có ai muốn chết.

Có đêm đi lang thang trên vỉa hè thành phố Sài gòn, nhìn lên cao thấy những cái lầu khuya sáng chói đèn mầu, tôi có lúc đã tự hỏi không biết con cuốc ở miền Nam có giống con cuốc ở miền Bắc hay không, mà nếu nó kêu thì hay kêu vào tháng mấy, kêu "cuốc cuốc" hay kêu ồm ồm như chim "thằng bè", chim "già sói", kêu thanh thanh như "nhạn sen", "óc cao" hay kêu riu rít, líu lo như chim "chàng nghịch", chim "vò vẽ" ?

Nổi tiếng về người đẹp, về trái cây, miền Nam nước Việt còn nổi tiếng về chim cá Hậu Giang lạ không biết thế nào mà nói, nhiều không biết thế nào mà kể, nhưng tôi cầu xin cho ở đây không nên có giống chim cuốc làm gì, bởi vì tiếng nó kêu thảm quá, nhớ lọt vào tai của những người tiên rừng bạc bẽ, phong nhã hào hoa, có thể làm cho u ám phần nào sự vui sướng thần tiên, cao quý. Bắc Việt, so với Nam Việt, là một xứ nghèo, nghe những tiếng kêu thảm thiết nó quen đi, không có làm, sao hết.

Nhưng hỡi ai ở đất lạ đã có lần đặt chân lên đất Bắc Việt, có thể cho tôi biết tại sao Bắc Việt nghèo như thế, buồn như thế và chịu đựng đau

khổ nhiều như thế, mà người xa phần tử vẫn thương, vẫn nhớ, vẫn yêu, vẫn quý ?

Cái thương, cái nhớ, cái yêu, cái quý đó, người Bắc Việt nào, "cũ" cũng như "mới", giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều cảm thấy và đều rầu rĩ, nhưng ít có nói ra. Vì thế những cảm nghĩ ấy ngày một ngày hai nó lẫn cả vào trong tiềm thức để rồi có những đêm xanh như tóc những cô gái tuyết trinh, người xa nhà mộng thấy mình phiêu diêu đi về những đường cũ lối xưa trò chuyện với những người thương yêu đã mấy thế kỷ nay vắng mặt.

Những đêm mộng về Hà Nội như thế, thức giấc nửa đêm muốn ngủ lại không tài nào ngủ được. Ở trên cái gác nhỏ, nhìn xuống con đường giới nghiêm, thỉnh thoảng có một chiếc xe quân cảnh bay vun vút như hoả tiễn, người xa quê cảm thấy như có cái gì bốc cháy ở trong người. Y nhìn bốn phương trời và tự bảo : "Nếu bây giờ trời mưa cho một trận thật to, may ra mình ngủ được".

Nhưng cái mưa ở miền Nam, lạ lắm. Chính vào lúc mình cầu mưa thế thì chọc thùng trời cũng chẳng mưa ; nhưng lại cũng vào lúc mình không ngờ và không mong nhất thì mưa, nhiều khi không kèn không trống, trút xuống âm âm làm cho người đi đường không kịp tìm chỗ ẩn,

khiến người ở trong nhà thấy người đi đường ướt lướt thướt, quần áo dán cả vào mình, cảm thấy ái ngại và tội nghiệp.

Ờ, cũng vào tháng sáu này đây ở Hà Nội cũng hay có mưa rào, nhưng mưa rào ở Bắc đâu có thế: trước hết, mưa ở Bắc thường thường không lớn bằng mưa ở Nam, nhưng mưa ở Bắc lại rai hơn, có khi mưa suốt ngày suốt đêm không nghỉ, khác hẳn cái mưa rào trong Nam thoát một cái mưa, đánh đùng một cái tanh, rồi nắng liền, y như thể một anh "thọc lét không cười" liền khi mà mặt thì cứ phụt ra không nhếch mép... Lắm lúc thấy cái mưa như thế, tức giận không để đâu cho hết, nhưng có lúc thấy mưa cũng thương; nhưng thật yêu mưa, phải nói rằng quả là tôi yêu những trận mưa rào đất Bắc nó có đầu có đuôi, có xuôi có ngược, nhất là không bao giờ vừa mưa xong lại nắng liền, mà bao giờ cũng có một thời kỳ quá độ, tanh mưa thì mát mẻ hắt hieu, thơ mộng...

Vợ chồng ăn ở với nhau, như thế là bàn tay mở rộng, còn có gì mà giấu được nhau? Bữa cơm hôm ấy, vợ làm thêm một món nữa để chồng nhắm với rượu ngâm bát vị hạ thổ bách nhật và chính vợ rót ra mời chồng uống rồi tự mình cũng cầm lấy cái ly uống một chút cho lưu thông huyết mạch. Trời mấy hôm nay oi quá, mưa được một trận thế này, cho của cũng không bằng. Chồng lại mời vợ

uống thêm chút nữa và thấy mắt vợ tự nhiên sáng hơn mọi ngày, mà đôi má hình như hồng hơn và mịn hơn. Không khí mát mẻ thế này, đóng cửa ở trong nhà uống quá.

Đi ra ngoại ô cho khoáng đãng thêm, anh nghe thấy rõ ràng không khí thơm nức mùi hoa chanh như ở trong giấc mộng ; đường sá sạch như lau; lá cây ngọn cỏ xanh ngấn ngát vì vừa mới được trời tắm rửa, không còn trắng bụi như ban trưa nữa. Bước trên những con đường xào xạc đá dăm cát trắng mà nhìn vào những căn nhà nhỏ bắt đầu lên đèn ở giữa những mảnh vườn mát mẻ, có bóng đàn bà ẩn hiện, tự nhiên anh cảm thấy đời thơm tho ý vị mà tim anh, quái lạ, sao lại rung lên nhẹ nhẹ như đôi cánh bướm !

Chẳng hiểu có phải vì thế mà mình mát mẻ dễ chịu thực hay là tại mùi hoa lá, sau trận mưa, hoà vào không khí làm cho ta say như nhấp phải men tình ? Anh nhớ... hình như đã có một thời kỳ, anh cũng say như thế. À, phải rồi, đó là lúc hai vợ chồng mới gặp nhau, mới yêu nhau, cùng ngồi trên một bãi cỏ ven hồ Bảy Mẫu thả chân xuống nước và cùng ngây ngất vì hương gió ngát mùi sen thơm dội về ban đêm.

Đêm hôm ấy, người vợ nằm giải suối tóc xanh ở trên giường nệm trắng, cảm thấy cái hương gió ngày xưa ở đâu lại trở về vuốt ve da thịt mình.

Anh ơi, mở cửa sổ ra cho trăng chiếu thật nhiều vào giường của đôi lứa chúng mình và anh để tay thế này, anh nhé, vì em thích nghe tiếng đồng hồ đeo tay của anh kêu tí tách bên tai như những trái tim bé nhỏ. Và người chồng tự nhiên lại thấy từ trong tóc da của người bạn chiếu chần cái mùi sen ngát của một buổi xa xưa trên bãi cỏ ở ven hồ Bảy Mẫu...

Ngủ đi em. Anh ru em ngủ đi em. Ở làng Nam, có những đám mây vần vũ thế kia và thỉnh thoảng lại loé lên những lần chớp sáng, có lẽ còn mưa, em ạ.

Dương nắng hạn, gặp mưa rào, đã đành là thú thật, nhưng thấy mưa nhiều cũng sợ vì tháng này là tháng ở Bắc có nhiều giông bão, mà nước lại thường dâng to. Đây là mùa người ở tỉnh kêu trời kêu đất vì không mưa, nhưng người nông dân, sống với thiên nhiên hàng ngày xem phong vũ biểu qua những phản ứng động trời của cây cỏ cùng loài vật :

Kiến cánh vỡ tổ bay ra

Bão táp mưa sa gần tới

Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng thì mưa

Đóng thấp thời bão, đóng cao thời lụt

Và họ lo sợ từng chút một - có khi được mùa này mà lo cho mùa khác :

Được mùa cau, đậu mùa nhãn

Kể ra được mùa nhãn thì ai cũng lo là phải. Mặc dầu nông dân ta chưa đúc kết kinh nghiệm về mây mưa, sấm chớp, nóng rét, lụt bão thành một bản thống kê có lý giải khoa học, nhưng ai cũng có thể nghiệm thấy rằng những năm được mùa nhãn, những năm ta được ăn nhãn kỳ thích thì chính những năm ấy thì năm nước lớn và nhiều bão lụt. Ai cũng biết như thế, nhưng cầm lấy quả nhãn để ăn, có mấy ai nhớ vậy, chỉ biết ăn nhãn thì sướng không gì bằng, ăn bao nhiêu đi nữa cũng không biết chán.

Ở miền Nam, độ mười năm trở lại đây, người ta đã có nhãn bán đầy đường, bán từng ký, bán từng mớ và cũng bán từng trăm bó lại, trông đẹp mắt vô cùng ; nhưng riêng tôi ít khi dùng vì ngay lúc đó mới bắt đầu có nhãn ở đây, tôi thấy nhãn ở đây "trơ" quá. Cố ăn để thưởng thức hương vị của thời trân, càng nhớ quả nhãn Bắc Việt, cũng thì là quả nhãn mà sao khác một trời một vực !

Cô Ba thử tưởng tượng những quả nhãn to gần bằng trái chôm chôm bó lại, chung quanh có lá xanh ôm lấy quả vàng óng như những vòng tay ôm ấp người thương, chỉ nhìn thế thôi cũng đã sướng mắt rồi phải không ? Chưa thấm, cô Ba

à : Lột vỏ ra, đưa lên miệng còn sượng nữa. Cái cùi nhân trắng như ngà, mà dày, mà thơm, mà lại ngọt như đường phèn, làm cho ta thoát đầu chỉ muốn giữ nguyên ở lưỡi, vì sợ nuốt vội thì phí quá.

Nhưng nhân ấy đã ăn thua gì với nhân lồng, nhân tiền, không to sỗ sỗ như thế mà ăn vào còn mê ly gấp ngàn lần ! Cái giống nhân này lớn chừng nào thì cùi dày chừng nấy, lột vỏ ra không có nước dính tay, nhưng ăn vào thì nước nhiều, hương thơm ngào ngạt, nhân mãi mới thấy cái hột có khi chỉ to bằng đầu ngón tay của đứa trẻ con mới đẻ.

Bây giờ, gặp ai ăn nhân, tôi cảm thấy như vẫn còn thấy rõ ràng những ngày tháng sáu ngày xưa, cứ mỗi khi nhân sắp chín thì ông Hương Tam lại lên mời mẹ tôi mua một vài cây. Nhân mà ăn nhân Hưng Yên hay nhân Cót thì quả là... trời sâu đất thăm, quý khốc thần kinh ! Anh có thể đi nửa ngày mà không thấy trời bị các răng nhân sum sê che lấp. Anh có thể ngồi trên bãi cỏ, bẻ trái trái nhân cho anh ăn kỳ thích thì thôi, nhưng biết thế nào là thích ? Vì thế, hàng năm những gia đình đủ ăn ở Hà Nội thường đặt mua năm mươi cây nhân "gia dụng" để ăn dần cho đến hết mùa.

Nhiều người bảo rằng giống nhân ăn vào nóng

lắm. Tôi chưa có dịp nghiên cứu xem lời ấy có đúng không, nhưng có một vài lần tôi đã say nhân, tựa tựa như say rượu nếp cẩm, uống vào ngọt lừ lừ như say lúc nào không biết, say nhẹ nhẹ, say êm êm, mà có thể say lơ mơ như thể hai ba ngày. Có người bảo ăn long nhãn cũng có thể say như thế. Long nhãn phần nhiều làm bằng nhãn Lạng Sơn. Đây là đất sản xuất một phần lớn tổng số long nhãn tiêu thụ trên toàn quốc. Vừa ăn, vừa ngắm nghĩa miếng long nhãn, người ta thấy cùi nhãn này dày ở phần trên, mà mỏng về phía dưới, chớ không dày toàn diện như những quả nhãn lồng, nhãn diếc mà ta ăn hàng ngày hay bóc ra lồng một hạt sen vào bên trong, nấu chè để thưởng thức vào những buổi chiều oi bức.

Tôi yêu đất nước tôi vì mỗi vùng có những con cá lá rau, những hoa thơm trái ngọt nổi tiếng, và tôi yêu người nước tôi đã khéo biết đem các thức ngon lành nổi tiếng đó làm thành tục ngữ ca dao, muôn đời nghìn kiếp không sao quên được: cam Xả Đoài, xoài Bình Định, bưởi Đoan Hùng, mít Gio Linh nhót Thanh Chương, tương Nam Đàn, nhãn Hưng Yên, giò Văn Điển, vịt Bầu Bến, gà trống thiện Lạng Sơn... dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét...

Cũng vào mùa này đây, ăn mặn ai mà không

nhớ mặn Thất Khê vừa giòn vừa thơm, ăn ngọt ơì là ngọt ; na thì na Láng là ngon nhưng na Phú Lý cũng là na có tiếng ; song le đến bây giờ tôi vẫn chưa biết tại sao dưa ở Bắc Việt ngon lạ ngon lùng như thế mà không thấy có câu tục ngữ nào nói tới ? Tôi đồ chừng là tại dưa ở vùng nào cũng ngon lành như nhau nên thành ra không có gì cần phải ghi nhớ nữa.

Phải, không cần ghi, nhưng nhớ thì vẫn nhớ. Cũng như nhãn, dưa ở ngoài ấy cũng khác dưa trong này : trái nó phần nhiều không lớn như trái thơm, nhưng đến cái dưa mật thì tuyệt, nhất định thơm ở trong này không thể bằng. Vợ ngồi bổ dưa cắt từng khoanh, xếp vào trong đĩa tây trắng bong ra, rắc đường tây, bỏ nước đá vào, đợi ăn cơm xong, thì lấy ra tráng miệng : này, anh thử cầm lấy một miếng soi lên sẽ thấy miếng dưa chắc nịch nịch, lõi gần như không có. Mà nếu có, ăn cũng không có xơ nhiều, nhưng đặc biệt là chung quanh miếng dưa sao nó vàng thế nhỉ, vàng cứ như là mật ong, mà cũng thơm phưng phức như là mật ong !

Cái thứ dưa thường ăn lắm rất lười nhưng thái từng miếng để xào với lòng vịt thì tuyệt trần. Lòng vịt với dưa hình như có duyên nợ với nhau từ kiếp trước cho nên lòng vịt xào với dưa ăn ý nhau

lạ lùng, còn xào với lòng gà, không hiểu tại sao nó có cái gì làm cho thực khách thấy ngang ngang một chút.

Có một ông bạn già, rất nghiêm trang, một hôm giải thích cho tôi về sự kiện đó như :

- Có gì lạ đâu, ông ? Dứa màu vàng, thuộc về dương, vịt ở dưới nước thuộc về âm. Âm dương hoà hợp nhau thì nhất định là đúng phép, cũng như núi với sông, bướm với hoa, trai với gái !

Dù sao, ăn như thế cũng chỉ là ăn chơi ăn chơi : mùa nực mà ăn đồ xào nhiều, nóng lắm. Người đàn bà sẵn sóc đến miếng ăn giấc ngủ của chồng, tình ý, không ưa làm món thịt thường xuyên, mà lại ưa làm món cá bởi vì cá vào cỡ nước lớn thường tương đối béo. Muốn ăn cá chép phải đợi đến cuối tháng bảy sang tháng tám ; cá quả thì từ Tết Trung Thu ra ăn mới vừa miệng người sành ; còn cá rô Đầm Sét nổi tiếng là ngon thì đợi đến tháng một, tháng chạp ăn mới thật là đáo để.

Nhưng ở vùng Bắc Giang, Hà Đông vào Vân Đình, Hương Tích, Đới Đệp, chợ Đàn, chợ Kẹo, ai đã qua chơi mấy nơi đó vào cỡ cuối tháng sáu, đầu tháng bảy, có còn nhớ rằng có một thứ cá rô gọi là "cá rô don", ăn cũng ra phết lắm không? Giống này chỉ to hơn ngón tay út, lưng đen, bụng

vàng, đánh vẩy bỏ ruột, nấu với rau cải cúc ăn sượng nhưng không thấm vào đầu, nếu đem hầm trong nồi đất, theo lối nhà quê.

Tôi không bao giờ quên được những ngày tản cư ở cái lòng đồng chiêm giữa chợ Kẹo và chợ Ngăm, không biết làm gì trong những giờ phút cô liêu, vợ chồng và con cái mua những cái xa về kéo sợi. Đến phiên chợ, đem sợi bán.

Yêu người vợ tám mần không biết chừng nào ! Trong những giờ phút gian lao như thế, vẫn chẳng nghĩ đến mình, lúc nào cũng chỉ lo chồng buồn, chồng khổ, vì thế bao giờ bán sợi rồi cũng tìm mua cho chồng thưởng thức và thết đãi các bạn hữu ở mạn trên về qua đó hay ở Hưng Yên, Đáp Cầu sang thăm.

Cái món "cá rô don" ăn ngon không chịu được, nhưng có nhiều phần chắc chắn là tôi khó có dịp thưởng thức lần thứ hai. Không những vì giống cá này ở đồng chiêm, nơi đây hiếm có, mà còn vì đời sống ở đây vất vả gay gắt quá, người ta không có thể phí phạm thì giờ ninh khẩu cái của mình hay nuông chiều một ý thích có khi không mắc mớ gì cho lắm.

Thực vậy, một rô cá rô don ngày trước bán đắt lắm cũng chỉ đến hai hào. Dem về làm chẳng

tốn kém gì, bất quá cũng chỉ thêm một hai xu lá gừng, cộng gừng và một ấm nước trà tàu đặc là cùng, nhưng mà hầm một nồi để ăn, mất công phu nhiều lắm. Làm vậy, mổ ruột bỏ đi rồi, xếp vào nồi, cứ một lớp lá gừng và cộng gừng lại một lớp cá, đun rồi lấy nồi đất úp lên trên, lấy tro và trấu trét lại cho nồi thật kín ; lúc đó mới bện rơm chung quanh nồi, bỏ ống nồi rau ra vùi xuống tro có lửa riu riu, phủ kín nồi. Như thế, vài ba tiếng đồng hồ. Đến lúc được, mở ra thì cá rô đỏ đồng đỏ mà dừ nhiên ; ăn ngon gấp bội cá mèi đóng hộp.

Nếu không muốn cầu kỳ, cá rô đơn nấu với rau cải, bỏ mấy nhát gừng, ăn cũng sướng khẩu cái lạ thường. Nhưng tháng sáu là mùa trám xanh ở Bắc, ăn canh cá, tội gì không điểm trám xanh vào cho nổi vị hơn. Trám xanh khác trám đen : trám đen bổ đôi ra, chấm với tương Bần, hay nhồi thịt, mộc nhĩ, nấm hương đem hấp ; còn trám xanh, nhiều người cho rằng ăn kèm với canh cá rô rau cải theo kiểu cà của ta hay trái ô liu của Tây, hợp giọng không chịu được.

Vợ chồng yêu thương nhau thì ăn uống cần gì phải cầu kỳ mới ngon. Tôi còn nhớ có một thời kỳ sống độc thân ở một căn gác nhỏ tại Thanh

Mộc Ấp cứ chiều đến lên đèn, phải sửa soạn đi đến hát ở nhà bà Phủ Thắng. Nói là đi hát cho thanh nhã chứ thực ra là vì mê đào. Đào này lại không ở đêm ở nhà hát, cứ vào khoảng mười hai giờ thì về nhà ở cách đó chừng bốn năm cây số. Tôi không hiểu mãnh lực gì ghê gớm cứ buộc tôi tối nào cũng phải đưa cô ta về nhà ; tuy nhiên, cái đó cũng chưa lạ bằng có đêm tháng sáu, mưa rào như trút nước, tại sao tôi lại cứ có thể cùng đào đội mưa đi như thế cả tháng mà cứ khoẻ khoắn, cứ tươi vui như thường ? Nghĩ lại những đêm hai đứa, độ một giờ sáng mới về đến nhà, ướt lướt thướt như chuột lột, phơi quần phơi áo xong lấy nồi đất thổi một nồi cơm nóng lên ăn với mấy cọng rau cải xanh chấm nước mắm dầm trứng, tôi mới thực thấy rằng cái món ăn ngon đã quý, nhưng quý vượt bậc là bầu không khí lúc ăn và người cùng ngồi ăn với mình.

Ở miền quê Việt Nam, tháng sáu là mùa khoai và bắp. Trông thấy những luống khoai tươi tốt, có củ to như cái cườm tay, tôi lại nhớ lại những bữa ăn với vợ sau này, cũng thanh đạm như hồi còn tăng tịu với cô đầu ở Thanh, có khi chỉ có mấy nơn khoai mà sao ăn ngon thế. Thì nào có quái gì đâu : Ở Hà Nội, sáng sáng vẫn có những

người ở quê lên bán những cái nỏn khoai xanh
ngắn ngắn, cuộn lại như tháp bút. Mua về rửa
đi, cho vào nồi đất có tương ngon và mỡ ninh dừ
lên rồi lấy ra ăn ; có thể thôi, nhưng mà ăn cứ
là ngon, một cái ngon mộc mạc, quê mùa, nhưng
bây giờ có khi đương ngồi ăn thịt gà rang muối
hay vịt bỏ lò, sức nhớ đến thì thấy thèm quá thể
là thèm. Y như là đương uống rượu mạnh như
đốt ruột đốt gan mà thèm một chén trà tàu ướp
trong một bông sen dầm trong những Hồ Tây hay
là rổ gót phong trần trên một vùng đồi núi xa
xôi, lúc chiều tà, nghe thấy tiếng hát liu lô mà
nhớ lại tiếng hát dịu dàng của người vợ ru mình
vào giấc mơ thần thoại :

Bên này con sông

Bên nọ con sông

Nước sông bên nọ theo dòng bên kia

Quần chi lặn độn sớm khuya

Thân em dầu dãi nắng mưa vì chồng

Tiếng hát ru xen lẫn lời than của con đĩ vũ
làm cho trăng trên trời mờ đi. Không khí lúc nửa
đêm về sáng rung lên nhẹ nhẹ. Trong lúc chập
chờn, người chồng thấy sao rụng ngay xuống đầu
mình và ở phía xa xa hình như có tiếng xênh phách
của những cô nàng bé nhỏ tí tí vừa bay vừa hát:

Bến Nam liễu bá con đồ
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa
Ngàn Đông khói lẫn lạc hà
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn
Vó câu pha gió nhẹ bon
Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào ?
Trời Tây bóng hạc non sào
Đường rêu khách quạnh ruồi vào Thiên Thai



THÁNG BẢY

Ngày rằm xá tội vong nhân

Thì mình cứ nhận ngay là cái trò ấy gọi cảm không chịu được. Sang tháng bảy, ai chẳng nhớ đến đại lễ Vu lan bốn, xá tội vong nhân ! Mà cứ nói đến xá tội vong nhân, chắc chắn trong mười người Bắc Việt di cư phải có tám chín người nhớ đến bài thơ Chiêu Hồn :

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt

Toát hơi may, lạnh buốt sương khô

Não người thay, buổi chiều thu

Hoa lan nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng...

Tôi còn nhớ lúc bắt đầu vào đây, tìm cả tháng không ra bài văn ấy. Về sau, vào một ngày tháng bảy nhớ đến Nguyễn Tuân xát xà bông vào người nổi bọt lên, gõ chậu thau, niệm bài văn đó, tôi thèm được nghe một cô đầu nào ở Phú Nhuận,

Đại Đồng niệm đúng theo lối Bắc cho nghe, nhưng chưa có dịp nào thì may mắn làm sao, người phụ trách mục Tao Đàn cho nghe bài ấy qua giọng một danh ca xứ Bắc.

Thử tưởng tượng: chín mươi giờ đêm, cả nhà đi ngủ rồi, mình lò mò trở dậy, ngồi vắn máy nghe một mình bài thơ thảm thiết ấy với một giọng quở khóc thần sầu thì đã rợn tóc gáy chưa ? Thật tình, tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy có những cô hàng xóm người Nam thấy tôi nghe bài đó, sáng hôm sau, hỏi tại sao tôi lại có thể nghe một cách thích như thế và các cô lại không ngại nói trắng ra là các cô nghe "tởn" lạ lòng vì nó "ma quái" quá ! Muốn chê gì, tôi cứ nghe như thường.

Tôi có cái bệnh là không ưa đài phát thanh, xuân thu nhị kỳ mới mở máy nghe một chút ; nhưng năm nào vào ngày mười bốn hay rằm tháng bảy, tôi cũng nhớ vắn nghe bài chiêu hồn ma quái và bất cứ năm nào, với bất cứ ca sĩ nào, tôi cũng thấy nguyên vẹn cái thích thú buổi ban đầu. Tuy nhiên, mỗi khi nghe xong, bao giờ tôi cũng tiếc một chút là tháng bảy ở đây... nặng quá, oi quá, hấp hơi quá. Mà tôi thì quan niệm rằng bài Chiêu Hồn của Nguyễn Du chỉ có thể hay hoàn toàn khi người ta niệm vào những ngày mưa sầu gió thảm liên miên ở Bắc.

Bắc Việt từ đầu tháng bảy, mưa thối đất : mưa lai rai, mưa dầm dề, mưa lê thê, vừa tự nhiên thấy mưa ai cũng náo nức là vì không ai bảo ai đều biết đó là mưa Ngâu. Và ai cũng nhớ lại câu hát mà ai cũng thuộc lòng từ thuở nhỏ :

*Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu
Con trời lấy đĩa chặn trâu cũng phiền
Một rằng duyên, hai rằng là nợ
Sợi xích thàng ai gỡ cho ra...*

*Vụng về cùng thể cung nga
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua
mục đồng...*

Ở trong Nam, vài chục năm về trước, những ai chưa từng đặt chân lên đất Bắc không thể biết thế nào là mưa Ngâu.

Vào lúc đó, một năm chia rõ rệt hai mùa : mùa mưa và mùa nắng, thời tiết thay đổi hẳn. Có người đùa bảo rằng người Bắc mang theo thời tiết vào đây, năm tháng đổi thay, từ tháng chín tháng mười, vào lúc nửa đêm về sáng trời hơi lạnh, phải đắp chăn đơn. Cuối chạp, có mưa, đôi khi tựa tựa như mưa phùn để cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Từ tháng năm, bắt đầu mùa mưa. Sang tháng bảy có khi mưa sấm sục. Mưa không lớn, nhưng ào ào một tý rồi thôi, rồi lại mưa, mưa

dai dẳng, có khi kéo dài cả một buổi chiều đến hết đêm, nhưng mưa như thế không thể ví với mưa Ngâu đất Bắc.

Ở đất Bắc, sang tháng bảy trời chưa lạnh, nhưng đứng ở trên cao mà nhìn ra sông nước, người ta thấy trời đất cỏ cây ướt sũng một thứ hơi đùng đục, khiến người ta linh cảm như sắp có một cái gì làm cho ta bứt rứt, làm cho ta tâm tức. Trời thấp lẽ tè. Thỉnh thoảng, lại có một làn gió ướt thoáng qua. Ai cũng đoán ra sắp mưa. Quả nhiên mưa thực, nhưng mưa gì mà buồn không chịu được ! Nó lai rai như muốn cửa vào thần kinh ta, nó tạnh một lát rồi lại mưa, mưa đều trên mái nhà, mưa đều trên bụi cây đồi cỏ, có lúc im phăng phắc nhưng có lúc lại trút xuống rào rào, rồi lại mưa đều đều, và cứ mưa như thế hết ngày ấy sang ngày khác, hết đêm nọ đến đêm kia, chán không để đâu cho hết, mà rầu rĩ trong lòng không biết bao nhiêu.

Chẳng còn ai muốn bước chân ra đường. Đứng ở sau bức châu liềm nhìn ra con đường lầy lội, người con gái đẹp tưởng tượng như mình sống ở một thế giới cách biệt với đời và cảm thấy chưa bao giờ cô quạnh, lạnh lùng như thế. Bao nhiêu ước mơ đã quên đi trong những ngày hè oi bức có tiếng đàn ông cười giòn tan, có những bóng

dáng phong lưu in vào tròng con mắt, có những câu nói hữu tình đẩy đưa những con mắt hữu tình, tự nhiên, không biết từ đâu trở lại làm cho con tim trời cho đa tình đau như thể có một bàn tay nào bóp khê.

Nhìn mưa Ngâu, người con gái đẹp cũng thấy mưa ở trong lòng mình và cho rằng mình là một thứ Chức Nữ bị trời đày phải cách biệt. Ngưu Lang và Chức Nữ còn có dịp gặp nhau đêm thất tịch để cùng than khóc với nhau, còn Ngưu Lang của nàng thì biết đến bao giờ mới gặp ?

Ai không vui duyên hường lửa, ai ôm trong lòng vạn lý tình, ai tiễn người đi mãi mãi không về, ai nhìn khói sóng mà nghĩ đến người bạt ngàn mây nước, ai nhớ ai-cùng xây mộng ước mơ nhưng vì trời chẳng chiều người mà phải gảy khúc đàn cho kẻ khác nghe, vào những ngày mưa Ngâu như thế, hỏi có đau không, hỏi có sầu không ? Ai cũng như ai, không nói ra lời nhưng đều thấy lòng nặng trĩu một bầu trời thương cảm. Thương cho vợ chồng Ngâu một năm mới gặp mặt nhau một lần, thương cho mình, thương cho kiếp người sao lại dật toàn bằng những sự nhớ nhàng ngang trái ! Giọt lệ của vợ chồng Ngâu, ai cũng cho là chính giọt lệ của mình. Ai cũng cho là mình còn khổ hơn cả vợ chồng Ngâu vì vợ chồng Ngâu còn có chim quạ

bắc cầu ô thước, chờ đến mình thì có chim nào bắc cầu đâu ? Câu chuyện truyền kỳ, tự nhiên, đượm một vẻ nên thơ kỳ lạ và rồi người ta thấy rằng mưa Ngâu toả ra một thi vị bao la man mác.

Những đêm như thế, người nằm nghe mưa thấy trong cõi buồn vơ vẩn một thú vị nhẹ nhàng của những người được đau khổ để cảm thông cái đau khổ của bao nhiêu người khác cũng đau khổ như mình, đương sống hay đã chết. Đêm mưa sừng sực nghe thấy tiếng van xin của những người ăn mày ở đằng xa vọng tới, hay tiếng guốc lê sên sệt trên đường khuya, hoặc tiếng rao buồn muốn chết của những người đi bán hàng khuya chưa về với gia đình, mình tự nhiên thấy chán chường cho kiếp sống và tự hỏi, có nhiều người khổ quá sức là khổ thế thì có thể gọi họ là người được không ?

Nhưng nói cho cùng thì sống chết đều khổ cả. Ai bảo chết là xong chuyện ? Ở thì cứ bảo là phản khoa học đi, bảo là dị đoan đi, nhưng thâm tâm tôi bao giờ cũng tin rằng chết không phải là hết, rất nhiều người chết mà vẫn khổ như thường.

Ấy là những người chết mà không siêu thoát, chết mà vẫn nuối tiếc cái gì, chết mà không nhắm mắt, vì còn ân hận. Ấy là những người trước đây lăm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng

thế khuất ; Ấy là những kẻ màn lan trướng huệ
gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che
thân ; ấy là những kẻ lâu đài phượng các không
còn ai bát nước nén nhang ; ấy là những kẻ vào
sông ra bể, đem thân chôn giấp vào lòng kinh nghê
; ấy là những kẻ mắc đoàn tù rạc, gửi mình vào
chiếu xác một manh ; ấy là những kẻ chìm sông
lạc suối, những người gieo giếng thất dây ; ấy là
những đứa trẻ lỗi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm
bé, không có ai bông bế :

*Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đơn phách chiếc linh đình quê người
Hương lửa đã không nơi nương tựa
Hồn mồ côi lần lửa bảy niên...*

Những hồn mồ côi ấy siêu thoát làm sao cho
được, đành là cứ phải vất vưởng ở ngang bờ dọc
bụi, lang thang ở quán nọ cầu này, nay hiện lên
ở đầu chợ cuối sông, mai lại lập lòe ở chân mây
ngọn suối.

*Khi sầm sầm mưa gào gió thét
Khi âm huyền mờ mịt trước sau
Ngàn cây nội cỏ rầu rầu
Nào đâu diều tể, nào đâu chung thường*
Nhưng cô hồn vô định, côi cút ấy đành là chỉ

còn biết trông vào những người có đôi chút từ tâm, ngày rằm mồng một thí bỏ cho bát cháo nắm xôi, hay đốt cho thoi vàng manh áo để rồi

*Nghe gà gáy kiếm đường lành ẩn
Lặn mặt trời lặn thần tim ra*

Tháng bảy mưa Ngâu, thấp ngọn đèn con lên mà niệm một mình bài "Văn tế thập loại chúng sinh", quái thật, sao mình cố giữ cho lòng mình bình tĩnh mà như có sóng gió nổi lên ở trong tim?

Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lành lạnh. Gồm ghiếc cho cái mưa quái quỷ gì cứ kéo lê thê ra mãi không có một lúc nào ngớt hột. Ngoài kia, trời tối mù mù.

Có ai thức vào những lúc này có cảm giác thấy gì không, chớ tôi thú thực có nhiều lần đã ớn lạnh nơi xương sống vì tưởng như Không trông thấy những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí âm u sương khói.

Bao nhiêu truyện "Liêu trai chí dị", "Truyện kỳ mạn lục" đọc từ ngày còn đi học lần lượt xâm chiếm đầu óc tôi, lộn xộn, lơ mơ, nhưng có lúc hiện ra rõ rệt như những tia sáng yêu ma loé ra trong một thế giới hỗn mang có những hồ ly hoá trang thành đàn bà xoa tóc, những bộ xương trắng chui từ trong lòng núi ra đi lọc cọc, chạm

vào nhau kêu cóc ca cóc cách, và những người không đầu từ những mảnh giẻ ở dưới đất bay ra thành hàng vạn đốm lửa rồi tụ lại thành ra không biết bao nhiêu ngọn tháp bay lơ lửng trên lưng chừng trời.

Tất cả những cái đó là người hay ma ? Là u hồn không được siêu thoát hay chỉ là ảo tưởng do người không phản khoa học tưởng tượng ra vì bị ám ảnh, bị hổng óc ?

Thôi, chẳng tội gì mà nghĩ ngợi vẩn vơ về vấn đề có ma hay là không có ma, chết là hết hay linh hồn còn tồn tại, những cô hồn không được cúng kiến đi lang thang trong cõi hư vô là thật hay chỉ là chuyện đặt để không đầu để lấy làm điều răn người sống ! Chỉ biết rằng mắt mình trông thấy thật như thế thì cứ nói toẹt ra, chẳng sợ ai cười là hủ hoá, là "rùng", là "chậm tiến".

Thế nhưng mà tại sao có những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí sùi sụt mưa dầm, lạnh toát hơi may, cứ điêu đi diêu lại mãi không thôi thế này ? Họ đi đâu mà kéo đi bất tận thế này ? Họ có bao giờ nghỉ ngơi không, hay là cứ phải đi như thế mãi, như thế mãi ? Mà họ là ai vậy mà trông vừa ghớm ghê, vừa ai oán, nửa như thực mà lại nửa như hư thế này ?

Quả là đến lúc viết tới đây tôi cũng không hiểu tại sao lại nhớ đến một chương trong thiên phóng sự "Về Bắc Việt" của Madeleine Riffaud "Viết dưới bom" : Ở, Mỹ bắt đầu oanh tạc miền Bắc Việt hồi 1966 chính là vào cỡ mưa rào tháng bảy, vong nhân xá tội đây !". Chúng tôi đọc thấy rằng, từ một vài tháng nay, các phi vụ ở Bắc tăng gấp ba, số bom ném cao lên vòn vọt, còn nhiều gấp tư số bom ném trung bình hàng tháng ở Cao Ly. Người Việt Nam có bị tiêu diệt không ? Mà họ làm thế nào chịu đựng được ?"

Chẳng cần phải nghĩ vẩn vơ, ai mà lại không biết số người chết hẳn phải nhiều. Đem cộng con số này với bao nhiêu người Việt Nam đã chết vì bom của "đồng minh" đến "giải phóng" chúng ta khỏi ách của "phát xít" Nhật, bao nhiêu người chết vì "chống Cộng", bao nhiêu người chết vì bom Mỹ, súng Mỹ ở ngay tại miền Nam, bao nhiêu người chết đói năm 1945, bao nhiêu người chết vì bệnh tật, súng đạn của Pháp đến "cứu" ta ra khỏi "nanh vuốt" của Cộng sản, rồi lại bao nhiêu người bị đột kích, pháo kích, truy kích, xung kích, oanh kích, công kích, xạ kích, phục kích... Ở, nhiều quá sức là nhiều, thế thì những oan hồn cứ kéo nhau đi hàng hà sa số, trường kỳ bất tận cũng không có gì lạ hết.

Nhưng mà họ đi đâu ? Họ cứ đi mãi thế à ? Nghe nói cả bên đạo, bên đời đều chủ trương là có một cõi ghê gớm lắm, tục gọi là địa ngục, rộng bằng cả thế giới chúng ta đang ở, xét xử rất phân minh, ai làm tội ác thì bị cưa đầu, cắt lưỡi, leo cầu vồng, cho chó ngao moi ruột, còn người nào làm việc thiện thì được lên thiên đường.

Thiên đường và địa ngục, hắc bạch rất phân minh, thế thì tại sao lại có những cô hồn không lên thiên đường mà cũng không ở địa ngục, cứ đi phất phưởng lang thang như thế ? Có phải là Nam Tào, Bắc Đẩu đã quên ghi họ vào sổ tử chăng ? Hay là vì họ không có tiền chạy chọt nên còn phải ở ngoài chờ đợi ? Hay là vì không phải ở "đàng ta" nên chưa được gọi vào xét xử, cứ phải còm nắm, muối vừng đứng chầu rìa ?

Nhưng dù sao đi nữa thì mình cũng cứ chịu vị đại đức nào đã nghĩ ra sự tích lễ Vu Lan, mỗi năm lại lấy ngày rằm tháng bảy làm ngày xá tội vong nhân... ở nơi âm phủ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì mới thấy tội nghiệp cho vợ mình : cứ mỗi năm đến lễ ấy - còn kêu là lễ Trung Nguyên hay là Tết Vu Lan - thì lại kể lại cho chồng nghe sự tích lễ ấy theo đúng sách "Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm", theo đó thì

Mục Liên không phải là tên thật mà chỉ là cái hiệu. Tên thật của Mục Liên La Bộc.

"Theo đúng sách, La Bộc là con ông Phổ Tướng và bà Thanh Đề. Vì gia đình túng thiếu, La Bộc phải đi buôn bán ở tỉnh Kiên Liên. Ít lâu sau giàu có. La Bộc cho người đem tiền về biếu mẹ. Bà mẹ ăn xài hết nhẵn rồi lại còn giết chó làm nhân bánh biếu sư. Đến lúc La Bộc về thì bà mẹ lại chối và nói rằng bao nhiêu tiền con gửi về cho đã đem cúng cả vào chùa miếu vũ rồi.

"Chẳng bao lâu, bà mẹ chết. Chịu tang mẹ ba năm, La Bộc đi qua nước Ki Đô là nơi Phật ở, xin phép ở lại tu luyện theo hầu. Phật thương tình, ưng thuận, sai thầy Kha Na cắt tóc ông và đặt tên là Đại Mục Khiên Liên và cho vào tu ở chùa Lã Bí trong rừng Quýt Sơn, phải qua Chùa Thiên Giai là nơi có những âm hồn ở lẫn quất nghe kinh. Mục Liên chỉ nhận thấy có cha là Phổ Tướng, còn mẹ là Thanh Đề thì không. Mục Liên ôm mặt khóc. Phật hiện lên bảo cho biết là Thanh Đề vì khi sống điêu ngoa gian ác nên bị đày xuống địa ngục A Tỳ rồi.

"Mục Liên lặn lội tìm cho tới ngục A Tỳ gặp mẹ. Nơi đây bà mẹ chịu trăm ngàn thứ cực hình, không sao chịu nổi. Thấy con, bà mẹ khóc lóc nhờ con tìm cách cho bà ra khỏi ngục. Mục Liên dặt

mẹ đi nhưng quỷ sứ giữ lại. Chàng lại cầu xin Đức Phật. Ngài thương tình Mục Liên : "Nhà người cứ an tâm, trở về Vương Xí, ta sẽ hoá phép cho mẹ người thành con chó ở bên cạnh nhà người".

"Quả nhiên về đến Vương Xí thì có một con chó quẩn quýt ở bên chân Mục Liên. Chàng hiểu ngay đó là mẹ mình, bèn hoá phép cho con chó thành người. Từ đó, Mục Liên ngày đêm đem hết lời khuyên mẹ sám hối, rửa lòng theo chân lý đạo Phật. Bà mẹ nghe lời con, ăn chay niệm Phật, rồi một đêm rằm tháng bảy, hoá thành tiên, bay lên trời. Mục Liên bay theo mẹ và cầu xin đức Phật xoá tội cho bảy đời họ hàng nhà mình.

"Dựa vào sự tích ấy, cứ đến ngày rằm tháng bảy, các đền chùa miếu mạo đều làm chay chay đàn, phá ngục cho các tội nhân. Tục gọi là Tết Vu Lan. Mọi nhà cũng đều làm lễ cúng bái rất thành kính vì tin rằng ngày đó là ngày ở dưới âm, vong nhân xá tội cho những người quá cố".

Ấy, câu chuyện đại khái chỉ có thế thôi. Nghe một, hai lần cũng vui tai, nhưng vợ chồng ăn ở với nhau chốc là hai mươi mốt, hai mươi hai năm trời mà cứ nhắc đi nhắc lại sự tích ấy vào dịp vong nhân xá tội, thét rồi, cũng ngây. Nhưng đến bây giờ, cũng vào tháng bảy ngày rằm, cũng ăn cái lễ xá tội vong nhân dưới một trời nắng

cháy, mình có muốn gói đầu vào tay vợ, nghe chính vợ kể lại cho mình sự tích Mục Liên Thanh Đề một lần nữa trong khi ở ngoài trời mưa sừng sực, có gió may thổi vì vu thì cũng chẳng còn được nữa... nuôi tiếc đến mấy thì cũng chẳng còn được nữa...

Nhưng nuôi tiếc không phải chỉ có thế mà thôi. Người ly hương còn nuôi tiếc không biết bao nhiêu cái không khí chùa chiền ở Bắc vào dịp lễ Trung Nguyên, chiêm trống, chũm chọe vang rân cả những vùng xung quanh, các sư lữ lượt ở xa về họp ở mấy ngôi chùa chính, đội mũ có múi như múi khế, thêu xanh, đỏ, trắng, vàng, cầm gậy chạy đàn, ra điệu phá cửa những nhà ngục ở dưới âm ty để giải thoát cho những u hồn tội lỗi không thể nào hình dung được trọn vẹn, như leo cầu vồng, rớt xuống sông mê, chó ngao moi ruột, quăng vào vạc dầu, cưa đầu, móc mắt, leo cột đồng nung đỏ, rút lưỡi cà răng...

Có trông thấy người vợ bé nhỏ thấp hết tuần nhang này đến tuần nhang kia ; khấn hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, suýt xoa lễ bái hết gốc cây này đến ụ đất kia ; mình mới thấy rõ ràng hơn hết cả bao giờ là vợ mình tin tưởng như diên, lễ Trời lễ Phật đã đành, nhưng nếu thấy rằng lễ yêu tinh quỷ sứ, cô hồn các đảng, bà cô

ông mãnh mà các tà ma yêu quái đó đỡ ác đi thì cũng chẳng ngại gì mà không lễ.

Lễ như thế, chưa đủ : về nhà còn lễ nữa. Nhưng muốn lễ thế nào thì lễ, vào ngày tết Trung Nguyên nhà nào cũng phải nấu một nồi cháo trắng múc ra từng chén đặt ở trước nhà và nhang đèn vàng mã, chè đường bỏng bột bày ra để cho các u hồn phảng phất ở chung quanh đó tìm lại mà phối hưởng. Lễ xong, các phẩm vật ấy người nhà thường không ăn, mà để cho các người nghèo khó đến giành giật để ăn hoặc cho vào bị đem về nhà.

Sống ở trong này, thì tôi không thấy các thành phố ăn tết Trung Nguyên như thế. Có thể bảo rằng bà con miền Nam ăn tết to hơn : xí nghiệp, công ty, tư sở, công sở nào cũng cúng rồi quay ra ăn uống la ve, nhậu với thịt quay bánh hỏi, không cứ vào đúng ngày rằm tháng bảy mà có thể vào bất cứ ngày nào từ rằm đến ba mươi, vui lắm, nhộn nhịp lắm, nhưng không có mấy nhà nấu cháo bày ra đường và bày chè lam, bỏng bột để tiếp đón những oan hồn đi qua, như ở Bắc.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ, vào những đêm cúng cháo chúng sinh như thế xong rồi, lên giường nằm ngủ, tôi thích tưởng tượng ra những cảnh cổ hồn ở các nơi kéo về ăn cháo, tranh giành bỏng bột, chè lam và giành giật nhau những cái áo cất

bằng giấy tàu xanh đỏ, những thoi vàng bẻ bằng nan nửa ngoài học giấy vàng hay những tờ giấy tiền làm bằng những tờ thiếc trắng tượng trưng cho bạc và những tờ thiếc quét "hoè" tượng trưng cho vàng.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thời bé dại, nhà chưa có gì, tôi còn đi học "Dương Tiết" ở nhà cụ Tú Tăng đầu Hàng Gai. Học xong, về nhà, bắc chõng ra giữa sân nhìn lên trời xem máy bay rồi ngủ lúc nào không biết. Đến khi thức dậy thì mẹ tôi đã đếm xong những tờ thiếc buộc lại từng bó ngàn tờ một. Nồi lá hoè cũng vừa nấu xong, thấy tôi lấy một cái chổi cọ dúng vào nồi lá hoè, phết lên tờ thiếc thành một màu vàng sẫm. Tôi phụ trách gấp đôi những tờ thiếc lại, phơi lên những cái "vè" nhỏ làm bằng tre, mặt ước để ra ngoài. Khi nào hoè khô, một người em tôi lấy xuống, xếp lại, đếm từng trăm một, buộc lại thành bó một ngàn, thỉnh thoảng để một miếng giấy để đánh giấy từng trăm một.

Những tờ thiếc trắng và vàng đó bán vào cái cử rằm tháng bảy chạy không thể nào tả được. Về sau này, nhà tôi không "bồi thiếc" nữa, mà cũng không quét hoè nữa, nhưng đến rằm tháng bảy thì vẫn cúng cô hồn ; tuy nhiên, cùng với tháng năm lý lợm, tôi không còn mấy khi nghĩ đến các

cô hồn ở các nơi về cướp cháo lá đa như hồi tôi còn nhỏ ; nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn yên trí rằng nếu ngày rằm tháng bảy mà không lễ các cô hồn thì là một cái tội không thể tha thứ được với những người đã khuất, nhất là những u hồn lang thang khe suối gốc cây, vất vưởng nơi cầu sương điểm cỏ.

Ấy là bởi vì mặc dầu đã bị tiêm nhiễm văn minh Hy Lạp, La Tinh, mặc dầu khoa học thét vào tai tôi rằng tin tưởng như thế là hủ bại, tôi vẫn không thể nào tẩy não được mà vẫn cứ "ngoan cố" tin rằng ngoài cái thế giới chúng ta đang sống hiện nay, còn một thế giới u huyền khác mà loài người chưa cứu xét được đến nơi đến chốn, nhưng bởi vì "muốn cho xong chuyện" nên kết luận toạc ngay là "dị đoan".

Thôi thì muốn bảo tôi là chậm tiến, là dị đoan, là hủ hoá thế nào tôi cũng cứ chịu đi, nhưng những điều mà tôi thấy, những điều mà tôi biết không cho phép tôi nói khác những điều tôi vừa nói.

Thế là nghĩa làm sao ?

Tôi không hiểu ra sao hết, nhưng có những sự việc mà tôi chứng kiến, mà người sống các chuyện ấy hãy còn sống sờ sờ để làm nhân chứng cho tôi, lắm lúc đã làm cho tôi nghi ngờ khoa học. Có cô hồn không ? Cô hồn có oan ức không ? Cúng

kiến có giúp ích gì cho họ hay không ? Câu chuyện nhỏ dưới đây chắc chắn sẽ làm cho bạn đọc phải suy nghĩ nhiều, còn tin là có thật hay do tôi bịa đặt, hoàn toàn tùy ở nơi các bạn.

Hồi 1947, một người bạn tôi tên là Q... (hiện nay làm ở sở Thanh Niên) ở ngoài kháng chiến hồi cư về Hà Nội. Thành phố lúc ấy tan nát, có đường không còn lấy một căn nhà. Vì thế Hội đồng An dân, phụ trách sự ăn ở cho những người có nhà bị tàn phá, buộc lòng phải lấy tạm nhà của những người chưa trở về để cho những người hồi cư ở tạm. Q... được Hội đồng An dân dành cho ngôi nhà số 47 đường Lê Lợi.

Đây là một căn nhà hai tầng, khá rộng, đằng trước có vườn. Chung quanh có một hai ngôi nhà khác đã có người về trước.

Vốn là một thanh niên mạnh khỏe, lý lợm, có võ mà lại bắn súng vào hạng khá, Q... một mình đến ở đó (vì lúc ấy gia đình anh chưa về). Ở được độ một tuần, hàng xóm có người sang chơi trò chuyện, đến lúc ra về hỏi Q... : "Ở bên này, ông thức khuya nhỉ, mà sao bè bạn đến cứ rầm rập, chúng tôi không tài nào ngủ được". Q... ngạc nhiên hết sức vì từ lúc hồi cư, không có người nào đến thăm anh lúc đêm hôm. Chính anh cũng nghe thấy tiếng chân người đi rầm rập cả

đêm, nhưng lại cứ tưởng đó là tiếng người đi lại ở nhà bên cạnh.

Từ lúc nghe câu chuyện, anh bắt đầu để ý thì ngay tối hôm ấy mới nhận rằng tiếng đi rầm rập ấy ở chính dưới nhà anh - anh ngủ một mình trên gác. Lắng tai nghe kỹ thì dường như có hàng trăm người vừa đi giầy, vừa đi guốc, vừa đi chân không, từ ngoài vườn đẩy cửa vào trong nhà, chạy thình thình ở thang gác. Q... bật đèn lên, giương to mắt ra nhìn thì không thấy gì. Tứ bề lại yên lặng. Nhưng Q... không phải là tay "vừa". Thấy thế, anh tức, nhất định phải "ăn thua đủ" với bọn ma quỷ đó. Anh rình.

Hình như biết "thóp" như vậy, bọn đó bắt đầu làm dữ : rung chuyển giường của anh, ném đá vào đèn, chạy sầm sầm lên gác rồi hàng trăm ngàn cái đầu đâm sầm vào tường tạo nên một tiếng vang dữ dội trong đêm tối. Q... đương nằm chồm trở dậy thì thấy có hàng trăm cái bóng cao lớn, đen trùi trùi, có cái mặc áo ngắn, có cái cởi trần, râu ria tua tủa ma đầu thì trọc chạy sầm sầm đến trước mặt anh rồi... biến mất...

Bao nhiêu tiếng tục tần rác rưởi nhất, Q... dờ ra dùng hết, nhưng vừa nằm xuống được một lát thì lũ quỷ sứ ở đâu lại dân đến, nện gót xuống sàn gác kêu thình thịch và có vẻ như muốn sấn

cả lại để lôi anh dậy. Vớ cây súng giấu ở đầu giường, Q... bắn lia bắn lịa, vừa bắn vừa chửi. Đến lúc nhìn lại thì tường vách và đồ đạc đều có vết đạn nhưng tuyệt nhiên không thấy có dấu máu nào. Cứ như thế chừng một tuần. Thét rồi, Q... không biết làm thế nào khác, đành phải chong đèn nằm ngủ, nhưng cứ chợp mắt một chút - mà có khi mắt còn mở hần hoi chưa ngủ - thì lũ quỷ kia lại sầm sập chạy từ dưới nhà lên làm dữ. Cho đến một ngày kia, gia đình Q... ở hậu phương về, ông thân anh Q... thấy căn nhà con ở dữ quá, nhất định bắt anh phải dọn đi nơi khác.

"Cứ ở mãi thế này, trước sau gì cũng chết, làm sao mà sống nổi. Bởi vì ai lại còn không biết tự vệ ở Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Hòm đến ngày chót rút cả về khu Lê Lợi này, nhà cửa tan nát, trăm người không thoát một : oan hồn của họ không tiêu tan được cứ lảng vảng ở đây khuấy phá, không những ban đêm mà có khi cả ban ngày nữa. Có người thuật lại rằng những ngày mưa dầm sùi sụt những cái bóng ma ấy kéo nhau thành hàng một, đi lơ lửng trên trời, sần sần các ngọn cây và lại cũng có hôm họ lại hiện ra trong các chợ vầy vọc vào các hàng miếng chín và chỉ từ sáng đến trưa bao nhiêu thịt thà, nem chả tự nhiên thiu thối hết, chỉ có mà đổ đi. Thôi, anh

ạ, tôi xin anh là hết ; anh bướng với ai chớ bướng với các "ông ấy" chỉ có mà đại thôi".

Anh Q... đành phải nghe lời ông cụ, nhưng vẫn tức bực không chịu được. Vào đêm trước khi định dọn nhà đi nơi khác, anh ngồi chửi om lên, chửi văng mạng, chửi tuốt, nhưng không chỉ đích xác ai. Vào gần sáng, lũ người đen trùi trùi, trọc đầu lại đến, nhưng lần này có vẻ hoà nhã hơn. Một người - ánh chừng là đại diện cho cả bọn - đứng ở đầu giường lúc anh đang chợp chờn sắp ngủ, bảo : "Chúng tôi phá anh như thế cũng đủ rồi. Thôi, bây giờ chúng ta nói chuyện thành thực với nhau, anh có bằng lòng không ? Chúng tôi quả thực không muốn làm cho anh tức bực hay tác hại đến sinh mạng của anh. Bây giờ, chúng tôi muốn kết thúc, không đùa dai. Anh lo công việc của anh, còn chúng tôi thì có công việc của chúng tôi. Chúng ta giã biệt. Nhưng trước khi chia tay, xin nói thật với anh, chúng tôi đói rét lắm, anh cố xoay cho chúng tôi một ít quần áo, thuốc đánh răng và kiếm cái gì để anh em "mổ" cho đỡ lòng một tý".

Thức dậy khi mờ sáng, Q... nằm suy nghĩ, chửi thề một hồi lâu rồi ra phố mua về bánh mì, chả lụa và bày đầy một mâm, đặt trên một cái ghế giữa sân. Vì lúc ấy những người hàng mã chưa

về, anh lục tủ lấy hết cả quần áo cũ, dây lưng, sơ mi, ca vát, thuốc đánh răng thật, chồng lên một đồng trên cái chiếu trải dưới đất rồi châm nến, đốt nhang, lẩm nhẩm khấn các oan hồn phá phách anh từ nửa tháng nay: "Nếu có linh thiêng thì về mà thụ hưởng". Đoạn, anh đổ một chai dầu vào lửa tắt cả, bật một que diêm đốt hết, trong lòng bán tin bán nghi, không biết làm như thế thì có ích lợi gì không, mà những oan hồn kia làm sao hưởng được những đồ vật cháy ra than đó.

Nhưng Q... ngạc nhiên không thể tả được, mà còn ngạc nhiên mãi đến tận bây giờ, vì kể từ đêm hôm đó trở đi, anh không thấy những cái bóng trọc đầu, đen trùi trùi đẩy cửa vào nhà anh, chạy thành thịch trên thang gác để rung chuyển giường anh, ném đá vào đèn, và đem đầu vào tường vách để bắn tung ra như quả bóng, như trước nữa.

Đêm buồn không ngủ mà chong một ngọn đèn con lên, nhớ lại những chuyện "Liêu trai" như thế, mình dù là sống ở miền Nam người đông như kiến cũng thấy ớn lạnh nơi xương sống và muốn bắt chước người xưa bán cả áo cừu đi để mua rượu uống cho đỡ sợ và luôn thể tiêu cái sầu thiên vạn cổ.

*Nước khe com vắt gian nan
Dãi dầu nghìn dặm, lăm than một đời*

Buổi chiến trận mạng người như rác

Phận đã đành, đạn lạc tên rơi

Lập lòe ngọn lửa ma trời

Tiếng oan văng vẳng, trời càng thương

Công danh, phú quý, sắc đẹp, ngai vàng, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu trí tuệ, mưu cơ, rút cục lại cũng chỉ còn là những oan hồn đi vất vưởng đó đây, chờ lúc lặn mặt trời thì kéo ra để ăn xin một nắm cơm, bát cháo, la cà các đền chùa miếu mạo nghe kinh và suy nghĩ về chữ "giai không vạn cảnh".

Thôi rồi, lại nói chuyện "chiến bại" rồi. Thế thì còn đâu là tinh thần đấu tranh, tiến bộ? Nhưng giả thử ở đời ai cũng suy nghĩ một cách chiến bại như thế, chưa biết chừng thù hận sẽ ít đi, chiến tranh giảm bớt và do đó số oan hồn cơ hồ sẽ giảm rất nhiều cũng nên! Nhưng nói vậy mà chơi thôi chứ thế giới làm sao mà "thoái hoá" như thế được? Còn giống người thì còn ganh đua, còn ganh đua thì còn mâu thuẫn mà còn mâu thuẫn thì còn đâm chém giết chóc nhau, lẽ đó mà tránh được.

Còn nhớ ngày xưa có một anh chàng trên là Candide, trong một cuộc lãng du cuối cùng, nhìn thấy ở giữa đại dương có một hòn đảo trên có người đông đúc như kiến cỏ ⁽¹⁾.

(1) *Le dernier voyage de Candide : Georges Duhamel.*

Candide quay lại hỏi ông cố vấn theo sau :

- Người ta làm việc gì mà tấp nập như vậy?

Vị cố vấn trả lời :

- Thưa, họ chém giết nhau. Đất nước chia làm hai bọn : một bọn mang tiếng là bảo thủ, một bọn tự nhân là tân tiến. Bọn tân tiến lật bọn bảo thủ, hai bên giết nhau hơn cả người khác giống.

Đi một lát nữa, đến một eo đất kia thấy người ta làm việc quên cả ngày đêm. Candide vỗ tay khen:

- Họ chăm chỉ quá. Chắc là họ kiến thiết quốc gia.

Vị cố vấn chậm rãi nói :

- Họ đang xây cất nhà tù đấy. Là vì cứ mỗi khi có cách mạng thì lại có một số người chống cách mạng. Phe thắng sẽ bắt hết những người của phe bại, hoặc giết chết, hoặc cho vào nhà giam. Thét rồi, không còn chỗ để mà giam người, họ phải hời hả xây thêm nhà giam mới để nhốt những đồng bào của họ.

Candide hơi buồn, nhưng chỉ một lát sau chàng vui lại vì thấy ở trên một hòn đảo khác có đèn giăng lá kết và từ trên chiếc tàu chạy giữa biển khơi chàng nghe thấy tiếng đàn hát từ đằng xa vọng lại.

Candide vỗ tay, bảo viên cố vấn :

- Thôi, chắc chắn ở đây là thiên đường rồi. Nếu không, sao lại có nhã nhạc và sinh ca như thế ?

Viên cố vấn lắc đầu :

- Bẩm, cũng lại không đúng nữa. Đây chính là địa ngục : những người đàn hát múa may đó có phải vui sướng gì đâu ; họ phải theo lệnh chủ, múa hát dân ca như thế để che lấp tiếng khóc than của muôn dân đói khổ rên xiết dưới gông cùm nô lệ. Có thể, chủ họ mới có lý do để tỏ cho thế giới biết là dân chúng không đồ thần mà trái lại, lại vui vẻ tôn thờ cả tở lẫn thầy...

Lần này, Candide không còn bám được vào cái gì để mà tin tưởng và yêu đời nữa. Chàng ngửa mặt lên trời mà than :

- Đời đến thế này thì ta còn biết phân biệt ai là người, ai là quỷ. Chẳng thà toàn là quỷ chắc còn dễ sống hơn !

Nói như thế là nói phần. Có nước nào chịu đựng chiến tranh và chết chóc nhiều như nước Việt Nam không ? Oan hồn, ma quỷ hàng hà sa số, nhưng chính mắt người thì có mấy ai thấy chúng đâu, hay chỉ thấy toàn người - mà những người đẹp như tiên, thơm như mít, mỗi ngày nghĩ ra được thêm thú vui kỳ quái để tiêu khiển trong tiếng nhạc "sốt gòn" huyền ảo.

"Anh ơi, đừng bỏ em ở nghĩa trang một mình..."

Không. Có ai bỏ em đâu. Trăng chiếu lên năm mộ em, hãy đứng dậy đi, chúng ta cùng hát một bản "sun". Thế giới sẽ chụp hình ta và đó là một cách tuyên truyền hùng hồn nhất để tỏ cho cả trần hoàn này biết là ở Việt Nam, cả người sống lẫn người chết đều sung sướng.



THÁNG TĂM

*Ngô đồng nhất điệp lạc
thiên hạ cộng tri thu*

Gặp những ngày trời đất xuống màu như thế, người khách xa nhà, cả trăm người như một, đều cảm thấy buồn tê tê trong lòng mà tự nhủ: "Ồ, đúng là mùa thu ở Bắc... Trời này có rượu ngon đem uống thì tuyệt trần đời !".

Thế thì ngày trời đất còn màu ấy ra sao mà người ta lại rầu rầu trong dạ, sầu sầu muốn uống một cái gì ? Thôi, ai còn lạ cái thời tiết ở miền Nam nước Việt nó không nhẽo đến chừng nào ; buổi tối nóng như điên, nửa đêm xoay ra lạnh lúc nào không biết ; chiều sấm chớp âm âm, yên trí có mưa thì một lát sau trắng lại sáng trưng, ấy thế mà chính lúc người ta đang yên chí là nóng còn lâu thì mưa trút xuống rào rào làm cho ai

cũng ngạc nhiên tự hỏi : "Quái, sao năm nay mưa sớm thế ?".

Thế rồi ai cũng tưởng là mùa mưa bắt đầu thì chốc trời cũng không một hạt nước, trời nóng đến mức làm cho người ta mờ cả mắt, nhức cả đầu ; nhưng có một buổi tối kia đi ăn đầu cá với một người yêu xa cách lâu ngày ở cầu Bình Lợi thì tự nhiên trời đổi gió, giăng tơ lên ngọn cỏ lá cây để đến lúc sắp đứng dậy ra về anh cảm thấy như có một cái lưới buồn rĩ từ trên trời rơi xuống nước, lan tràn ra khắp cả mặt đất chân mây và gói ghém luôn cả anh cùng với tâm óc anh vào đó.

Lau lách ở ven hồ kêu lên những tiếng rì rào y như thể những tiếng than nhỏ bé; nước vỗ vào bờ nghe trầm trầm; qua những chùm lá, qua những cành cây, gió rì rào như kể chuyện xa xưa và giục người ta xích lại gần nhau cho ấm cõi lòng hơn một chút.

Mùa thu ở Bắc cũng đến với người ta như thế. Bây giờ mỗi khi thấy trời trở gió, không gian bàng bạc một màu chì; mỗi khi thấy lá rụng ở các công viên như những người đau ngực, bay lào xào trên mặt đất hanh hao; mỗi khi thấy lá tre rụng vèo xuống các ao hồ nằm êm ả trong những lớp bèo ong bèo tấm, có ai biết rằng tôi nhớ lại những

gì không ? Cứ vào đầu tháng tám, trời Bắc Việt buồn se sắt, đẹp náo nùng, sáng sáng thức dậy từ lúc còn tối đèn, cầm cái áo ma ga mẹ lấy ở trong rương ra mặc cho mình, húp bát cháo đậu kho và ăn ba nắm xôi lạc do mẹ mua rồi đút hai ba đồng xu đồng kên sủng soong trong túi áo đi qua dãy Nhà Thờ, thẳng một lèo đến dốc Hàng Kèn, có ai biết rằng tôi đã trông thấy những gì và nghĩ những gì không ?

Lúc ấy, trời đã sang thu. Lá cây nhện ở hai bên đường đi ra dốc Hàng Kèn vươn những cái thân gầy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì từng chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi đậu ở trên những cái vai trắng muốt của các pho tượng mỹ nhân cỡi truồng trong công viên cuối Phố Nhi, gần cái hang đá thờ Đức Mẹ.

Cái mà bây giờ tôi còn trông thấy rõ từng li từng tí là một cậu bé xách cái cặp da nặng trĩu đi học một mình, vừa đi vừa ôn lại một bài văn xuôi có vắn:

"Sáng ngày ra, ta đi học, hiu hiu gió, lá vàng tung bay. Ấy là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến. Hỡi các anh học trò con, có nghĩ đến áo mặc rét không ? Áo mặc rét, các anh sẽ trông lấy vào đâu ? Có khi phải về hỏi mẹ cha.

"Các anh đi học xa, mẹ ở nhà, sáng ngày ra, thấy hiu hiu gió, lá vàng rụng bay, biết là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến, đã nghĩ lo áo rét cho các em. Mẹ mở hòm, tìm áo cũ, áo cũ lành tốt thời gửi ngay, áo cũ rách thời mẹ vá, không có áo cũ thời mẹ may.

"Các anh ở nhà trường ngồi bàn ghế, cầm bút viết, mẹ ở nhà, ngồi dưới cửa, cầm kim và may. Các anh đi ra đường, thấy gió lạnh, lòng nhớ mẹ, mong mẹ gửi cho áo; mẹ ở nhà thấy gió lạnh, lòng lo con, gửi cho áo, mong con học cho hay.

"Mỗi một năm, gió mùa thu, lá vàng bay, lòng mẹ lo.

"Gió mùa thu, mỗi năm, lá vàng bay. Các anh đi học trường, mỗi năm càng mỗi hay, đền công cha mẹ, không phụ áo mẹ may.

"Gió mùa thu, lá vàng bay, năm sau như năm trước. Nếu sự học của các anh cũng năm sau như năm trước thời công mẹ may áo cũng như gió mùa thu, lá vàng rụng bay".

Lắm nhảm ôn lại bài học rồi, anh học trò bé nhỏ ấy nhìn lên bầu trời bằng bạc và nhảy nhót như một con chim sẻ. Là vì y biết mùa thu đã bắt đầu, các cây nhội chi chít quả, chim hết về nhiều, chắc chắn y có nhiều hy vọng bắn được

nhiều để về nuôi, nếu còn sống, hay rán lên cho mèo ăn, nếu chẳng may chim bị trọng thương mà chết.

Tuy nhiên, chỉ có ý tưởng của tôi theo chân được cậu bé ấy mà thôi, vì cậu bé ấy chỉ là cái bóng, mà là cái hình bóng của chính tôi năm mươi mấy năm về trước. Thương, thương cậu bé vô tội ấy biết chừng nào ! Tôi chú ý tới cậu ta, nhưng lúc chính tôi là cậu bé ấy thì tôi lại không chú ý.

Đến bây giờ tôi không còn là cậu bé ấy nữa thì tôi lại thương, thương vô cùng, nhưng thương, thương đến mấy cũng là vô ích vì cậu bé ấy đâu còn nữa; đồng thời ông bà, bố mẹ cũng chết cả rồi mà có khi anh em, bè bạn lúc nhỏ cũng không còn nữa, vì chiến tranh này, ai mà dám biết người thân của mình sống chết ra sao.

Duy chỉ còn có mùa thu tồn tại, nhưng đến cái buồn se sắt, đẹp náo nùng của Bắc Việt thân yêu cũng lại biệt mù tăm tích, không biết đến bao giờ mới lại được nghe thấy hơi may về với hoa vàng, không biết đến bao giờ mới lại được thấy lá ngô đồng rụng xuống giếng thu, nửa đêm thả một lá thuyền con đi mua rượu sen Tây Hồ về uống mà cũng không biết đến bao giờ mới lại được cùng với người vợ tắm mát ăn mấy con ốc nhồi thịt thăn, miến, mộc nhĩ hấp với lá gừng trông

trắng khi thỉnh thoảng ở đằng xa lại vọng lại những tiếng hát chèo, tiếng rước sư tử, tiếng trống quân thùng thình !

Mùa thu Bắc Việt xa xưa ời, ta buồn da diết khi nghĩ đến kiếp chúng sinh hệ lụy trong biển trầm luân nhưng ta không thể không cảm ơn Trời Phật đã cho người Bắc đau khổ triền miên một mùa thu xanh mơ mộng diễm tình đến thế. Mộng từ ngọn gió, cánh hoa mộng đi, mộng từ tiếng nhận về én đi mà mộng lại, mộng từ bông sen tàn tạ trong đầm mà mộng lên, mộng từ sắc ố quan hà mà mộng xuống.

Quái lạ là cái mùa kỳ diệu: Tự nhiên trời chỉ đổi màu, gió chỉ thay chiều làm rung một cái lá ngô đồng, thế là bao nhiêu cảnh vật đều nhuộm một màu tê tái, làm cho lòng người đa cảm tự nhiên thấy se sắt, tư lường. Thế là trời đất cỏ cây tự nhiên hiện ra dưới một lăng kính mới: Trăng sáng đẹp là thế cũng hoá ra buồn, trời bát ngát yêu thương như thế mà cũng hoá ra tê tái, sông nước đẹp mênh mông như thế mà cũng hoá ra đìu hiu lạnh.

Ngay đến cái thân mình, bình thường chẳng làm sao, vậy mà không hiểu con cơ nào thấy gió thu về xào xạc ngoài hiên mình cũng tự nhiên thấy thương cho thân thế và băng khuâng buồn

nhớ. Nhớ cái gì, buồn cái gì, không rõ rệt. Chính vào lúc bóng tối chưa tan, người vợ thấy chồng chong một ngọn đèn con lên pha trà uống một mình và khe khẽ ngâm thơ cũng không hiểu tại sao chồng lại băng khuâng như vậy:

*Trăng tà con qua kêu sương,
Lửa chài le lói, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

Chính thực ra, nghe thấy gió thu đuổi lá chạy ở rặng cây ngoài vườn, người vợ cũng băng khuâng nhưng chính mình không biết đó thôi.

Lúc ấy, muốn chiều chồng cách gì đi nữa thì cái buồn vô căn cứ của người chồng cũng không thể nào giải được. Những cuộc biệt ly, những ngày thất thế, bao nhiêu cuộc ân tình ngang trái, bao nhiêu mộng ước không thành, bao nhiêu cuộc phù trầm cay đắng của những ngày xa thật là xa, tưởng đâu như một tiền kiếp đã lu mờ, tự nhiên trở lại như vang như bóng, ầm ầm hiện hiện trong khúc ngâm cảm khái của Bạch Cư Dị buộc ngựa vào gốc ngô đồng trèo lên một cái chòi uống rượu với đám ca nhi lạc phách:

*Bóng đâu trong sáng vô ngần,
Sầu thêm giận đắp cỗi trần khắp nơi,*

Đóng lâu đồn thú kia ai,
Biệt ly buổi mới đầu người trước sân.
Canh khuya ai đó phi tần,
Vua không yêu nữa tần ngần về cung.
Biên thành thế thủ không xong,
Bạc đầu ông tướng thông dong lên chòi.
Soi cho đứt ruột bao người,
Thiêm thù, Ngọc Thỏ trên đời biết chi !

Cái buồn mùa thu lê thê, cái buồn mùa thu tê mê, cái buồn mùa thu nào nề nhưng không ray rứt đến mức làm cho người ta chán sống. Ấy là vì gió thu buồn nhưng trời thu lại đẹp, đẹp nhất là trăng thu, đẹp đến nỗi làm cho người ta buồn nhưng vẫn cứ muốn sống để hưởng cái bàng bạc trong khắp trời cây mây nước - nếu chết đi thì uổng quá.

Trong một năm, không có mùa nào trăng lại sáng và đẹp như trăng thu. Từ thượng tuần tháng tám, nhìn lên cao, nhà thi sĩ thấy cả một bầu trời phẳng lì mà xanh ngắt, không có một đám mây làm vẩn đục làn ánh sáng mơ hồ của trăng toả ra khắp cả nội cỏ đồi cây, chân sim bóng đá, nhưng từ rằm trở đi thì ánh trăng mới thực lung linh kỳ ảo. Vợ chồng dắt nhau đi vào trong ánh trăng lúc ấy cảm thấy mình đi trên trần mà dường như có cánh ở dưới chân, không bước mà

có cái gì đẩy chân đi nhẹ nhẹ vào trong cối mè li thần thoại.

Lắng tai nghe thật kỹ, đâu đây có cái gì rung động như cánh của những con bướm mới ra ràng.

Mà ở đâu đây có cái hương thơm gì dịu dịu thế? À, đây là hương lúa ba giăng, mà tiếng rung động nhẹ nhẹ kia chính là tiếng ân tình nhỏ bé của những bông thóc thơm thơm ngã vào lòng nhau để tìm sự ấm áp trước ngọn gió vàng hiu hắt.

Mùa hồng lúc này đã rộ, buổi cũng đã nhiều, nhưng thơm ngọt ngào mùi đất nước quê hương, đó có cái gì sánh được với cốm Vòng ăn với chuối trứng cuốc ngon lừ.

Đi trên những con đường nóng bỏng của trời tháng tám miền Nam bây giờ, tôi nhớ gì là nhớ đến những buổi sáng mùa thu mẹ mua cho một mẻ cốm giót ăn lót lòng buổi sáng trước khi đi học, rồi đến khi có vợ có con thì vợ biết tính chồng, thường dặn những người gánh cốm ở Vòng lên bán, thế nào cũng giữ cho những mẻ cốm thật ngon đem nén rồi đem vào những cái đĩa con phượng để chồng ngồi nhẩn nha xắt ra từng miếng nhỏ, vừa ăn vừa nhấm nháp nước trà sen thơm ngát.

Những ngày như thế, trời vào buổi trưa sáng mờ mờ như lọc qua một dải lụa nõn nường. Có

người thấy trời đẹp nồn nường như thế cảm thấy
rạo rức không ngủ được. Tôi nhớ có nhiều khi giữa
buổi trưa, có những anh bạn gõ cửa vào ngôi đòi
uống rượu "Nhắm với bất cứ cái gì cũng được".
Gió đập vào lá cây hoàng lan trồng ở giữa sân
kêu rào rào. Một vài cánh hoa tím trên giàn hoa
rơi vào trong chén rượu: anh em uống cả hoa và
cứ như thế uống cho đến xế chiều rồi tất cả dắt
nhau đi - lang thang bất cứ đâu, vì tuy rằng không
ai nói ra lời, nhưng ai cũng cảm thấy trong sâu
thẳm cõi lòng rằng gặp những ngày trời đất thế
này mà không đi ra ngoài thì uống quá. Đi quanh
Hồ Gươm nhìn lên cây gạo ở Ngõ Hồ nghe những
con sếu báo tin rét sắp về; đi về Ngọc Hà ở đằng
sau Bách Thú xem hoa và tán tỉnh chuyện tầm
phơ với mấy cô nàng trắng ngà trong ngọc; đi ra
Nghị Tàm mua mấy cây thế rồi rẽ ra ngõ Quảng
Lạc tìm nhà một ông bạn già để ngắm lại cái tượng
"Mạnh Mẫu gánh sách cho con đi học"... đi như
thế trong một bầu không khí vừa vừa lạnh, hiu
hiu gió, biên biên sâu, kể đã thú đấy; nhưng chưa
thấm với cái thú của người đàn ông được vợ chiều,
vào buổi tà huân dắt tay vợ đi chơi ở ngoại ô nhìn
trắng dãi trên ruộng lúa và nghe tiếng hát trống
quân theo gió vàng heo hút ở làng bên kia sông
vọng lại.

Trăng sáng quá, em ơi, cứ đi như thế này, cả đêm không biết chán. Trăng dải trên đường thơm thơm; trăng cài trên tóc ngoan ngoan của những khóm tre xào xạc; trăng thơm môi môi đón của dòng sông chảy êm đêm; trăng ôm lấy những bộ ngực xanh của những trái đồi ban đêm ngào ngạt mùi sim chín... trăng ơi, sao trăng khéo đa tình, cứ đi hoài theo chân cô gái tuyết trinh và lên cả vào phòng the của người cô phụ lay động lá màn chích ảnh ?

Lúc ấy, đứng dừng lại nhìn vào mắt vợ thì trong mắt vợ mình cũng thấy có trăng, có trăng ở cả toàn thân, mặc quần áo mà như là khoả thân, chạm mạnh vào thì vỡ. Tự nhiên mình có cảm giác trăng ở trong lòng mình cũng lung linh một thứ ánh sáng xanh màu huyền diệu, thắm hoa hương, làm cho cả tâm óc chơi vui, rung động.

- Ờ, ngày xưa Thân Thiên sư dùng phép thuật đưa Đường Minh Hoàng du Nguyệt để tìm Dương Quý Phi có lẽ lòng cũng chỉ chơi vui, rung động đến thế là cùng.

Tội nghiệp cho cái ông vua mê gái quá chừng là mê: Dương Quý Phi chết rồi mà thương nhớ khôn nguôi đến nỗi phải nhờ Thân Thiên sư đánh đồng thiếp đi tìm, mà đến lúc Thân Thiên sư bảo là đã gặp nàng thành tiên trên cung nguyệt cũng

cứ tin là thực. Đứng vào một đêm Trung Thu, Đường Minh Hoàng lập đàn cúng tế trong nội đình rồi nhờ Thân Thiên sư dùng phép thuật đưa hồn lên cung nguyệt. Chỉ một lát, thân hình của ông vua mê gái đó nhẹ bỗng như lông hồng, bay bổng chín tầng không, vào được cung nguyệt và gặp người yêu thực. Nhưng tiên giới và phàm trần cách biệt nhau, Dương Quý Phi chỉ biết trông Đường Minh Hoàng mà khóc.

Theo sách "Thiên bảo di sự" thì Quý Phi ném một chiếc vòng ngọc cho Minh Hoàng rồi biến mất. Minh Hoàng nhặt lấy xem: quả thực là chiếc vòng ngọc tự tay mình ban cho nàng năm xưa. Nhà vua ứa nước mắt. Thì vừa lúc đó con ngọc tho đang cầm chầy giã thuốc ở dưới cây quế, ném cái chầy vào vai áo nhà vua mà bảo: "Làm vua mà chẳng biết lấy nước lấy dân làm trọng, chỉ say mê một người đàn bà, chuyện đó là xấu lắm rồi, nhưng xấu vượt bậc là đến lúc loạn li, chẳng biết tự sửa lỗi mình lại đổ cả lỗi lên đầu một người yếu đuối, như thế sao gọi là thương yêu được, sao gọi là tiếc nhớ được?" Đường Minh Hoàng sực thức.

Thì ra đó chỉ là một giấc chiêm bao, nhưng lạ thay cái vòng của Quý Phi tặng ở trên cung nguyệt vẫn còn ở trong tay Minh Hoàng. Buồn

héo lá gan, Đường Minh Hoàng từ đó đỡ nghĩ đến Quý Phi nhưng nhà thơ Lý Thương Ẩn nhờ đó đã viết lên tám câu thơ thiết tha khi đi qua trạm Mã Côi, nhắc lại cái nhục quân sĩ bắt nhà vua phải giết Quý Phi, đồng thời nhớ đến lời nguyện ước khi xưa giữa "chàng" và "nàng" đêm Thất tịch.

*Cớ sao bốn kỷ làm thiên tử
Kém Mạc Sầu kia được hãn hoi.*

Mê gái, thế thì hay hay dở ? Dở hay hay không ai dám quyết, nhưng Đường Minh Hoàng chỉ vì mê gái mà thành ra thần tượng của tình yêu, âu cũng lý kỳ ác !

Không thể, sao cứ đến Trung Thu ở Bắc cũng như Nam, nhà hát nào cũng đưa vở tuồng "Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện" để chài người đi xem; còn hàng bánh dẻo, bánh nướng thập cẩm, đậu đen, hạt sen trứng muối, ôi thôi hàng nào mà không có một bức tranh thật lớn vẽ ông vua mê gái đó lúng liếng con mắt nhìn Dương Quý Phi hay làm thành hình đèn cho chạy đèn kéo quân để hấp dẫn nhiều người bu lại ?

Ở miền Nam, đồng bào ăn Tết Trung Thu kể đã vui đáo để, nhưng không có những khu hoàn toàn Tết. Mua một cái đèn con thỏ, ở Chợ Lớn có, ở Sài Gòn cũng có cả cái tàu chạy trong thau

nước, có đầu sư tử, có đường Thủ Khoa Huân có mà ở Nancy cũng có; có đèn quả, đèn, có cả ngựa nghèo bằng nylon nữa, nhưng ở Bắc thì không thể.

Có những năm đi xem Tết Trung Thu ở miền Nam đất nước ta, tôi tưởng như lạc vào trong một cái động đồ chơi bằng giấy có đủ các sắc cầu vồng, chan hoà ánh sáng thần tiên, nhưng có ai bảo cho tôi biết tại sao tôi vẫn cảm thấy là chơi cái Tết Trung Thu như thế vẫn còn thiếu cái gì ? Cái gì đó là cái không khí chăng ? Cái gì đó là cái thời tiết chăng ? Cái gì đó là cái tâm hồn phơi phơi chăng ?

Từ đầu tháng tám, các phố hàng Gai, hàng Hai, hàng Mã, hàng Hòm, hàng Thiếc, hàng Bông lờ, hàng Trống hoá trang một cách kỳ diệu đến nỗi làm cho du khách không thể nào nhận ra được nữa. Các hàng tạp hoá, hàng sách, hàng giấy, hàng tơ lụa, nhất nhất đều thu cả hàng hoá lại một chỗ để bày bán toàn những đồ chơi tháng tám. Ôi chao, sao mà lắm kiểu đèn đến thế: đèn quả dưa, đèn xếp, đèn trái trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn thiềm thừ, đèn ông sao...

Hỡi người đàn bà đẹp như thơ đi sắm Tết cho con, bà đã mua con voi lắc lư cái đầu đứng trên một cái bệ có bánh xe đẩy được thì ngại gì không mua thêm một cái đầu sư tử và một quả ngọc

cho nó vồn để vui cửa vui nhà ? Ai ưa điển tích, rước ông Lã Vọng râu bạc ngồi câu cá về mà bày cỗ; con cá chép kia là "Lý ngư bát nguyệt" treo ở nhà có con đi thi rất nhiều hy vọng đỗ cao; nhưng cô gái nhà lành kia đừng mua lũ thỏ làm bằng vỏ trứng làm gì, cứ về lấy hai quả dưa phết bông gòn vào rồi đính tai đính mắt vào đó cho làm hai con thỏ mẹ đặt vào trong hai cái bát chiết yêu, trông còn nên nả hơn nhiều, phải không cô ?

Bây giờ tôi bàn với cô như thế này: ngày mười bốn, kê cái án thư ra ngoài hàng hiên bày hai con thỏ mẹ hai bên, giữa để một cái lư trầm rồi đặt ông Lã Vọng câu cá ở giữa, hai bên là hai con chó tết bằng tép quả bưởi bổ ra, mắt làm bằng hai hột nhãn, hai bên hai bát hạt dẻ, giữa là bốn bát chiết yêu gạo nếp trắng bao lấy bốn chữ cũng bằng gạo nếp nhuộm màu xanh, đỏ tím vàng "Trung Thu Nguyệt Bính". Ai muốn cỗ to hơn thì treo ở trên một cái đèn kéo quân, dưới đặt rất nhiều ghế, và trên mỗi ghế để một thứ đồ chơi như đàn lợn làm bằng ca-tông, cô tiên đánh đàn, cái đầu sư tử và các thứ bánh trái như bánh dẻo, bánh nướng, bánh đậu xanh, bánh chữ, bánh Tô Châu; nhưng có một nguyên tắc không ai được phép quên: cái bánh dẻo to nhất bày ở giữa, trên một cái kỷ kê ở trước án thư, và nhớ đặt lên đó một con thạch

sùng bằng bột; còn các con giống khác như kỳ lân, con phượng, trái đào, quả chuối, cành hoa... muốn đặt đâu cũng được.

Ấy đây, cỗ Trung Thu bày như thế có thể coi là tạm xong rồi đây. Bây giờ chỉ còn đợi trời tối là thắp đèn xếp, đèn quả bưởi, đèn múi trám treo ở dây kẽm căng hai bên cho sáng tinh rồi lên đốt nhanh thắp nến, lễ Trời, lễ Phật, trong khi người lớn ngồi ăn ốc hấp trông trăng, còn trẻ con đánh trống cứ om lên và múa sư tử lung tung xoèng ở trước sân gạch có trăng chiếu sáng như ban ngày.

Bây giờ đã lớn tuổi rồi, trí óc hẳn là phải suy đi chứ có đâu được phương cương như trước, nhưng quả tình tôi không hiểu làm sao cứ nhớ đến những cái Tết Trung Thu hồi nhỏ, bày cỗ, múa sư tử, đánh trống ầm ầm như thế thì tôi lại thấy máu chảy mạnh hơn, con mắt sáng hơn, mà tinh thần cũng hăng hơn ?

Gớm chết là cái tuổi thiếu thời tai ác ấy. Nhà tôi bán đầu sư tử: ai mà bảo đầu sư tử của nhà khác cùng phố lớn hơn mà đẹp hơn thì tôi tưởng có thể sanh sự liền; đèn kéo quân nhà tôi bán cũng là đèn đẹp nhất; còn cỗ tháng tám thì khỏi nói, bao giờ tôi cũng thấy cỗ nhà tôi hách nhất và to nhất, không cỗ nhà ai sánh kịp... Cứ từ mười hai tháng tám là ngày bày cỗ, tôi sướng như điên,

có đêm thao thức đến một hai giờ khuya không ngủ được. Đi hết hàng Thiếc xem những cái tàu bay tàu thủy, lại rẽ ra hàng Mã xem con giống, quay xuống hàng Gai xem đèn và sư tử, rồi lại quanh ra hàng Trống để đứng ngắm nghía xem nên về nhà xin tiền để mua cái trống nào, tôi oán ức bố mẹ bắt phải lên giường đi ngủ. Nằm nhìn lên những đám mây bay quanh ông trăng sáng in rõ hình thằng Cuội, cây đa tôi thao thức vẫn vợ và nhiều khi mở mắt rõ ràng, tôi tưởng như thấy có những cô tiên bé nhỏ bằng ngón tay út bay là là từ mặt trăng xuống đất dất nhau đi "dung giăng dung dè" và hát những câu hát dân gian mà tôi thích thú vô cùng vì lẽ chính tôi cũng biết những câu hát ấy:

*"Ông giăng, ông giăng - xuống chơi với tôi -
có bầu có bạn - có ván cơm xôi - có nồi cơm nếp -
có đệp bánh trưng - có lưng hũ rượu - có chiếu
bám dù - thằng cu xí xoài - bắt trai bỏ giỏ - cái
đỏ ăm em - đi xem đánh cá - có rá vo gạo - có gáo
múc nước - có lược chải đầu - có trâu cày ruộng -
có muống thả ao - ông sao trên trời..."*

Tôi cũng lẩm bẩm trong bụng hát theo các cô tiên rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết, nhưng trong khi chập chờn, vẫn nghe thấy tiếng trống sư tử ở đằng xa vọng lại và những đứa trẻ hàng xóm vừa vỗ tay vừa đồng ca:

Ông trăng mà bảo ông trời,
Những người hạ giới là người như tiên.
Ông trời mới bảo ông trăng,
Những người hạ giới mặt nhẵn như tầu.

Nhớ ời là nhớ cái Tết Trung Thu ở Bắc ! Vui, mà vui thế là cùng ! Về sau này lớn lên, nghĩ đến giờ phút đó, tôi không lạ làm sao lại có những người thấy Tết Trung Thu về lại muốn phát điên lên, bày các trò chơi lạ để hưởng thụ cuộc đời cho đã.

Ờ này, hầu hết chúng ta gặp lúc trời sầu ngất ngất, lòng hận mang mang, thường ngâm câu thơ cổ:

*Thương nữ bất vi vong quốc hận.
Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa.* ⁽¹⁾

Nhưng có mấy ai nhớ rằng Hậu Đình Hoa, nguyên thủy là của một anh chàng thấy mùa thu đẹp như điên không chịu được, đã sai các cận thần soạn ra bài hát ấy để cùng hát với khúc "Ngọc Thụ" đêm rằm tháng tám ở Vọng Nguyệt Đình trong ngự uyển?

Cái anh chàng mê mùa thu xanh ấy là một vị vua chơi bời vô độ, hoang dâm có tiếng, tên là Trần Hậu Chủ.

(1) Gái kia không biết buồn vong quốc
Còn hát bên sông khúc Hậu Đình.

Chính ông đã cùng các cận thần soạn ra hai khúc "Ngọc Thụ" và "Hậu Đình Hoa", nhạc và lời dậm dật để cho các phi tần đẹp nhất trong ban "Nguyệt lý quần tiên" vừa múa vừa hát theo điệu "Lộng nguyệt vũ" tức là múa vờn trăng vậy.

Ôi chao, người ta cứ đã kích các cái "sô" và kích động nhạc bây giờ: tội quá. Âu Mỹ, tổ sư lối vũ nhạc ấy, bất quá cũng chỉ là kẻ nổi gót Hậu Chủ mà thôi ! Đêm thu, trăng sáng, Trần Hậu Chủ cho bày tiệc yến rồi đích thân dẫn ba "Nguyệt lý quần tiên" ra trình diễn, ả nào ả nấy chỉ khoác ngoài một cái áo dài màu lụa bạch để vừa múa vừa thoát y... rồi thõn thà thõn thẹn đến trước mặt Hậu Chủ để trình... ngự duyệt.

Tương truyền các ả trong ban "Nguyệt lý quần tiên" đều vui vẻ trình thân như các người đẹp "Xếch xy" bây giờ, duy có một người đẹp rụt rè không chịu tiến lại gần nhà vua.

Nhân lúc đó chất men đã bốc, Hậu Chủ chạy lại ghì chặt lấy cô ta, xé cái áo dài lụa bạch ra để... soạng làn da mát rượi mỗi lúc mỗi trắng, mỗi lúc mỗi trong hơn và sáng hơn. Nhà vua cười ha hả:

- Chao ôi, trăng cũng đã tình ! Không thế, sao mỗi lúc mỗi sáng hơn lên như vậy ?

Rồi ngâm vang bốn câu thơ dưới ánh trăng:

*Nguyệt diệc đa tình thậm.
Chiều thử ôn nhu hương.
Duy ngô đắc chung lão.
Lao nguyệt phí quang mang.*

Về sau, có người tạm dịch:

*Góm cho trăng cũng đa tình,
Này nơi êm ấm cũng rình sáng soi;
Suốt đời riêng một ta vui.
Trăng soi tỏ lắm cũng toi công mà !*

Sách xưa chép rằng: sau khi ngâm xong bốn câu thơ trên, Hậu Chủ buông tay ra thì người con gái lăn xuống đất, không động dậy. Thì ra người đẹp bị hôn quân nắm chặt sợ và hổ thẹn không chịu được, đã tắt thở từ lúc nào rồi.

Các phi tần hoảng hốt tâu lên Hậu Chủ thì đức vua lẽ nhe truyền cho thái giám khiêng bỏ xác chết xuống sông. Nhưng cũng chính giữa lúc ấy thì lửa sáng loè ở hoàng thành, tiếng hò hét, tiếng đao kiếm vang lên như sấm dậy: quân nhà Tùy đã chiếm được hoàng cung và bủa vây tứ phía để tìm bắt tên vua dâm dật.

Hậu Chủ chui trốn vào một bụi rậm, chờ lúc nửa đêm về sáng, thừa khi có mây che khuất mặt trăng bò ra một cái giếng ở hậu cung, đâm đầu mà chết.

Cái chết không mấy gì đẹp, điều đó ai cũng thấy; nhưng nghĩ cho cùng thì cũng tội cho Hậu Chủ vì tội có phải riêng của Hậu Chủ đâu. Ai bảo trời thu đẹp nào nùng, buồn se sắt, ai xui gió thu biêng biếc nổi sầu hắt hiu; ai làm cho ánh trăng thu mươn mướt như nhung để cho người đa cảm thấy tâm hồn phơi phới, thấy lòng tê tái, thấy thêm ân ái ?

Nằm ở trên cái lầu cao nhìn ra dòng sông có khói toả mờ mờ, người chồng tưởng như thấy trong lúc bóng giăng lồng bóng nước thì cả bầu trời rền rĩ lên khe khẽ, thương thương, như thể tiếng rền rĩ thương thương, khe khẽ của người vợ nằm trong vòng tay của người chồng triu mến.

Gió lay động bức màn mỏng nơi cửa sổ. Xa xa, ở trên con đường dọc mé sông, có những bóng đèn trẻ con đi rước tháng tám phản chiếu xuống nước trong vắn vắt. Im, để mà nghe ! Anh có thấy gì không ?

- Anh chỉ nghe thấy có tiếng thở của trăng và tiếng tim em đập mạnh như một con chim bé nhỏ.

- Không. Còn gì nữa, anh không thấy à ? Thỉnh thoảng cùng với gió may ở bên kia sông đưa lại, có tiếng hát trống quân, mà Trung Thu không có tiếng hát trống quân không được. Em là con gái

Thuận Thành ở Bắc Ninh vốn là đất nổi tiếng về hát trống quân và quan họ. Đã lâu lắm, em không được nghe thêm một đêm trống quân nào "gia dụng", thế nào tối rằm này, chúng ta cũng phải sang Gia Quất xem hát, anh có chịu không?

- Chịu chứ. Và anh chịu luôn các cụ nhà ta sao mà tâm lý thế, lại khéo biết lấy mùa này làm mùa cưới vợ, lấy chồng. Gió hiu hiu kêu gọi như thế này, mà trời về khuya, lại hơi lành lạnh, trai với gái tốt đôi, thử hỏi còn có bài thơ nào đẹp hơn không ?

Quan quan thư cưu...

Nằm xích nĩa lại đây em, anh kể cho em nghe nốt bài thơ của cặp vợ chồng mới cưới...

Người vợ mỉm cười, mở rộng cửa sổ ra hơn một chút để cho ánh trăng tràn vào cả gian phòng. Đến lúc thiu thiu ngủ trên tay chồng, người vợ nói khe khẽ như trong mộng: "Nhớ nhé... thế nào chúng mình cũng phải đi nghe hát trống quân !".

Thương biết bao nhiêu, nhớ không có cách gì quên được cái đêm Trung Thu năm ấy, hai vợ chồng quần quít tơ hồng, cùng dắt tay đi qua cầu Bồ Đề sang bên kia sông, vào trong một cái quán, ngồi ăn miếng bánh đậu xanh, uống chén nước chè tươi, nghe hai tay tổ là Hai Mão và cô Sinh

ở Hưng Yên về hát đố nhau những câu hiểm hóc do Lý Xuyên ở Gia Lâm sang cầm trịch.

Từ khi lạc bước vào Nam, tôi không còn được đi xem một đám trống quân nào, trừ khi nghe vợ vẫn ở trên đài phát thanh, nên càng nghĩ đến cái đám hát đêm Trung Thu năm đó lại càng nhớ quá.

Thực ra, nói đến hát thì nhớ không biết bao nhiêu thứ: Phú Thọ có hát *xoan*, hát *ghẹo*, Vĩnh Phúc có hát *hội Rô*. Bắc Ninh có hát *quan họ* và có biết bao nhiêu miền còn bao nhiêu điệu hát mê li nữa, như hát *cửa đình* có màu sắc tôn giáo, hát *nhà trò* ở các đám khao vọng, hát *ca chù*, hát *văn*, hát *xẩm*... nhưng không hiểu là vì vợ mình mà mình cũng thích lây hay tại một lý do nào không biết, tôi thích hát trống quân... không chịu được.

Tục truyền nghệ thuật hát trống quân có từ thế kỷ thứ mười ba, phổ biến lúc quân ta chống quân Nguyên. Khi nghỉ, quân ta ngồi gõ vào tang trống mà "hát suông" và "hát đôi". Về sau, trong ngày Tết Trung Thu, trai gái thường họp nhau dưới bóng trăng, trên bãi cỏ, trước sân đình, để hát trống quân với nội dung đối đáp giao duyên, để cao tình bạn, ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước.

Hồi cô Ba Sa Đéc, cô Tư Cần Thơ, cô Năm Vĩnh Long, cô Sáu Mỹ Tho, cô Bảy Đồng Xoài, mấy cô đã có bao giờ được xem tận mắt một đám hát trống quân chưa ? Ngộ không để đâu cho hết, mấy cô à. Nhạc cụ của điệu hát này giản dị không chỗ nói: đàn kìm, đàn nhị, đàn xến, tây ban cầm... hết thấy đều là đồ bỏ. Tất cả nhạc cụ chỉ gồm một cái hố sâu, có cái thùng bằng thiếc úp trên, trên thùng có một sợi dây kẽm dài chừng năm sáu thước căng giữa hai cái cọc. Cầm mảnh gỗ, gõ khê một chút vào đầu dây, cái dây bật vào thùng phát ra một thứ âm thanh giòn giã nhịp theo tiếng hát:

Thình thùng thình !

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam bên nữ ta cùng cất lên,

Cất lên một tiếng linh đình,

Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta...

Hát trống quân thường mô tả niềm vui hồn nhiên của dân ta. Người hát phải biến báo, mau trí, sáng tác đột xuất để hát trả lời lại bên kia, có khi nghiêm nghị, có khi trào phúng, nhưng bao giờ cũng phải giữ thái độ thanh nhã, khiêm nhường, thua thì chịu thua chứ không được tỏ thái độ cục cằn thô bỉ, nói thánh nói tướng, đề cao mình, hạ thấp địch.

Tôi nhớ đêm ấy, Hai Máo đã hát một câu học
búa để hạ phe Sinh:

Thình thùng thình !

Tiếng đồn thực nữ đại tài

Bây giờ anh hỏi một lời phân minh.

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng.

Tài hoa ma mọi già gan,

Hỏi rằng tên họ anh chàng ở đâu ?

Tuy biết nhiều câu đố hiểm hóc, nhưng chỉ
thuộc những vật dụng hàng ngày, chớ không biết
nhiều điển tích, Sinh không thể nào giảng được.
Dưới ánh trăng rằm, khán giả thấy mặt nàng đỏ
ửng lên... Nhưng chẳng lẽ ngồi im ? Nàng đành
phải nhượng bộ, xin Hai Máo giảng dùm:

Một lòng như ý sở cầu

Xin chàng nói lại trước sau sự tình

Thình thùng thình !

Thình thùng thình !

Hai Máo nhìn Lý Xuyên cầm trịch một cách
hả hê và giảng:

Thình thùng thình !

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương lảng lảng hai kinh vững vàng,

Họ Lương tên gọi Thạch An,
Triều vua Gia Tĩnh rõ ràng tài hoa.
Thật là trong ngọc trắng ngà,
Thấy mình không biết giảng ra mấy lời.
Đôi ta cùng một làng chơi,
Thấy em thực nữ trả lời cũng xinh.
Bây giờ lại hỏi phân minh,
Tài hoa ngỏ hết sự tinh anh hay.
Ở đời một giống lạ thay,
Đêm đêm hí nguyệt ngày ngày có thai.
Thình thùng thình !

Những tiếng "thình thùng thình" cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu đố của Mão làm Sinh càng rối ruột. Biết làm sao bây giờ ? Sinh nhất định không chịu nhục vì Sinh vẫn khinh Mão ra mặt và thương riều Mão què.

Nhưng tiếng "thình thùng thình" mỗi lúc thêm giục giã. Mà cái phép hát trống quân lại không cho người ta đỡ giọng cục cằn liều lĩnh.

Rút cuộc, Sinh lại đành phải xin hàng vậy; xin hàng như vậy có lợi vì giữ được thể diện với công chúng và mặt khác thì lại được chia giải thưởng, chớ đỡ mặt liều thì chẳng được xơ múi gì.

Sinh cúi mặt hát:

Thấy chàng tôi bôn cọt chơi,
Thì gan mới biết là người tài hoa.
Chấp chi bồ liễu đàn bà,
Giữ gìn cho vững bông hoa trên cành.
E khi sóng gió bất bình,
Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
Ấy mới tài, ấy mới gan,
Xin chàng tỏ lại rõ ràng thiếp hay.

Có thể chứ ! Cái công tu luyện của Mào không phải là vô ích. Thấy Sinh hạ mình xin lỗi, Mào thấy nao nao trong lòng. Bèn hát:

Hay, hay, hay thực là hay,
Làng Nho có lẽ chịu tay bọm già,
Thuyền duyên rõ mặt tài hoa,
Nếu nàng đã chịu thì ta cũng lờ,
Cát đảng thuận nẻo gió đưa,
Chấp chung tần tảo sớm trưa tuy lòng.

Sinh đáp:

Sâm thương đã vẹn chữ đồng,
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ?
E khi chiếc bách ba đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may:
Sắt cầm hồ đã bén dây,
Thiếp xin thưa lại câu này vui chung.

Hai chữ "vui chung" của Sinh có ý nghĩa xin chia giải với Mão, nhưng sợ người cầm trịch không nghe, nàng liếc Lý Xuyên một cách tình tứ rồi hát:

*Đâu nhiều tài tử anh hùng,
Biết rằng lòng có chắc lòng cho ai,
Sợ khi ép trúc nài mai,
Thế trong dù lớn hơn ngoài khó phân.
Vụng hèn nhờ lượng đại nhân,
Tuỳ lòng giải cấu xử phân được nhờ.*

Lý Xuyên hiểu ý, trông Sinh mà cười. Ông phê vào tờ giấy cầm trịch cho nàng ngang khuyên với Mão.

Nhưng sau Trung Thu năm đó, Sinh không đi hát giải nữa. Cô đã trở thành bác Mão gái, còn Mão què, xong vụ giật giải ở Gia Quất rồi cũng bỏ nghề, xếp một chỗ ngồi ở đền Mậu Dương đoán thẻ cho các bà các cô đi lễ.

Đau nhất là trong khi thiên hạ ca khúc bạc đầu như thế thì ba năm sau đó, vào một ngày Cách mạng bùng nổ mùa thu, vợ chồng mình lại ngâm câu ly biệt. Đó chính là cái năm mà chính lúc vợ chồng đi lễ giao thừa đền Ngọc Sơn thì cầu Thê Húc gãy. Diễm xui xẻo đó ai ngờ lại vận

vào mình cho đến cuối năm, rồi từ đó cứ kéo lê
thê mãi như lời thơ "Chinh phụ hành":

*Thập bát giá lang quân,
Thập cửu lang quân xuất.
Nhị thập, bát qui lai,
Kim niên nhị thập nhất.*

mà sau này có nữ sĩ dịch là:

*Mới năm mười tám lấy mình
Mà năm mười chín dứt tình ra đi.
Hai mươi, mình vẫn chưa về,
Giờ hai mươi một trăng thê còn soi !*

Cái thời buổi loạn li tạo nên bao nhiêu là ly
biệt. Nằm ở miền Nam vắng trắng mà chỉ thấy
hoả châu, không có tiếng trống quân mà chỉ nghe
toàn tiếng súng, không biết làm gì để giết cái vô
liêu, người chồng bây giờ chỉ còn biết trèo lên trên
lầu, cầm ly rượu nhìn ra bóng đêm mịt mù,
ngâm câu thơ "Thú cổ đoạn nhân hành":

*Sưu không trống giục người xa,
Thu về cánh nhạn bay qua gọi sầu.
Đêm nay sương trắng bắt đầu.
Cố hương hẳn cũng một mầu gương nga,
Mấy em tan tác không nhà,
Thư sinh nào biết đâu mà hỏi han.*

*Thử đi không thấu dặm ngàn,
Bên trời hướng lại chưa tan nửa bình.*

Nửa đêm về sáng, trăng xuống thấp chỉ còn cao bằng ngọn tre thì cũng lúc ấy người tương tư cố hương cũng say khà. Hà, sáng mai đây, cuộc đời lại tiếp diễn, cả thế giới lại thi nhau kêu gọi hoà bình và chưa biết chừng lại có người tự thiêu "vì hoà bình, cho hoà bình". Nhưng hoà bình bao giờ tới ? Hoà bình đi có còn trở lại không ?

Người xa nhà không muốn nghĩ lời thôi gì nữa, vì hy vọng cuộc sống để trông thấy hoà bình và trở lại cố hương, nhìn lại cố hương một chút trước khi nhắm mắt, mỗi ngày mỗi nhạt đi mất rồi.

Cái thời buổi ly loạn này, tiến bộ đến tột bậc, có đâu lại như thời Thiên Bảo được. Cuối thời Thiên Bảo, An Lộc Sơn nổi loạn, chiếm kinh thành Tràng An. Vua Huyền Tôn phải chạy vào Thục. Sau, Hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh Vũ, hiệu là Túc Tôn.

Bấy giờ Đỗ Phủ ở Khương Thôn (Lộc Châu) cùng với gia quyến. Nghe tin tân quân mới tức vị, nhà thi sĩ từ biệt vợ con, trốn đến nơi hành tại. Chẳng may giữa đường, ông bị giặc bắt và bị kệt mấy tháng trời. Mãi sau, Đỗ Phủ mới trốn được về Linh Vũ. Túc Tôn phong cho ông chức Tả Thập Di, giữa khi ở nhà, vợ con ông cùng quần,

đến nỗi có vài con nhỏ chết đói. Túc Tôn nhận cho phép ông về thăm nhà:

Mặt trời đã xế về Tây,
Núi cao cao vút, sắc mây ửng hồng.
Kim ô chìm xuống mặt đồng,
Thấy ta, cái sẻ reo mừng ngõ gai,
Ta từ ngàn dặm xa xôi,
Về quê hương cũ với người thân yêu.
Vợ con sừng sốt nhường bao,
Lạ rằng "người ở nơi nào lại đây ?"
Định thần lau mắt lệ đây,
Lầm than, kể lại những ngày ra đi...
Loạn ly, trôi dạt một thì,
Ra đi, đâu hẹn ngày về hôm nay.
Đầu tường, hàng xóm tới đây
Nghẹn ngào cùng vị thân này cảm than.
Cầm đèn quên cả đêm tàn,
Nhìn nhau còn tưởng mơ màng thấy nhau ¹

Bây giờ sống trong chiến tranh "mất" mới, ai đã từ biệt vợ con để ra đi lại còn dám nuôi hy vọng được ngâm lại bài "Khương Thôn" như Đỗ Phủ ? Hoa chẳng chỉ thấy cổ hương trong giấc

(1) Vì người viết lúc chép thơ chỉ dựa vào trí nhớ nên không ghi tên được tác giả và dịch giả.

mộng hay là mượn bóng trăng để gửi mối tương tư hoa vàng về chốn nghìn dặm quan sơn.

*Tiếng chim xào xạc bên đồi,
Giật mình lại ngỡ tiếng người dưới hoa,
Đường xa, rừng vắng, trăng tà,
Khói lên nghi ngút thấy nhà ta đâu !*

Trăng thu, mây thu, gió thu oi, trăng đẹp quá, mây cao quá, gió buồn quá, người nhớ nhà van xin trăng đừng đẹp quá, mây đừng xanh quá, gió đừng buồn quá vì càng đẹp, càng xanh, càng buồn thì người xa nhà lại càng nhớ day dứt đến phong vị Giang Nam, không có cách gì khuây khoả được trăm sầu nghìn giận.

Đó cũng là lời nguyện ước của cô gái còn son nhớ chồng đi lính trong khi chiến cuộc vẫn lan tràn, sen tàn rồi sen lại nở bao nhiêu lần mà người thương vẫn đi biển biệt không về:

*Từ ngày chàng ra ải quan,
Minh em với bóng trăng tròn lẻ loi,
Trăng đừng tròn mái hiên ngoài,
Xin trăng hãy vỡ làm hai mảnh lòng,
Mảnh thì rơi xuống cô phòng,
Mảnh gài ngọn ải cho chồng em soi.*

Đến gần sáng, gió may làm rụng mấy cái lá biệt ly cuối cùng trên mặt đường hanh hao xào xạc.

Người mắc bệnh tương tư uống thêm một ly rượu thật đầy, cho thật say, rồi lên giường nằm thiu thiu giấc hồ. Trăng khéo trêu người, nào có chịu thôi, lại chiếu vào cái giường xô lệch một nửa trắng (là trăng) để đó, một nửa giường để đó (để đó) chờ ai... hử la ơi...



THÁNG CHÍN

Giao mới chim ngói

Thì đã bảo cái đẹp thường là vẫn chóng tàn. Giai nhân, danh tướng đều không để cho người ta thấy bạc đầu thì dễ gì trăng lại cứ sáng mãi, tròn luôn để cho tao nhân mặc khách cứ uống rượu khà mà ngâm câu "Nguyệt thi cố hương minh".

Trăng giữa tháng Tám đẹp trội lên, đẹp ảo huyền tức là trăng sắp kém tươi và bớt sáng đến nơi rồi. Biết quá cái diễn tiến của cuộc đời là thế, các nhà thơ đành chỉ còn biết nhìn trăng mà luyến tiếc, sống mà đã cảm thấy rõ rằng ngày đương có là ngày đã hết.

Bao nhiêu lời vàng nói lên cái cảnh đưa bạn ở trên sông nước bây giờ thành ra là những tiếng thơ tả nỗi lòng của người đa cảm chia tay với trăng thu để cho những ngày bàng bạc màu chì có mưa

bóng mây, có gió lạnh, có tiếng sếu kêu đều hiu
về thay thế.

*Đầu bên sông Hoài bóng nguyệt soi,
Trời chìm đáy nước, nước trôi xuôi.
Sáu triều việc cũ,
Mây nổi chơi vơi,
Dưới trăng ấy
Ta với người
Biết nhau rồi đấy muôn trùng thăm,
Thuyền rẽ sông Hoài sóng bạc trôi.*

Cái buồn của tháng Tám nên thơ, qua khúc
rẽ, cái buồn của tháng Chín ủ ê, day dứt.

Nhìn lên trời, người ta trông thấy trăng liềm
nhô ra khỏi mộng để cho ánh ngà vắt sữa xuống
ngàn cây; nhưng bây giờ thì mỗi khi chiều nắng
xuống, sương đầu dây đã dâng lên và hơi lạnh
bắt đầu vỗ cánh bay vào trong quán gầy, có người
đàn bà vận ngọn đèn nhỏ nên may áo rét cho chồng
nơi gió cát.

Những lúc đó, vì có muốn bắt chước người
ly phu trong thơ Đường lay trăng xin ở lại thì
trăng cũng chẳng buồn nghe. Bấy giờ, nghĩ mới
ghê cho các cụ ngày xưa, biết lẽ tồn vong hơn
cả ai ai, gặp những giây phút rầu rĩ như vậy,
không nói không rằng, lặng lẽ trèo lên núi cao

uống rượu "Trùng Cửu đăng cao" để tiếc nuối mùa thu sắp hết.

Hay là để hưởng nốt những cái gì còn thể hưởng? Không biết. Nhưng thấy các cụ ăn Tết Trùng Cửu ở trên cao như thế thì vợ chồng mình một ngày Trùng Cửu xa xưa nào đó cũng bắt chước, trèo lên trên lầu, nhìn ra sông nước xa xa ngâm khúc hát tạ từ:

*Hôm nay có phải là thu,
Mấy năm xưa đã phiêu du trở về,
Cảm vì em bước chân đi
Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn,
Ai về xa mãi cô thôn,
Một mình trông khói hoàng hôn nhớ nhà.
Ngày mai mới bước chân ra,
Tuy rằng cách mặt lòng ta chưa sâu
Nắng trôi, vàng chảy về đâu ?
Hôm nay mới thật bắt đầu mùa thu.*

Ở cuối sông, sương đục bốc cao ngút lên đến trời. Người vợ, thấy gió lạnh, kéo cái khăn choàng che nửa mặt mà rằng:

- Nhưng nghĩ cho cùng thì "Trùng Cửu đăng cao" để tiếc nuối trăng thanh gió mát chưa chắc đã hoàn toàn đúng. Đâu phải chỉ có mùa thu là đẹp ? Mà Tết Trùng Cửu ăn vào ngày mừng chín

tháng chín mỗi năm hình như còn một ý nghĩa khác hẳn thế, chứ không phải dành riêng cho các nhà văn nghệ sĩ ngồi mà luyện tiếc mùa thu đẹp và than khóc mùa thu chết.

Chứng cứ là theo sách sử để lại thì tục ăn Tết Trùng Cửu bắt đầu từ bên Tàu: Cứ vào ngày mùng chín tháng chín, cả thiên hạ đều nô nức vui chơi như trong Tết Thanh Minh, kẻ lên núi cao, lội suối, người ra sông hồ thả một con thuyền rong chơi, người đánh cờ dưới bóng tùng, kẻ thả diều trên bãi cỏ. Các công nương mỹ nữ, trong xiêm y lộng lẫy, đi trong sương mù, gió lạnh để hái hoa đem về cùng với các trái cây đặt lên bàn thờ, vì theo tục lệ truyền lại thì ăn trái cây tháng này tránh được tai nạn bất thường, còn hoa đem sắc lấy nước uống thì tránh được nhiều bệnh tật trong những ngày đông tháng giá.

Vậy là cả bàn dân thiên hạ vui chơi trong ngày Tết Trùng Cửu, chứ không phải chỉ là ngày Tết dành riêng cho các mặc khách tao nhân nói lên cái đẹp của mùa thu đang chết.

Có lẽ như thế đúng hơn, vì mùa thu đẹp, mà đẹp hơn nữa là những ngày tàn thu, nhưng ai bảo mùa đông lại không có những ngày đẹp riêng của nó, cái buồn nên thơ riêng của nó ?

Tháng Chín là tháng cuối cùng của mùa thu, nhưng bây giờ ngồi nhớ lại những ngày tháng Chín đã qua ở Bắc, tôi thấy rằng tháng Chín không hẳn là thế, mà còn ấp ủ một cái gì đẹp hơn thế, đa tình hơn thế: ấy là lúc đôi mùa thu, đông gặp nhau, mở hội giao hoan trước khi đưa tiễn nhau trên bờ sông trắng cỏ bạc đầu, có gió lạnh mới về chạy xào xạc trong lau lách.

Ồi ơi những người lỡ hội chồng con, có phải đến tháng này, ở Bắc Việt, cái gió lạnh mới về ấy thấm vào da thịt, len lõi tới sâu thẳm của tâm hồn, nó làm cho người buồn dằng dặc, tự nhiên cảm thấy thèm khát yêu đương hơn cả bao giờ hết phải không ?

Nhìn ra thì thấy cái gì cũng vậy chào, hẹn hò nhau, cái gì cũng tơ hồng quán quýt, cái gì cũng đủ lứa no đôi: hồng thì có cốm đẹp duyên, bưởi thì có bông ân ái, gió bắc có mưa phùn, cam vàng có quýt xanh, ăn cái món rươi thế nào cũng phải có vỏ quýt mới dậy mùi, thế thì tôi đổ ai cầm lấy chén cơm mới đưa lên môi mà lại không nghĩ ngay đến chim ngói nhồi củ cải, thịt ba chỉ, hạt sen và miến ?

Ghê cho các loài cây sao mà đến tháng này thấy hoa rét trở về cũng như cảm thấy thèm thuồng ôm ấp, để cho đỡ lạnh lùng. Ấy là cây phật thủ.

Ba mươi tám năm trước ở miền này, tôi chưa được thấy loại cây "tiến" ấy, nhưng bây giờ lạc bước đi vào vườn của mấy ông bạn chịu chơi, một vài gốc phật thủ đã thấy hiện ra, nhưng hầu hết chỉ tốt lá đẹp hoa mà bói thể nào cũng không chịu ra lấy một hai quả để bày cho thơm nhà.

Ở Bắc, cứ vào cỡ tháng Chín này, sao các cây phật thủ sai quả thế ? Mà tại sao ở đây lại cứ đực ra ? Hay là tại thổ ngơi ? Hay là tại hơi bom đạn của Mỹ ném đã làm thui chột các quả đó ngay khi còn trứng nước ?

Hoá ra nghĩ như thế là lầm. Có tìm được những người đã trồng phật thủ ở Bắc Việt vào đây mới biết là giống cây này tuy là mang cái tên rất đao mạo trang nghiêm nhưng đến tháng Tám bước sang tháng Chín là lúc bói quả thì lại không chịu được sự lẻ loi, cô quạnh. Muốn cho sang đến tháng Chín phật thủ có trái thì từ tháng Bảy, tháng Tám nhà trồng tía đã phải ủ cho cây "một chất đàn bà" để cho ấm lòng.

"Nói bậy. Cây gì mà lại có cây khéo khéo đa tình đến thế ?"

"Ấy thế mà thực đấy, mới phiền. Không có chất đàn bà, cây nhất định cứ ì ra nằm vạ".

"Thế cái chất đàn bà ấy là chất gì ?"

"Nói thì tục tĩu, nhưng thực, sợ gì mà không dám nói ? Chắt ấy có thể là một cái yếm, một cái quần, một cái khăn... nhưng điều cần là khăn ấy, quần ấy, yếm ấy phải do người đàn bà đã dùng rồi, nghĩa là phải có hơi hương của người đàn bà mới được. Dem ra bón ở gốc cây, cũng như hoàng lan bón phân ngựa, mai vàng bón gạch non, sứ Thái Lan bón khô dầu, rồi lấy nước giặt quần dơ của đàn bà ra tưới, ấy thế là phạt thủ đỏ màu hay hạt, sang đến tháng Chín thì quả cứ lúc lỉu ở trên cây. Lại lấy cái quần, cái yếm cũ của đàn bà ra bọc lấy trái cho đến khi da nó bóng lên, các cái móng dài cuốn lại đẹp như móng tay Phật, anh hái đem về để lên trên mâm ngũ quả, đến đêm hương dậy lên khắp cả nhà. So với thanh yên, và bưởi, hay hồng hạc, cam sành, trái phạt thủ bỏ ra ăn chơi một miếng, chữa chắc đã ngon bằng, nhưng từ xưa nó vẫn được tiếng là quý, thành ra lúc ăn, ai cũng làm trịnh trọng - nhiều khi cứ để đầy mà trông, thỉnh thoảng cầm lên mà nắn cho nó teo đi, để dành phòng khi đau bụng mang ra dùng chớ không dám ăn sợ phí. Những người ăn thuốc "sưa" rồi lại bày ra cái trò kỳ cục không chỗ nói: Tiêm thuốc phiện vào trong phạt thủ rồi để đầy cho nhuyển vào vỏ và thịt của trái cây. Nay, cứ thỉnh thoảng tiêm một chút như thế rồi

để đây, hàng năm không thói; khi nào cần, lấy ra dùng một miếng, sợ còn hay hơn là thuốc tiên, cụ ạ. Gớm cho cái giống Âu Tây họ khôn chày máu mắt ra: lấy vỏ phật thủ chế ra cái rượu *cointreau* ngon đáo để, ngọt cứ lừ, ấy thế mà say đảo đồng đảo địa lúc nào không biết".

Mứt phật thủ ăn cũng ngon gia dụng, nhưng riêng tôi lại ưa cái mứt kỳ đà hơn, vì cùi của kỳ đà dày, còn thơm cũng tựa như phật thủ. Đó là một thứ bưởi lớn có khi hơn cả cái đầu của một đứa trẻ lên năm, ngon không thể bằng bưởi Đoan Hùng, Phúc Trạch nhưng quý vì cái cùi của nó giòn, ăn vào sừn sực mà thơm một cách độc đáo, nửa như mạn Thất Khê mà nửa như hồng mòng.

À, hồng mòng ! Phải rồi, cái hồng này ít lâu nay cũng thấy bày bán ở miền Nam nhưng có lẽ vô duyên là khẩu cái của tôi cho nên từ khi có loại trái cây này bày bán ở các chợ đô thành, tôi chưa được thưởng thức một trái nào mềm xốt, ngọt lừ như hồng mòng ở Bắc ăn với cơm vào cuối tháng Tám và đầu tháng Chín.

Cốm thì xanh biêng biếc mà hồng thì đỏ chói chang, họa sĩ lập thể nào đã dám dùng hai màu đó kết hợp với nhau chưa ? Ấy thế mà ở Bắc, cứ đến tháng Chín thì nhà trai lại đem đến sêu Tết nhà gái hồng và cốm, hai thứ bày sát vào

nhau. Nhìn những mâm hồng và cốm tốt đôi như trai gái tốt đôi, ai cũng cảm thấy lòng mình nở hoa và kính sợ tổ tiên ta hơn lên một chút vì sao các cụ lại có thể lựa chọn tài đến thế trong việc chơi màu sắc, đồng thời lại đem cho nhân duyên của trai gái một ý nghĩa đậm đà đến thế.

Hồng, thực ra, có ba bốn loại: hồng hạc, bốn múi, trái dài, ít hạt, ngon nhất là giống ở Việt Trì; hồng ngâm tức là hồng xanh, có trái ăn hơi chát, muốn kiếm thứ thật ngon phải là giống ở Sơn Tây. Nhưng trong lễ cưới hỏi, nhất định phải tìm cho được hồng mòng, chẳng những trông đã đẹp mắt, mà cốm và hồng ăn vào miệng lại nhuyễn với nhau, vừa thơm, vừa ngọt, vừa bùi, ấy ai đã cảm, mấy mà không nghĩ rằng thịt ướp lấy thịt, da ướp lấy da để hoà làm một cũng chỉ mê ly đến thế chứ không thể nào hơn được !

Ôi thôi, đến cái thú thưởng thức miếng ngon đất Bắc vào những ngày tàn thu, nghe gió bắc thổi vi vu bên cạnh người thương bé nhỏ thì biết kể đến bao giờ cho hết. Tháng Chín thì quít mới đỏ tròn, ăn chưa xứng ý, nhưng cam thì có cả rừng bạt ngàn san dã ở trên những vùng nương mán, ai muốn ăn bao nhiêu tùy thích mà muốn trả mấy hào cũng cứ được đi. Tuy nhiên, ăn như thế chỉ là ăn chơi. Mùa này, bắt đầu có cảm sành nổi

tiếng ở Bồ Hại; vỏ vàng ăn ngọt như đường phèn; cam chanh ở Xã Đoài không những ngọt lại thơm, chẳng thế lại được liệt vào hàng cam tiến, còn cam giàng sản xuất từ làng Giàng ở Thanh Hoá thì có ý mát và nhiều nước hơn.

Tôi nhớ lại những buổi chiều vô liêu tháng Chín, trời lạnh, gió tê tê buồn, không đi ra ngoài, ăn cơm xong, tráng miệng bằng cam rồi không biết làm gì ngồi châm một ngọn đèn dầu lên hút thuốc rồi lấy những cái vỏ cam bóp vào ngọn lửa; nước ở trong vỏ tia ra làm bùng ngọn lửa đèn, tạo cho mình một sự thích thú và hồi hộp lạ.

Chẳng biết cái vỏ cam ấy để dành có làm được vị thuốc gì không; chứ cái vỏ quýt thì quả là dùng được vào nhiều công việc quá. Ai ăn nhiều mà đầy dạ bụng, khó tiêu cứ lấy vỏ quýt kinh niên sắc lên mà uống; nhưng ăn rươi mà dùng vỏ quýt phơi khô không sương bằng dùng vỏ quýt tươi mới lột ra, thái như sợi chỉ.

Tài thế ! Chẳng cần nhiều, chỉ một dấm thôi, cho vào rươi tráng trứng, rươi mắm, rươi nấu với củ cải theo kiểu tam sà đại hội hay là rươi xào xâm xấp nước với củ niễng, rắc mấy cọng mùi lên trên, tự nhiên rươi dậy hẳn mùi. Thiếu vỏ quýt, nhất định không phải là rươi nữa, cũng như non thiếu nước, trắng thiếu hoa, gái thiếu trai, nhất

định không có cách gì tạo nên được bài thơ ý nhị !

Thế nhưng mà quái, làm sao đến tháng Chín, có nhiều cái thú ý nhị thần tiên thế nhỉ ?

Đã cốm với hồng, đã vỏ quýt với rươi, lại còn gạo mới chim ngói nữa. Có phải là ông trời đem tất cả những cái gì đẹp nhất, mê ly nhất lại cho người Bắc Việt để đền bù lại cái đời sống vất vả của những người ưa chuộng hoà bình nhưng liên tiếp cả ngàn năm phải vật lộn, phải đấu tranh để chống lại ngoại xâm lúc nào cũng mạnh tâm thôn tính cái dải đất nổi tiếng là bờ xôi, ruộng mật ?

Mặc. Muốn mưu toan gì mặc, người đàn ông cứ quyết tâm giữ phần đất của mình đến kỳ cùng, còn người đàn bà thì cứ thờ chồng nuôi con, và giữ lấy dung nhan cho đẹp để cho người chồng được hời dạ dưới ngọn đèn rủ chao xanh.

Thường thường, vào cỡ này có nắng hanh ban ngày, da người vợ hơi nẻ ra hồng lên đôi má. Mặc dầu ánh sáng đèn chiếu da xanh lờn lợt, người chồng ngồi bên cạnh vợ cũng thấy đôi má vợ phơn phớt hồng như hoa đào. Tấm áo nhung đen rung rúc làm nổi bật sắc da ở cổ tròn trịa lên; cặp môi có vẻ thắm thêm một chút; ở ngoài gió bắc xào xạc làm rung động ngọn hoàng lan và người chồng nhìn vợ nghĩ đến làn da ấm áp thơm thơm mùi hoa chanh.

Trời tháng Chín ở Bắc kỳ lạ lắm. Có nhiều lúc trời đang nắng hanh vàng bỗng tím về một hướng rồi mưa rào rào một lúc rồi tạnh, rồi bất thần lại mưa.

Đó là mưa bóng mây, đó là mưa rươi.

Cái mưa này, tuy vậy không có gì độc hết. Thường thường, người ta chỉ se mình, khó ở một chút thôi. Nhưng trời khéo đa tình, cứ vào lúc màn đêm rủ xuống, gió bắc nổi lên thì máu phát ra từ con tim dường như chảy mạnh hơn và cả vợ chồng đều thấy diễm tình bát ngát trên làn môi thương thương, trong đôi mắt yêu yêu... Đến khuya, cả hai vợ chồng vẫn nằm mở mắt trong bóng tối để nghe tiếng gió lay động những cành hoàng lan. Người vợ lấy tay đập khê vào vai chồng nói khê, như sợ có ai nghe thấy:

"Này, mai nhớ đánh thức em dậy sớm, đừng có ngủ quên đấy nhé".

"Dậy sớm làm quái gì. Thức khuya mệt, ngủ đi cho khỏe".

Nhưng người vợ không thể chiều ý người chồng vì mai là mười bốn, phải đi chợ Mối Mơ mua chim ngói về cúng với gạo mối.

Gạo mối gặt về đúng lúc có chim ngói, hai thứ đó gắn liền với nhau, cũng như quýt với rươi, hồng

với cốm, thiếu một thứ không còn ra nghĩa lý gì. Nhưng tại sao hai thứ đó lại ăn khớp với nhau như thế? Suốt một năm, người ta không thấy bóng một con chim ngói, thế mà không hiểu tại sao cứ có gạo mới thì cái giống chim ấy ở đâu lại dẫn điệu về để làm tăng cái thơm, cái dẻo của gạo mới tạo thành một khối thuần nhất lạ kỳ, thứ này làm tăng hương vị của thứ kia lên, khiến cho người sành ăn chỉ còn biết tắc lưỡi, gật đầu vì không còn chữ để mà ca ngợi nữa.

Chẳng biết xem ở sách nào, người vợ kéo cái chăn đơn lên đến cổ y như con chim nhỏ thò đầu ở tổ ngó ra ngoài, kể cho chồng nghe lai lịch của con chim ngói.

- Đúng rồi. Cái giống chim này quanh năm không có, duy chỉ xuất hiện vào khoảng đầu tháng Chín mà thôi. Ấy là vì nó không phải là một giống chim của nước ta, mà là của những vùng biên giới Trung Hoa thấy gió rét, bay về phương Nam để tìm một nơi ấm áp hơn trú ngụ, nhưng vừa tới đây thì người ta đã bắt từng đàn. Bẫy bằng vó như bẫy chim sẻ vậy.

Tài tình đáo để là người Việt. Các đồ vật ứng dụng chẳng cần máy móc cóc khô gì, chẳng cần phương trình thức, đại số thức, hoá học thức con

tường gì ấy thế mà đem ra dùng thì bèn nhảy và hữu hiệu lạ lùng.

Cái võ bẫy chim ngói, có gì cầu kỳ đâu: Chỉ có một cái lưới, hình tròn, giữa có một cái trụ để dựng một nửa lưới lên, còn nửa kia thì để nằm trong ruộng, trên rắc lúa làm mồi. Chim ngói bay, từng đàn kín cả một góc trời, sà xuống để ăn thóc. Người bẫy chim, do một sợi dây buộc vào cái vành lưới làm bằng tre cắt, giắt một cái, phần nửa lưới úp xuống, vơ cả mẻ chim vào bên trong. Muốn cách gì cũng không thể chệch được vì người bẫy chim đã cẩn thận buộc vào vành lưới đó nhiều hòn gạch nặng, một khi đã úp xuống thì chim khó lòng thoát được ra. Có khi có tới vài chục con bị mắc lưới theo kiểu đó cùng một lúc.

Bây giờ, ngôi ở đây nhiều khi trông mưa nhớ nhà, tôi ứa nhớ đến những ngày có bóng rười ở Bắc, cha mẹ anh em quây quần dưới một ngọn đèn dầu, chúng tôi tranh nhau vật lông chim ngói rồi thả xuống đất giậm chân, đập tay để cho nó trồn lủi vào những găm giường, xó tủ.

Chính ra con chim ngói trông cũng không đẹp mấy: tựa tựa như bồ câu, chim gáy, nhưng nhỏ hơn và tròn mình hơn. Lông chim ngói màu nâu, điểm những chấm đen đen, mà đuôi thường cụt. Vật lông rồi, nó để lộ ra một làn da xám xám,

thỉnh thoảng có vết máu rướm ra vì người nhỏ lông bất cần. Có lẽ vì nó sợ, và có lẽ vì đau, chim chúi đầu xuống đi bập bà bập bồng, trông như một đứa trẻ lột trần vừa bị đòn đau, tìm chỗ trốn.

Tội nghiệp cho kiếp chim, ai thấy mà không ái ngại nhưng triết lý là một chuyện mà thực tế lại là chuyện khác: chỉ một lát nữa thôi, mổ ruột bỏ lòng đi rồi nhồi hạt sen, ý dĩ, miến, thịt ba chỉ, mộc nhĩ, nấm hương, cho vào nồi hầm lên, anh sẽ thấy rằng các nhà đạo đức tu hành khuyên cáo các đệ tử ăn chay trường, không sát sinh, thật quả là đại, đại quá, đại không để đâu cho hết. Đáo để là cái giống chim này, sao mà thịt nó thơm, mà lại mềm đến thế, mềm đến cả cái xương, bỏ câu, chim cu sao có thể đem ra ví được ? Chết, đem nó làm món gì cũng ngon chết người đi: Xáo với măng, lá lốt như kiểu xáo vịt đã hay, thái ra từng miếng nhỏ hấp với rau cải non lại càng ngon tề, nhưng ngon vượt bậc là đồ một chỗ xôi "nếp cái mới" rồi úp một hai con chim ngói lên trên để cho mỡ nó nhuyển vào xôi rồi lấy ra ăn thật nóng, nhất định là cả thế giới này không có một món ăn nào sánh nổi !

Ấy chính là chim ngói ngon và quý một cách rùng rợn như thế cho đến mùa mà ăn ngay thì đắc tội với trời: Không được !

Vì thế tất cả những gia đình có lễ giáo mỗi khi đến mùa chim ngói đều phải sửa lễ cúng trời đất, tổ tiên cùng với gạo mới vì cuối tháng Tám đã gặt lúa mới, sang tháng Chín gạo mới đã bắt đầu đem bán ở khắp nhà quê kẻ chợ.

Ở đây, ngon nhất thì Rẻ Cánh, Nanh Chồn, Nàng Hương... thối một nồi cơm lên thơm ngát cả nhà kể ra cũng đã là "cao cấp", nhưng mà đến cái gạo Tám Thơm ở Bắc thì phải nói là thơm "diếc mũi", ghế nồi cơm lên, không những cả nhà thấy ngào ngạt hương thơm mà cả mấy nhà hàng xóm cũng bắt thèm rõ giải ! Gạo Tám nổi tiếng nhất ở Bắc Ninh, nhưng Bắc Ninh lại có một làng riêng sản xuất một thứ Tám thơm "thượng hạng": làng Cói. Gạo Tám Cói thối lên ăn với chim ngói hầm đem cúng thiên địa quỷ thần và tiến vua quả thực là đúng chỗ, y như thường trồng cô đầu đến đoạn "dip phách phách" mà đánh "bóc bóc" hai tiếng ăn nhịp với nhau chan chát, chịu sao cho nổi !

Nhưng người đẹp như Tây Thi đau bụng nhân mặt lại mà vẫn cứ đẹp như thường thì gạo Tám Thơm cứ gì phải ăn với những món thực quý, thật lạ mới ngon ? Đây, thối một nồi cơm gạo Tám Cói cho thật vừa lửa, ghế cho thật vừa tay rồi xới ra một chén đưa lên, nhìn cái hạt cơm trong

muốt, trắng tinh, ong óng như con ong, có khói bốc lên thơm ngào ngạt, có khi anh chỉ rưới lên một tý nước mắm Ô Long hay một hai thìa nước thịt rim ăn cũng đã thấy ngon quá thế rồi; nhưng nếu người nội trợ đi chợ Bằng thấy thịt thăn ngon mà rẻ, lại mua về làm mấy lạng ruốc bông để đấy, lấy ra ăn với cơm Tám vừa chín tới thì... nhất định tối hôm ấy phải yêu thương người vợ hơn một chút.

Người chồng mới nói rằng:

"Cơm hôm nay thổi khéo quá. Giá em thổi cơm thi, nhất định anh phải chấm em giải nhất".

Ấy đó, người đàn ông thường có những cái bực mình lật vặt như thế đấy: tưởng nói như thế thì lòng tự ái của vợ mình căng lên, không ngờ chính anh nịnh vợ lại đâm ra "hồ" vì nịnh không đúng chỗ.

"Anh nói em lại nhớ. Phải rồi, vào cái cữ này đây, ở Bắc Ninh ngày trước, có cái tục thổi cơm thi nhưng không phải ở Thuận Thành mà ở Thị Cầu. Con trai bốn giáp Đông, Bắc, Giữa, Già, từ mười tám đến hai mươi được cử đi rước thần - anh có nhớ tháng Tám, tháng Chín là hội cha mà tháng Hai, tháng Ba là hội mẹ không - và đến hôm rã đám thì được phép dự cuộc thi thổi cơm.

"Nhưng thối cơm có tiếng là làng Tích Sơn, huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên.

Khác hẳn làng Thị Cầu, làng Tích Sơn lại có thối cơm thi vào ngày hội mở ngày mồng ba tháng kiến dân. Trai làng từ mười tám đến bốn mươi phải thối mỗi người một nôi cơm mang đến trình các cụ ở đình. Sau khi ban giám khảo xét nét rất nghiêm minh, nôi nào thối khéo nhất thì để thờ, các nôi khác để các cụ thưởng thức rồi còn bao nhiêu để mời khách thập phương nếm thử.

"Nhưng ở Thị Cầu, cũng như ở Tích Sơn, cơm thối dự thi mà được trúng cách không toi lên như thứ cơm gạo mới em thối cúng thánh ngày hôm nay đây, anh ạ.

"Lúc em còn nhỏ, em đã đi xem nhiều cuộc thối cơm thi rồi nên em cũng biết ít nhiều. Cơm dự thi mà được coi là khéo phải hội hai điều kiện: Một là cơm phải mịn như cơm nắm, đổ ở nôi ra có thể lấy dao cắt thành miếng một mà cầm không có cháy hay có vỏ bao lấy nắm cơm; hai là cái nôi đất thối cơm không được bén lửa, nấu cơm rồi mà cái tròn nôi vẫn còn nguyên.

"Ăn một miếng cơm như thế, nó cứ lừ đi trong cuống họng, vừa thơm vừa man mát mùi nhạ gạo. Nhưng chỉ ăn chơi bởi một hai bữa là cùng, chớ ăn hàng tháng thì phải thối cho ráo nước, cơm

cứ toi lên, không khô, không nát thì mới gọi là thối khéo".

Khéo chống chế, anh chồng nói:

"À, ra cơm thối thì nó như thế hay sao ? Nào ai biết. Chỉ biết đọc truyện "Phạm Công Cúc Hoa" thấy nói đến thối cơm thì mình cũng nói thế, chớ biết đâu thối cơm thì khác thối cơm thường. Nhưng mà cơm thì hay cơm thường thì em vẫn cứ là nhất, anh tự lập lấy một ban giám khảo, và chấm như thế đấy".

Người vợ cười và đêm ấy cũng thấy yêu thương người chồng mặn mà hơn đêm trước nhiều.

Gió bắc thổi về gần sáng lạnh hơn, buồn hơn. Cả hai người lúc ấy cùng cảm thấy sống đủ đôi ấm quá, mà cái tháng Chín ở Bắc quả là tháng lý tưởng của bùi ân ngọt ái. Nhưng càng bùi, càng ngọt bao nhiêu thì cũng lại càng thương biết mấy những người chinh phụ trắng túi, hoa sầu không biết than cùng ai thở cùng ai, không biết chồng đi trận còn sống hay đã chết, đành là gửi hồn mộng đến Ngư Dương để gặp bạn chiếu chăn ngày cũ:

*Bên thành rặng liễu thướt tha,
Dâu xanh um tốt toả ra đầy đồng.
Vẫn vợ mang giỏ về không,
Ngư Dương còn nhớ giấc nồng đêm qua.*

Bây giờ, nằm ở miền Nam, nhớ về phương Bắc,
người chồng không ngờ đâu mình lại cũng là người
đi hái dâu chỉ thực sống khi còn trong mộng, mà
mộng tỉnh rồi thì lại tiếc mộng mấy mươi !

Hôm xưa đương lúc nửa đêm,
Gặp nhau trên gối đã tìm trong mơ.
Nỗi lòng vừa kể hết;
Mặt đẹp tựa hoa xưa,
Tha thướt đôi mây liễu,
Nửa mừng nửa ngẩn ngơ,
Muốn gần nhau vẫn đứng trơ,
Đau lòng nghĩ tiếc giấc mơ vừa tàn ⁽¹⁾.

Tiếc không biết bao nhiêu những đêm lạnh nằm
chung một chăn đơn với vợ ăn hạt dẻ, nói đôi ba
câu chuyện buồn vui thế sự; tiếc những buổi chiều
mưa rười rượi hai đứa dắt nhau đi trên những con đường
vắng ảm ướt có hoa sấu rụng thơm lên trong không
khí một mùi hương dịu dịu, man mác mà lại chua
chua; tiếc những ngày tản cư cùng đứng trên con
đê sông Máng với con trai, nhìn về phía có đèn
sáng ở đô thành ngâm bài thơ đi đây.

Nằm ở đây bây giờ, người chồng bỗng nhiên

(1) Những bài thơ chép lại ở đây chỉ dựa theo trí nhớ. Nếu có
câu nào lầm lẫn, và nếu không được ghi chú được tên các tác
giả và dịch giả, xin vui lòng tha lỗi.

thấy tủi thân vì cảm thấy chìa khoá để mở cái tháp vàng đã mất rồi, ngày vui không hy vọng còn trở lại, cũng như người tỳ bà nữ bến Tầm Dương không còn hy vọng được thấy những ngày ở Hà Mô có không biết bao nhiêu chàng trẻ đem the thắm để mua lấy tiếng đàn huyền diệu.

Thì ra cái thân mình ở đây cũng chẳng hơn gì người tỳ bà nữ lúc về già, lấy người lái buôn chè, một đêm ngồi thuyền gảy mấy thiên ai oán cho Bạch Cư Dị nghe lúc tiễn bạn ở sông Bồn, vào khi ông bị biếm ra làm chức Tư Mã ở quận Cửu Giang hẻo lánh:

Từ xa kinh nguyệt bấy lâu,
Tầm Dương đất chích gối sầu hôm mai,
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đờn địch cả năm;
Sông Bồn gấn chốn cát lầm,
Lau già trúc võ nẩy mầm quanh hiên,
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Cuộc kêu sầu vượn nói nỉ non,
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn
Lần lần tay chuốc chén soi riêng ngừng.
Há chẳng có ca rừng địch nổi,
Giọng liú nô buồn nổi khó nghe,
Tiếng tỳ bổng lắng canh khuya,
Dường như tiên nhạc gấn kề bên tai...

Nghe thấy tiếng đàn của người tỳ bà nữ, khắp tiệc hoa đều tuân nước lệ rơi, nhưng đến lúc chiếu cuốn rượu tàn, trơ lại chỉ còn chiếc thuyền chẳng rãi nước trôi, người tỳ bà nữ nằm một mình, nghĩ một mình, lại chỉ còn biết vui với cảnh, với người trong mộng; ấy vậy mà ngay ở trong mộng cũng buồn, tỉnh dậy mà vẫn còn thấy nước mắt đầm đìa mặt gối.

Người chồng bây giờ ở đây cũng ôm đàn đi gảy thuê cho thiên hạ giải sầu, nhưng đêm khuya về nằm một mình ở căn nhà gầy, y không khóc như người tỳ bà nữ, nhưng nâng chén rượu lên uống một mình, ngâm khê mấy câu thơ cũ:

*Hơi may heo hắt từ tây,
Giang Nam phong vị độ rầy ra sao ?
Nần nỉ với hai sao bên Hán,
Dải Trường Giang giới hạn đông tây,
Hai sao soi biết nạn này,
Xin cho thất tịch cùng ngày đoàn viên.
Vầng trăng trước về miền vân thủy
Soi những người thiên lý tương tư,
Đi qua vườn cũ lơ thơ,
Thử xem án cũ cầm như thế nào ?
Trông đàn én bay cao phấp phới,
Xịch then song gọi với trước màn.*

*Tiền đây nhờ gởi chút tình,
Chờ xuân nhẩn gửi chim xanh còn chày !
Tình nam bắc thấu ngày qua tháng,
Sầu biệt ly với sáng đây chiều,
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Cây ai về nẻo Thước Kiều hỏi tin...*

Đến nửa đêm, thức dậy, cái giường tre ở ngoài vườn có sương mù bốc lên như khói. Ngưng đầu nhìn thấy có những cánh hoa trắng nhỏ rụng lá tả trên chiếu lạnh. Người chồng cúi đầu nghĩ lại giấc mộng vừa qua, thấy mình về phương Bắc cùng vợ đi trên con đường xưa cũ, con đường hò hẹn khi mới quen nhau, hai đứa cùng lấy một tấm lá che đầu để tránh mưa rươi mà chân thì dẫm lên những cánh hoa sấu rụng cũng nhỏ, cũng trắng như những cánh hoa rụng đêm nay trên chiếc giường trống trải.

Nhưng hoa này đâu phải là hoa sấu rụng thơm lên trong đêm xanh một mùi hương dịu dịu, man mác, chua chua ! Mà đó chỉ là hoa cây trứng cá lúc rụng cũng duyên dáng vô vàn, nhưng chẳng có hương thơm gì hết !

THÁNG MƯỜI

Gió bắc mưa phùn

Không khóc như người tỳ bà nữ bến Tầm Dương ? Mà chỉ rót rượu uống một mình rồi nằm khoèo trên chiếu lạnh, mộng về Hà Nội, đi với vợ trên con đường hò hẹn thơm thơm mùa hoa sấu ?

Không. Nói như thế là dối mình, dối người. Tỉnh mộng rồi, người chồng ấy nằm khóc một mình.

Khóc thì yếu thật, nhưng anh ta khóc, khóc âm thầm - rồi khóc nức nở, khóc thảm thiết như chưa khóc thế bao giờ.

Là vì chính ngày tàn thu ấy, anh ta vừa được một người bạn viễn phương tìm đến báo cho biết rằng người vợ mà khắc khoải nhớ thương qua ngày ấy sang tháng khác đã lìa trần và lúc gần mất chỉ nhắc nhở đến anh vì bản khoán không

biết ở miền Nam no đói ra thế nào và sống chết ra sao. Nhớ đến những lời bạn thuật lại cho nghe, người chồng buồn đứt ruột: bao nhiêu kỷ niệm đã có khi lắng xuống bây giờ lại như nước bị khuấy lên.

Trong bóng đêm lạnh, có tiếng mưa rơi trên giàn hoa thiên lý, anh khóc vợ, khóc chính mình, khóc không cho ai biết.

Và bao nhiêu những việc đã qua dần dần hiện ra mờ mờ nhàn ảnh trước đôi mắt lệ nhòa: cái đêm hẹn ước đầu tiên, gặp mưa rào trên con đường vắng tanh vắng ngắt đi vào Bách Thú; những lời trách móc phản đối của gia đình; bao nhiêu là hy sinh của người đàn bà quyết tâm theo một người chồng mang tiếng là hư hỏng bị cả họ hàng khinh khi; những ngày đầu chung sống thấp một ngọn đèn dầu ở trong màn viết một bài truyện lấy năm đồng bạc; những lời ong tiếng ve của ruột thịt bạn bè khi thấy vợ đem bán hết cả tư trang, rồi tiếp đó là những ngày thất lưng buộc bụng, một nắng hai sương, xây dựng cơ đồ để mong mở mày mở mặt với người; những ngày tao loạn vợ chồng con cái lang thang đi sát vào nhau trên sông Máng để cho gió khỏi thổi bay đi; những ngày hồi cư thức khuya dậy sớm, vợ chồng heo hút với nhau, chồng có khi câu bắn, chơi bài hư hỏng, nhưng

vợ thì cứ chịu đựng, cứ thui thủi ở nhà dạy con và lo lắng miếng ăn giấc ngủ cho chồng từng ly từng tí.

Thôi, thế là hết. Bây giờ thì còn ước mơ gì nữa, bây giờ thì còn chờ đợi gì nữa, bây giờ thì còn cầu xin gì nữa ? Vợ chồng lấy nhau từ lúc hàn vi, đến lúc chết tướng là được vượt mắt cho nhau, ai ngờ đâu lại vô duyên đến thế ! Đã buồn như vậy, lại còn rầu vì nổi cùng lúc hay tin vợ mất thì lại được biết là con nhớ bố mấy năm nay thăm dò mà không làm sao nhờ được én nhận trao tin, cháu nhớ ông chỉ cầu nguyện nhận được một chữ của ông gửi về để cho người ngoai thương nhớ nhưng chiến tranh tàn ác đã cắt hết cả đường dây liên lạc. Thương nhớ não lòng não ruột, nhưng biết làm sao hử Khoái, hử Lăng ? Mà cháu Khanh, có phải sau khi ở Trung Quốc trở về , cháu đã có gia đình rồi phải không ?

Nhớ lúc ra đi, đứa cháu ấy mới có bảy tám tuổi, theo bà ra bến nước tiễn đưa ông, nào đã biết chi là buồn. Mười tám, mười chín năm rồi... Bây giờ, ở miền Nam, người ly hương nhớ đến vợ, nhớ đến con, đến cháu làm thế nào mà quên được những buổi tối tháng Mười ở Bắc, có gió bắc thổi lạnh lạnh, có mưa rơi rầu rầu, ai đi đâu, ai làm gì cũng cố phiền phiền để về cho sớm quây

quần với nhau chung quanh cái bàn ăn, dưới một ngọn đèn hồng ấm áp ?

Lúc ấy, trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi, người ta chưa quen với khí hậu nên cứ chiều đến, lúc lên đèn ăn cơm thì gia đình xum họp đầy đủ, người lớn trẻ con, mỗi người có vài ba câu chuyện nói với nhau, hưởng cái thú vui ích kỷ là sống đầm ấm trong khi ở bên ngoài có những người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Khói từ nồi cơm và các thức ăn toả ra trong gian phòng nhỏ ở cầu thang đi xuống làm cho lòng người ấm thêm lên và cơm ăn cũng ngon hơn lên một chút.

Đây là mùa gạo ba giăng, cơm thổi lên ăn quên chết. Là vì riêng cái gạo nhựa mới ăn vào đã dẻo quá rồi, thơm quá rồi, người vợ lại cẩn thận chuyên đông của người quen thành ra không pha phách gì hết, ăn mới thực hoàn toàn thích khẩu.

"Cũng thì là một thứ thóc, cho vào cối xay, nhưng mỗi người hàng xáo sàng trấu cho tách rời khỏi gạo, khéo vụng khác nhau. Phải làm sao cho gạo không lẫn trấu. Mà thế cũng chưa đủ: gạo sàng rồi phải giã trắng thì ăn mới ngon miệng chứ có trấu lẫn vào, hư cả chén cơm đi".

"Vê chuyện ! Gạo giã ngon, thì có lẫn một vài hạt trấu vào vẫn cứ ngon như thường".

"Không được. Ăn một chén cơm ngon lúc hết mà có một vài hạt trấu lẫn vào, coi như bỏ. Vì thế những người hàng xáo thông thạo, lúc sàng gạo rất cẩn thận mà đến lúc giã gạo cũng không cầu thả: họ đếm từng chầy, và đôi khi hồ gạo bằng một vài cái mạ non. Song rồi, phải giần cho thật kỹ để cám và tấm tách rời riêng khỏi gạo".

"Trấu dùng để đun bếp hay trải chuồng lợn, cám thì cho lợn ăn, còn tấm sở dĩ để riêng ra là vì ăn hơi sạn sạn. Cái nghề hàng xáo cũng như nghề con gái may áo cưới cho người ta, anh ạ. Gạo ngon thì đem bán hay để dành cho chồng cho con, còn chính các bà cô hàng xáo thì ăn cơm tấm".

"Tại cơm tấm ăn ngon và lạ miệng".

"Không phải. Nhưng bởi vì cơm tấm no lâu, đi chợ xa đỡ phải ăn quà. Mà bỏ đi cho lợn ăn thì phí".

*Đói no một vợ một chồng,
Một liêu cơm tấm dầu lòng ăn chơi.*

Cách đây ba chục năm, ở miền Nam có sáu xu vào tiệm ăn, phổ ky đưa một đĩa xì dầu, một cái hột gà và một thìa mỡ nước không tính tiền ngoài đồ ăn ra, mà cơm thì nóng sốt, trắng tinh - vì kỹ nghệ xay thóc mở mang, không có nghề hàng xáo như Trung và Bắc - tôi gần như không

thấy ai ăn cơm tấm; nhưng bây giờ vì ơn nhờ kiệm ước, cơm tấm được coi là một thứ quà sáng vào hạng sang, thiên hạ ăn nha nhẩn, trông thấy người ta ăn mà mình đã thấy ngon rồi.

Nhưng ngon cách mấy đi nữa thì cũng không có cách gì so sánh được với gạo ba giăng tháng Mười. Cơm chín tới, cả nhà quây quần lại rồi bắc ra ăn với cá mương đầm Vạc vào hồi này đương béo kể đã là ngon, nhưng ngon thật là ngon thì phải kể đến cá mè vì tháng Mười chính là mùa của cá giống này - béo bùi nhất định là hơn đứt cá thu, mà ngọt thịt thơm hương dăm cuộc là cá trắm, cá mương không thể nào sánh kịp. Thực ra cá mè không lạ gì lắm với miền Nam là đất có tới chín mươi ba thứ cá, tôm, cua, còng, ngon như cá chẻm, cá chìa vôi, cá lăng, lạ như cá đuông, cá tra lột, cá sặc buồm, có tiếng như cá phát lác, cá chạnh lá tre, cá vô chó, cá vô cờ... Cứ vào khoảng tháng Năm, tháng Sáu ở đây, các chợ có mà thiếu giống cá mè, các bà các cô mua rả rích đem về hoặc chiên lên dầm nước mắm, hoặc nấu ngọt hay kho lạt ăn bằng thích.

Nhiều người bảo: "Thích gì ! Cá mè đóng hộp quanh năm có bán, ăn vào thơm mà xương lại nhừ, không tanh, tội vạ gì mà mua về làm cho cực !".

Những người nói như thế là lầm. Cá đóng hộp kêu là *Sardines* là cá chích, cá lẩn, còn *Sardines* của Mỹ và của Nhật là cá chuồn chuồn có râu ở mép và một cái vây dài ở lưng trông như cái cánh. Cá mòi (hareng), cũng thuộc vào loại cá biển, nhưng khác thế: nó đẹp, nhiều xương dăm, mình tròn, thường thường lớn bằng ba ngón tay là cùng. Đặc trưng của nó là lấm mỡ; vào tháng năm tháng sáu, cá này béo gia dụng, mua một ký đem về lấy dao khứa ở hai bên sườn ra mà chiên lên có khi được tới một chén mỡ vàng như mỡ gà mái đẻ.

Ở Phan Thiết, tại cực nam Trung bộ, cá mòi là căn bản của một sản phẩm đặc biệt quý giá: mắm mòi - một sản phẩm từng làm đầu đề cho nhiều câu hát, câu hò tình tứ:

*Cô kia bới tóc cánh tiên,
Ghe bầu đi cưới một thiên cá mòi.
Không tin dờ thử lên coi,
Rau răm ở dưới, mắm mòi ở trên.*

Con trai Bình Thuận nghe thấy cô gái Phú Yên đẹp quá, mê cứ tí đi, dẫn cưới cả một thiên cá mòi, thế thì đủ biết mắm mòi ngon biết chừng nào, cá mòi quý là nhường bao.

Ở Bắc Việt, cá mòi không có nhiều như ở Nam

và Trung. Cả năm, chỉ tháng Mười, tháng Một mới thấy giống cá này xuất hiện, mà đặc biệt là nó chỉ rộ lên mười ngày lại thôi rồi lại có, có vài ba bận rồi thôi hẳn, y như thể chim ngói và rươi vậy.

Tôi còn nhớ mỗi khi trời bắt đầu rét mà có cá mòi, thì người ta gánh đi bán rao âm ỉ cả hàng phố lên, y như thể có một thứ hàng gì lạ lắm. "Ai mua cá mòi ra mua". Và cũng như rươi, cốm và chim ngói, quay đi quay lại chỉ một buổi sáng là những bà nội trợ sành ăn đổ ra mua hết nhẵn. Ở bên ngoài có gió rét mưa phùn, đóng cửa sổ lại mà uống một vài cốc rượu hâm cho nóng thì vừa lúc vợ ở dưới bếp đưa đĩa cá mòi lên cho chồng đưa cay: không, dù anh là người không ưa món cá, sợ tanh, anh cũng phải nhận cá mòi ở Bắc khĩa cạnh, rồi xát nghệ, nướng trên than tầu, chấm nước mắm gừng, nhấm rượu ngon gia dụng !

Cứ nói thực ra thì có người đẹp miền Nam không lấy làm *dzui* lắm, nhưng tôi cứ phải chịu lấy cái tội "thiếu sự thể" mà nói rằng, vào đây, tôi cũng ăn cá mòi, nhưng cá mòi ở Bắc sao nó vẫn có cái gì ngát hơn, bùi béo hơn, mà cũng ngọt ngào hơn. Không biết có phải tại hiếm mà quý? Tại thương vợ quá, phàm vợ làm món gì cũng thấy ngon dội hẳn lên ? Hay là bởi tại thời tiết hiu

hiu lạnh, mang mang buồn, ăn vào thấy ngon hơn ? Mà cũng không biết có phải tại con cá mòi ngoài Bắc nó ly kỳ hơn con cá mòi ở Nam và ở Trung?

Sách "Giao Châu ký" chép rằng ở miền bể phía Nam có thứ cá vàng đến tháng Chín hoá ra con chim cút, trứng ăn vào bổ thận tráng dương, thịt chữa được các chứng phiền muộn, cảm ly, thì sách "Thoại thực kỳ văn" của Trương Quốc Dung cũng ghi rằng, cá mòi là do con chim ngói hoá ra, cái ruột con cá mòi là cái mề của con chim ngói.

Cuối tháng Chín ăn chim ngói cơm mới sau lễ Thường Tân còn đương thòm thềm thì chim ngói bói không còn lấy một con, mà bây giờ sang đến giữa tháng Mười lại vang rân tiếng rao cá mòi là con chim ngói hoá thân, mấy mà không cố mua ăn cho kỳ được để ngẫm nghĩ lại cái ngon của chim ngói và nhân tiện sánh cái ngon của chim ngói so với cá mòi ra sao.

Ăn một miếng cá như thế, muốn nói gì thì nói, cũng cứ phải nhận là thú vị không tả được, mà vừa nhắm nhót vừa thấy thú vị trong lòng, ngon một cũng thành ra ngon mười, gia đình dù có túng thiếu ít nhiều cũng vẫn chan hoà một bầu không khí tươi vui ấm cúng. Chính lúc ấy, người chồng cảm thấy câu dân ca này đúng hơn cả bao giờ.

*Khế rụng bờ ao, thanh tao anh lượng.
Ngọt như cam sành, héo cuống anh chê...*

Mà người vợ, hình như cảm thông với chồng từ khoé mắt, từ tiếng cười, mặc dầu không thốt ra miệng cũng cảm thấy trong tim như có tiếng hát bé nhỏ vọng ra:

*Nhà em có vại cà đây,
Có ao rau muống, có đầy chĩnh tương.
Dầu không mỹ vị cao lương,
Trên thờ cha mẹ, dưới nhường anh em.
Một nhà vui vẻ êm đêm.
Đói no trong cảnh không thềm lụy ai.*

Hay lắm. Cơm hôm nay thường thường thôi, nhưng mà hay vì món cá mè. Người chồng say chệnh choáng lên trên gác đi nằm trước, vỗ vào cái chậu sứ Giang Tây trồng một gốc thanh tùng cổ thụ mà hát một mình.

*Bữa ăn có cá cùng canh,
Anh chưa mát dạ bằng anh thấy nàng.*

Chập chờn nghe tiếng gió mưa ở ngoài sân, người chồng loáng thoáng thấy tiếng trẻ ở dưới nhà nói chuyện với nhau về một con chim yến "chú Lãng làm bay mất", tiếng máy nước chảy lạnh

canh xuống những tách chén chè sen đang rửa... rồi người vợ phàn nàn:

"Quên rồi, lúc này không ai nhắc tôi lấy chuối để cho cậu xoi tráng miệng ! Chuối thế này mới là chuối chứ !"

Cốm, hồng, chuối trứng quốc, cam... đó là thời trăn của tháng Mười, nhưng yêu nhất là quả quít tháng Mười sao mà nồn nường đến thế, sao cái vỏ nó mỏng đến thế, sao màu sắc tươi lạ tươi lòng đến thế. *Tháng Chín thì quít đỏ tròn*, sang đến tháng Mười thì quít chín. Trông những vườn quít trĩu chịt những quả thắm một màu vàng xen vào những chùm lá xanh màu thiên lý, mà ai quên được những cô hàng đẹp như thơ, chít khăn vuông cười duyên với khách mà nói nửa đùa nửa thật:

"Quít đẹp như thơ, ngọt mua chua trả, ba quả một hào".

Ờ thì mình cứ nhận là si, đã chết ai chưa, nhưng mà ăn nói duyên dáng như thế, cứ mua đi, để... ăn dần, mình ạ ! Yêu biết bao nhiêu người vợ tào khương thấy thế đã không giận người chồng trắc nết, mà lại còn cười hoạ theo với cô hàng và nức nở khen cô hàng xinh quá.

Nghe thấy thế, người chồng rờn rợn tưởng là vợ chơi chua, nhưng dò ý tứ mãi thì thấy không

phải thế, thực ra chỉ là khéo biết chiều ý chồng mà thôi.

Không chiều ý thì làm sao người chồng "lên con" bảo đưa tiền để tiêu xài một cách phi lý mà cũng cứ chịu liền ? Ấy là tại vì người vợ hiểu chồng quá đi rồi, biết là có tiền cũng chẳng đi cô đầu cô đít hay là trai gái phiện phò đâu, nhưng lại đi lên Nghi Tàm hay tạt về Ô Đống Mác mua cá đồi, hòn non bộ hay một cây thế lẳng nhăng gì đó để ra ngắm vào ngắm rồi, rồi sửa, rồi uốn, rồi bón, rồi hăm mất hết ngày.

Mùa thu vừa qua đây, cây khô lá vàng, vì thời tiết hanh hao, sang đến tháng Mười, có mưa dầm, cây cối tỉnh lại, không mua ngay gốc tùng La Hán của Nhiêu Ban hay chạy lên nhà Ba Thá nói khó để lại cây bông nổ gốc to bằng cổ tay mà lá lăn tăn như hạt thóc thì uống quá.

Sáng dậy, ra thăm mấy chậu cây cảnh, mấy cái đồi, thấy lá cây còn óng ánh nước mưa, lá tươi hơn hớn, hay những cái "rễ nổi" trắng phau như có ai mới lau chùi, mình tự nhiên thấy nhẹ nhõm cả người và tưởng như mình là một thứ người đạo cốt tiên phong sống hẳn ra ngoài vòng kiểm toả. Khoác một cái áo lạnh lên lưng, đi quanh quần trong vườn, "trả lại" cảnh này cho cây này, tạ những lá thừa kia cho cây kia, mình thấy ngày

giờ trôi đi nhẹ như mây, nhưng nếu ví thử cái máu giang hồ vật nổi lên, không muốn bị tù hãm trong bốn bức tường mà lại đi ra ngoài hứng rét đội mưa để nghe tiếng chuyển mình của sông hồ đồi núi thì lại thấy trong lòng ngan ngát một sự say sưa khác hẳn.

Đó là cái say sưa thần thoai của Từ Thức nhập Thiên Thai nhìn ra bát ngát chung quanh toàn những hoa đào, mà lắng tai nghe thì trên trời dưới đất toàn là tiếng suối đàn róc rách.

Nhưng tháng này đâu đã có hoa đào ? Mận mới bắt đầu nảy lộc xinh xinh màu hoa lý, trà chưa ra hoa mà mộc thì cũng chưa hé nụ, nhưng hoa trầu, sang đến giữa tháng mười, sao ở đâu ra không biết mà nở nhiều đến thế ! Nhớ lại lúc còn kháng chiến, vai mang một cái ba lô, tay chống một gậy tre, lê gót trên con đường Chi Nê đi Đầm Dạ thẳng hướng lên Lạc Thủy, Châu Sơn dưới mưa phùn gió lạnh, phải nói có cả chục cây số đường đất trắng tươi hoa trầu. Hoa trầu rơi xuống kín cả đầu, cả vai người cán bộ, kín cả cỏ hai bên vệ đường, kín luôn cả đồi cây; vách đá ở chung quanh. Xa xa, bỗng nổi lên tiếng xi xô của mấy đồng bào Thổ đi làm việc buổi chiều về, hát lên những câu hát mình nghe không hiểu, nhưng biết là nói lên nỗi uất hận của những người

cầm thù để quốc làm cho con lia cha, vợ lia chồng, anh lia em, mẹ lia con, tình nhân lia tình nhân vì chiến tranh.

Ngày tháng mười tàn vội vã, mặt trời vừa lặn thì bóng tối dãi ra khắp đồi núi lúc nào không biết. Chính vào lúc đó, đứng trên một trái đồi mà lắng nghe hơi thở của trời, ta thấy có một mùi hương kỳ lạ làm cho ta nhẹ nhõm hẳn lên, một mùi hương dịu dịu nửa như mùi dạ lan hương mà lại nửa như mùi hoa mơ, hoa mạn. Giẫm lên hàng cây số hoa trấu đỏ và tắm hương của nó vào lòng, anh nhớ lại bộ tứ bình ngày xưa treo ở trong căn nhà lụp xụp phố Hàng Gai và thấy hiện ra rõ rệt, như trong một cuốn phim, cái cảnh mùa đông ở trong tranh vẽ một ông già mặc áo tay dài, vai mang bình rượu, đi với một tiểu đồng "đạp tuyết tầm mai".

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thiếu thời hồi cha mẹ sống toàn, cứ vào những buổi tối tháng Mười thì cậu Hảo và chú Cả Tộ lại sang nhà ngồi nói chuyện mua cái áo dạ Mông Tụ để may mặc vào những ngày giá rét sắp tới hay là rủ nhau đi ăn chả cá ở nhà Hy "chớ không nên vào cái nhà Sơn Hải mới mở ăn không thú lắm vì không có cái không khí mông lung sương khói".

Ở đây là xứ gior tay ra thì có gạo, vớt nước

lên thì có cá, ôi thôi, còn thiếu món cá gì mà chẳng có người làm: cá nhám không, hay cuốn thành gói, hoặc là ăn với bún, cách gì cũng vẫn cứ là ngon; muốn lạ miệng, thì dùng cá nướng trui, cá bọc vào đất, rồi bện rơm lại mà hầm, như các ông sư hồ mang hầm thịt chó; nhưng có cô gái nào xót ruột thì nên dùng canh chua cá lóc, hay lấy tam cá tra sọc, cá sặc buồm, cá bi côi nấu với xoài xanh ăn cũng "đỡ" vô cùng.

Cá làm thành bao nhiêu món, cá tạo nên bao nhiêu là bài thơ, nhưng chỉ lạ có một điểm là làm sao không ai làm chả cá để đến nỗi phải đợi sau khi di cư đến bảy tám năm trời mới có hai ba nhà làm món ấy để cho các ông ghiền món ăn này "xài đỡ"? Đi chơi mười một quận đô thành, đi khắp cả các Vàm Đông, Vàm Láng, Vàm Tây, Bãi Xấu, Sóc Trăng, Bạc Liêu xưa kia nổi tiếng về nghề đóng đáy thả lưới, quăng chài để bắt cá tôm mà cũng nổi tiếng luôn là có nhiều các chú:

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ,

Dưới sông cá chót, trên bờ Triều Châu.

thật quả tôi chưa thấy một người Tàu nào làm chả cá, trong khi bao nhiêu món ăn bắc như phở, bánh dèo⁽¹⁾, thang, cuốn, thịt cây, lươn, ếch, họ

(1) Bánh cuốn ở Thanh kều là bánh dèo.

đều làm tốt để bán cho người mình thưởng thức! Tại chả cá khó làm ? Tại có một bí quyết riêng ướp chả ? Hay tại vì cá anh vũ dùng làm chả không ở đâu có, ngoài Bắc Việt ? Điều đó chưa có người nào nghiên cứu, nhưng hồi còn ở Hà Nội, mỗi khi ngồi tán chuyện gẫu với Hy-Chả-Cá, ⁽¹⁾ mà thấy có những người Tàu ở Hồng Kông về đặt mua cả trăm cả ngàn "gắp", với đủ rau, hành, nước mắm, bánh đa, cà cuống, mắm tôm, chanh ớt để đưa lên máy bay chở hoả tốc về Hồng Kông ăn nhậu thì tự nhiên mình cũng thấy sượng tê tê vì người mình đã sản xuất được một món ăn ngon đặc biệt mà chính bà Tàu nổi tiếng là nước "kén ăn" cũng phải mua của ta để xài !

Nghĩ như thế rồi ăn một bữa chả thật ngon, được chủ nhân để dành cho vài chục gắp "lòng", chan mỡ nước kê lách tách, rồi uống nước trà mạn sen, ăn một miếng trầu nóng ran cả người lên, đoạn đi ngất ngưỡng trong gió lạnh, tìm một cái xe bò áo tơ cánh gà trực chỉ Khâm Thiên hay Vạn Thái nghe có một vài khẩu trống, không, anh phải nhận với tôi là các bọn tiểu tư sản vô bổ và đầy tội lỗi thực đấy, nhưng sượng lắm - sượng không chịu được. Có anh sẽ bảo:

(1) Chủ hàng chả cá nổi tiếng nhất Hà Nội.

"Nói giọng gì mà nghe thấy cái thói ích kỷ nó thấm vào đến tận xương, tận tủy ! Thế chú mày không biết rằng ở quê cây bừa gặt hái vất vả, người nông dân chính vào cái cử này khổ cực vô cùng, không mở mắt được, có khi phải làm việc suốt đêm đến sáng ?".

Đương nằm làm một điệu tự tay em tiêm "trôn quít" đưa mời, mà nghe thấy ông bạn nói thế, ai mà không cảm thấy như bỏ cục tuyết vào cổ vật áo làm tê dại cả xương sống, xương sườn.

Người hưởng lạc cảm thấy nao nao trong lòng một giây lâu, nhưng sau đó lại tìm ngay được rất nhiều lý lẽ để tự bào chữa cho mình, tự an ủi, và tự tuyên bố là mình trắng án. Là vì nằm bắt óc nhớ lại hết các ca dao, tục ngữ, dân ca của đất Việt trời Nam, anh không thể nào kiếm ra được một câu nào nói lên là người dân quê khổ cực trong tháng Mười.

*Tháng giêng chân bước đi cây,
Tháng hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng.
Thuận mùa lúa tốt đặng đặng.
Tháng Mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.*

...

*Tháng Mười buôn thóc, bán bông,
Tháng một tháng chạp nên công hoàn thành.*

Cỏ úa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng voi mười, còn độ một hai.
Ruộng thấp đóng một gầu dai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng.
Chờ cho lúa có đồng đồng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người,
Bao giờ cho đến tháng Mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quét sạch thế là xong công.

Thực ra chính đến tháng Mười là người dân quê Bắc Việt tương đối rảnh tay, vì lúc bấy giờ là mùa gặt; thóc gặt về, đập xẩy, phơi phóng xong rồi là yên. Cho đến hết tháng Mười, họ chỉ còn lo quây vào cót để ăn dần, bán dần đi để lo trả công trả nợ, đóng sưu đóng thuế cho chồng, nhưng đấy là những năm được mùa. Còn mất mùa thì sao.

Phải biết rằng trước đó, vào lúc lúa sắp chín, đã có biết bao nhiêu ngày, biết bao nhiêu đêm, người nông dân lo sợ mất ăn mất ngủ. Họ sợ những đêm chớp bể mưa nguồn, họ sợ những trận mưa to, khiến nước lũ kéo về làm lụt lội, và đêm đêm họ trông từng cái ráng trời, cái rẽ cây; họ hỏi sao, họ trông gió, họ nhìn trăng, vì nếu "có bề nào"

thì tất cả thành công cốc ! Không những là đói
mà còn bao nhiêu thứ khổ cực, bêu riếu nữa !

Bây giờ gặp phải hội này,
Khi thì hạn hán, khi hay mưa dầm,
Khi thì gió bão âm ẩm,
Đồng tiền thóc lúa mười phần còn ba.
Lấy gì đăng nạp nữa mà,
Lấy gì công việc nước nhà cho đang.
Lấy gì sưu thuế phép thường,
Lấy gì bổ chợ đông lương mà ăn ?

"Nói thế là nguy hiểm. Tháng Mười gặt hái, vui vẻ như anh vừa nói là chỉ nơi đất đồng mùa. Ở những đất đồng chiêm như Nam Định, Thái Bình, Phú Lý, tháng năm là mùa gặt hái, còn tháng Mười, anh còn nhớ ra thế nào không ? Từ giữa tháng sáu, các cánh đồng chiêm biến thành những dải nước mông mênh trắng xóa. Làng mạc thành ra những cù lao nằm chơ vơ trong nước bạc, từ thôn này sang thôn nọ có khi phải đi bằng thuyền nan. Và cái cảnh trời nước mông mênh như thế kéo dài cho tới trung tuần tháng tám. Lúc ấy, nước mới bắt đầu rút lần lần. Đó cũng là lúc người dân quê bắt đầu lo bữa vụ chuyên. Thử tưởng tượng cuối tháng chín đầu tháng Mười, trời đất hanh hao, tay chân bị nê mà phải lội nước để cấy bữa

những thửa ruộng lởm chởm những gốc rạ đâm vào chân ! Mà nào chỉ có thể thôi đâu, đất đồng chiêm lại nhiều giống đĩa cứ bám riết lấy chân người cấy ruộng mà cắn và hút máu !

*Cây đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cấy.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

Đây, tôi lại đổ anh tìm được một câu ca dao nào nói lên được cái khổ cực của người dân quê hơn là câu ca dao nói về việc cấy bữa vụ tháng Mười !".

Nghe thấy thế, người khách chơi đêm ở mặt, không biết nói ra thế nào. Nhưng biết làm sao được ? "Trời cho mỗi người một lộc", thôi, ta cứ biết hưởng thụ đã rồi muốn ra thế nào thì ra.

Về khuya trời rét ngọt, nằm trên một tấm nệm rồi trùm cái chăn lên trên mình, nghe các em lấy Kiều hay hát vo bài Tỳ bà, thỉnh thoảng lại làm một điệu, hăm một miếng táo hay một trái nho, rồi lim dim con mắt lại mơ mơ màng màng, tôi quả quyết với anh rằng cách mạng, đảo chánh, chống bất công xã hội... tất cả những cái đó anh đều cho là "đồ bỏ" không ăn nhằm gì hết ! Những lúc ấy mình mới màng màng thấy rằng những người làm chánh trị họ tâm lý thật:

cái bọn "tạch tạch sè" chẳng làm được mẹ gì, còn những người cứu nước từ ngàn xưa như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Huệ, Lê Lợi... đều xuất thân là những nông dân áo vải...

Thôi, biết rồi ! Nghĩ lan man quá làm gì nó mất vui đi mà hại lây cả đến bữa thuốc xài toàn hộp con rồng, đã đậm mà lại bù như lạc. Đến mờ mờ sáng, vác cái thân mệt nhọc ra về, bảo phu xe mắc cái áo tơ lên để cho hàng phố khỏi nhìn thấy mặt, có phải đã mấy lần người chồng ấy hé mắt nhìn ra ngoài đã thấy vợ đỗ cái xe ở nhà gốc cây đa ba ngọn, đi chợ thật sớm mua con cá lá rau cho thật tươi, thật rẻ, để cho cơm lành canh ngọt, chồng con vui vẻ, gia đình ấm cúng, thuận hoà ?

Ghét không biết chừng nào cái thiếu thời đầy tự ái ! Mang tội lỗi cùng mình đến thế, người chồng đã chẳng biết thương người vợ mưa dầu nắng dãi mà lại còn lấy làm hả hê vì đã sống đúng theo lý tưởng của một người chồng kiểu mẫu lúc bấy giờ: vợ phải chịu thương chịu khó, còn chồng thì muốn ăn chơi chè rượu gì, tùy ý, vợ không có quyền can thiệp.

Sau này, đến lúc có con, có cái với nhau rồi, bắt đầu biết thương vợ, anh ta có lúc đã nghĩ thâm thế nào rồi một ngày kia, gặp khi có bóng trắng

hữu tình soi sáng trước sân, vợ chồng góp trăm
mối lại để đem làm tâm sự thì sẽ thú hết tội lỗi
với người thương và những lỗi lầm ngày trước...
Nhưng thôi, bây giờ thì còn biết thú tội với ai,
thú tội cách gì, mà còn ai nữa để mà thú tội !

Nằm trong đêm, mở mắt nhìn vào cái tối tăm
sâu thẳm, bao nhiêu đoạn đời sống bên cạnh vợ
con, dưới mái nhà lành, hàng đêm lại hiện ra từng
mẩu một, từng mẩu một, và chưa bao giờ anh lại
thấy ngao ngán cho mình như thế, chưa bao giờ
lại thấy cái thân bé nhỏ của mình chồng chất nhiều
nỗi sầu to thế !

Sài Gòn đẹp như mắt một cô gái đa tình ! Ta
yêu Sài Gòn quá, nhưng ghét sao mười mấy năm
nay vẫn cứ giới nghiêm hoài không để cho người
ta đi thông thả nghe tiếng của ban đêm một chút?
Thôi thì muốn làm gì nhau thì làm, cũng cứ vùng
dậy mà đi, đi, miễn là đi, nhưng đi đâu, mà đi
làm gì, chưa biết. Thì ra lắm quá: mình cứ tưởng
tượng giờ giới nghiêm thì chẳng có ma nào ở ngoài
đường, hoá ra không phải. Giới nghiêm chợ có lệ,
chứ một hai giờ sáng, nhiều nhà hàng, tiệm nước
vẫn có khách túa vào, nhảy nhót ăn chơi, hả quá.

Nhớ lại có những đêm tháng Mười ở Hà Nội,
vợ chồng còn sống cạnh nhau, cứ vào khoảng này
thì mặc áo ấm dắt nhau đi trên đường khuya tìm

cao lâu quen ăn với nhau một bát tam xà đại hội có lá chanh và miến rần giòn tan, người chồng lại phách đêm nay nhớ vợ cũng đóng cửa lại đi tìm một nhà hàng nào bán thịt rần để nhấm nháp một mình và tưởng tượng như hầy còn ngồi ăn với người vợ thương yêu ngày trước, nhưng sao đi tìm mãi, đi tìm hoài không thấy một tiệm nào bán thịt rần thế này ?

Rõ mình là thằng điên ! Rần thì phải ăn vào tiết trời rét, vì rần lúc ấy mới béo mà nhả hết chất độc ở trong mình ra, cho đến đông chí thì vào thu hình trong hang; lúc ấy rần ăn không còn bổ mà có khi còn độc nữa, thế thì sao tháng Mười ở đây, nóng chảy mỡ ra, lại có thể có thịt rần để làm vui khách hàng kém ăn ?

Người đàn ông oan khổ lưu ly ngẩng lên nhìn trời thấy mây đỏ đồng độc mà không khí đặc quánh lại như có thể lấy dao ăn để thái ra: trời này còn nóng mà độc lắm đây. Ai dại gì mà ăn thịt rần? Muốn ăn thì phải về Đồng Tháp, chớ ở Sài Gòn người ta ăn những cái gì chứ đâu có ăn thịt rần, đi kiếm chỉ mất công vô ích.

Hờ hờ, nếu không có thịt rần thì ăn làm gì? Người chồng tức giận mà không biết tức giận cái gì, lại quay gót về nhà và tưởng như thấy ở mỗi góc đường tăm tối có những cầm thú đi hai chân

chỉ rình giết người đi khuya và hình như ở xa xa có tiếng vượn lâm tuyền khóc rợn trăng khuya, "đâu đây u uất hồn sơ cổ, từng bóng ma rừng theo bước đi".

Người khách đi đêm ớn lạnh. Anh ta nhớ lại lúc còn đi với vợ trong đêm theo bước nhịp mà họ gọi đùa là "nhịp bước quân hành": Ở, lúc ấy cầm thú thì ít, yêu ma không có, đời đẹp như một bông hoa trinh trắng, chẳng biết một ngày kia bắt chước Orphée xuống địa ngục tìm Eurydice, có bao giờ lại thấy như thế nữa không ?

Ôi mộng, chỉ là mộng và chỉ là mộng mà thôi! Địa ngục thì bao giờ lại có hoa trinh trắng ! Đến dưới một góc đèn rầu rĩ, anh thấy cái bóng anh đi lù lù ở phía trước, đi cô độc trên đường dài.

Người chồng dừng lại, sợ chính bóng mình. Nước mắt anh lại ứa ra, và chảy dài theo lối đi lấp loáng một bông sao rụng.



THÁNG MỘT

*Thương về những ngày
nhẹ bọng con rắn rồng*

Tưởng là hết chuyện truyền kỳ, quả là lầm. Sang tháng một, lại có truyền kỳ về con cà cuống.

Có ai ở Bắc Việt vào đây cho hỏi thăm tháng một mấy năm nay ở Bắc Việt, trời có rét lắm không, mưa vẫn riêu riêu buồn như trước hay thời tiết vì ảnh hưởng bom đạn của Mỹ đã khác xưa ? Nghe thấy nước Mỹ xuất toàn lực ném những loại bom kinh khủng lắm, mà ném toàn bom nặng tới bảy trăm tấn có sức phá hoại ngang bom nguyên tử, mình ở đây thấy rợn cả tóc gáy lên, ấy thế mà không hiểu làm sao cứ nghe thấy người ta nói là Bắc Việt vẫn đánh và đánh dữ hơn cả lúc mới phát động chiến tranh là khác !

Thế thì là cái thứ gì ? Ở đây, người ta cũng ném bom tiêu diệt quá khích, ai cũng bảo là thời

tiết không như trước, mưa không đúng cỡ mà nắng cũng ra ngoại lệ, thành ra mình cũng tưởng thời tiết Bắc Việt đổi thay, do đó lẩm đêm nằm tưởng tượng, mình cứ ngỡ Bắc Việt là không còn mưa rét mà có khi lại nóng nứt đá tan vàng cũng nên, nghĩ như thế, thấy buồn; nhưng nằm nghĩ thêm một lúc mình lại cười-muốn khóc. Bom không làm nhục được người thì sao mà lại ảnh hưởng được đến trời ?

Bảo rằng thuốc khai hoang có thể làm cho người ta ngựa, đạn thối có thể làm cho người ta ghen mũi trước tiến bộ của văn minh khoa học; đạn cay có thể làm cho người ta nhức đầu khó chịu, nhưng bảo rằng bom mà làm thay đổi được thời tiết, có lẽ là chuyện mơ hồ bịa đặt.

Ấy, chính vì nghĩ dớ dẩn như thế mình mới thấy yên tâm hơn một chút.

Hơn thế, lại có nghe thấy nói rằng những vùng bị bom, mười ba năm nữa, không cấy cấy, trồng trọt được cũng lại là loè nữa. Trái lại, có người quả quyết những chỗ bị bom cấy như thế trồng trọt cấy lại tốt hơn, còn không khí ở những vùng bị bom nguyên tử ở Nhật tưởng đâu là bị ô uế đời đời nhưng chỉ mấy tháng sau thì lại sạch sẽ và trong vắt như thuở trước. Cây lại đâm hoa trở lá, chim lại ca hát trên cành, thế thì cơn bom

đạn qua rồi trời lại trong xanh, gió lại thổi, mây lại bay, cây lại nở ngành xanh ngon, có hề gì đâu, như thiên hạ vẫn thường đồn đại !

Nước non là nước non trời.

Ai chia đặng nước, ai dòi đặng non.

Không ai dòi đặng non, không ai chia đặng nước, thế thì thảng một ở Bắc Việt, tất nhiên vẫn rieu rieu. Và nghĩ đến như thế thì bảo không yêu Bắc Việt làm sao cho được ?

Mưa rét thì khổ, khổ nhất cho người nghèo, nhưng biết như thế mà vẫn cứ yêu bởi vì cái mưa, cái rét ấy thông thường quá, vì chỉ có Bắc Việt mới có cái mưa cái rét ấy thôi. Ai đã xa nhà, trôi nổi ở một phương trời không có nước mắm, không có phở, tương tư phở và nước mắm thế nào thì ở giữa một thành phố khét lẹt hơi người, chồi chang nắng lửa, người ta cũng nhớ mưa rét thảng một ở quê hương mình đến thế là cùng.

Chập tối, thắp một ngọn đèn lên ăn cơm rồi uống một ngụm nước vối, quây quần lại với nhau nói chuyện, cái thú ấy kể đã êm đềm; nhưng nếu lại chổng một cái gậy tre, đi qua vũng lội mà sang nhà hàng xóm bàn chuyện tầm phơ, cái thú ấy lại càng đậm đà hết sức.

Những cái gộc, những cành cây mót lại và chất

đồng ở đằng sau vừa thóc, lúc bảy giờ lấy ra đem chum để cùng quây lại mà sưởi ấm, có một cái gì rất mờ ảo thần tiên, làm cho người ta quên mệt nhọc, quên cả lo âu, quên luôn những buồn rầu tiền nong về công nợ. Ánh lửa bập bùng soi vào những bộ mặt nửa sáng nửa tối của những người ngồi nói chuyện. Thỉnh thoảng, nghe gió rào rào và nước lóc róc trên tàu ba tiêu, có người mới nhớ là bên ngoài mưa và rét. Ở trong này, chén nước vối nóng làm ấm lòng người ta. Một ông vỗ vào đùi:

- Ờ, thằng Cún đâu nhỉ, tao có giấm mấy củ khoai trong bếp tro, về lấy sang đây, mau !

Có tối, chỉ có một mẻ ngô rang mà khê khà ăn gần hết đêm. Lại có ông nhấm nháp một vài chén rượu với chả nhái, rung đùi tưởng chừng như có thể gãy cả thang giường vì ngon quá thể là ngon, ngon có thể chết ngay đi được.

Hồi kháng chiến, tôi đã từng sống ở những làng đồng chiêm và những buổi tối tháng một vẫn ngồi đốt lửa họp hội đồng như vậy. Họp chừng một tuần, thành ra nghiện. Nghiện chuyện của bà con lối xóm, nghiện nước vối, nghiện ngô rang, nghiện khoai lùi, và nghiện luôn cả cái lòng ưu ái đậm đà của những người hàng xóm nghèo nhưng ăn ở lúc nào cũng như bát nước đầy.

Ở đất đồng chiêm, khoảng giữa tháng mười, sau khi tát nước để làm vụ cấy, người nông dân gieo mạ ở những thửa ruộng xâm xấp nước. Buổi chiều, chắp hai tay sau lưng đi ra ruộng, vào trung tuần tháng một, ta đã thấy ngọn mạ dạt dào trước gió bắc. Qua màn mưa phùn tím nhạt, những ruộng mạ xanh hoa lý giải ra những tấm thảm lưu ly, chỗ đậm, chỗ nhạt, trông thật tài tình. Mạ lúc ấy cao chừng ba tấc, mỗi khi có gió chạy qua, rạp cả xuống rồi lại đứng lên, trông y như thể là các cô tiên đang múa.

Trông thấy mạ, người nông dân không những sướng mắt mà sướng cả lòng. Là vì lúc ấy họ cảm thấy đã hơi hơi "ăn chắc"; mai kia, họ sẽ nhổ mạ lên bó lại từng bó, xén bớt đầu lá để đem cấy lại, nhưng trước khi cấy lại, thường thường phải tát nước vào trong ruộng.

Chính lúc này nước lại khan, hồ ao lắm khi gần như cạn hết, người làm ruộng phải mất công tát từ những mương xa, nhiều khi phải cho nước chảy qua ba bốn thửa ruộng khác mới tới ruộng của mình. Ấy chính đôi khi tát nước như thế mà bắt được vài con cá nhỏ hay mấy con tôm càng, họ nhin miệng không ăn, lại đem biếu vợ chồng người khách lạ tản cư về làng họ. Tội nghiệp, ông bà ấy bỏ cả nhà cửa mà đi...

Họ không nghĩ đến chính thân họ mà chỉ nghĩ thương đến người từ ở phương xa tới và đã biết bao nhiêu lần đi kiếm rau mồng tơi, mảnh bát về nấu canh, họ không quên hái thêm một mớ cho vợ chồng mình "ăn tạm".

Ở thị thành, phải nói thật là cái không khí yêu thương ưu ái đó không có mấy. Tôi nhớ những đêm tháng một hồi còn bé, cứ độ tám giờ tối thì nhà nào nhà nấy đóng kín cửa lại ở trong nhà với nhau, ít có người nọ đến thăm người kia, ít có đốt lửa sưởi với nhau và cũng ít có những "vụ" uống nước vối, ăn khoai lùi, trò chuyện cời mớ với nhau như thế. Thường thường, trẻ con chui vào chăn bông đi ngủ sớm, trùm kín đầu đầu đầy rồi mới móc túi lấy hạt dẻ hay ngô rang ra xực, trong khi một cô em gái đọc cho bà nội nghe chuyện "Thuyết Đường" hay "Tây Du" lấy công một hai xu một quyển.

Có khi ăn chưa hết ngô rang trong túi đã ngủ rồi, và chỉ độ một tiếng đồng hồ đã mộng thấy mình đi qua cầu, sang Gia Lâm, Gia Quất bẻ trộm ngô và bị người ta đuổi đánh. Sợ toát mồ hôi, thức dậy thì có khi cả nhà đã tắt đèn đi ngủ rồi. Lúc ấy, nằm mà lắng tai nghe những hạt mưa nặng hơn lúc ban ngày rơi lộp bộp trên mái ngói, người ta, dù hầy còn nhỏ nhít, cũng

thấy buồn tê tê, nhưng buồn nhất đêm đông ở Bắc Việt là tiếng rao "giò dầy" và tiếng một người ăn mày từ ở tít đằng xa vọng tới, vì cái thân mình với con cá: *"con cá nó sống vì nước, con sống về cửa ông cửa bà"*.

Hình ảnh một người đàn ông mặc áo lá rách, đội một cái thúng vá trên đầu và xách một cái đèn dầu ở tay, thỉnh thoảng lại đánh rơi trong đêm khuya một tiếng rao ngái ngủ "giò dầy" cũng như hình ảnh một người mù, tay cầm một cái gậy bò lê dưới trời mưa, trong gió lạnh (có khi có một con chó dẫn đường), tỉnh đót tay cho đến bây giờ đã có ngót sáu mươi năm nhưng vẫn cứ mờ mờ hiện hiện trong óc tôi mỗi khi tháng một trở về.

Tháng một trở về ở đây không có gió bắc, không có mưa phùn, tháng một trở về ở đây tươi hồng rậm lá, tháng một trở về ở đây sương như điên trong tiếng nhạc "sốt gun", có cô con gái Việt Nam bá vai thằng Mỹ đưa đưa, thế mà không hiểu tại sao tôi cứ nhớ hoài, cứ thương mãi cái tiếng rao "giò dầy" và tiếng than *"con sống về cửa ông cửa bà"* của người ăn mày mù !...

Sài Gòn ơi, Sài Gòn có đêm hồng, Sài Gòn có những cô ca sĩ đeo một triệu rưỡi hột xoàn ở cổ và một triệu hột xoàn khác ở vú, có khi nào quay về xứ Bắc anh em để nhận thức rằng Sài Gòn

sương không biết chừng nào vì gạo thì thừa, cá lại lắm mà mùa đông lại không cần áo rét vì:

*Ở đây được cái quanh năm nắng,
Chẳng mượn ai đan áo ngự hàn !*

- Dồn hoài. Bộ anh này muốn nói mĩ Sài Gòn sao chứ ?

- Đâu có. Nay tôi hỏi: thế từ xưa đến nay có bao giờ ở miền Nam lại có người chết đói chưa? Ở Bắc, có những năm mất mùa, vô số người chết đói; còn rét mà chết, nói đâu xa làm gì, chỉ cách đây vài năm thôi, các báo chẳng đăng bằng tit bự như thế này, rằng : "Ở Bắc Việt người ta chết cả đồng vì trời ra tai rét quá, không thể nào chịu nổi ?".

Thế nhưng mà thôi, nói mấy cũng là thừa, bởi vì từ xưa tới nay ai cũng biết là Bắc Việt nghèo khổ mà Nam Việt thì phè phỡn. Phè phỡn vì Nam Việt là con cưng được trời thương, nhưng "con ghét làm nên" có lẽ cũng là được trời thương cách khác. Nhưng dù là con thương hay con ghét thì cũng là anh em ruột thịt cho nên Nam, Bắc lúc nào cũng thương nhau, mỗi khi thấy căng đậu đun hạt đậu, thì hạt đậu khóc hu hu:

*Cùng chung nhau một mẻ.
Đun nhau nở thế ru ?*

Tôi không ưa mấy ông "Bắc kỳ cũ" lên mặt thao, nói rằng người Nam "chịu được người Trung chứ không chịu được người Bắc" và mặc dầu người Nam không nói ra miệng nhưng trong tiềm thức vẫn nuôi một tinh thần kỳ thị.

Thú thực, tôi chỉ thấy ở Mỹ có kỳ thị da đen trắng chứ ở Ấn bây giờ cũng chẳng còn kỳ thị giữa quý phái và cùng đinh thì sao ở Việt Nam lại có thể kỳ thị Nam Bắc được ? Nói lý sự nghe lằng nhách, cứ nhìn vào thực tế mà xem. Chỉ trong vòng có hơn chục năm nay, Bắc Việt và Nam Việt đã tỏ ra "chịu" nhau như chưa bao giờ thấy ghi trong lịch sử: chịu nhau từ việc lớn là bảo vệ tự do, xây dựng dân chủ cho đến việc nhỏ như vũ nhạc, y phục, trang trí, ẩm thực, thời trang... Cuộc di cư lớn một ngàn chín trăm năm mươi tư tưởng đâu chỉ là một giai đoạn đau buồn trong lịch sử Việt Nam, thế mà không ngờ lại còn thành ra một cái cớ để xiết thêm chặt tình thương yêu Nam Bắc.

Hồi còn người Pháp ở đây, tôi há hê không biết chừng nào khi thấy có những ông Tây chính công nghiệp mắm tôm, đến nỗi cho cả mắm tôm vào chè đường để ăn. Đến thời Mỹ, thấy họ đem thực phẩm từ Mỹ sang để xài, với cả nước lạnh từ bên Mỹ sang để uống, tôi cứ tưởng suốt đời

người Mỹ không thêm nhúng vào một miếng ăn nào của Việt Nam; ấy thế mà chỉ một hai năm sau, chả giò, chả lụa, lươn um, thịt bò khô trộn với đu đủ, bún thang, họ tìm ăn như quýt. Thấy vậy, tôi cười, và thích thú vô cùng.

Nhưng thích thú, há hê gì thì cũng không bằng thấy các ông, các thầy người Nam lịch sự như trời nghiêng phở Bắc, sáng sáng không làm một tô thì dư ra trông thấy, hay các bà các cô người Nam đẹp như tiên chịu bún riêu, bánh cuốn, bún ốc, rượu nếp, thang... hơn là bún bò, bì cuốn, hủ tiếu thịt heo, cháo huyết...

Vẫn biết mỗi thức ăn có một phong vị riêng, không thể đem ra so sánh được, nhưng trông thấy người Nam "ăn Bắc", tôi thấy có một cái gì duyên dáng lạ lùng và tôi ưa nghĩ rằng ăn như thế là đem cái thương yêu đặt vào trong lòng, trong ruột.

Cô Ba đã thấy có những người Bắc mới vào đây không biết ăn sấu riêng chưa ? Ngộ lắm: họ lợm giọng, muốn nhả ra, nhưng sự bất lịch sự đành phải nuốt mà chảy cả nước mắt nước mũi ra, y như thể một đứa trẻ ăn cơm muốn bỏ bữa nhưng không được, phải nhắm mắt nhắm mũi nuốt cho xong.

Ở Bắc, có một món mà lúc đầu nhiều người

ở trong này cũng không chịu được, cũng như có một số người Bắc lúc đầu không chịu được sâu riêng nhưng sau quen giọng rồi thì nghiện như nghiện cần sa vậy: đó là cà cuống - một thời trăn của tháng một, được lưu ý nhiều từ khi có cuộc dân cư.

Bây giờ, nói đến cà cuống, tất còn có cô Bảy, cô Ba lợm giọng và chê là hôi quá, không chịu nổi, nhưng nói chung thì nhiều người ở đây đã chịu cái giọng của nó rồi. Tôi còn nhớ hồi năm một ngàn chín trăm hai mươi chín, ba mươi, ở trong này, về phía đồng bào người Nam có thể nói một ngàn người thì may ra có một dùng được nổi mà thôi, còn chín trăm chín mươi chín người "cầm như Tây" không thể ngửi được mùi của nó, chớ đừng nói là thưởng thức.

Thực tình đến bây giờ tôi không biết tại sao lại có người ngửi mùi cà cuống mà lại bảo là hôi, chớ ở Bắc thì có thể nói không người nào lại không mê cà cuống, không nhà nào lại không có một ve cà cuống để sẵn trong nhà, ăn uống món nào đó cần phải có tý cà cuống mà không có để đưa ra thì người nội trợ chưa được liệt vào "số dách".

- Tưởng là gì ! Con cà cuống anh nói đó có phải tên thật là đà cuống không ? Nếu thế thì ở đây thiếu gì. Người ta không buồn bắt. Vào cứ

này, đêm nào anh cứ đi lảng vảng trên con đường Tân Sơn Nhất hay là ra cầu Bình Lợi xem có cả đông không ?

- Chính "hắn" đó. Người ta quen gọi là cà cuống. Thực ra, tôi không biết sự tích nó thế nào, nhưng nhớ lại lúc vợ chồng sum họp với nhau, ngồi nhể bông cà cuống lấy dầu, thì vợ, vốn là người thuộc thơ và nhớ tích truyện, cho biết con cà cuống thực ra là con đà cuống, và cũng như chim ngói, cá mè, cũng có một truyền kỳ về nó.

Tục truyền rằng Triệu Đà là người đầu tiên ở nước ta ăn cơm với con cà cuống. Thấy thơm một cách lạ kỳ, ông ta bèn gửi dâng vua Hán một mớ và gọi nó là "quế đồ", nghĩa là con sâu cây quế. Vua Hán nếm thử thì nhận rằng nó giống mùi quế thật, khen ngon và phân phát cho quần thần mỗi người một con.

Bất ngờ trong đám có một ông lẩm chuyện lại tâu rằng: "Đó không phải là con sâu sống ở trong cây quế, mà chỉ là một con sâu sống ở dưới nước "thủy đồ". Vua mới phán rằng: "*Thử nãi Đà chi cuống dã*", nghĩa: đó là lời nói láo của Đà. Từ đó cà cuống thành ra đà cuống. Nó còn một tên nữa là "long sắt", nghĩa là con rắn rồng.

Con rắn rồng ! Nghe tên nó quý không ? Ta có tám món ăn quý nhất gọi là bát trân: nem công

là một, chả phượng là hai, da tây ngu là ba, bàn tay gấu là bốn, gân nai là năm, môi đười ươi là sáu, thịt chân voi là bảy, yến sào là tám. Con rận rông không phải là một thứ trân, mà chỉ nên con là gia vị, nhưng nghe tên thì quý có phần hơn cả bát trân là khác.

Là vì con cà cuống quý không phải vì thịt mà vì cái dầu của nó. Cứ vào cỡ tháng một ở Bắc Việt cà cuống trứng, cà cuống cay "dội" lên ở khắp nơi. Trên các đường phố Hà Nội thương thương, có những người đàn bà đội thúng ở trên đầu, tay đu đưa đi trong im lặng không rao một tiếng mà tài thế, nhà nào cũng biết để mà gọi vào mua.

Tôi còn nhớ có một thời kỳ tôi được sống những ngày trời tháng but: mùa rét, tám chín giờ mới dậy, chừng mười giờ mặt ba-đờ-suy, đi ghệt đờ-vin lảng vảng ra một nhà hàng gần đó uống rượu hâm, rồi về nhà giết những phút vô liêu bằng cách lên gác xuống nhà, ngâm ngời dăm ba câu lếu láo.

Chính nhờ thế, tôi mới biết là những người đàn bà bán cà cuống ấy sở dĩ không cần rao vì họ đã có khách quen cả rồi, có hàng thì cứ tự nhiên đem vào bán, mà đã vào thì các bà nội trợ cứ tự nhiên mua. Người bán và người mua cùng ngồi nhể bông cà cuống cho vào một cái đĩa nhỏ,

đến khi xong cả thì mới trút vào trong một cái ve nhỏ bằng ve dầu Vạn Ứng, đây thực kín, lấy giấy bóng bao ngoài cái nút rồi lấy dây quấn chặt để cho không bay hơi đi mất.

Vì không có công chuyện gì phải làm ăn gấp rút, có nhiều lần tôi cũng "kê" vào ngồi xem và cũng bắt chước đi lấy tăm nhể bông cà cuống chơi. Những con cà cuống này còn sống cả. Nếu cầm không cẩn thận, nó châm cái ngòi vào tay. Ngòi nó tựa tựa như vòi con ve vậy. Mà "như" gì nữa ? Theo tôi, cà cuống là một loại ve lớn, nhưng thay vì mình ve khác tròn thì mình nó dẹp, có bốn cánh, hai cánh ở trong ngắn, mỏng mà vàng còn hai cánh ở ngoài thì dài, cứng hơn một chút, màu cánh gián sẫm, có gân tím tím.

- Anh cẩn thận kẻo nó bò đi mất đấy. Mà nó lại bay nữa, phải coi chừng !

- Biết quá mà. Hồi chúng mình chưa lấy nhau, anh đi chơi một hai giờ đêm mới về. Anh còn nhớ cũng vào khoảng tháng này đây, đi con đường từ Lò Sũ về Bồ Hồ, qua rạp Philharmonique và đền Bà Kiệu, lá rụng và cà cuống bay cứ rào rào làm lu cả bóng đèn điện ngoài đường, bắt không xuể... Nhưng này, sao nó chỉ dội lên mấy ngày, một tuần lễ là cùng, rồi mất hẳn không thấy nữa ?

- Cái gì đẹp mà quý lại chẳng hiện lên rồi mất

ngay ? Con rươi, chim ngói, cá mè, cốm... đều thế cả. Có phải Tây cũng như Tàu đều tin như vậy và vẫn nói rằng "ngay hôm nay phải hái liên những bông hồng của cuộc đời" phải không anh?

- Nhưng mà này, sao mình nhể "liên" cái bông của con này lại không có cái gì là nghĩa làm sao?

- Ông ơi, ông chỉ được cái tài nói khoác. Có phải con cà cuống nào cũng có bông để lấy dầu đâu ! Đây này là con đực, chỉ có con đực là có dầu thôi.

Vì thế, cà cuống cay bao giờ cũng là cà cuống đực. Con cà cuống đực có một cái bao nhỏ dính với ruột, trong chứa một chất nước như mùi nước đá qui. Ở hai bên, phía trong bụng, dưới cặp chân thứ ba, có hai cái túi nhỏ bằng hột gạo trong đựng một chất nước thơm. Cái nước thơm ấy, ta đương nhể ra đây. Nhể phải nhanh tay mới được; chậm thì bay mất mùi thơm đi. Ta gọi cái nước thơm ấy là dầu cà cuống. Dầu cà cuống nhẹ hơn nước, mùi thơm hơi cay, cho vào lọ mà bịt nút không kín thì nó bay hơi đi mất.

Nhớ những lời của vợ kể ngày xưa, người chồng nói khoác hôm nay lại cứ đúng nguyên văn mà nói lại với những cô bạn mỹ miều phương Nam đương ngồi ăn thang chan đằm mắm tôm cà cuống. Cô nào nghe cũng cứ treo mắt lên môi anh chàng.

Và anh không quên nói tiếp mấy câu tráng miệng:

- Thế nhưng đừng tưởng cà cuống chỉ quý riêng về cái đầu đó mà thôi. Ta biết cà cuống có hai thứ: cà cuống cay và cà cuống thịt. Cà cuống cay cho chúng ta chất dầu đặc biệt vừa nói, nhưng cà cuống thịt lại có vẻ lâm ly khác hẳn. Bỏ cánh đi rồi, anh nhần nhần sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái ức trước rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác; nó nhần nhần, bùi bùi, beo beo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con không biết ngán.

Mà ngán làm sao được ? Tháng một là tháng cà cuống thịt hầu hết đều có trứng, tách đôi cái bụng nó mà nhần lấy những chùm trứng xanh xanh, vàng vàng như hoa cà hoa cải, tôi nhất định tin là còn khuya cái món ca-vi-ar ⁽¹⁾ mới mong sánh kịp.

- Thế cà cuống cay lấy dầu xong thì "dục" cả đi ư ?

- Nói bậy. Ăn cũng ngon như cà cuống thịt vậy, nhưng nó kém ngon hơn một chút vì không có trứng mà thịt ở ức không mấy béo.

(1) Caviar: Một loại trứng cá esturgeon, thoát đầu Nga Xô có, nhưng bây giờ thì có hầu hết cả Âu Châu của Âu Mỹ.

Một cô mỹ miều bỗng đập tay vào vai cô ngồi cạnh:

- Thôi chết rồi, nói vậy thì ở đây mình cũng có cà cuống mà mình không bắt để ăn...

- Thì đã nói là ở đây thiếu gì, nhưng cái hay là có người không buồn bắt, trong khi có người khác lại biết bắt lấy để rút cái chất nước thơm và cay ở trong bụng nó làm đồ gia vị độc đáo nhất, mê ly nhất. Đừng ai bảo ăn uống như thế là tầm bậy tầm bạ. Không. Ăn uống như thế là đã đi đến chỗ tinh vi triệt để, không dễ gì các nước vỗ ngực là văn minh, mà cũng không dễ gì các nước có một nền văn hoá hai ba trăm năm đã biết ăn như vậy.

Mù tạt là cái gì ? Nước cà tô-mát là cái gì ? Mà ma-di là cái gì ? Đó là tất cả những cái gì ngon nhất, rất quý của Tây phương, ai mà dám chê; nhưng có nhiều lúc tôi đã nghĩ thầm như thế này và tôi cười muốn chết: Ngày Tết gói bánh chưng trộn nhân với mù tạt; ăn thang, cuốn, chả cá, tiết canh lòng lợn chấm mắm tôm mà lại cho tô-mát-dút ⁽¹⁾ hoặc ăn bánh cuốn, cháo ám mà lại cho vào nước mắm một ít ma-di hay lạp chiu-

(1) *Tomato juice*: Nước cà chua;

chương thì trời đất quỷ thần ơi, phong vị các món ăn gia dụng ấy sẽ ra sao ?

Nước Việt Nam khổ sở của chúng ta có biết bao nhiêu món ăn thích khẩu, nhưng biết bao nhiêu món ăn thích khẩu sẽ "đi doong" nếu không có gia vị là cà cuống ! Âu cũng là một điều đáng tiếc là phải đợi mãi đến gần đây ta mới thấy người mình ở trong này lấy dầu cà cuống để điểm vào những bữa tiệc hay những bữa quà cho "thơm" hơn ! Vậy mà dần dần đồng bào ở đây và cả các ông ngoại quốc cũng "chịu giọng" - chịu quá, chịu đến hoá ra nghiện, vì tôi đã thấy có người ăn bất cứ món gì cũng phải cho mấy giọt cà cuống vào nước chấm mới làm được ý ông thần khẩu.

Ấy thế mà cà cuống ở đây, thực ra, mới chỉ là hạng nhì, vì cà cuống ở đây không cay sát là một lẽ, mà lẽ khác là vì dầu cà cuống phần nhiều pha chớ không được nguyên chất, lại cũng có thứ dầu cà cuống chế bằng chất hoá học chớ không phải là dầu chính cống, lấy trong bụng con cà cuống ra.

Tôi tiếc ở đây người ta không xài cà cuống thật, phải chỉ có những người đến mùa đi bắt đem về luộc lên để cho các bọm nhậu đưa cay, dám chắc sí-quách, lỗ tai heo, khô nai, khô các thiếu, thịt bò lúc lắc đều thua xa một nước.

Nhưng nói thế mà thôi, chớ nóng chảy mỡ ra như cái thảng một ở trong này, ăn vàng vào miệng cũng như là ăn rơm. Chỉ được cái trái cây gỡ lại. Không nuốt được cơm, chỉ lấy trái cây mà rấy, rồi ăn xong thì mồ hôi mồ kê nhễ nhại, anh nằm quạt máy lim dim con mắt mơ về những chuyện xa xưa, tôi đổ anh không có lúc thấy tiếc tiếc, nhớ nhớ, thương thương cái bầu trời đục mầu chì lỏng, cái mưa lầy lội chỉ vừa làm ướt gấu quần và cái rét êm êm, ngòn ngọt thỉnh thoảng lại có một ngọn gió hơi buồn buồn thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ như tiếng của những người yêu bé nhỏ gọi những người yêu.

Mưa rét như thế, ai mà chẳng cảm thấy ở trong nhà đọc sách thỉnh thoảng lại nhấp một miếng cà phê do chính mình pha lấy và hít một khối xì gà thì nhất: những người có chất nghệ sĩ lắm khi khó chịu đến cái mức vợ con không thể nào chịu nổi. Có ai nằm nhớ lại Hà Nội ngày nào, vào những lúc trời se sắt, mưa dầm dề, gió lê thê như thế, thỉnh thoảng ở giữa đường lại có một anh chàng mặc áo tơi, đội mũ một săng, đi ghệt, ngậm cái ống điếu đi lang thang một mình như đang nghĩ thơ không ?

Ấy đó, biết là đóng cửa lại ở trong nhà ấm

cúng thật tình, nhưng có những người nhìn lên trời thấy ở bên ngoài sâu sâu một cách nên thơ, tự nhiên cảm thấy không chịu được, phải vội vàng khoác áo đội mũ ra đi để tận hưởng cái rét, để đắm mình trong mưa, để nghe cái nhịp thở âm thầm của cỏ cây lúc đó bắt đầu hé những lá non bé tí tẹo, xanh mươn mướt.

Không phải là thi sĩ, nhưng vào những buổi chiều tháng một ở Hà Nội, người nào cũng muốn làm thơ : trời lạnh, có gió mưa, nghe tiếng rao sù cốc bểu là một loại bánh cuốn hấp, người ta cũng thấy có một cái gì gợi cảm ; cái xe tay trùm áo tời cánh gà cũng có thể là một đề tài để cho người đa tình suy nghĩ hay một cái quán bên đường he hé mở để cho người đi qua nghe thấy một cái lò than hồng trắng bánh cuốn có mấy người ngồi ăn trong làn khói mờ mờ như sương cũng có thể làm cho ta tưởng tượng bao nhiêu cuộc hợp hoan chờ đợi...

Rét lắm, anh ơi, thôi đi về, anh nhé. Những bờ vai sát lại với những bờ vai ; những con mắt không nhéo tìm những con mắt ngọt ngào ; môi tóc ai đen rưng rức như đêm tăm sao khéo buông lời xuống môi má người thương y như thể tơ hồng quấn tít lấy cành mộc liên xanh nõn...

Kéo cái màn cửa sổ mà nhìn qua lớp kính mờ mờ hơi nước xuống con đường nhựa láng bóng nước mưa, anh thấy vũ trụ im ru như trong buổi hồng hoang mà nhịp thở ân tình của người yêu là tiếng hát ru, còn bộ ngực ngát thơm là cái gối mộng đưa anh xuống con thuyền bát nhã chở về miền cực lạc...

Bây giờ, ngồi ở trong một quán nước vắng teo mà nhìn lên gác nhà ai le lói một làn ánh sáng mờ mờ ấm ấm, người chồng phiêu bạt đột nhiên cảm thấm thía cả bao giờ nổi cô chích của chính mình và bao nhiêu kỷ niệm với người vợ bù ân ngọt ái khi xưa lại trở về như những cánh chim non trong mộng.

Ồi, ở cái đất giàu có sung sướng này, hương phấn thừa thãi, giơ ngón tay út lên thì lúc nào chẳng có người sẵn sàng kết bạn một đêm với anh ngay, nhưng người chồng "đánh rẻ cái hồng nhan" đứng dậy, bỏ quán nước đứng lên, đi thủng thỉnh dưới mưa phùn gió bắc. Ngao ngán cho thân mình, y có lúc không còn mong gì nữa, không còn thèm gì nữa. Mong gì bây giờ ? Mà còn thèm gì bây giờ ? Những tiếng cười tiếng nói đa tình, những bộ đứng, cách đi duyên dáng của các cô bạn mỹ miều đã tắt như lửa ở trong lò sưởi tắt lúc trời gần sáng. Bao nhiêu ấm cúng, bao nhiêu

yêu thương, bao nhiêu an ủi đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại một cái gì trống rỗng mông mênh, một cái gì nhạt nhẽo không làm rung động được khứu giác, một cái gì ghê rợn thoang thoảng mùi bệnh tật và chết chóc.

Chiếc chìa khoá vàng rớt từ ở trên đỉnh tháp xuống bây giờ biết tìm đâu ? Đến gần sáng, người chồng mới về được tới nhà, mở cửa rộng ra, và tự nhiên thấy tat lại một mùi gì nhạt nhẽo : có lẽ đó là mùi chần hôi chiếu mốc. Một mỗi, anh không buồn đóng cửa lại nữa, gục đầu xuống cời giày nhưng để nguyên quần áo lăn ra giường và lấy nửa cái chăn đắp vào ngực cho đỡ lạnh.

Ngoài kia, mưa rơi buồn thê thiết ; gió thổi qua khe cửa làm cho lá màn màu bạc úa cũng rung lên vì lạnh. Kỷ niệm xa xưa ời, cứ đến trêu chọc người gỏi lẻ nằm mất ngủ đêm mùa đông làm gì !

*Em ra bến nước trông về Bắc,
Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng.*

Y gơ tay bung lấy mặt, nhưng vẫn không tài nào chợp được mắt.

Một lát thì ở xa tiếng gà đã gáy te te. Trời lọc qua cửa kính dội vào một làn ánh sáng đục

lờ như thể cà phê sữa. Chẳng biết bây giờ ở xứ bạn nằm yên giấc, trời đã sáng chưa, mà sao ở trong căn phòng ứa héo này, vẫn còn tối mù tối mịt.

Người chồng lẫn bên này, lẫn bên nọ thì đã thấy ở bên cạnh có tiếng máy truyền thanh nhỏ nhỏ vọng sang. Cái đất này nghiện máy truyền thanh, cái lương, Quỳ ạ.

Trước đây, vợ anh thích nhất hai tuồng "*Sơn Hậu*" và "*Chiêu Quân Tống Hồ*". Anh cũng thích là vì vợ thích. Nhưng đêm nay, ruột cứ nẫu ra, còn bụng dạ nào mà nghe nữa ? Anh kéo chân trùm kín lấy đầu, nhưng giọng Út Bạch Lan trong "*Bụi Mờ Ái Nhạn*" vẫn cứ như khoan vào lỗ tai. Trong lúc chập chờn nửa mê nửa tỉnh, anh bỗng thấy từ dưới đất dựng lên đôi núi trùng trùng điệp điệp, trắng xóa dưới những lớp tuyết dày dãi ra bát ngát không biết đâu là đất, đâu là trời.

Không có một bông hoa, một bóng chim. Tuyết, chỉ toàn là tuyết trắng. Thịnh thoảng, nổi lên một tiếng tí bà oán hận. Rồi ở xa xa, xa tít đằng xa, có hai cái hình bóng bé nhỏ hiện lên trên hai con ngựa gầy cúi đầu đạp tuyết mà đi về phía chân trời tẻ ngắt. À, ra là Vương Chiêu Quân đi cống Hồ, có Lưu Văn Long hộ vệ, và cứ đến mỗi chặng đường, Chiêu Quân lại khóc bằng mười đầu ngón tay trên cây đàn tì bà rồi tức cảnh làm thơ để

Lưu Văn Long hoá lại, nói lên nỗi lòng thương Hán oán Phiên.

Người chồng chảy nước mắt, nói một mình như thể người mê ngủ :

- Tội nghiệp Chiêu Quân vì sắc đẹp mà phải đem mình sang cống vua Phiên, nhưng ai oán nào cho bằng Lưu Văn Long bị vạ lây, phải bỏ vợ mới cưới đi hộ tống "lĩnh bà" sang đất rợ để tới khi được về thì tóc xanh đã bạc quách từ bao giờ rồi?



THÁNG CHẠP

Nhớ ơi chợ Tết

Đáng lý ra thì công lên việc xuống như thế, vợ phải mệt dừ, nhưng tài thật, không những đã chẳng sao mà lại còn tươi hắt lên là khác. Ấy là vì làm việc nhiều mà quên mệt ? Ấy là vì thời tiết ? Ấy là vì thương chồng, thương con mà không quản ngại vất vả chẳng ? Đã đành là vào cỡ tháng chạp ở Bắc Việt người ta thấy trong người khoẻ mạnh hơn cả những tháng vừa qua ; đã đành có khi lòng yêu thương làm cho người ta quên mọi nỗi buồn phiền cực khổ khi thấy những người thân yêu của mình vui sướng ; đã đành là có nhiều khi ham mê công việc quá mà quên mệt mỏi ; nhưng bao nhiêu cái đó chưa thấm vào đâu với cái vui của người đàn bà khi thấy năm hết Tết đến, nhà cửa bình an, vui vẻ mà trong mình lại có một số tiền dành dụm được từ trong năm, tạm

đủ để mua bán cho bằng chị bằng em hầu ăn một cái Tết không to nhưng cũng không lùi xùi.

Năm nào chồng cũng bảo vợ :

- Thôi nhé, năm nay ăn thế nào xong thôi, chớ bày vẽ ra lắm chỉ tổ ốm người, em ạ.

Và năm nào vợ cũng trả lời :

- Thì nào có sắm sửa gì đâu. Chỉ có vài con gà con què và một nồi cá kho xì xằng...

Ấy thế mà từ đầu tháng chạp, nhà chẳng có lúc nào rỗi rãi. Vấn đề quần áo Tết đã giải quyết xong xuôi từ cuối tháng một rồi - vì sợ để đến gần Tết mới lo thì không có người nhận may - người vợ ngày nào cũng dậy từ tinh mơ đi chợ để bắt đầu mua các thứ đồ nấu cất sẵn ở một chỗ, vì sợ để đến rằm tháng chạp mới mua thì đã kém ngon mà lại đắt. Hầu sì, bong bóng, bào ngư, bột ngọt, măng tây, vây cá... tất cả những thứ đó cất sẵn cả vào trong chạn. Tuy vậy, cũng chưa yên tâm. Nhiều khi sức nhớ ra điều gì lại lấy cuốn sổ ra ghi.

- Phải thế mới được. Đạo này em nói trước quên sau, hỏng quá.

Này, còn phải mua mấy cái tranh gà lợn và hai ông "Tiến tài, Tiến lộc" để dán ở hai cánh cửa chính này ; mua một hộp thuốc đánh đồ đồng

này ; lên trên phố Lò Rèn lấy hai con dao gọt thuỷ tiên đặt đánh này ; mua thêm mộc nhĩ để gói giò thủ này... À, nếu em quên, anh nhớ nhắc nhé : mai, thế nào cũng phải xuống ông Cả ở Khâm Thiên xin một ít lan chân cua về trồng.

Ở Hà Nội, đến Tết, nhà nào cũng phải có một cành đào hay cây mai, một chậu cúc, cụm hồng nhung hoặc một cặp đồ quỳên có hoa nở đỏ chói để cho vui nhà vui cửa ; nhưng có những nhà đặc biệt quan niệm rằng Tết mà không có hai chậu lan chân cua để trưng bày thì cái Tết kém hẳn phần rực rỡ. Bởi thế năm nào cứ vào đầu tháng chạp, người vợ cũng tự tay trồng hai khúc xương rồng vào hai cái chậu sứ Giang Tây rồi lấy con dao nhọn khía cây xương rồng ra để ghép những cánh lan chân cua vào cho lan hút lấy nhựa xương rồng mà sống. Ghép lan như thế, phải làm từ đầu tháng chạp. Chừng một tuần, những lá lan trông như chân con cua bể căng nhựa, tươi lên trông thấy, và thường thường vào cuối tháng chạp thì hoa nở sum sê, đỏ chói - nhưng đỏ một màu đỏ đặc biệt, nửa như màu chu sa mà nửa lại như màu cánh sen.

Người chồng vụng chân tay, chịu chết không thể làm được công việc đó, đành là phải đứng ở bên cạnh để xem có đỡ dần được việc gì chăng.

Tủ chè sạp gụ và bộ sa lông bằng gụ cần đá hoa đánh bằng xi không được, phải đánh bóng bằng lá chuối khô, đồ đồng đánh bằng tro và trấu, đã lau sạch rồi mới bôi thuốc đánh đồng ; sàn gạch cứ đổ dầu lạc một đêm rồi lau đi, đợi đến hai mươi chín, ba mươi cọ bằng nước thì mới bóng; mi môn, quần mà đem phơi sẵn một vài nắng chớ không thì mốc đấy. Lãng ơi, con xem giùm mẹ cái tranh "Đông Phương Sóc ăn trộm đào" cuộn lại cất ở đâu, lấy xuống phơi nhân thể để nay mai treo ở ngoài phòng khách nhé.

Bao nhiêu màn ở bàn thờ đã thay hết rồi, còn cái mâm ngũ quả nhớ đem rửa sạch, Khanh ơi ! Còn Khoái, con nhớ hai cái đèn lục lăng treo ở hai bên bàn thờ Phật, phải hạ xuống rửa các miếng kính bằng xà phòng chớ cứ lau không, không sạch. Ấy đó, quanh đi quẩn lại chỉ rặt những công việc vặt như thế mà đã hết cả ngày. Hết cả ngày mà cũng không hết việc. Cứ vào khoảng mồng mười trở đi, người vợ lại phải thức khuya để quét dọn bàn thờ, bày biện lại mấy bộ đồ trà, mấy bình rượu thủy lục, thủy hồng bày ở trên đầu tủ rồi đem hộp mứt ra cửa, cất những miếng trang kim để bày dưới những miếng kính ở coi trầu, rồi ra sân vặn đèn thay nước của từng cốc, uốn lá và lấy những cái tăm tách những cái giò thủy tiên

ra để cho dùng chạm nhau. Nhiều khi đến lúc ấy thì người chồng đã chợp được một giấc ngủ ngắn rồi. Nhìn xuống nhà thấy còn đèn, biết là vợ chưa đi ngủ, người chồng đành hắng rồi xuống thang, nhắm mắt :

- Làm gì mà đến giờ này vẫn chưa ngủ ?

Biết là chồng khó tính, người vợ cười :

- Em sắp xong đây. Chỉ còn một tí nữa thôi, em để chậu thuỷ tiên này ra sân cho có sương rồi lên ngay đây mà.

- Một giờ hơn rồi đây. Em cứ thức thế này ốm mất. Đã bảo cái tục ăn Tết phiên lắm, phải giản tiện đi một chút, cứ theo đúng thủ tục thì theo làm sao cho được.

Ngọn đèn đêm bật lên rồi, gian phòng ngủ chìm vào trong một bóng tối xanh biêng biếc. Bấy giờ người vợ mới thủ thủ bên tai chồng :

- Thì em cũng muốn giản tiện lắm đấy chứ, nhưng cũng chỉ giản tiện được có chừng thôi. Tết mà không trang hoàng một tí cho vui của vui nhà và sắm sửa lễ bộ mỗi thứ một ít, lòng nó không yên, anh ạ.

Có lẽ là vì từ bao nhiêu đời nay tổ tiên mình, rồi đến ông cha mình tin tưởng, rồi đến mình đây tin tưởng đất đai cũng như sinh vật, ngưng hoạt

động trong những ngày cuối năm, lại bắt đầu sống lại, với sự trở về của khí âm. Từ quan niệm đó, người ta vui mừng trông đợi lúc cây cối và muôn vật trở lại cuộc sống bình thường và ao ước năm mới phải có một cái gì mới, một tiến bộ mới.

Người nông dân ao ước sản xuất nhiều, người thị thành ao ước khôn ngoan hơn, giàu có hơn, trưởng thành hơn. Bao nhiêu thù oán xếp lại, tình đoàn kết được đề cao, sự lo buồn lộn xộn quảng đi một xó. Người ta thăm hỏi nhau, kiêng mắng chửi mè, kiêng hốt rác, rồi trồng nêu, vạch vôi vẽ cung tên, chẳng qua chỉ là để hy vọng năm sắp tới bản thân mình, gia đình mình, làng nước mình sẽ khôn ngoan hơn, khoẻ mạnh hơn, sinh sản nhiều hơn. Người ta chúc mừng nhau, cầu trời khấn Phật, chỉ là để xin các sức huyền bí viện trợ cho mình. Sự hoang đường mê tín thường phát xuất từ một nhu cầu thực tế. Không theo như thế thì không yên dạ. Không yên dạ vì sợ rông, vì sợ xúi quẩy cả năm, mà không yên dạ còn vì sợ việc này hay việc nọ trong năm sẽ không được bằng năm cũ.

Em nghe nói thấy trước đây, ở chợ Đồng (Hà Nam), chợ Phủ Giầy (Nam Định), có những người đến phiên chợ cuối năm thường cố mang một thứ hàng, bất kỳ nhiều ít, bất kỳ tốt xấu đi bán, chỉ

mong bán chạy chứ không mong lấy tiền. Bán như thế là bán cái xúi quẩy của năm cũ đi.

Cũng vậy, ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước cũng có tục đến phiên chợ Tết thì đem đồ đi bán và rao "có ai mua đại ra mua" và không cần bán mà cũng không cần ai trả lời mua hay là không mua.

Tất cả những tục lệ ấy, truy tầm ý nghĩa sâu xa của nó, chỉ là biểu hiện nguyện vọng của dân tộc muốn cho mọi sự trong năm mới phải hơn năm cũ.

Em thiết nghĩ nếu ta có chỉnh trang nhà cửa, mua bán sắm sửa cái này cái nọ, cho cửa nhà vui vẻ chẳng qua cũng chỉ là theo truyền thống của dân tộc, lập lại cái nguyện vọng chung của dân tộc, nếu không có lợi thì cũng chẳng có gì là hại.

- Nhưng mà mệt mỏi, bận rộn, ốm người !

- Đó là ý nghĩ của anh, chứ em thì thấy mình có bận rộn mấy ngày này thì đến Tết nghỉ ngơi, mình mới càng thấy sự nghỉ ngơi thanh thản là quý báu. Anh bảo người ở xa nhà xa cửa đất Tết lười thôi lếch thếch vợ con kéo về quê ăn Tết còn mệt mỏi và tốn kém đến đâu, sao mà họ vẫn cứ về quê ăn Tết ? Không về là không ăn Tết, không

ăn Tết thì không thể yên tâm được. Có ai bắt buộc họ đâu, nhưng họ cứ về, vì cách gì trong một năm họ cũng phải trở về nhìn lại bàn thờ, ngôi mộ, cây cau, cúng ông bà, thăm họ hàng làng nước một lần, mà lần đó phải là ngày Tết. Về quê ăn Tết, đối với tất cả người Việt Nam tức là trở về nguồn cội để cảm thông với ông bà tổ tiên với anh em họ hàng, với đồng bào thôn xóm ; về quê ăn Tết tức là để tỏ cái tinh thần lạc quan ra chung quanh mình, tỏ tình thương yêu cởi mở và biểu dương những tinh thần, những kỷ niệm thấm thiết vì lâu ngày mà quên đi mất.

Riêng cái quan niệm về Tết đó đã cao thượng lắm rồi, nó khác hẳn đạo Phật, đạo Lão, nó không tách ra khỏi cuộc sống mà lại đi vào cuộc sống, dựa vào cuộc sống mà vươn lên, nó thực tiễn và tiến bộ, anh ơi, mình chỉ thông cảm sơ sơ cũng đã thấy khoẻ rồi. Thú thực với anh, em không thấy mệt một phút nào và em nói thẳng là em yêu Tết, mong Tết y như lúc em còn nhỏ vậy.

Chẳng nhẽ em của anh yêu Tết, thích Tết, ham sắm Tết và thích trưng bày ngày Tết, anh yêu lại ngăn cấm em sao ?

Nghe vợ nói như thế, người chồng ớ người ra, không còn biết nói năng sao. Ờ thôi, em muốn làm gì mặc, nhưng có mệt mỏi, đừng than phiền

đấy ! Nhưng cùng lúc nói câu ấy, người chồng thấy vợ đột nhiên đẹp trội hẳn lên, y như thể một thiên thần. Nghĩ cũng kỳ : ăn thì khểnh, ngủ thì ít, mà làm sao trong những ngày gần Tết, vợ mình lại nhanh nhẹn hơn, đôi mắt sáng hơn mà má cũng hồng hơn ? Người chồng cảm thấy rõ rệt như thế ; hơn nữa, trong những buổi theo vợ đi chợ Mới Mơ, chợ Bằng, chợ Cầu Dền, chợ Đồng Xuân, chợ Đền, chợ Ngắm, chợ Đệp... đông quá, chen chân không được mà sao vợ mình cứ đi dẻo queo, không tỏ vẻ gì mệt mỏi, dừng chỗ này mua một thứ, rẽ ra đây kia mua thứ khác, ôm đồm trăm thứ mà vẫn cứ tươi như thường.

Đất thì lầy lội, người thì đông, chen chúc xô đẩy ồn ào, mình mệt muốn đứt hơi, đứt ruột mà cứ phải đi theo xách làn mây leo đèo, lắm lúc muốn thở hắt ra đi về ; nhưng nghĩ thế mà thôi, chợ Tết có một sức hấp dẫn kỳ lạ, muốn về nhưng lại cứ muốn đi, đi để xem thiên hạ mua bán, đi để xem bao nhiêu cái ngon, cái đẹp của quê hương, đi để xem... chợ Tết.

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc,
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,*

Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau,
Sương trắng đổ đầu cành như giọt sữa ;
Tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh ;
Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh,
Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.
Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô,
Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bô,
Tìm đến chỗ đông người ngồi dờ bán.
Mấy thầy khoá gò lưng trên cánh phản.
Tay mài nghiên hý hoáy viết thơ xuân ;
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng lẩm nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ ;
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu ;
Áo cụ lý bị người chen sau kéo,
Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra.
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
Những met cam đỏ chói tựa son pha,

*Thúng gạo nếp dong đầy như núi tuyết,
Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem...
Chợ tung bừng như thế đến gần đêm...*

Không nhớ nhà thơ nào đã tả chợ Tết như thế nhỉ ? Một quá, anh ta cũng chẳng buồn nghĩ xem là ai nữa, thì vừa lúc ấy vợ lại từ dãy hàng hoa quả xách một cặp gà sống thối bảo mình ngồi canh để đi mua thêm mấy chục cam sành nữa rồi về.

Ngồi trên cái ghế thấp lè tè, làm một khối thuốc hãm với nước trà tươi nóng, người chồng lại lim dim con mắt nhìn qua làn khói thì thấy người lỗ nhổ đi lại y như trong một bức phim màu vậy. Cái yếm sồi của cô gái quê khéo đã tình lại đeo một lá bùa vàng ; chiếc quần là ống sớ của chàng trai chống chiếc gậy tre làm nổi bật cái áo tam giang của cô gái bán dừa ; ông thấy bói chút khăn nhiễu nước dưa có nhìn thấy quái gì đâu mà sao cứ ngẩn ngẩn trông vào những bức câu đối đỏ của ông đồ bán chữ ? Đây là tiếng ới, đó nọ câu cười ; mấy ông lái trâu nói thứ tiếng gì mà nghe như tiếng xạ phang, còn các bà bán cây sao hôm nay ăn trâu tươi thế ? Nhưng tất cả... tất cả đều thua hai chị em cô hàng bán chiếu cặp điều cười đã xinh, ăn nói lại tình, ô hay, sao chiếu chất

cao gần nóc chợ mà mình lại thấy như có hoa nở ở chung quanh ?

Thì ra chợ Tết có một sức hấp dẫn kỳ lạ thật: nhìn vào cái gì mình cũng thấy đẹp, trông người nào mình cũng thấy tươi, thấy cái gì mình cũng muốn mua. Cái ống bương cắt chéo góc, ngày thường ai mà thèm để ý, ấy thế mà mình cũng muốn mua để về trồng mấy giò lan "đồng tiền" ; cái chút chút bằng đất ra cái chét gì, ấy thế mà mình cũng muốn mua cho trẻ vì bây giờ ở phố phường không có bán mà cả đến hai chị em cô bán chiếu nọ mình cũng muốn mua luôn đem về vì ngộ quá, y như thể một cặp búp bê Nhật Bản. Nhưng mà nghĩ một cách tội lỗi thế thôi, và chỉ tán lếu tán láo tí tí thôi, chớ đâu dám đi sâu quá...

Phải chi đây là "phiên chợ cưới" thì mình đâu có ngán.

Phiên chợ cưới... Phiên chợ cưới... Ở phải rồi, nhớ lại lúc vợ chồng chưa lấy nhau, người chồng rộng rãi thường vẫn bỏ nhà đi ăn Tết lang thang, có khi ở nhà con hát đàn, có khi ở một vùng quê, lại cũng có khi ở một vùng sơn cước. Anh ta nhớ có một năm lên vùng Tam Đảo chia tỉnh Vĩnh Yên với Thái Nguyên, anh đã đi một phiên chợ đặc biệt của đồng bào người Mán ở mấy tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, phiên

chợ cưới. Chợ cưới họp vào ngày hai mươi năm tháng chạp tại xã Tam Long, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên, ở ngay cổng làng Tam Long, giữa cánh đồng, bên một con sông đào nhỏ nước trong vắt.

Từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều, các trai gái, hoặc là đi một mình hoặc là cùng đi với bà con thân thích, kéo nhau đến chợ - nơi mà ngày thường mấy xã ở quanh vùng vẫn họp nhau buôn bán. Nhưng hôm nay thì một con cá, một lá rau cũng không có, vì đồng bào ở đây vẫn mua bán xong xuôi từ mấy hôm trước rồi. Hôm nay, trai gái ăn mặc chỉnh tề, đến đây là để giao duyên và tình tự với nhau. Có cặp thề sông hẹn núi, có đôi hẹn ước một ngày vợ chồng vuông tròn ; lại có những tình nhân trao đổi cho tình nhân những món quà kỷ niệm. Khe suối, bụi tre, đồi cây, bờ ruộng, chứng kiến bao nhiêu mối tình thơ mộng, dường như cũng rung động một cách khác thường, tươi lên một cách khác thường. Những cái phá sặc sỡ, những cái khăn, những đôi hài sảo thâm xanh viền đỏ với bao nhiêu hoa tai bạc, vòng cổ bạc, vòng cổ vàng, vòng tay đen, vòng chân tím giao hoan với mây ngàn trắng màu bạc cũ, gió núi biêng biếc màu bằng lăng làm cho phiên chợ cưới và bao nhiêu cảnh vật ở chung quanh

có một vẻ huyền ảo lung linh như một buổi quần tiên đại hội trong một thửa vườn thần thánh trên Thiên Đình.

Phiên chợ cưới... Chớ sao ? Tiên cũng lấy nhau chớ đâu chỉ có người phàm trần mà thôi. Cô sơn nữ và chàng trai vùng Tam Đảo quanh năm vất vả vì ma chay, giỗ chạp, nuôi trâu bò, gà lợn và đi rừng cắt đông trùng hạ thảo, mộc nhĩ, hái lá kim giao, quên làm sao được phiên chợ cưới cuối năm ; hết năm nọ đến năm kia, bọn này thành vợ thành chồng thì bọn khác lại kế tiếp đi chợ cưới Tam Long để gắn bó keo sơn, kết nên những cuộc ái ân đẹp như trăng thu, trắng như tuyết núi.

Thả hồn về chợ Tết ở Kinh, người chồng tiếc không biết bao nhiêu là cái đẹp đã qua và cảm thấy tức bực con người ở đây sao vất vả tằm thân vì nhiều thứ phù hoa quá. Năm hết Tết đến rồi, mình lì đến mấy đi nữa cũng cứ là thấy sốt ruột vì nhiều công việc chờ đợi quá. Hôm qua, vợ đã gióng lên là nhớ việc gì thì phải làm ngay, chớ để dồn lại đến ngày chót, làm sao cho kịp : lần này về, các gì thì cũng phải lo "gửi Tết". Mình là ngành thứ phải đem đồ lễ đến nhà gia trưởng: gà vịt, hoa quả, vàng hương ; còn những ngành khác thì dùng vàng hồ hoặc lá. Vàng hồ là một

thứ vàng gồm, một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm bằng giấy bồi vàng, còn hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng có dính mặt kính, trang kim. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, cũng có dính mặt kính, trang kim như vàng hồ nhưng nhiều hơn, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. "Gửi Tết" nhà gia trưởng mà không có vàng, không được.

Gửi Tết rồi lại còn phải lo biếu Tết. Bao nhiêu bạn bè thân thích xa gần buôn bán, giao thiệp với mình, làm ơn làm huệ cho mình, nhất thiết phải moi trí óc ra mà nhớ cho kỹ hết để đem đồ đến biếu. Biếu như thế không phải là dứt lốt, mà chỉ là để tỏ cái tình thân thương yêu, cởi mở, thực thi quan niệm "thêm bạn bớt thù", san bằng những mâu thuẫn để cho người ta có dịp biếu thị những tình cảm, những ý niệm thâm thiết mà người ta không biếu thị được trong những ngày thường trông năm phải làm ăn vất vả, đầu tắt mặt tối không có thì giờ viếng thăm nhau, trò chuyện với nhau lâu.

Xong được mấy công việc đó thì cũng đã đến rằm, mười sáu rồi. Đến cái ngày ấy, anh thấy thời giờ đi nhanh một cách tẻ nhạt. Dù anh lơ là với Tết cách nào đi nữa, anh cũng cứ thấy tim anh

rộn ràng lên, anh không biết phải làm việc gì trước, việc gì sau và anh thấy rằng mặc dù là bỏ giấc ngủ trưa, những ngày cuối năm ấy quả là đi nhanh quá, nhanh như "bóng câu qua cửa sổ" - cái danh từ rất sáo mà lúc nhỏ anh vẫn viết trong tờ "com pờ li măng" đọc chúc mừng thầy giáo trong buổi học tất niên viết trên một tờ giấy rất trắng vẽ một bó hoa buộc bằng một cái băng tam tài !

Thì ra mình trách vợ bạn rộn về Tết, ốm cả người, mà chính mình từ rằm tháng chạp trở đi cũng bận rộn, vất vả y như vợ vậy. Cái việc mua giấy hồng điều rắc vàng để nhờ ông Cả Nam viết câu đối dán ở cột trước cửa và ngoài sân ; cái việc mua trầm để đốt trên bàn thờ ; cái việc đi chọn pháo Công Trường Cát để đốt đêm giao thừa vào ba ngày Tết, nhất định mình không đảm trách thì không được. Cũng không được, nếu sắm sửa Tết tàm tạm xong xuôi mà mình lại không cùng với vợ đi thăm Tết gia tiên nội ngoại để viếng các cụ, đắp lại mộ các cụ và thắp nhang mời các cụ về ăn Tết với con cháu trong nhà. Trước đây, làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh có cái lệ đi thăm mộ gia tiên hàng năm ấn định vào ngày ba mươi tháng chạp nếu là tháng đủ, hay hai mươi chín nếu là tháng thiếu. Nhiều làng khác cũng theo như thế. Nhưng sau này, đời sống xô

bồ, có thay đổi đi chút ít, người thành thị đi thăm mộ ông bà cha mẹ sớm hơn một chút, có khi trước ngày ông Táo lên châu Trời, có khi sau vài ngày.

Thực tình, cái giống nhà văn, nhà báo có lúc đáng yêu thật, nhưng có một vài khi cũng làm cho đàn bà bực cả mình. Cái gì lại đem cả ông Táo ra chế nhạo là "đội mũ đi hia chẳng mặc quần?" Cái gì lại đề nghị bỏ tục lễ ông Táo mà cho như thế là dị đoan ? Cái gì mà năm nào cũng nhạo ông Táo "lập bồ" lên với Trời về các việc xảy ra dưới trần ? Muốn nói gì thì nói, người vợ, đúng ngày hai mươi ba tháng chạp, cứ phải đủ lệ bộ lễ tiễn ông Táo lên trời thì mới yên lòng.

- Mình là người trần mắt thịt, biết thế nào là dị đoan hay không dị đoan, biết thế nào là Tây Phương có lý hay Đông Phương có lý ? Ai bảo phản khoa học em chịu, mà ai bảo cái tục này do quan lại phong kiến đặt ra để ngu dân, lại cũng chịu luôn ; những lễ tiễn ông Táo vẫn cứ lễ tiễn như thường vì không làm như thế thì em ăn Tết không ngon. Tội gì mình lại khổ thân mình như thế ?

- Nhưng mà nó buồn cười, em ạ. Tiễn một ông vua bếp cười ngựa cá chép lên châu trời, còn có cái gì nực cười bằng !

- Nói như thế, thật hay, thật đúng. Nhưng mà

ta cũng nên biết rằng ta thờ kính ông Táo có phải là ta thờ kính cái ông vua bếp cưới cá chép lên châu trời đâu ! Cũng như ta trồng nêu, vẽ vôi bột, gói bánh chưng, dọn cửa lau nhà, kiêng cử chửi mềo mắng chó, tạ tiền ông Táo là để chứng tỏ tính chất đồng nhất của xã hội, vì biết ăn Tết tức là tâm mắt ta đã vượt được cái tổ chức thị tộc bộ lạc chật hẹp để sống với nhau rộng rãi hơn trong sự đoàn kết của nhiều thị tộc bộ lạc thống nhất với nhau về quan niệm, nghi lễ cũng như về thời gian.

Đây là lúc tổ chức gia đình đã có cơ thay thế cho tổ chức thị tộc. Sự thờ cúng ông Táo và sự tiễn đưa ông Táo lên trời hôm hai mươi ba tháng chạp chứng tỏ rằng người mình lúc ấy đã tổ chức thành gia đình nhỏ, mà cái bếp của ông Táo là tượng trưng cho gia đình, cái bếp là đơn vị nhỏ nhất của xã hội. Cái gia đình ấy, cái đơn vị ấy đồng nhất từ Bắc vào Nam cho nên không có kẻ nào chia rẽ được Nam với Bắc.

Nếu bảo tiễn ông Táo là mê tín dị đoan thì cả nước ta đoàn kết ngay cả trong sự dị đoan, mê tín : ông Táo ở Bắc, hôm hai mươi ba tháng chạp, lên châu trời cưới một con ngựa yên cương chỉnh chặc, còn ở trong Nam thì giản dị hơn, đồng bào ta cúng ông một cặp giò - cặp hia để cho ông đi lên Thiên Đình cho lệ !

Người chồng đùa dai, chọc nữa :

- Người ta bảo là ông Táo tham nhũng lắm chẳng biết có đúng không ? Ai mà lẽ ông chu đáo ông tâu tốt, ai không có gì, ông truy...

- Đây là nói đùa. Nhưng nếu căn cứ truyền thuyết mà bàn thì ông Táo nếu ăn tiền cò muốn tâu bậy cũng không thể được. Là vì - lại theo thần thoại - các cụ ngày xưa chống tham nhũng triệt để chó đâu có như bây giờ. Anh quên mất rồi ư ? Tháng mười ta có lễ Song Thập là ngày lễ gần cuối năm, có tên là Hạ Nguyên.

Đó là theo tục lệ nhà Phật.

Nhưng theo truyền thuyết thì ngày song thập, tức là mồng mười tháng mười, trên Thiên Đình, Ngọc Hoàng Thượng Đế sai một sứ thần là Tam Thanh xuống kinh lý trần gian để kết toán những điều lành hay dữ trong một năm qua để làm biên bản tâu lên Ngọc Hoàng minh xét. Vì thế vào ngày ấy, dân chúng lập bàn thờ hương án để rước điều lành, tránh điều dữ trong dịp thăm viếng của sứ thần Tam Thanh, đồng thời sửa cơm canh cúng ông bà cha mẹ qua đời và cầu Trời Phật phù hộ cho mạnh khỏe, ăn nên làm ra, tai qua nạn khỏi.

Như vậy là trước ngày ông Táo lên chầu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống

dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không dám khai gian nói bậy.

Nói câu này, nhất định có người sẽ bảo là mình nịnh vợ, nhưng có thể nào cứ nói thế, không sao: tôi thích nghe những truyện truyền kỳ như thế nhưng từ buổi di cư vào miền Nam ít được ai nói tới thành thử lắm khi cũng nhớ, mà đời hình như cũng kém thơ mộng đi một chút. Có lẽ cũng chính vì thế mà ăn mười tám, mười chín cái tết ở đây, vào ngày ông Táo châu trời, không thấy ai cúng cá chép, mình có khi cảm thấy như nhớ cái gì đẹp lắm mà mất đi không còn thấy nữa. Tôi nhớ Bắc Việt vào những ngày hai mươi ba tháng chạp, tiễn ông Táo lên Thiên Đình, cái không khí nó khang khác chứ không như thế này... Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ới ới ở khắp các ngõ đường : "Ai mua cá ông Táo không ?", "Cá ông Táo không nào ?". Nghe như thế, tự nhiên lòng mình bỗng nao nao vì biết rằng có cá ông Táo là sắp đến Tết rồi. Không thể nào nằm được nữa. Minh ra xem thì thấy những bà bán hàng gánh hai cái thùng sơn đi vất vẻo đôi tay, như chạy, để bán vội cho hết hàng, kéo còn phải về sớm để sắm sửa tiễn ông Công lên châu Trời tâu việc hàng năm của mỗi gia đình.

Ông Công đó là thần Trương Đàn hay Tử Quách, chỉ phụ trách riêng về việc bếp núc, còn Thổ Địa trông nom việc nhà, Thổ Kỳ có nhiệm vụ coi về chợ búa và tăng gia sản xuất cho đàn bà.

Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ là ba nhân vật trong truyền truyền kỳ "hai ông một bà" mà dân gian đều biết : hai ông là Trọng Cao và Phạm Lang, còn một bà là Thị Nhi cùng chết trong một đồng rơm. Để kỷ niệm ba người cùng chết một lần vào ngày gần Tết, dân chúng làm cái bếp ghép bằng ba hòn gạch đều nhau bắt góc. Ở giữa, có để một hòn đá : đó là tên đầy tớ xông vào đám cháy để cứu chủ không được mà cũng bị chết lây. Thường thường, ai cũng tưởng lễ tiễn ông Táo là ngày lễ cuối cùng trong một năm, thật ra sau đó hai ngày còn lễ tiễn ông vải, lễ tạ trường và lễ tất niên.

Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong bát hương đốt quanh năm ra đổ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương. Nhân lúc con cháu dọn dẹp, bày biện lại bàn thờ, ông vải thừa dịp đi chơi vài ngày để chờ lễ Giao Thừa lại trở về ăn Tết với con cháu trong nhà.

Ít lâu sau này, lễ tạ trường đã bỏ vì chữ Hán hết thời, nhưng lễ tất niên thì vẫn giữ nguyên

tuần tháng chạp ; nhớ những hoa mạn, hoa đào
đủ đởn mùa may trước gió hiu hiu thay thế cho
những cành khô nghèo nhựa nằm chết chóc trong
giá rét trước ngày đông chí.

Tài thế, lập xuân rồi là thời tiết đổi thay liền!
Thảo nào, sách *Thích Danh* giải nghĩa Xuân tức
là xuân, nghĩa là cựa động, muôn vật đến mùa
ấy cựa động mà sống dậy. Người đàn bà Trời
đã cho đẹp, lập xuân rồi tự mình cũng thấy mất
biếc hơn, má hồng hơn, ngực tròn hơn và cảm
thấy như nhấp một thứ men nồng làm cho lòng
phơi phới.

*Đêm qua hoa nở nhị vàng,
Sáng ngày thiếp thấy bóng chàng áo xanh.*

Chàng áo xanh về quê ăn Tết thấy cô gái đa
tình, mảy mà không thấy lòng rạo rục thương yêu
và thốt ra lời tình tứ :

*Vườn em có chỏn cau non,
Nhà anh có chiếc cơi son đợi chờ.*

Thậm chí đến bậc lão đại, bạc cả mái đầu, thấy
hoa xuân hé miệng ra cười cũng cảm thấy con
tim muốn nói lên những lời yêu thê thiết.

*Ai ơi, chơi lấy kéo chầy
Xem hoa bốn mắt đi giầy ba chân.*

Yêu tháng chạp không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày giáp Tết, thời tiết sao mà đi thế, con mắt tấm lòng sao mà đông đưa thế, lời nói, tiếng chào sao mà duyên dáng tơ mơ thế.

Tôi yêu hết và tôi nói là tôi yêu hết ; yêu ngọn cỏ gió đùa, mây trôi lãng đãng, ngọn núi đồi sim, nhựa cây mạch đất, yêu con sâu cái kiến nằm co ro trong tổ bấy giờ trỗi lên tìm lá mới hoa non, yêu cô gái mặc quần lĩnh hoa chanh lại cài một cánh hoa hồng trên mái tóc, yêu con bướm đa tình bay lượn trên giàn hoa thiên lý, cái áo nhung xanh nổi bật lên trong vườn quýt đỏ, cam vàng, trông mới lại càng yêu những giọt mưa bé tí ti đọng lại trên nhung muốt làm cho người đẹp óng a óng ánh như thiên thần trong mộng. Cũng may mà cứ vào tháng chạp, ở đây, thỉnh thoảng lại có những đêm xanh gió thổi hiu hiu làm cho người thức khuya cảm thấy da tê tê, lạnh lạnh mà nghe như thấy Tết đến xuân về trước ngõ nên cũng nguôi ngoai được phần nào, chớ cứ nắng chói chang, khô héo liên liên thì chỉ thương nhớ mà héo hắt đi, sống làm sao cho nổi.

Tết ở đây thiếu gì vải lụa của Thái Lan, Đại Hàn, thiếu gì đồ ăn thức uống của Nhật, của Mỹ, thiếu gì trái ngon, gái đẹp "lô can", nhưng con

cớ làm sao mỗi khi có sự giao tiễn đôi mùa thì lòng lại hướng về quê cũ xa xưa, mơ lại ngày nào cùng vợ đi mua đôi ba chậu cúc vàng, quất đỏ, rồi về ăn quấy quá cho xong để lại đi ù lên Ngọc Hà mua mấy cánh mẫu đơn về để cắm bình, không quên vài tấm giấy đỏ để gói tiền mở hàng cho trẻ, một chai Mai Quế Lộ hay Sứ Quốc Công, hai vợ chồng dưới mưa riêu riêu dẫn nhau phải nhớ mua một hộp trà Thiết Quan Âm vô thiếc và xé vài chai rượu nếp cẩm hạ thổ từ tháng tám !

Nhớ lại như thế thì quên làm sao được vào những ngày hai mươi bốn, hai mươi lăm vợ thức từ bốn năm giờ sáng, khoác một cái áo lạnh trên mình ngồi giữa sập sắp xếp các món đồ đem đi biếu Tết những bạn bè thân thiết. Đó là cả một vấn đề phức tạp : hộp trà Thiết Quan Âm vô thiếc để biếu ông Long đã đành rồi, nhưng ông Luận hôm qua đã cho rượu, chả lẽ mình lại biếu rượu nữa, thôi hay là biếu cân mứt và chục cam Xã Đoài. Hộp kẹo này đưa sang bác Thanh Châu ; chị Sen ơi, hai hộp trà mạn sen tự tay mẹ ướp đây là để dành cho ông Chung, ông Chúc ; nhưng đến Nguyễn Dân Giám thì quả là khó nghĩ. Hôm hai mươi ba mới rồi, để đánh dấu tập "Dưới Rặng Thông" in làm phụ bản số Tết, anh ta sai người làm đội một cái quả to bằng cái nia từ Hàng Cân

đến Hàng Da, đầy đủ bún thang, chả quế, giò lụa, nước suýt, bào ngư, hàu sì, cuốn ; bây giờ biết đem biếu gì đây ? Ấy, chỉ có thế mà nghĩ mãi không biết làm ăn ra thế nào.

Ồi chao cứ suy nghĩ vợ vẫn mãi thế này, bực lắm. Người chồng lại cứ đi lấy "cái phong bì" của nhà báo tạ ơn nhân dịp cuối năm, rủ bạn hữu đi ra ngôi "Lơ Lắc" uống lót dạ vài cái "pun sô" và trông mưa bay trên hồ Hoàn Kiếm, ngâm bài thơ Diên.

*Có linh hồn, tôi đem cho trọn vẹn,
Vốn nhà nghèo, không quen cảnh bán buôn,
Đến những kẻ mới vờ duyên hứa hẹn,
Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.*

...

*Diên ! Diên ! Diên ! Và say nữa, xin say,
Diên đến chết và say cho đến khóc.
Say thêm nữa ! Phút giây diên ngà ngọc !*

...

*Dốc máu buông tim, giết hồn lấy xác !
Ta cao dăng tể lễ đáng Thiên Liêng.
Nhạc đâu rồi ! Lễ vật sắp đưa lên,
Xin mau nổi cho hồn ta rung động...*

Yêu Tết không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày hai mươi chín, ba mươi, anh em

say suốt ngày, tơ lòng rung động như điên, chèn chén ở quán này chưa đã lại sang tiệm khác đập phá âm âm. Mà để làm gì ? Chỉ là để tỏ rằng mình là những người văn nghệ bị đời bạc đãi nhưng nó cần ai cả, mục hạ vô nhân...

Quan niệm đời một cách sai lầm như thế, chúng tôi tuy vậy vẫn tự cao tự đại và thỉnh thoảng lại lên cái mặt sầu đời, bỏ cả lễ giao thừa, đi một mình ở ngoài đường để suy tư, và suy tư mãi chẳng thấy tôi ra cái gì thì tìm một cái gì trác táng để liều thân hoại thể. Thuốc phiện. Trai gái. Rượu chè. Chúng tôi không chê bất cứ một thứ gì làm cho con người sa đoạ. Nhiều khi đi đến gần sáng mới về mà vẫn thấy người vợ còn thức với con để xem lại nồi cá kho, gói mấy cái giò gà, thái củ cải, cà rốt để sáng hôm sau nêm vào đồ nấu hoặc vừa quấy một xanh chè đậu vừa ngồi trông nồi bánh chưng luộc ở ngoài sân, người chồng cũng cảm thấy hơi se lòng một chút nhưng lại tự mình tha thứ mình liền, chỉ vì lẽ là ngày Tết, người đàn ông có thể tự cho phép sống ra ngoài vòng kiểm toả từ ngàn xưa ấn định, mà cũng là để giải phóng bao nhiêu trói buộc, với hy vọng năm mới sẽ đưa lại nhiều may mắn hơn năm cũ.

Về khuya, bắt tay bạn hữu ra về, đi thơ thẩn trên đường hoa một mình, anh thấy lòng anh cũng

căng lên một thứ nhựa như cây cỏ và hình như có những bàn tay bé nhỏ mơn man trái tim anh lúc ấy đập mạnh hơn vì máu chảy dồn dập và nóng hổi.

Lúc ấy, nhà đã trang trí xong xuôi. Đèn nến thấp la liệt trên bàn thờ. Nhìn vào chỗ nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Cây đào và những cánh mầu đơn in bóng lên tường làm cho anh ngỡ mình đương đứng trước một bức tranh cổ của Tàu. Ở ngoài kia, có tiếng gì nhỏ bé như tiếng sóng xa xa mà lại như tiếng đàn hát của thần tiên, tiếng chuyển mình của sông hồ, của lộc cây, của giàn hoa thiên lý ?

Người chồng ngờ đó là tiếng của mùa xuân, nhưng không nói cho ai biết, lẳng lặng mở bình Mai Quế Lộ, rót ra hai cốc nhỏ mời vợ một, còn mình uống một. Thỉnh thoảng, ở ngoài sân lại có tiếng tạch, tiếng đùng : ấy là lúc các trẻ trong nhà bắt đầu "đốt pháo một" tung lên trời. Mùi thuốc pháo thơm thơm bay vào trong nhà, làm cho cả vợ cả chồng hơi ngọt, nhưng ngọt một cách du dương.

Trong khi ấy, từ xa xa vọng lại tiếng ống bương nện xuống đất đều đều, hoà với những tiếng hát trầm trầm, bổng bổng của những em đi "súc sặc súc sể" ca ngợi sự hoà ấm của gia đình "có rồng

ấp trên giường cao, có rồng châu dưới giường thấp" và chúc cho ai nấy "sinh đẻ những con tốt lành, những con như tranh, những con như vẽ", sống lâu một năm trăm tuổi lẻ mà lại giàu có đề đà, có voi buộc trong tàu, có ngựa giỡn nhau trên cỏ...

Cái Tết đẹp nhất, mê ly nhất chính là ở vào giây phút thần tiên đó. Lát nữa, cúng kiến trời đất tổ tiên xong rồi, người vợ thoa tí phấn, điểm một giọt hồng lên má rồi bận cái áo nhung màu hoa sim cùng chồng và con mở cửa đi ra đền Ngọc Sơn, rẽ sang đình Hàng Trống, đi lên Tây Hồ, vào đền Quan Thánh lễ giao thừa, rồi người thì cầm cành lộc, người cầm hương lộc, đi thông thả về nhà, sự mê ly còn gấp trăm gấp ngàn lần nữa.

Những đêm như thế thường thức cho đến gần sáng bạch cả nhà mới đi nằm. Là vì về đến nhà, còn bao nhiêu việc nữa chớ đã được nghỉ ngay đâu. Mở cửa vào xông đất lấy. Khoái và Lăng chạy ngay vào buồng khách lấy bánh pháo Điện Quang dòng từ trên mái xuống đốt lấy may ; vợ thì lễ sì sà sì sụp ; xong rồi cả nhà quay ra ăn uống, ném thứ này một tí, ném thứ kia một tí, rồi trò chuyện, rồi lập chương trình đánh tam cúc và rút bất, bắt đầu từ tối mồng hai, rồi chồng mở hàng cho vợ, vợ mở hàng cho con... ối, cứ thức đến sáng

bạch cũng vẫn cứ được đi, nhưng sợ là mai mệt nên hai ba giờ sáng phải đi ngủ cả.

Chẳng biết lũ trẻ đi nằm như thế thì có ngủ được không, chớ người chồng mơ lại lúc mình còn nhỏ, nhớ mang máng rằng giấc ngủ đêm ba mươi Tết chập chờn, không mấy khi ngon. Ấy là tại vào cái thuở thanh bình ấy, pháo đốt suốt cả đêm không ngớt một phút nào, người đi lễ đông nườm nượp, lại thêm có những người có lẽ vì vui quá cứ ngửa mặt lên trời đi ngâm thơ bô bô ở ngoài đường !

Ôi những đêm giao thừa xa xôi, những đêm giao thừa cực lạc, đi không bao giờ trở lại, ta chẳng còn thấy thần thánh xuống trần để vui cuộc đời trần tục, ta chẳng còn thấy Đức Tin ngồi lên trong ánh mắt của muôn người... Cố nhân ơi, cố nhân đem theo biết bao nhiêu hương vị đậm đà của kiếp sống khiến cho những giao thừa còn lại chỉ là thừa mà thôi...

*Em ở mình đây, trời nắng lắm,
Sài Thành không biết có xuân sang,
Một đêm trăng khuyết đầy thương nhớ,
Đất Bắc xa vời không tiếng vang.*

...

Ôi, vườn dâu cũ ai cười đó,

*Xào xạc bên sông tiếng chợ tàn.
Mưa bay đầy ngõ hoa đào rụng.
Này đã giao thừa pháo nổ ran...*

Ờ, phải, ở đây pháo cũng nổ giao thừa, nhưng còn đâu là bầu không khí dịu hiền của những người trước nữa. Bao nhiêu bè bạn giờ này đây đã về với gia đình. Người chồng cô chích cảm thấy mình lẻ loi, xa vắng hơn cả bao giờ hết, đi tha thẩn một mình trên các đường phố giới nghiêm, thỉnh thoảng lại có một bóng gã công an chìm và cảnh sát cùng quân cảnh bảo vệ an ninh trong bóng tối.

Xa xa, tiếng súng nổ như điên.

Không đâu, năm nào đến Tết cũng ngưng bắn vài chục tiếng đồng hồ: thừa đạn thì nổ thay pháo chứ không phải là đánh nhau, cứ yên tâm uống rượu, và tán láo, đừng có sợ! Chao ôi, chơi bởi lếu láo như thế, mình lại càng thấy yêu Sài Gòn không biết chừng nào. Có những nhà hàng mở cửa suốt đêm. Có những quán cà phê bày bàn ghế ra hè, nhiều gái chơi bởi ngồi đợi khách hơn là khách vào uống rượu. Lại cũng có những phòng trà có ca nhạc hai ba giờ sáng mà vẫn có người vào nghe.

Kỳ chưa, thế thì họ không lẽ giao thừa à ?

Họ không kiêng cử gì à ? Họ không cần biết xông đất là gì à ? Họ khoa học như Mỹ, không tin dị đoan chẳng ? Hay là khói lửa và sự chật vật trong cuộc sống đã làm lệch lạc đầu óc họ ? Người mắc bệnh sâu thương cố lý, không lệch lạc đầu óc, mà cũng không bài xích dị đoan, ngồi ở đầu ngọn gió lạnh giao mùa, nhìn hàng tiếng đồng hồ vào trong bóng tối đêm ba mươi không nói không rằng, đứng dậy, trả tiền, đi thông thả trên đường vắng ngắt. Đêm Sài Gòn sáng lắm, nhưng đêm ba mươi tháng chạp thì ngừng lên trời làm sao thấy được mây lưu lạc, mà tiếng nhạc "sun" âm ỉ như thế thì nghe làm sao thấy "tiếng sóng nhớ nhàng ở bến cũ cây đa ?".

Đêm ấy, trên căn gác nhỏ leo lét một ánh đèn một nhọc, có một người nhớ da diết giao thừa Bắc Việt, ngồi giở những trang sách cũ xem lại những tranh con gà con lợn. Tội nghiệp, sinh vào cái thời loạn, ở ngay trên chính đất nước mình mà không có lấy mấy bức tranh con gà con lợn thực để mà coi, phải dờ cả đồ giả chụp lại đem ra ngắm ! Tự nhiên anh cảm thấy có một cái gì làm cho da dẻ tê tê, gòn gợn lạnh. Đã mấy chục năm nay, anh ta không còn được trông thấy những bức tranh gà lợn thực, đưa lên mũi ngửi mùi giấy, mùi mực, mùi màu thực của những bức tranh ấy nữa ! Đêm

nay, nghe tiếng pháo của nhà ai nổ vang ở chung quanh, người tương tư Bắc Việt không biết làm gì, dở lại những bức tranh gà lợn giả lên coi cảm thấy da dẻ tê tê, lạnh lạnh chính là vì anh thấy hiện lên ở trên những bức tranh chụp lại, vẽ lại đó không biết bao nhiêu kỷ niệm xa xưa đã được khâm liệm trong trí óc.

Đó là những kỷ niệm lúc còn nhỏ bé ở căn nhà thấp lụp xụp phố Hàng Gai, còn cụ tổ, còn bà nội, bà ngoại, còn cha mẹ, còn đông đủ anh em chú bác.

Năm nào cũng vậy, cứ vào những ngày cuối năm mẹ tôi đi sắm Tết về cũng mua cho anh em chúng tôi một cuộn chùng chín mười tờ tranh vẽ, trên giấy Đáp Cầu, dọc chùng một gang tay rưỡi, ngang chùng bốn gang hay hơn một chút. Những bức tranh ấy mang những hình vẽ khác nhau : Hái dừa, gà mẹ gà con, chuột vinh qui bái tổ, Phúc Lộc Thọ, Thần Trà, Uất Lũ, có đi học, Ngưu Lang Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng cười rồng v.v... Bức nào cũng anh đồ loè loẹt, bức nào cũng làm cho chúng tôi thích thú. Và năm nào cũng vậy, anh em chúng tôi cũng tranh giành nhau những bức tranh gà lợn đó, có khi đến đánh nhau nhưng rút cuộc thì anh em thoả thuận dán đầy cả lên tường để ngắm chung và làm như thế thì nhà tôi, đương

bình thường vụt hiện ngay ra một quang cảnh Tết vui tươi khác thường, tung bừng nhộn nhịp không chịu được.

Sau này, lớn lên một chút, đi học Tết, tôi lên mặt bọm, coi thường những tranh ấy và cho là "quê một cục" vì hằng ngày học sử Hy Lạp, tôi thường thấy là những bức hoạ của Gauguin, Léonard de Vinci... và tôi nghĩ rằng tranh như thế mới là tranh, vẽ như thế mới là vẽ, chớ cứ quanh đi quẩn lại chỉ có mấy chú chuột thối kèn tàu, Chúc Nữ mặt méo xẹo, mà lại có đuôi gà, cóc đi học quạt lò mà cái ăm lại to hơn cóc... thương làm sao cho nổi ! Ấy là cái lúc tôi... lại Tây, học sử địa "Nước tôi tên là xứ Gaulle, tổ tiên tôi là người Gaulois" và tôi tưởng rằng cái quan niệm mới mẻ ấy sẽ cứ tồn tại mãi, rồi trưởng thành, rồi già nua trong đầu óc tôi như thế mãi. Hoá ra tôi lầm. Thôi trường ra, đi lang bạt nay đó mai đây, xa nhà cửa ông bà, xa quê hương bác mẹ, cái gì làm cho tôi nhớ nhất, ấy là cái Tết mà nhớ đến Tết, cái mà tôi không thể nào quên được, ấy là những bức tranh gà lợn.

Kế đó là thời kỳ chè rượu bê tha, nằm ở một cái phòng chật hẹp ở phố Hàng Đồng hút thuốc phiện, bị cả họ khinh khi, nằm bẹp dí trên một cái giường mệt nhọc, hút thuốc tối ngày rồi đợi

đến đúng trưa ngày ba mươi thì trở dậy đi mua một cành mai vàng về cắm trong cái cốc dơ và dán ở đầu giường bức tranh "Chức Nữ Ngưu Lang" để mỗi khi hút xong một điếu lại lơ mơ ngắm bức tranh, tự ví mình với Ngưu Lang bị trời đẩy, chur tiên ở trên trời khinh bỉ "nhưng đây nó có cần", một ngày kia làm chuyện lớn, khối anh xúm lại mà nịnh như nịnh Tô Tần ngày trước.

Một thời gian qua đi nữa rồi đến thời kỳ bỏ thuốc, sống với vợ con theo đúng một anh "chân chỉ hạt bột" : cứ mỗi khi Tết đến thì vợ, không do ai bảo hết, cũng làm đúng như mẹ mình ngày trước, cứ mỗi khi Tết đến thì lại mua mấy bức tranh gà lợn về để cho con dán lên trên giường.

Thì ra những bức tranh gà lợn đó không phải chỉ hoà đồng với tôi, mà hoà đồng với vợ, với con tôi như thế, có lẽ vì chúng tượng trưng cho tinh thần dân tộc Việt Nam mà chúng tôi không biết. Tưởng Tết mà vắng những bức tranh ấy mình cảm thấy nhớ nhung. Tết mà không mua tranh ấy dán lên tường, mình thấy chưa phải hoàn toàn Tết.

Tôi nhớ có nhiều khi cứ suy nghĩ vẩn vơ như thế và nói mãi cho con nghe ý nghĩa những bức tranh gà lợn, mình thành ra bị ám ảnh và đến lúc nhắm mắt ngủ thì nằm mê - mê thấy hiện ra những cảnh chuột đi hai chân như người thật,

lợn con lội qua sông, mê thấy Đinh Tiên Hoàng đứng điểm binh như một ông tướng Đức, mê thấy cá chép đi cà kheo lộc cộc trên cầu Thê Húc. Tất cả những thứ đó hiện ra rồi biến đi trong một thế giới kỳ ảo lạ lùng mà người cảm thông với vật, chuyện trò thân ái với nhau chớ không có một tí ti gì là thù ghét...

Thôi rồi, bây giờ còn làm sao mà thấy lại được những giấc mơ thơ mộng như thế nữa, bao giờ mới lại được sống ngày thanh bình mà người ta lấy tay vuốt ve từng cái lá, nương gót chân đi sợ làm đau từng ngọn cỏ, mà cũng đến bao giờ Nam, Bắc mới hết qua phân để cho người ly hương lại được trở lại quê nhà vui dưới mái nghèo, kể lại tình kiều - tử mười mấy năm đằng đẵng và cùng nhau nhắc lại hồn quan sơn trong lửa đạn dãi dầu.

Người đàn ông sâu nhớ giao thừa Bắc Việt gục đầu xuống những trang sách cũ, chớp mắt đi lúc nào không biết và y cũng không biết rằng những ý nghĩ vừa hiện ra trong trí óc đều là những ý nghĩ hiện lên trong khi y ngủ. Một quá chừng là những phút buồn khổ một mình, không biết than cùng ai, khóc cùng ai, nhất là chính mình lại biết rằng trong khi buồn khổ như thế thì trăm họ ở chung quanh lại vui tươi - dù là

cái vui tươi mù loà giả tạo, cái vui tươi chửi rửa những người lương thiện bị coi là ngu ngốc vì không biết khuấy khoả trăm sầu ngàn giận mà lại đi sụt sùi thở ngắn than dài.

Cách đây mười mười tám năm, đúng như nhà thi sĩ "nấn ná ở nơi xa" đã nói, Sài Thành không biết có xuân sang và ăn cái giao thừa không bằng vui cái lễ Giáng Sinh. Nhưng bây giờ đã khác : xa xa, có tiếng giày dép người ta đi lễ giao thừa. Súng nổ âm âm thay tiếng pháo. Ti vi và truyền thanh hát oang oang những khúc vui xuân...

Người khách ly hương cúi xuống đường, nhìn xem cái giao thừa ở đây khác cái giao thừa ở Bắc ra sao thì vừa vặn có một người lê bước trên đường, nhìn một cành mai cầm ở tay mà đưa lên câu sầu xứ :

*Nhớ nhà quăng chén rượu,
Thôi rồi, những ngày vui !
Đâu đây rên lửa đạn,
Có tiếng ai sụt sùi...*

*Vàng bay năm lại hết,
Lại vẫn không giao thừa...
Ói bạn trăm năm cũ,
Hôn ở đâu bây giờ ?*

TẾT

Hỏi cô mặc cái yếm xanh

hưng tại sao cứ đến ngày Tết chẳng ai bảo
ai mà thiên hạ cứ tự động kiêng như thế ?
Kiêng theo tập tục ? Kiêng vì mê tín ? Hay kiêng
như thế thì có may mắn thực ?

Tôi không biết. Chỉ thấy rằng ông bà tôi kiêng,
rồi cha mẹ tôi kiêng thì đến tôi, tôi cũng cứ theo
thế mà kiêng luôn. Và tôi chắc rằng con tôi, cháu
tôi, có thể có óc khoa học hơn tôi, nhưng rồi cũng
cứ sẽ kiêng như thế.

Lúc ấy, lễ giao thừa đã xong rồi. Giấc ngủ lúc
hai ba giờ sáng ngon lành hơn cả bao giờ. Gặp
ngày thường thì năm giờ sáng ngày mồng một Tết,
người ta ngủ muộn mà không sợ ai khinh động
giấc ngủ của mình. Bảy giờ, và có khi hơn bảy
giờ mới dậy.

Nằm ở trên giường mở mắt nhìn thì thấy cả cái nhà mình mới hẵn ra, cửa vẫn đóng kín mà lại sáng như cái động. Thì ra đèn nến ở trên các bàn thờ để suốt đêm không tắt, nhang vòng vẫn cháy đưa ra một mùi thơm ngát ngào hoà với hương hoa, hoà với gió đàn của những cánh đồng bao la lùa qua cửa sổ, hoà với tiếng đàn của mùa xuân về trong ý nhạc lời thơ. Rõ ràng anh mở mắt nhưng cảm như thấy tổ tiên mình về ngự ở trên bàn thờ trò chuyện với nhau, và phù hộ cho con cháu thực. Âm dương không còn cách biệt xa vời nữa. Dương quang không chỉ đầm ấm trong hơi sương ngọt ở ngoài kia, mà ngay ở trong mạch máu của mình. Anh thấy sinh khí len khắp nhựa cây mạch đất và thấm cả vào trong da trong thịt của anh. Khúc nhạc hồn non nước thấm nhuần anh, thử hỏi anh không yêu Việt Nam, nghĩ Việt Nam và cảm Việt Nam sao được ?

Từ mấy hôm trước, người vợ đã dặn đi dặn lại các con : ngày Tết không được quét nhà, vì sợ đuổi thần tài ra cửa, không được đánh vỡ chén bát để tránh đổ vỡ suốt năm, không được khâu vá vì kim chỉ tượng trưng cho công việc làm ăn vất vả.

- Bây giờ kiêng thế là gián tiện nhiều rồi đấy, chớ ngày xưa các cụ còn kiêng gọi tên con khỉ,

con chó, con lợn vì nói đến tên chúng thì không may mắn ; người làm ruộng kiêng nói đến tên "cây" trước khi cúng cái cây ; các gia đình lễ giáo kiêng viết lách trước khi làm lễ khai bút ; còn các nhà buôn bán thì kiêng bán hàng trước khi làm lễ tiên sư ở quầy hàng để xin trời đất phù hộ cho buôn may bán đắt.

Tất cả những sự kiêng kỵ đó, chồng con đã biết quá đi nhưng năm nào người vợ cũng cứ phải nhắc đi nhắc lại như thế, tuồng như không nhắc thì không chịu được.

Con cái trong nhà mà tỏ vẻ hoài nghi về các sự kiêng kỵ đó thì gọi là còn lười thôi, rầy rà. Là vì người vợ cho rằng tất cả những sự kiêng kỵ đó không phải là dị đoan, mà là tin tưởng.

Phải. Tại sao Tết lại đặt vào ngày cuối năm và đầu năm âm lịch, mà không đặt vào ngày nào ám áp như Đoan Ngọ hay Thất Tịch ? Ấy là vì tổ tiên ta lúc chọn ngày để đặt Tết Nguyên Đán đã có một ý định làm đem lại cho Tết Nguyên Đán một sự phù hợp với tính chất sinh hoạt dân tộc : các cụ chọn một ngày rảnh nhất, một ngày có ý nghĩa nhất trong một năm để tưởng nhớ đến ông bà, rước xách thờ cúng và nghỉ ngơi cho khỏe.

Đặt vào ngày cuối Đông đầu Xuân, ngày Tết Nguyên Đán còn có một thâm ý sâu xa hơn nữa:

theo Từ Nguyên, xuân có nghĩa "trai gái vừa lòng nhau" xuân là cựa động, băng giá tan hết, muôn vật đến mùa xuân đều cựa động mà sống lại. Từ quan niệm ấy, người mình tiến đến tín ngưỡng thờ Thần Đất. Họ tin rằng trong không, thời gian mà Thần Đất vắng mặt trên trần thì không ai được động chạm đến đất, như cây bừa cuốc xới đất lên hay giã gạo làm cho vang động đất. Ngày Tết, do đó, có ý nghĩa là đón sự trở về của Thần Đất : người ta chờ lúc cây cối đâm lộc nảy mầm, muôn vật trở lại cuộc sống bình thường, chỉ sợ vì một cơ gì bí mật, không phồn thịnh và sản xuất như xưa nữa. Họ tin rằng nếu không kiêng kỵ thì Thần Đất sẽ không phù hộ loài người và sẽ làm cho cây cối, con người, súc vật, của cải không thể nào phát triển. Đến bây giờ, người Tây mặc dù có tiếng là văn minh đảo để cũng vẫn có những tin tưởng như vậy, thế thì ta tin tưởng nếu kiêng kỵ thì Thần Đất phù hộ cho mọi vật tăng gia sản xuất, chẳng có chi là kỳ quặc.

Tục tiến ông Táo, tục không quét nhà, tục xông đất thoát thai từ sự tin tưởng đó. Có người bảo rằng sự tin tưởng đó có từ lúc dân ta bắt đầu định cư và sống về nông. Có từ lúc nào cũng được, nhưng tựu trung thì cũng chẳng có hại gì, vì tin Thần Đất như thế cũng như thờ cúng ông bà cha

mẹ, ai cũng phải nhận là một tục hay mà người phương Tây không thể cho là dị đoan, mê tín.

Người chồng không có ý kiến gì hết, nhưng cảm thấy rằng ngày Tết, mọi người đều kiêng cử mà mình không kiêng thì mình không được yên tâm. Vì thế, mặc dầu viết báo đôi khi chế giễu tục này tục nọ của ngày Tết, mà về với gia đình anh ta vẫn kiêng kỵ như ai và cảm thấy có một thích thú nhẹ nhàng, kín đáo trong sự kiêng kỵ đó. Kiêng như thế có "ăn tiền" không, cái đó không cần lắm ; nhưng cần là làm như thế mình hoà đồng với đồng bào, mình tự động đoàn kết với anh em và cũng như mọi người, mình cũng nuôi một hoài bão là năm mới có tiến bộ mới và sự tiến bộ đó, muốn đạt, phải nghiêm chỉnh nghiêmh đón một cách trang trọng từ ngày đầu năm.

Người ta thăm viếng nhau, chúc tụng nhau chính là để thi hành nghiêm chỉnh sự tiến bộ đó và, làm như thế, họ muốn cho năm mới không xúi quẩy, trái lại, tươi tốt bằng mười năm cũ. Tục cấm nêu, vạch vôi vẽ cung tên nhảm không cho quỉ ma quấy nhiễu là mong cho sức khoẻ tốt hơn, tục quẩy nước sáng mồng một đổ đầy chum vại là mong cho của cải đầy đủ, còn tục "bán đại" ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước là mong cho trí óc mở mang, khôn ngoan, minh mẫn hơn năm cũ.

Cứ tin như thế, người ta thấy đời đẹp hơn, đáng yêu hơn. Vừa lúc đó, ở ruộng khoai lại nở những bông hoa tím, ở vườn cải lại có những búp vàng, mưa xanh gió tím ôn hoà, người dân vui sướng đến tận độ, sáng lên mắt biếc, hồng xuống làn môi cũng là lẽ đương nhiên, không có chi đáng lạ.

Có ai ở tỉnh thành ăn Tết ngày mồng một rồi đến mồng hai, mồng ba đi về vùng đất thơm ngát hoa đồng cỏ nội mới thật thấy cái Tết của ta đẹp biết ngần nào, êm ái ngần nào. Người nông dân vất vả quanh năm, được mấy ngày ấy nhất định nghỉ không ra đồng. Chè chén đã dành rồi, nhưng tội gì mà chẳng vui chơi để giải quyết sự thèm khát giải trí mà vua quan ngày xưa không hề nghĩ tổ chức bao giờ. Vì thế, nghe thấy đầu xuân có hát tuồng cổ "Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lức tướng" hay "Dự Nhượng tam đả long bào", ở cách xa nơi họ ở dăm mười cây số, họ cũng cố đi xem cho kỳ được. Tuy vậy, vẫn cứ "tưng tức thế nào" cho nên tại vài làng mát mặt ở Bắc Việt, các đàn anh vào dịp Tết vẫn rủ nhau rước ả đào, tuồng cổ, phường chèo về diễn cho mọi người xem và được người ta nhớ mãi.

*Sang xuân đình đám vui như Tết
Hết đám làng bên lại đám làng...*

*Em nhớ đào Nhâm phương Đặng Xá
Đóng bà Thị Kính mắc hàm oan.
Thị Mầu chòng ghẹo mà không chuyển,
- Nhâm có đôi bàn tay rất ngoan.*

Phần tôi nhớ nhất là một năm ăn Tết ở Huế, đánh bài chòi nghe hát hôm mồng hai rồi đến mồng ba đi Hà Tĩnh, thăm một người bạn làng Thượng, được em gái bạn dắt đi xem tuồng "Triệu Tử Long phò A Hầu" rút trong Tam Quốc. Thế thì có gì lạ ? Quảng Lạc, Sán Nhiên Đài lại không thủ tuồng đó hay sao mà phải lặn lội đến tỉnh Hà Tĩnh để xem ?

Không bao giờ tôi quên được đặc trưng của vở tuồng cổ đó, mà theo người em gái của bạn tôi kể lại thì Tết nào làng này cũng chỉ diễn một đoạn ấy thôi - kỳ hơn nữa là diễn ban ngày, trong khi mọi người đi lại nhộn nhịp trên bờ sông thật. Bởi vì khung cảnh toàn là thật cả, chớ không phải vẽ như ở trong rạp hát : sông thật, người thật, thuyền nhỏ thật, thuyền thật... Diễn viên, từ ở trong đám người đi lại trên sông tiến ra, làm điệu bộ và hát, rồi nhảy từ thuyền nọ sang thuyền kia, múa gươm, chuyển từ hát khách sang tấu mã trước những lời khen lao nức nở của các o đứng nấp dằng sau những cột đình cười tít cả mắt đi.

Thôi thì ngày Tết ở đâu mà chẳng vậy, trai gái dù là theo lễ giáo đến mấy đi nữa cũng có quyền đùa giỡn chuyện trò ve vãn nhau, ai cấm !
Có chàng trai tán tỉnh xa xôi :

*Xuân về nở thắm muôn đào,
Xuân về nở thắm lòng ta, lòng nàng.*

Có cô thiếu nữ đa tình khuyến khích :

*Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ,
Đôi ta trình tiết đợi chờ lấy nhau*

Nhưng cũng có những chàng trai ngổ ngáo "dăng nhện" sát sạt hơn :

*Hỡi cô mặc cái yếm hồng
Đi trong đám hội có chồng hay chưa ?
Có cô mặc cái yếm xanh,
Đứng trong vườn quýt cho anh phải lòng!*

Bao nhiêu lời tán tỉnh khéo nhất, thanh niên nam nữ đều đưa ra hết và họ chơi đùa thả cửa, chơi bất cần luân lý của quan lại phong kiến đưa ra để giam giữ họ trong tù ngục của tình yêu : ở đâu cũng có hát ví, kéo co, đánh cờ người, đá cầu ; ở Phủ Quý (Nghệ An), Lang Chánh (Thanh Hoá), Bảo Lạc (Hưng Hoá), trai gái dặt nhau đi chơi một đêm một ngày ở trong hang, thổi khèn

hát đúm, uống rượu, tung còn, tìm nơi thanh vắng để tỏ tình yêu thương mùi mẫn ; ở Vinh Yên có thi vật ; ở Bắc Ninh, Phú Thọ có món đánh phết ; ở Tĩnh Sơn (Hưng Hoá), làng Yên Đỗ (Hà Nam) có trò đuổi lợn, đuổi cuốc trong ngày Tết ; ở Thụ Cầm (Hà Đông) có thổi cơm thi, thổi xôi thi ; ở Thanh Hoá có "tết cơm cá", ở hầu hết Bắc Việt có lễ "trâu", lễ "tróc ngư"... Trong bất cứ cuộc vui nào, trai gái cũng kê vai sát cánh, và công nhiên đú đờn với nhau mà không sợ ai dị nghị. Theo tôi, tình tứ nhất và hứng lòng nhất là đún đu.

*Dún. mình như thể dún đu
Càng dún càng dẻo, càng đu càng mềm*

Ngày Tết, bước ra khỏi Hà Nội một hai cây số ta có thể thấy ở bất cứ làng nào cũng có trồng một vài cây đu để cho trai gái trong làng hay những vùng quanh đấy đến dún đẩy với nhau. Thường thường các cụ trong làng cứ khoảng hai mươi năm, hai mươi sáu tháng chạp đã cho tuần tráng đi dẫn tre để trồng đu. Tết đến, trai gái nhún với nhau từ bảnh mắt cho đến tối.

Cây đu làm bằng tám cọc tre trồng rất chắc dưới đất vì trồng càng chắc thì dún càng khoẻ. Cái ngáng đu vận bằng rom, giữa hai hàng cột giăng ra hai bên. Trên đỉnh, phất phới một hai

lá cờ đuôi nheo. Thường thường, đu trông không đủ để trai gái dún, thành ra đúng như lời của nhà nữ thi sĩ :

Người thời lên đánh kẻ ngồi trông.

Trông cho thích mắt đã đành nhưng nhiều khi là đợi đến phiên mình dún. Đu càng cao, các cô, các cậu càng đua mạnh. Các cậu cố dún, các cô uốn thêm lên.

*Trai du gôi hạc khom khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng...
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,
Hai hàng chân ngọc duỗi song song (...)*

Đu lên bổng, chiếc áo nâu non của cô gái dan díu với chiếc áo the thâm của các chàng trai, đôi dải yếm lụa quăn quýt lấy chiếc quần hồ trắng bộp... hai lá cờ đuôi nheo cũng phải rung lên một cách đa tình. Yêu mấy ời cô gái tuyết trinh chưa biết trắng gió là gì, thế mà đứng chờ bắt đu trông thấy dải yếm cô nàng và tà áo của chàng trai quăn quýt lấy nhau cũng đỏ hồng đôi má và lờ đờ cặp mắt lá khoai...

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu rõ tại sao nước ta bị đặt dưới ngàim của vua quan phong kiến mà những phong tục Tết đó, chống đối luân lý phong

kiến ra mặt, vẫn cứ tồn tại mà bọn phong kiến không làm gì diệt được. Có người bảo rằng vì họ tàn ác nhưng lại giả đạo đức nên không dám diệt trừ thẳng tay vì đó là tàn dư của chế độ tập giao thời nguyên thủy mà lại nặng nề về phần tín ngưỡng - nếu nhất thiết ngăn cấm thì ảnh hưởng ngay đến mùa màng sản xuất của tập thể và đời sống hàng ngày của nhân dân.

Có lẽ vì thế mà luân lý phong kiến thấy trai gái vào ngày xuân, giao du thân mật đành cứ phải làm ngơ ; hơn nữa, họ lại phải làm ngơ luôn nhiều tục cổ khác còn "hăng" hơn thế, như bắt chạch, tung còn, rước cái nơm nường.

Tôi tiếc không được biết trò bắt chạch vốn là một trò chơi cổ ngày nay không còn nữa, nhưng theo một vài cổ lão thì "lúc Tây chưa hạ thành" ở một vài tỉnh như Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Lạng, có tổ chức trò ấy trong ngày Tết. Muốn dự cuộc chơi này, trai gái phải đi từng cặp, trai ôm lấy vai gái, gái quàng lấy cổ trai thăm thiết ân tình, còn một tay thì thò vào một cái kiệu ⁽¹⁾ để khoắng nước tìm chạch. Cặp nào bắt được chạch thì được thưởng nhiều điều, trâu cau hoặc tiền.

Hội tung còn cũng bắt buộc phải có cặp : một

(1) Một thứ chum, vại lớn.

trai, một gái. Còn tức là cầu : quả cầu làm bằng vải màu, trong độn rom hoặc trấu. Hai bên trai gái xếp hàng chữ nhất, đứng cách nhau chừng vài mươi bước, một bên tung lên, bên kia bắt lấy, rồi lại trung trả lại. Bên nào không bắt được, bị coi là thua và thua là tháo gỡ một vật gì mang trong người để đưa cho bên thắng, rút cục tháo cả yếm ra và chỉ còn một cái quần... Nhưng sau chót, định đoạt xong được thua rồi, người được cũng trả lại đồ cho bên thua và cả hai bên cùng uống rượu say sưa trong một tình thương yêu bát ngát.

Tung còn như thế, bắt chạch là như thế, nhưng đến rước cái nồn nường thì quả là... cũng được.

Ai đã ở Bắc vui mấy ngày xuân, thế nào mà chẳng có lúc đã nghe thấy người ta hát :

*Bơi Đầm, rước Giá, hội Thầy,
Vui thì vui vậy chẳng tầy Giã La...*

Tục truyền rằng ở làng La (Hà Đông), vào ngày ra đám, dân làng tổ chức một ngày rước rất long trọng rồi đến một giờ nhất định tắt đèn đi để cho ông già bà cả và thanh niên, thiếu nữ thả cửa sờ soạn nhau. Hồi gần đây, những làng như Khúc Lạc (Phú Thọ) và Di Hậu (Hưng Hoá) giữ tục "rước cái nồn nường" trong những ngày Tết cũng là nằm ở trong tình thần khuyến khích

đoàn kết, cầu nguyện cho sinh sản tăng gia, phồn thịnh. Theo mấy cổ lão ở Phú Thọ còn sống hiện nay thì vào một ngày tốt lành đầu năm - không nhất định ngày nào - các bậc đàn anh trong làng tổ chức một cuộc lễ nôn nường hết sức long trọng. Ta thường nói "ba mươi sáu cái nôn nường". Thành ngữ ấy do ở đây ra. Nôn là bộ phận sinh dục đàn ông, nường là bộ phận sinh dục của đàn bà. Trong cuộc lễ, dân làng để nôn và nường làm bằng gỗ lên kiệu rước, có nam đồng quan và nữ đồng quan đi giắt lúi trước kiệu vừa đi vừa hát "*Ba mươi sáu cái nôn nường, cái để đầu giường cái để đầu tay*". Cuối cùng, các vị chủ tế tung nôn nường lên trên trời, trai gái đổ xô ra cướp, gái mà được cái nôn, trai mà được cái nường thì may mắn vô cùng và nếu có sự trục trặc hay không tổ chức được buổi rước vì nguyên nhân gì đó thì cả làng lo sợ vì có nhiều phần chắc chắn là năm ấy không may mắn.

Không. Ngày Tết ở Bắc, rồi rãi mà đi xem hết hội này đến lễ kia như thế, phải nói thật quả là mình sung sướng như tiên. Tết đi thăm nhau, chúc mừng nhau, uống rượu ăn mứt, ăn kẹo với nhau, đánh cờ đánh kiệu với nhau, vui quá thể, ai mà lại còn không biết ; nhưng vui thắm thía, vui ý nghĩa, vui sâu xa thì phải nói thực, đó là nhờ những đám rước, những tục cổ, những trò chơi như thế.

Các trò chơi như thế có một ý nghĩa xã hội rõ rệt. Tết xiết chặt tình yêu hơn lên, Tết là ngày giải lao, Tết là ngày vui về đoàn kết, đoàn kết người sống với người chết và đoàn kết người sống với người sống.

Ăn Tết ở đây, tôi tự hỏi hàng trăm ngàn lần cái ý nghĩa đó có hay không ? Ấy là vì vào cái cứ này ở đây trời nắng tan vàng nứt đá, đi ngoài đường một lúc mắt cứ hoa lên. Thử tưởng tượng vào khoảng mười giờ ngày mồng một Tết, trời cứ nắng chói chang mà đóng bộ "đồ lớn" vào - cho trình trọng - đi một quãng đường độ ba cây số để mừng Tết người bạn thân thì mồ hôi mồ kê ra nhễ nhại đến chừng nào ! Đi tắc xi thì xót ruột - trèo lên xe là đi đứt sáu chục đồng rồi - đi xe lam thì mệt, mà đi xe gắn máy thì rất có thể thành heo quay ; ấy thế mà đến nơi thì bạn lại đi vắng, đành để lại tám cạ với bốn chữ "Chúc mừng năm mới" nhạt phèo ! Về đến nhà, người bạn thấy tám cạ thở hắt ra : nếu không đáp lễ thì mang tiếng, mà đến thăm bạn thì mệt, tốn tiền xe, mà chắc gì bạn đã có nhà ! Nhưng mà cứ phải đi ! Và người nào cũng cứ phải làm như thế cho đủ "lệ bộ", cho trọn "ân tình". Rốt cuộc, anh nào anh nấy mệt phờ râu, tốn thêm tí tiền nguyên đã hiếm hoi, khó kiếm từ khi có thuế kiểm ước và kiểm kê huê lợi.

Nhưng đôi khi người khách cũng may mà gặp chủ nhân ở nhà. Cả hai cùng cười ha hả như những kẻ suốt đời sung sướng, nhưng thâm tâm thì cả chủ lẫn khách đều lo. Khách lo vì đến nhà nào cũng phải nhắc lại mấy câu sáo cũ và uống chén rượu nhạt mừng xuân ; còn chủ cũng lo là vì theo tập tục, ai đến cũng phải mời ly rượu, mà rót ly rượu cho khách mình cũng phải uống một ly, vì không như thế thì khách buồn, có khi lại lầm tưởng mình là... keo. Thành thử ra phải uống. Ông khách nào đến, cũng phải uống, cũng phải chuyện trò.

Liên ba ngày Tết mà cứ tái diễn mãi cái trò như thế thì sức mấy mà không quy, mà không chán mớ đời. Vì thế, có nhiều người ở đây sợ Tết, cứ sắp hết năm thì lại xếp một số tiền đem cả gia đình đi Đà Lạt hay Vũng Tàu, Nha Trang với tâm ý "bế môn tạ khách".

Theo trí nhớ của tôi, ngày trước ở Bắc Việt hình như không có tình trạng thương tâm đó. Ấy có lẽ một phần vì các đường phố không xa lác lác và dài thườn thượt hàng chục cây số ngàn. Có lẽ cũng còn vì từ tháng mười trở ra cho đến Tết, trời đã bắt đầu lạnh mà thường thì vào cuối chạp, đầu giêng trời lại có mưa xuân, đàn ông thì khoẻ ra mà đàn bà thì tươi hơn hớn, vì có phải tiếp vài chục người khách, uống vài chục chung

rượu, người vẫn cứ mạnh như thường - ấy là chưa kể đến đêm lại còn thức tới một hai giờ sáng đánh bài, rút được ông cụ rồi lên cửi sừng hay "nuôi lợn" tốt đồ đề tốt đen, thiết tưởng chích thuốc bổ nào cũng không bằng !

Ở miền Nam, làm gì có cái mùa xuân đó, có cái lạnh riêu riêu đó ! Vào cử Tết, nắng ở đây gọi là vỡ đầu xát tai, nhưng cần gì, có lẽ một phần nhờ cái nắng vỡ đầu xát tai đó mà đồng bào trong này có bao nhiêu trái cây lạ để ăn Tết ; mà như thế cũng có một cái thú riêng, đồ Trung Việt hay Bắc Việt có thể tìm được đấy.

Này, từ khoảng hai mươi tháng chạp, dưa được người ta đưa về bằng ghe, bằng cam nhông, bằng xe thổ mộ tràn đầy cả chợ lớn chợ nhỏ, tràn đầy các sạp, các vỉa hè, anh có thấy không ? Muốn ăn Tết bằng dưa hấu bao nhiêu cũng có, anh đừng sợ, nhưng ngại ăn nhiều nóng thì Tết ở Sài Thành còn sầu riêng, măng cụt, vú sữa tím hồng, vú sữa trắng xanh ; sa bô chê ở đây ngọt sắc mà mềm, cắn một miếng thì nó quện lấy chân răng (Tết ở Bắc chắc chắn là không có i chi ma bóc vỏ trông y như lòng đỏ trứng gà) ; còn cóc, còn "chùm ruột", còn bao nhiêu loại bưởi, bao nhiêu loại bòng và mới đây ta lại còn trái "thầy kiện" ăn cũng ngon ra phết.

Hoa trái miền Nam nhiều quá, ngon quá, cứ gì phải bày vào đĩa cho đẹp ăn mới thấy ngon. Tôi đã thấy có nhiều người vào những ngày Tết chới chang nắng lửa, sà vào một cái quán cóc, uống ực một ly đế rồi đưa cay một miếng thơm hay vài quả chùm ruột chấm mắm nêm cũng đã ngon "quá xá" rồi. Bầy về nhiều, mệt lắm. Nhưng ít lâu trở lại đây, mệt thì mệt, đồng bào ở đây ăn Tết cũng đã "kỳ kèo" hơn trước rất nhiều. Cùng với những cái áo dài may kiểu mới thay thế cho những cái áo ba ba cũn cùn, anh em ta ở đây, ngày Tết, đã tỏ ra trang trọng hơn trước trong việc trang trí nhà cửa và ăn uống cũng như sửa soạn. Mà người Nam mỗi khi đã sửa soạn thì đẹp như tiên. Anh xa nhà, nhờ cái Tết Bắc Việt thân yêu mà được thưởng thức những cái đẹp muôn màu ngàn sắc như thế, lòng nguôi ngoai hẳn được hơn phân nửa. Đàn bà uống xá xị, nước cam, nước sâm ngọt xốt, còn đàn ông thì ít nhất cũng biết uống lave, nhưng đa số nói thực thì quả là những cái "cốc tay" bằng da bằng thịt... cứ trông thấy họ uống mà bắt tởn ! Nay anh Ba, đưa cay một miếng bánh tét chơi. Bánh chưng ngoài Bắc có thứ nhân mặn, có thứ nhân đường thì ở đây cũng có bánh tét nhân thịt và bánh tét nhân chuối ; trẻ con ngày mồng một

đã dắt nhau đi ăn hủ tiếu, mì thì người lớn xột ruột cũng khéo nghĩ ra ăn Tết bằng bánh xèo, gỏi cuốn, bún bò giò heo ; nhưng Tết mà muốn ăn một món ra gì, đồ ai không phải chịu món thịt bò nhúng dấm, món sông và bánh ú ! Ăn xong rồi đi dạo dưới trời nắng, mệt thì vào nhà hát ngồi máy lạnh, rồi đến lúc ra về mỗi người làm một ly nước trái cây : sướng quá đi ! Sướng cái bao tử đã đành, nhưng sướng cả con mắt nữa vì miền Nam có một cái đặc biệt là có rất nhiều mai : mai vàng, mai trắng, mai tứ thời. Người xa nhà thấy mai nở nhiều như thế cũng dịu được phần nào lòng thương nhớ quê hương nhưng chân không vì thế mà ngừng bước : giữa ngày Tết, trong đám thiên hạ vui xuân, y cứ đi như một người bị chứng thuy du, đầu óc mông lung, nhớ cái Tết Bắc Việt không thể nào chịu được.

Còn nhớ có một năm chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt Nghĩa Trang làm lễ kỷ niệm pho tượng Địa Tạng vừa mới đúc xong. Trời xui đất khiến làm sao anh lại lạc bước đến Tân Sơn Nhất, qua sân vận động.

Thấy người ta lũ lượt kéo nhau rẽ vào một đường hẹp ở bên tay phải, anh cũng theo vào. Ở đây, Tết Sài Gòn vẫn còn ghi dấu tích ở ngoài phố trong nhà, vậy mà chỉ đi một quãng đường,

anh ta được hưởng một cái Tết Bắc Việt ở cách Sài Gòn có tám cây số - thế có tài tình không?

Lúc đó, chừng mười giờ. Nghĩa trang chật ních người, tưởng như không còn chỗ mà chen chân nữa. Lại thay là cái trực giác của người ta, mắt cũng mất ấy, miệng cũng miệng ấy mà quần áo cũng quần áo ấy, vậy mà vừa nhìn thấy, ta đã biết ngay là người Bắc.

Người ta nhìn nhau với những con mắt âu yếm như chào ; miệng không nói với nhau mà như kể không biết bao nhiêu tâm sự. Thôi mà, nói làm gì. Mười tám, mười chín năm nay bỏ Bắc Việt ra đi, ở đâu lười người nào cũng chỉ có một câu hỏi "Bao giờ về ? Phải, bao giờ về ?". Chẳng ai trả lời được cho ai cả.

Người xa nhà đành giấu kín câu hỏi trong lòng và mỗi khi đi lễ giao thừa là tự an ủi, bằng sự trông vào một Đấng Tối Cao trong cõi vô hình chỉ huy kiếp con người.

Lạy Trời Đất Quý Thần ! Xin phù hộ cho chúng con mạnh chân khoẻ tay để một ngày kia được trở về chốn chôn nhau cắt rốn.

Những ngày Tết trước, ở đất Bắc xa xưa, dưới nhang khói chùa Trấn Vũ, đền Ngọc Sơn, hay là đền Bạch Mã, tôi đã trông thấy người ta lễ thành

khẩn, lễ xuýt xoa và cảm thấy lòng thích thú vì thấy người ta tin tưởng. Nhưng ở chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt Nghĩa Trang ở Sài Gòn Tết ấy, thấy đồng bào chen nhau lễ, từ ngoài sân lễ vào chùa, lễ từ dưới pho tượng Địa Tạng lễ lên, tôi rờn rợn cảm thấy nếu đồng bào cúng lễ như thế này mà mình đóng vai bàng quan, không cúi đầu thông cảm thì mình quả là một thứ người gỗ đá.

Thương biết bao nhiêu những người ngồi phệt xuống cỏ ngoài vườn mà cầu nguyện, những cô đầm lai trẻ tuổi vận áo nâu cùng tụng kinh với các cụ già, những thanh niên sung sức tay cầm lá sớ, tay cầm bó nhang vừa lễ mà lại vừa rung rung nước mắt.

Thương biết chừng nào những bà cụ mắt kém còn cố dò dẫm đi vào chánh điện để cắm hương vào bát nhang cầu cho những con cháu ở xa xôi; những cô em gái khẩn khứa cho những người anh đi "giết giặc" bây giờ còn sống hay đã chết, những tình nhân cầu xin phù trợ cho những tình nhân trôi nổi dậm cát đời cây, chân trời góc bể...

Nhưng tất cả cái đó không mầu nhiệm bằng việc xin xăm. Có ai đứng xem những người xuýt xoa lễ bái xin "Ngài" một quẻ thẻ đầu năm để biết "kiết hung", theo dõi từ lúc lấy xăm cho đến lúc nhờ thầy đoán thẻ xong rồi, rồi mới biết ở

đời chỉ một câu nói, một nụ cười, một mảnh giấy không to bằng bàn tay mà có thể tạo vui, buồn, sướng, khổ cho người ta nhiều quá.

Tôi đã thấy những ông mặt tròn ngổ ngáo run lên như tàu lá khi biết là mình đã xin phải quả xấu "mọi việc đều không nên" ; nhưng trái lại, lại có những cô mận mà mặt lé, cười tươi đão để khi cầm một quả thẻ "thượng", Ngài báo cho biết là trong năm sẽ khỏi bệnh, người đi xa sẽ về và lại gặp "lương duyên".

Ước gì mình là Trời để cho ai cũng được một phút vui ra phết, sướng lạ lùng như thế. Ước gì mình có phép làm cho vợ được gặp chồng, anh được gặp em, tình nhân được gặp tình nhân, ở đời không còn bao giờ có sự chia cây rụng lá, tan cửa nát nhà, sinh ly tử biệt...

Ờ mà phải, một năm cũng nên có vài ngày Tết để cho người ta đem đầu đi lễ thế này. Ai cũng phải nhận riêng người Bắc với nhau ở đây lắm khi cư xử với nhau cũng không ra gì. Đừng bảo là tại họ xấu, đó chính là vì họ đau đớn quá, xót xa quá nên sinh ra gay gắt...

Nhưng có ngày Tết, hội họp như thế này, ta mới thấy rằng không lúc nào họ không mến thương nhau cũng như họ mến thương đồng bào miền Trung, Nam ; người lạ này mời người lạ kia uống nước;

cô hàng bún chả chăm chút mẹt bún cho người con trai đi lễ một thân một mình ; một bọn bốn cô tay bắt mắt mừng mời nhau ăn bún riêu, ngắt rau húng cho nhau và lấy quạt đuổi giúp từng con ruồi, con muỗi.

Này, lễ xong ra sân ngoài xem họ làm gì mà đông đảo thế kia? Thì ra đó là một cuộc giải trí hoàn toàn Bắc: cờ bài và cờ tướng. Tung tung ! Lá cờ đỏ phát đi. Tung tung! Lá cờ vàng phát lại!

Hoà bình lắm ! Ngồi uống một bát nước trà tươi nấu với nước mưa, trong như hổ phách, nhẩn nha hút một điếu thuốc Lào, khách nhìn ra trước mặt thì thấy sau chùa có một rặng cây dương cao ngất, còn bốn xung quanh thì là những cây đa cổ hữu của đền đài Bắc Việt ; khách nghe thấy tiếng trống, tiếng chuông ; khách ngửi thấy mùi nhang, mùi trầm và mơ về một ngày nào ở vườn xưa quê cũ có những ngày như thế này, có nêu, có khánh, có pháo, có cờ người, có kéo co, có đánh vật, có chọi gà, có trai gái đẹp như thơ lấy nón che nửa mặt hoa để ví von, hò hẹn. Ngày ấy bây giờ đâu ? Và bao giờ còn ngày ấy ?

Tôi nghĩ đến bao nhiêu người sợ hãi những bộ mặt xâm lăng dữ dội, mơ về một ngày êm ả thanh bình xưa cũ, và chỉ mơ có vậy, mà mộng

không thành phải mang một sự tiếc hận ra đi mãi mãi ở "quê người đất khách".

Thương biết bao nhiêu, đau xót biết chừng nào cho những người xây mộng ước mơ, bây giờ đang nằm yên dưới những nấm đất sè sè ở trong nghĩa trang quanh quẽ ! Đây là một nhà buôn bán ở Vân Đình thất lộc năm sáu mươi bảy tuổi, bên kia, một em nhỏ mới hưởng dương mười bốn và bên nọ là một thiếu nữ mất vào giữa ngày trùng cửu năm nàng hai mươi mốt.

Ở dưới bóng cây, mộ nằm la liệt. Tôi thần thờ đọc những chữ ghi trên từng mộ chí và tôi tưởng tượng đến những người ra đi mong có ngày trở về, mà không may giữa đường bị tử thần cướp đi, những người chồng lúc lâm chung còn cầu Phật khẩn Trời run rủi cho được gặp con thơ vợ đại và những người đàn bà tình duyên trắc trở không được sống với người thương "mong cho ai kia xét thấu nỗi lòng để yên tâm nhắm mắt nơi chín suối...".

Thôi, bây giờ thì bao nhiêu oán hận, buồn thương, bao nhiêu mộng ước mơ, bao nhiêu sầu ly biệt đều tan theo khói sóng, bóng mây, tàn với lau tàn, trăng úa. Mộng đẹp chôn cả ở dưới đất : thế là xong !

Rồi thì ngày rằm, mộng một hiện về mà nghe

kính cứu khổ và những ngày xuân như ngày này những những người nặng một tấm lòng thương cảm dừng chân đứng lại, đọc vài hàng trên mộ chí và cảm nghĩ : "Ngày xưa, đã có một người bị chiến tranh chia rẽ, mỗi mắt chờ trông..."

Không ai còn khóc ai nữa. Một gia đình đông đàn con cháu cắm một bó huệ lên trên một nấm mồ mới xây và giăng hoa giấy lên cái giàn kết bằng dây kẽm. Đây, một chàng trai thấp mấy nén nhang ở gần bên, đứng chấp hai tay lại, lâm râm khấn nguyện trước ngôi mộ có cần bức hình một thiếu nữ tóc bỏ xoã xuống vai. Và đây nữa là một cặp vợ chồng đi thăm mộ xong rồi, dùng dằng không muốn trở về, chồng ngồi ở bên mộ đọc sách, vợ giở giỏ ra đan, bên cạnh có một hai trẻ nhỏ lằng xằng đuổi bướm !

Tôi thấy có những gia đình đem chiếu ra trải ở bên cạnh mộ người thân rồi vợ chồng con cái quây quần với nhau ăn uống. Chợt một lúc tôi nghĩ đến cái lẽ sống ở chết về, âm phù dương trợ. Tôi tin rằng chết không phải là hết mà dương trần và âm cảnh vẫn có tương quan và tôi thấy cảnh người sống và người chết thông cảm với nhau có một cái gì làm cho ta xúc động và kính cẩn.

Càng thấy như thế, tôi lại càng không hiểu tại sao chính những người sống lại có thể oán

ghét nhau "để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa".

Xin Trời Phật phù hộ cho không bao giờ có những ngày xuân, ngày Tết không có hoa và bướm, không bao giờ có những cây không nảy lộc, những cặp mắt không sáng ngời và cũng không bao giờ lại có những con người xảo trá, tham tàn, độc ác...

Bắt đầu viết tháng giêng 1960

Tiếp tục năm 1965

Viết hết năm 1970-1971



MỤC LỤC

• <i>Lời nói đầu</i>	5
• <i>Tự ngôn</i>	9
• Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt	17
• Tháng Hai, tương tư hoa đào	36
• Tháng Ba, rét nằng Bân	56
• Tháng Tư, mơ đi tắm suối Mường	74
• Tháng Năm, nhớ nhót, mận, rượu nếp và lá móng	102
• Tháng Sáu, thềm nhân Hưng Yên	120
• Tháng Bảy, ngày rằm xá tội vong nhân	139
• Tháng Tám, ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng ti thu	165
• Tháng Chín, gạo mới chim ngói	198
• Tháng Mười, nhớ gió bắc mưa phùn	221
• Tháng Một, thương về những ngày nhé bông con rận rồng	245
• Tháng Chạp, nhớ ơi chợ Tết	269
• Tết, hỡi cô mặc cái yếm xanh	306

THƯƠNG NHỚ MUỐI HAI
VŨ BĂNG

Chịu trách nhiệm xuất bản :
VŨ AN CHUƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập: **VŨ THANH VIỆT**
Trình bày sách: **NGỌC HUYỀN**
Sửa bản in: **THẢO LINH**
Vẽ bìa : **ĐẠI THẮNG**
Minh họa : **HIẾU DÂN**

VŨ BĂNG

Thương Nhớ Mười Hai



thương nhớ mười hai



1 004110 200700

31.000 VNĐ

Giá : 31.000^d